# LỜI NÓI ĐẦU

Gia Lâm đang trên con đường đô thị hóa nhanh chóng, nhiều giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc của quê hương đứng trước nguy cơ ngày càng mai một, do vậy gìn giữ và phát huy những giá trị văn hóa cổ là niềm trăn trở của các thế hệ lãnh đạo cũng như các tầng lớp nhân dân huyện. Được sự chỉ đạo trực tiếp, sát sao của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Gia Lâm đã triển khai công tác sưu tầm, biên soạn và dạy – học lịch sử địa phương cho thày và trò 23 trường THCS trên địa bàn huyện nhằm góp phần giữ gìn bản sắcvăn hóa của quê hương. Công việc nhiều mới mẻ nhưng đã thu hút được sự quan tâm của nhiều tầng lớp xã hội, chỉ trong một thời gian ngắn, các cụm trường trên địa bàn huyện đã tập hợp được khối tư liệu lịch sử, văn hóa địa phương đồ sộ. Trên cơ sở đó thầy và trò các nhà trường đã cùng nhau xây dựng lên những bài học lịch sử địa phương với nhiều hình thức phong phú, nội dung sinh động, hấp dẫn, mang đầy hào khí của miền quê anh hùng! Nhiều bài giảng có giá trị được thầy – trò của các cụm Sông Hồng, cụm Bắc Đuống, cụm Nam Đuống cùng nhau trao đổi, đúc rút và chia sẻ.

Nhận thấy đây là những tư liệu quí cho dạy và học, Ban biên tập đã đề xuất các cấp lãnh đạo tập hợp lại thành cuốn Các bài giảng lịch sử địa phương để triển khai ở các trường THCS trên địa bàn toàn huyện nhằm góp phần giữ gìn và làm phong phú thêm các giá trị lịch sử, văn hóa truyền thống.

Cuốn sách được hoàn thành nhờ sự đóng góp quí báu của các cấp lãnh đạo, các ban ngành, các tầng lớp nhân dân trong huyện, đặc biệt là sự cố gắng, nỗ lực của thày và trò các nhà trường. Thay mặt Ban biên tập xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới tất cả quí vị!

Mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng trong quá trình biên soạn cuốn sách khó tránh khỏi những thiếu sót, kính mong quí vị góp ý để cuốn sách ngày một hoàn thiện hơn!

**BAN BIÊN TẬP**

1. **LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG XÃ BÁT TRÀNG**

**HUYỆN GIA LÂM - TP HÀ NỘI**

**PHẦN I: GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ XÃ BÁT TRÀNG**

Xã Bát Tràng nằm ở bờ Đông của sông Hồng, phía Bắc giáp xã Đông Dư, phía Đông giáp xã Đa Tốn, phía Nam giáp xã Xuân Quan (huyện Văn Giang, Hưng Yên), phía Tây là sông Hồng. Diện tích đất tự nhiên 178,03 ha với 1900 hộ và 8591 người

(số liệu năm 2018). Xã gồm 11 thôn: Thôn 1,2,3,4,5,6 Giang Cao và thôn 1,2,3,4,5 Bát Tràng.

Theo Đại Việt sử ký toàn thư và Dư địa chí của Nguyễn Trãi, làng gốm Bát Tràng được hình thành từ thời Lý. Khi Vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long, năm dòng họ làm nghề gốm nổi tiếng của làng Bồ Bát, huyện Yên Mô, phủ Tường Yên ( tỉnh Ninh Bình) đã dời làng di cư về kinh thành Thăng Long tìm đất lập nghiệp. Đến Bạch Thổ phường thuộc huyện Gia Lâm, phủ Thuận An ( nay là xã Bát Tràng, huyện Gia Lâm, Hà Nội) họ đã mở lò sản xuất gốm, lập nên làng gốm Bát Tràng.

Xã Bát Tràng nằm bên tả ngạn sông Hồng.Vị trí địa lí như vậy rất thuận lợi cho việc buôn bán tấp nập trên bến dưới thuyền. Đây còn là điểm dừng tour du lịch Thăng Long- Phố Hiến trên sông Hồng. Xã Bát Tràng có nghề thủ công gốm sứ cổ truyền nổi tiếng với những con người lao động cần cù, năng động, sáng tạo; đôi bàn tay tài hoa khéo léo đã tao ra những sản phẩm gốm sứ tinh xảo. Trải qua những thăng trầm của thời gian, xã có bề dày lịch sử và truyền thống lâu đời. Nơi đây có những công trình kiến trúc văn hóa minh chứng cho một vùng quê văn hiến như: Đình Bát Tràng, đình Giang Cao, miếu bản Giang Cao, chùa Tiêu Dao, văn chỉ thôn Bát Tràng, Đền Mẫu - Bát Tràng, di tích cách mạng kháng chiến làng gốm Bát Tràng và căn gác nhà cụ Vương Văn Táo - nơi in báo Độc lập và bài “Tiến quân ca”.

**PHẦN II: GIỚI THIỆU VỀ DI TÍCH CÁCH MẠNG KHÁNG CHIẾN: BÁT TRÀNG – NƠI IN BÁO ĐỘC LẬP VÀ BÀI “TIẾN QUÂN CA”**

***1.Giới thiệu về di tích:*** Nhạc sĩ Văn Cao đã sáng tác bài hát *Tiến quân ca* trên một căn gác nhỏ tại số nhà 45 phố Nguyễn Thượng Hiền ( Hai Bà Trưng – Hà Nội) nhưng lại được in và phát hành lần đầu tại cơ sở bí mật đặt tại làng Bát Tràng và đăng trên trang văn nghệ (Trang 2) của tờ báo Độc Lập tháng 11/1944

***Cơ sở in bí mật tại thôn 2- Bát Tràng***: Với nhiệm vụ bí mật, xứ ủy Bắc Kì yêu cầu cơ sở in phải chuyển nhiều nơi. Ðể bảo đảm an toàn, các đồng chí chuyển cơ sở in từ nhà bác Bảo Toàn, vợ bác Trạch (người Bát Tràng) ở phường Thanh Lương về nhà cụ Vương Văn Tịch, có con trai là Vương Văn Táo, nằm kín đáo trong ngõ tại thôn 2- Bát Tràng (đặt tên là Nhà in Phan Chu Trinh). Sau khi in lời kêu gọi của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, nhà in có nhiệm vụ in báo Ðộc Lập. Người chủ ngôi nhà lúc đó là cụ Vương Văn Táo. Cụ Táo làm nghề thuốc gia truyền, thường nay đây mai đó kiếm sống (cụ Táo mất năm 1976). Từ chợ gốm Bát Tràng đi theo lối đi rất nhỏ và hẹp vào đình làng cổ Bát Tràng, chúng ta sẽ thấy địa điểm Nhà in Phan Chu Trinh nằm trên khu đất rộng của cụ Vương Văn Táo. Đó là một ngôi nhà cổ ba gian, gian giữa là bệ thờ dòng tộc. Gầm bệ thờ này xưa kia là nơi cất giấu tài liệu và báo chí cách mạng. Liền với gian nhà chính là một ngôi nhà ngang cao vọt lên với một căn gác xép. Trước đây căn gác xép này dùng làm nơi để thóc và đồ đạc đề phòng mùa lũ, nước sông Hồng lên cao. Muốn lên gác xép phải leo lên một chiếc thang tre ọp ẹp và đội nắp chui lên. Căn gác được xây dựng theo kiến trúc của nhà thờ cổ với bốn ô cửa sổ khá đẹp và thông thoáng. Một căn buồng nhỏ khoảng 15m2 có chiều ngang 2,5m, chiều dài 6m. Phía đầu hồi sát ván sàn là một chiếc cửa thoát hiểm ra ngoài. Trên căn gác xép này, nhạc sĩ Văn Cao cùng các đồng chí của mình đã chịu đói, chịu rét, làm việc cả ngày lẫn đêm, không quản hiểm nguy để những tài liệu của Đảng, những tờ báo của cách mạng in ra từ đây và toả đi khắp mọi nơi đến tay đồng bào, đồng chí của mình.



**Căn gác nhà cụ Vương Văn Táo- Nơi in báo Độc Lập và bài Tiến quân ca.**

***Quá trình in*:** Để chuẩn bị cho cao trào Cách mạng tháng Tám, theo chỉ thị, ban cán sự Hà Nội trao nhiệm vụ in tài liệu tuyên truyền của Ðảng cho các đồng chí Trịnh Quý Ðông, Văn Cao, Văn Lang (tức Nguyễn Văn Hàm). Ðồng chí Văn Lang, người thôn Bát Tràng, công tác tại cơ quan tuyên truyền Mặt trận Việt Minh thành phố Hà Nội. Ðồng chí Trịnh Quý Ðông phụ trách các tin bài trên trang nhất, đồng chí Văn Cao phụ trách các tin bài trên trang hai, đồng chí Văn Lang phụ trách kỹ thuật viết ngược chữ để khắc trên bàn đá. Do đồng chí Văn Lang không biết viết nhạc đã hướng dẫn kỹ thuật cơ bản của viết chữ ngược, nhạc sĩ Văn Cao tự tay kẻ khuông, viết nhạc, "chạy" chữ ngược của bài Tiến quân ca mà mình sáng tác lên bản đá để in. Việc chuyển đá in do bà Nhàn (con cụ Tình) đảm nhiệm. Hồi đó, thiếu a-xít để xóa và sửa bản in, các đồng chí đã dùng chanh để tẩy bản in. Ðể giữ bí mật, hòn đá mà chính tay nhạc sĩ Văn Cao in bài hát Tiến quân ca và chiếc máy chữ được đặt dưới ao làng và giếng làng gần đó. Cho đến năm 1955, trong một lần thăm lại làng Bát Tràng mới cho vớt hòn đá này lên và hiện đang được lưu giữ tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam. Trong thời gian bí mật làm việc tại cơ sở in, Văn Cao và các đồng chí của mình được bà Nguyễn Thị Cháu (tứcSáu, em họ ông Văn Lang) phục vụ nấu nướng và cảnh giới cho xưởng in bí mật.

***Cất giấu và làm nhiệm vụ phát hành* ở *chùa Tiêu Giao (Thôn 6 - Giang Cao*):**

“Chuông vẳng nơi nao nhớ lạ lùng

Ra đi ai chẳng nhớ chùa chung

Mái chùa che chở hồn dân tộc

Nếp sống muôn đời của tổ tông”

Trên dải địa linh Việt Nam hình chữ S xinh đẹp có biết bao ngôi chùa gắn bó lâu đời với đời sống tâm linh thiêng liêng của người dân Việt. Nơi ấy với mỗi chúng ta, thực sự vừa là chốn tâm linh vừa là nơi “che chở hồn dân tộc” trong suốt chiều dài lịch sử rất đỗi hào hùng vẻ vang. Chùa Tiêu Dao là một ngôi chùa như thế. Chùa được ngự tọa tại Thôn 6- Giang Cao - Bát Tràng. Tương truyền chùa Tiêu Dao được xây dựng từ thời Lý. Ngôi chùa xưa kia rất đẹp, có quy mô lớn được xây dựng trên nền đất cao, địa thế đẹp, xung quanh có lũy tre bao bọc. Chùa trông về hướng nam, phía trước là đầm Giang Cao rộng thoáng.

Trong đời sống tinh thần của người dân quê, ngôi chùa là chốn tâm linh trầm mặc. Nhưng trong sự nghiệp đấu tranh giành chính quyền, ngôi chùa trở thành một căn cứ cách mạng. Theo các bậc tiền bối kể lại, chùa Tiêu Dao là một cứ điểm của nghĩa quân Cần Vương trong phong trào Bãi Sậy chống Pháp. Từ năm 1940 đến 1945, ngôi chùa là một địa điểm hoạt động cách mạng. Nơi đây du kích địa phương tập kết vũ khí, nhiều cán bộ cách mạng thường xuyên hội họp, bàn kế hoạch tổ chức các trận đánh trong xã và các xã lân cận. Năm 1944, khi in xong báo Độc lập các đồng chí chuyển ngay cho sư trụ trì chùa Tiêu Dao ở thôn Giang Cao gần đó cất giấu và làm nhiệm vụ phát hành. Tài liệu được giấu ở chỗ yểm tâm của Đức Phật dưới bát hương bằng đá. Nhờ sự tận tình giúp đỡ, dốc hết lòng hết sức bảo vệ của sư trụ trì cùng con dân Bát Tràng mà các tài liệu của Đảng được bảo mật và lưu truyền khắp cả nước góp phần vào thắng lợi của cách mạng tháng Tám. Đầu năm 1945, nhà in chuyển sang chùa tiếp tục in báo Độc Lập và sau đó chuyển về thôn Đào Xuyên xã Đa Tốn.

Trải qua những biến cố của lịch sử, chùa chỉ còn lại phần móng. Từ năm 2001 với sự quan tâm của Đảng, Hội phật giáo, của lãnh đạo địa phương và sự đóng góp của người dân, ngôi chùa đã được trùng tu xây dựng lại trên nền đất cũ. Phần Tam Bảo gồm bảy gian, dài 19m, rộng 8,2m, trên nền cao 2m. Tường xây gạch, cột khung gỗ bền chắc, đục chạm công phu, hoa văn đẹp, chùa khang trang rộng rãi. Hi vọng đây cũng sẽ là điểm di tích lịch sử thu hút khách du lịch khi đến thăm Bát Tràng.

***2.*** ***Ý nghĩa:*** Làng nghề truyền thống Bát Tràng với diện tích khiêm tốn nhưng có tới hai cơ sở cách mạng quan trọng đóng góp một phần nhỏ bé để in những tờ báo của cách mạng từ đây và toả đi khắp mọi nơi đến tay đồng bào, đồng chí làm nên thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945.Giờ đây, ngôi nhà với căn gác xép nhỏ bé, đơn sơ năm nào vẫn nằm đó cùng với thời gian như một nhân chứng sống động cho một sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc. Trải qua năm tháng, cùng với sự tàn phá của thiên nhiên, căn gác năm xưa đã bị xuống cấp nhiều, ngôi chùa cũ không còn nhưng chắc chắn trong từng ngóc ngách, từng hòn gạch, viên đá vẫn lưu giữ những âm vang hào hùng của bản “Tiến quân ca”. Bài Quốc ca đã, đang và sẽ mãi mãi gắn bó máu thịt với người dân Việt Nam nói chung và người dân Bát Tràng nói riêng; trở thành "tài sản" tinh thần vô giá của dân tộc Việt Nam*.*

Nhân dân Làng gốm tự hào hơn khi năm 2005 được UBND thành phố Hà Nội ra quyết định gắn biển di tích cách mạng kháng chiến tại căn gác xép nơi lần đầu tiên inbài “Tiến quân ca”- biểu tượng thiêng liêng về Tổ quốc. Đảng bộ và nhân dân xã Bát Tràng tự hào về quê hương mình, nơi có địa danh lịch sử, quyết tâm giữ gìn và phát huy truyền thống của cha ông, góp phần giáo dục truyền thống yêu nước, niềm tự hào cho lớp lớp thanh thiếu niên. Đây cũng sẽ là điểm đến của nhiều khách tham quan khi đến thăm Bát Tràng.

**PHẦN III: GIÁO ÁN**

**BÁT TRÀNG – CƠ SỞ IN BÁO ĐỘC LẬP VÀ BÀI “TIẾN QUÂN CA”**

**I. Mục tiêu bài học:**

***1. Kiến thức:*** HS biết được:

- Cơ sở in báo Độc Lập và bài “Tiến quân ca’’ - bài Quốc ca của Việt Nam tại nhà in Phan Chu Trinh (Thôn 2 - Bát Tràng).

- Những người làm nhiệm vụ in báo và in bài “Tiến quân ca” cùng những người dân Bát Tràng làm công tác phục vụ.

- Chùa Tiêu Dao - nơi cất giấu và phát hành báo Độc lập.

***2.Kĩ năng:***

- Đối chiếu, so sánh các sự kiện lịch sử; thuyết trình về một di tích lịch sử.

- Sưu tầm, phân tích tư liệu, tranh ảnh.

***3. Thái độ:***

- Giáo dục lòng biết ơn những người có công bảo vệ quê hương,Tổ quốc.

- Tự hào về truyền thống yêu nước, đấu tranh anh dũng của nhân dân Bát Tràng.

- Thấy được trách nhiệm phải bảo vệ và tuyên truyền về ý nghĩa của di tích.

**II. Chuẩn bị:**

***1. GV***: Giáo án, SGK, tư liệu, bài giảng điện tử, máy chiếu, máy tính.

***2. HS***: Đọc trước bài, sưu tầm tư liệu, tranh ảnh, video về lịch sử Bát Tràng.

**III. Tiến trình bài học :**

***1. Ổn định tổ chức ( 1’)***

***2. Bài mới:***

\****Gv giới thiệu bài:*** Nhạc sĩ Văn Cao đã sáng tác bài hát “ Tiến quân ca’’ trên một căn gác nhỏ tại số nhà 45 phố Nguyễn Thượng Hiền ( Hai Bà Trưng- Hà Nội) nhưng lạiđược in lần đầu tại một cơ sở in bí mật đặt tại làng Bát Tràng và được đăng trên trang văn nghệ của tờ báo *Độc Lập* tháng 11-1944. Vậy nhà in bí mật đó ở đâu? Việc in diễn ra như thế nào, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu.(Slide 1)

\* **Các hoạt động học tập:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên và học sinh*** | ***Kiến thức cần đạt*** |
| ***HĐ1:*** **HS tìm hiểu cơ sở in báo Độc Lập và bài “Tiến quân ca” (12 phút)**  ***? GV kiểm tra việc chuẩn bị ở nhà của học sinh về cơ sở in bài “Tiến quân ca” đầu tiên.*** (Slide 2)  HS trình bày phần chuẩn bị (Slide 3) **-** Gv nhận xét, chuẩn kiến thức.  ***? Sau khi nghe phần trình bày, em hãy cho biết cơ sở in báo Độc Lập và bài “Tiến quân ca”?*** (Slide 4)  HSTL- GV chuần kiến thức và chiếu hình ảnh về căn gác nhà cụ Vương Văn Táo. (Slide 5)  ***Thảo luận nhóm***  ***- Hình thức: 4 HS***  ***- Thời gian: 2 phút***  ***- Câu hỏi: Giải thích vì sao chọn thôn 2 - Bát Tràng làm nơi in báo?*** (Slide 6)  HS thảo luận nhóm - Gv chuẩn kiến thức.  *GV chiếu hình ảnh và thuyết trình* (Slide 7):Năm 2005 được UBND thành phố Hà Nội ra quyết định gắn biển “ Di tích cách mạng kháng chiến”. Thật xúc động biết bao, một căn gác đơn sơ mộc mạc của người dân Bát Tràng thế mà lại là "đại bản doanh" in bài “Tiến quân ca” lần đầu tiên. Từ đây những tài liệu của Đảng, những tờ báo của cách mạng in ra và toả đi khắp mọi nơi đến tay đồng bào, đồng chí của mình. | ***1. Cơ sở in***  Căn gác nhà cụ Vương Văn Táo - một ngôi nhà cổ ở thôn 2, Bát Tràng (Nhà in Phan Chu Trinh) |
| *GV: Bát Tràng thật vinh dự khi được Đảng tin tưởng chọn là nơi in tài liệu bí mật. Vậy ai đã là người in các tài liệu đó, quá trình in như thế nào ta sẽ cùng tìm hiểu*  **HĐ2: Tìm hiểu quá trình in báo Độc lập và bài “Tiến quân ca”(12’)**  ***? Ai là người làm nhiệm vụ in báo Độc lập và bài “Tiến quân ca”?*** (Slide 8)  HSTL - GV chuẩn kiến thức:  ***GV chiếu hình ảnh báo Độc Lập có bản in “Tiến quân ca” và hình ảnh nhạc sĩ Văn Cao sau đó kể chuyện cho HS về người in bài “Tiến quân ca”****:* (Slide 9)  Câu chuyện do chính Cụ Phí Văn Bái (1914 - 2014)- người đưa Văn Cao bí mật đi kẻ nhạc “Tiến quân ca”kể lại: Hồi đó do bản in thử bài “Tiến quân ca”, có nhiều nốt nhạc sai, có chỗ nhạc và lời không ăn khớp nhau bởi người thợ in vốn không biết nhạc nên giờ chỉ có cách đưa chính tác giả đến nhà in, cùng với đồng chí thợ in, hai người cộng tác viết lại.  ***? Vì sao nhạc sĩ Văn Cao lại trực tiếp in nhạc bài “Tiến quân ca”?*** (Slide 10)  HSTL- GV chuẩn kiến thức.  ***- Gv chiếu hình ảnh phiến đá và máy in tại bảo tàng Cách mạng* *Việt Nam và thuyết trình.*** (Slide 11)  HS lắng nghe  ***? Ngoài những người trực tiếp in báo và in bản nhạc, em có biết những ai là người tham gia bảo vệ và phục vụ cho cơ sở cách mạng này?*** (Slide 12)  HSTL: Cụ Nguyễn Thị Sáu em họ của ông Văn Lang được giao cho nhiệm vụ nấu cơm, giặt giũ quần áo và cảnh giới cho xưởng in bí mật.  *GV*: *Bằng những việc làm âm thầm,lặng lẽ của mình, những người dân Bát Tràng đã bảo đảm an toàn tuyệt đối cho cơ sở in và góp phần không nhỏ để bài “Tiến quân ca” lần đầu tiên được vang lên hùng tráng trước đông đảo nhân dân Thủ đô trong ngày mít tinh tại nhà hát lớn ngày 19/8/1945*(*GV chiếu hình ảnh* *mít tinh)*. (Slide 13) | **2. Quá trình in**  - Người in  + Ông Nguyễn Thế Cát  phụ trách nhà in bí mật.  + Ông Trịnh Quý Ðông-(nguyên đại biểu quốc hội khoá I) phụ trách các tin bài trên trang nhất  + Đồng chí Văn Cao phụ trách các tin bài trên trang hai ( In bài Tiến quân ca)  + Đồng chí Văn Lang  (Nguyễn Văn Hàm) người thôn Bát Tràng là thợ in.  **-** Người bảo vệ và phục vụ:  Bà Nguyễn Thị Sáu- Thôn Bát Tràng. |
| ***HĐ3: Tìm hiểu việc cất giấu và phát hành báo Độc lập ( 15’)***  ***GV tổ chức trò chơi “Đuổi hình đoán ảnh”.*** (Slide 14)  HS tham gia trò chơi.  ***? Nêu hiểu biết của em về chùa Tiêu Dao?*** (Slide 15)  HSTL - GV chuẩn kiến thức: Trong đời sống tinh thần của người dân quê, ngôi chùa Tiêu Dao là chốn tâm linh trầm mặc. Nhưng trong sự nghiệp đấu tranh giành chính quyền, ngôi chùa trở thành một căn cứ cách mạng, một chứng nhân lịch sử.  ***? Câu chuyện về các di tích lịch sử địa phương gợi cho em những cảm xúc, suy nghĩ gì?***  HSTL- GV giáo dục học sinh.  GV sơ kết bài học. | ***3. Việc cất giấu và phát hành***  Chùa Tiêu Dao- Thôn Giang Cao |

**3. Củng cố bài (4’):**

- Vẽ sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức bài học- HS vẽ sơ đồ tư duy. (Slide 16)

**4. Hướng dẫn các hoạt động tiếp theo (1’):** (Slide 17)

- Học bài và đến thăm Cơ sở in và chùa Tiêu Dao

-Chuẩn bị bài sau:Sưu tầm tài liệu, tranh ảnh về: Văn Chỉ, Bác Hồ về thăm làng nghề ngày 20/2/1959

**5. Rút kinh nghiệm:**

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

1. **LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG XÃ ĐA TỐN**

**HUYỆN GIA LÂM – TP HÀ NỘI**

**PHẦN I. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ XÃ ĐA TỐN –** **HUYỆN GIA LÂM – TP HÀ NỘI**

Xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội nằm ở phần đất phía Đông Nam của huyện và cũng là phần đất cực Nam giáp với địa phận Hưng Yên. Phía Bắc xã Đa Tốn giáp xã Trâu Quỳ và trường Đại học Nông Nghiệp I- Hà Nội, phía Đông giáp xã Kiêu Kỵ, phía Tây giáp 2 xã Đông Dư – Bát Tràng và phía Nam giáp 2 xã Cửu Cao, Phụng Công của huyện Văn Giang ( tỉnh Hưng Yên).

Trước năm 1966, xã Đa Tốn có tên gọi là xã Đại Hưng. Xã Đa Tốn ngày nay gồm 5 thôn là Khoan Tế, Thuận Tốn, Đào Xuyên, Lê Xá và Ngọc Động. Diện tích toàn xã là 739,58 ha với số dân là 14 027 người ( tính tới tháng 9 năm 2018).

Đa Tốn đang đà đổi mới cùng với sự phát triển chung của nhân dân cả nước; Đảng bộ và nhân dân xã Đa Tốn luôn phát huy truyền thống Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, với tinh thần chiến đấu giỏi, sản xuất tốt, khai thác hiệu quả mọi nguồn lực, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng Đa Tốn trở thành xã nông thôn mới tiêu biểu Thủ đô.

Nơi đây là điểm bắt đầu của cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên.

**PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ CHÙA THÁNH ÂN**

**THÔN ĐÀO XUYÊN - XÃ ĐA TỐN**

**1. Vị trí:**

Chùa Thánh Ân là ngôi chùa thuộc thôn Đào Xuyên, xã Đa Tốn; là một trong những ngôi chùa lớn nhất trong xã. “ Thánh Ân” là tên chữ, còn nhân dân thường gọi theo tên thôn là chùa Đào Xuyên. Chùa được xây từ thời Lê - Mạc (cuối thế kỷ XVI) và đây là tổ đình chùa lớn thuộc một nhánh dòng thiền Lâm Tế. Chùa đặt ở bờ trái sông Nghĩa Trụ, cạnh cầu và đường trục Đa Tốn – Trâu Quỳ. Chùa Thánh Ân đã được Bộ Văn hóa và Thông tin xếp hạng “Di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia” năm 1990.

**2. Về nguồn gốc.**

Chùa xây dựng vào năm 1350 do Tổ Giác Nhiên khởi nguyên xây dựng lấy hiệu chùa “Phúc Linh Tự”.

Năm 1635 Hưng Công Hội Chủ là cung Trần Vương Phủ Hoàng Thị Ngọc Nhất, tự Minh Bảo có công đầu phát long bồ đề hưng tạo chùa lấy tên hiệu Thánh Ân Tự.

Vào đầu thế kỷ 19 pháp tổ họ Trần, húy là Quốc Giảng, Tổ đệ nhất từ Phổ Văn quê ở Tức Mạc, Phủ Thiên Trường Nam Định xuất phát đến Khê Hồi, Thường Tín, Hà Nội. Sau Đắc Pháp Tổ trụ trì chùa Hòe Nhai, sau về chùa Bà Đá làm Tổ đệ nhị, Tổ là dòng dõi tôn thất nhà Trần, về sau khai sáng chùa Đào Xuyên làm Sư Tổ, ngài đã xây dựng lại ngôi Chính Điện vào năm 1863, chùa Thánh Ân đã tôn sư Trần Quốc Giảng là Sư tổ khởi lập hội Sơn Môn.

Đến năm 1917 chùa Đào Xuyên tổ chức thành lập hội Sơn Môn, đồng thời đoàn kết các hội viên trong Sơn Môn lập ra Tổ Đình Chùa Đào Xuyên. Hàng năm đến ngày 24 tháng 2 âm lịch là giỗ tổ chùa Đào Xuyên thì các chùa cùng dòng Lâm Tế trong vùng đều về chùa để cúng Phật, thỉnh Tổ.

Năm 1910 (Duy Tân 10) chùa đã được xây lại hoàn toàn và in đậm dấu ấn nghệ thuật kiến trúc của thời Nguyễn.

Cuối năm 1944, Mặt trận Việt Minh đã đặt cơ sở in ấn tại gian Điện ở Chùa Đào Xuyên, in các tài liệu cách mạng, truyền đơn và in báo Độc lập của Đảng Dân chủ Việt Nam. Cơ sở in ấn này tồn tại từ cuối năm 1944 đến tháng 5 năm 1945 thì chuyển đi nơi khác.

Ngày 09-01-1990 chùa đã được Bộ Văn hóa và Thông tin xếp hạng Di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia.

Từ năm 1998 đến nay, chùa đã được trùng tu với quy mô lớn và xây thêm các công trình phụ mới, tạo nên cảnh quan của chùa có nhiều thay đổi.

Ngày 22-9- 2017 (3-8-Đinh Dậu), tại chùa Đào Xuyên - Thánh Ân Tự (xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, Tp.Hà Nội) đã trang nghiêm tổ chức buổi lễ đặc biệt. Lễ truy tặng Liệt sỹ, bằng “Tổ quốc ghi công”; quyết định công nhận cán bộ lão thành cách mạng cho nhà sư Thích Thông Thiết, nguyên trụ trì của chùa.

**3. Về kiến trúc.**

Từ đoạn đường đầu thôn Đào Xuyên đi qua cây cầu nhỏ bắc ngang sông Nghĩa Trụ đã có thể nhìn thấy cổng tam quan hai tầng đồ sộ và bức tường dài của chùa. Trước cổng chùa có đôi câu đối, tạm dịch như sau:

*Đất xanh cỏ biếc lan thơm ngát  
 Vườn mát gió đưa tâm nhẹ thanh.*

Đi qua cổng phụ mới xây bên cạnh tam quan theo một lối rộng lát gạch dẫn đến sân trước và sân sau. Trong sân trước nhô lên 5 ngọn tháp mộ của các vị sư trụ trì đã khuất. Tòa tam bảo quay hướng đông - nam và có mặt bằng hình chuôi vồ, bao gồm tiền đường, thiêu hương, thượng điện. Phía bên trái tam bảo là hồ nước, ở giữa có dựng một đài hoa sen (Liên Hoa Đài), sao chép theo kiểu dáng và kích thước của chùa Một Cột (Ba Đình, Hà Nội). Chùa xây theo kiểu ***“nội Công ngoại Quốc”*** trong một khuôn viên khá lớn và khép kín. Tiền đường rộng 7 gian 2 dĩ, có những mảng trang trí trên kết cấu gỗ, bên trong được chạm khắc tinh tế. Nhà bia là một Phương Đình nằm ở gần lưng thượng điện. Hai bên sân sau có hai hành lang dài, tạo thế bao quanh cùng với nhà Tăng, nhà Mẫu, nhà Tổ. Những diện tích đất còn lại phần nhiều là để trồng cây.

Các tòa nhà tổ, thiêu hương thượng điện là những kiến trúc thời Nguyễn. Xung quanh chùa có nhiều bảo tháp xây bằng gạch. Trong chùa còn một số di vật quý. Thuộc thời Lê – Mạc có pho tượng Quan Thế Âm bằng gỗ sơn son thếp vàng, tòa cửu long bằng đồng, chuông đồng và một số bia đá.

Đặc sắc nhất là pho tượng Quan Thế Âm, là một công trình nghệ thuật tuyệt vời, được giới nghiên cứu nghệ thuật xếp vào hàng kiệt tác của nghệ thuật tạc tượng phật Việt Nam thế kỷ XVI. Tượng phật Quan Thế Âm chùa Đào Xuyên mang phong cách và dáng dấp chung của tượng Quan Âm các chùa Tam Sơn và Bút Tháp ( Bắc Ninh), chùa Hạ ( Vĩnh Phúc), chùa Bối Khê ( Hà Tây ) nhưng có những nét thể hiện độc đáo riêng.

Tượng được tác ở thế ngồi xếp bằng, cao 1m32 tính cả bệ tượng cao toàn bộ 2m55.

Mặt tượng thể hiện đầy đặn, đôn hậu, còn giữ được nhiều nét trần tục: mắt hơi khép, mũi thẳng, má bầu, miệng để tự nhiên, tai dài và đeo hoa.

Ở phía trước tượng là 21 cặp tay trong tư thế hoạt động khác nhau, tạo theo phong cách tượng tròn; phía sau lưng tượng là 610 cánh tay nhỏ đều đặn, sắp xếp thành 5 lớp, xòe ra thành vòng hào quang tạo theo phong cách phù điêu.

Tượng ngự trên tòa sen do đầu rồng đỡ lên từ mặt trước, Tòa sen là mặt trên của bệ 6 cạnh, trang trí nổi hai lớp cánh sen mập, trong cánh sen trang trí vân mây cuốn.

Xung quanh 6 mặt bệ trang trí chạm nổi hoa văn cánh sen, hoa cúc dây, chữ S nằm ngang và hình rồng.

Tượng và bệ cùng được tạc bằng gỗ mít, sau khi ghép được phủ ngoài bằng lớp sơn son thiếp vàng. Điều kì diệu là khi đến xem bức tượng dù ở bất cứ góc độ nào, chính giữa phía trước, bên phải hay bên trái, người ta đều có cảm giác như pho tượng đang nhìn về phía mình. Đây là công trình nghệ thuật tuyệt vời, có thể xếp vào loại kiệt tác của nghệ thuật tạc tượng Việt Nam thời cổ.

Pho tượng Quan Thế Âm đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận là Bảo vật quốc gia của Việt Nam năm 2014.

Ngoài ra trong chùa Đào Xuyên còn có 1 số bia thuộc thời Nguyễn như “Thánh Ân tự bi ký” cho biết lần sửa chữa chùa, tô lại các pho tượng phật vào năm 1846; có quả chuông đồng đúc vào giờ thân ngày 24 tháng 2 năm Tân Mùi (1871).

**4. Ý nghĩa trong đời sống của nhân dân.**

Đã từ lâu trong tâm thức người Việt Nam, chùa là nơi tĩnh lặng, linh thiêng, là nơi mọi tầng lớp nhân dân đến nương nhờ Đức Phật mong tìm sự  bình an trong cuộc sống, cầu xin hạnh phúc cho gia đình. Chùa cũng là nơi để mọi người nhìn lại mình, tu dưỡng, trau rồi đạo đức của mình.

VD: Khóa tu mùa hè, nét đẹp trong lễ chùa đầu năm mới,...

Không biết từ bao giờ, khi đời sống xã hội ngày càng được nâng cao, cuộc sống càng hiện đại thì dường như con người lại hướng mình vào gần hơn với Phật giáo, gần hơn với cửa chùa. Đến chùa chúng ta ý thức được mình đối với cuộc sống, cuộc đời, tìm thấy trong những điều Phật dạy, sự gợi mở để khiến tâm hồn thư thái và hướng thiện. Ngoài giá trị tâm linh, chùa còn mang tính gắn kết cộng đồng, ở các làng xã, chùa trở thành địa điểm để người dân làng tập hợp lại, giao lưu, trao đổi, tổ chức cùng nhau trong các dịp lễ tết...

**PHẦN III. GIÁO ÁN DẠY HỌC**

**LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG - DI TÍCH CHÙA ĐÀO XUYÊN.**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:** Giúp HS hiểu và nắm vững được:

- Vị trí địa lí của xã Đa Tốn.

- Di tích lịch sử chùa Thánh Ân, thôn Đào Xuyên, xã Đa Tốn.

- Phật giáo, cửa chùa có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống nhân dân.

**2. Thái độ:**

- Giáo dục cho học sinh biết giữ gìn và bảo vệ các di tích lịch sử của địa phương, giáo dục niềm tự hào về quê hương mình để từ đó khơi dậy cho các em ý thức, trách nhiệm đối với quê hương, đất nước.

**3. Kĩ năng:**

-Rèn cho học sinh kĩ năng sưu tầm, tìm hiểu, quan sát, nhận xét, đánh giá và thuyết trình.

**II. Chuẩn bị:**

**1. GV:** Chia lớp ra thành 4 nhóm, có phân công chuẩn bị bài theo nhóm; Hướng dẫn các nhóm sưu tầm, chuẩn bị giáo án cho tiết học.

**2. HS**: Các nhóm sưu tầm, tìm hiểu và trình bày về vị trí địa lý xã Đa Tốn; về vị trí địa lí và nguồn gốc chùa Đào Xuyên; về kiến trúc và ý nghĩa của phật giáo trong đời sống nhân dân địa phương; về những thay đổi của xã Đa Tốn ngày nay.

**III. Tiến trình bài học:**

**1. Ổn định: *1 phút.***

**2. Bài mới:**

| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| --- | --- |
| ***Hoạt động 1: Khởi động ( 3 phút).***  ***Slides 1***: Tên bài.  ***Slides 2***: Phần khởi động: TRÒ CHƠI TIẾP SỨC  GV: Nêu thể lệ của trò chơi.  ***Slides 3:*** Trò chơi này gồm 2 học sinh.  ***Slides 4:*** Giới thiệu phần chuẩn bị của học sinh.  ***Hoạt động 2: Giới thiệu vị trí địa lý xã Đa Tốn ( 7 phút).***  ***Slides 5***: ***GV: Yêu cầu nhóm 1 lên trình bày phần chuẩn bị của nhóm mình.***  - Nhóm 1 sử dụng bản đồ hành chính xã Đa Tốn để giới thiệu.  ***Slides 6***: + Sử dụng bản đồ xã Đa Tốn.  + Ảnh Hai Bà Trưng.  + Ảnh đường 5B.  Các nhóm khác nghe, quan sát.  GV: Gọi các nhóm khác bổ sung.  GV: Nhận xét -> chốt - > cho điểm.  ***Hoạt động 3:Tìm hiểu di tích chùa Đào xuyên ( 25 phút).***  ***Slides 7***: ***GV: Yêu cầu nhóm 2 trình bày phần sưu tầm của mình về vị trí và về nguồn gốc của chùa Đào Xuyên (chùa Thánh Ân).***  ***Slides 8*** - Đại diện nhóm 2 trình bày (có tranh ảnh kèm theo) về vị trí và nguồn gốc chùa.  Các nhóm khác nghe, quan sát.  GV: Gọi HS nhóm khác bổ sung những hiểu biết của mình về chùa Đào Xuyên.  GV: Chùa Đào Xuyên có vị trí như thế nào?  HS: Nghe bài thuyết trình của nhóm 2 và trả lời cá nhân.  GV: Trình bày nguồn gốc của chùa Đào Xuyên?  HS: - Tên chùa.  - Thời gian xây dựng.  - Thời gian trùng tu.  - Thời gian được xếp hạng.  GV: Nhận xét -> chốt - > cho điểm.  Gv: Giới thiệu tư liệu.  ***Slides 9: GV: Yêu cầu nhóm 3 trình bày phần sưu tầm về kiến trúc và ý nghĩa của phật giáo trong đời sống nhân dân.***  ***Slides 10-> 13:***  Đại diện nhóm 3 trình bày (có tranh ảnh kèm theo).  Các nhóm khác nghe, quan sát.  GV: Gọi HS nhóm khác bổ sung những hiểu biết của mình về kiến trúc chùa Đào Xuyên.  GV: Chùa được xây dựng theo kiểu kiến trúc nào?  HS**:** trả lời cá nhân.  GV: Em đã đến chùa Đào Xuyên chưa? Cảm nhận của em về ngôi chùa này? Về cảnh quan trong chùa? Đặc biệt về **Tượng Quan Âm Nam Hải?**  HS:trả lời cá nhân, có nhận xét, bổ sung.  GV: Em có suy nghĩ gì về ý nghĩa của phật giáo trong đời sống nhân dân?  HS:trả lời cá nhân, có nhận xét, bổ sung.  ***Hoạt động 4: Tìm hiểu về Đa Tốn ngày nay (6 phút).***  ***Slides 14: Gv: Yêu cầu nhóm 4 tìm hiểu trình bày phần sưu tầm về Đa Tốn ngày nay.***  GV: yêu cầu HS liên hệ thực tế ngày nay mảnh đất Đa Tốn đã đổi thay như thế nào? Về cơ sở vật chất và văn hóa tinh thần.  ***Slides 15->21:*** HS giới thiệu hình ảnh Đa Tốn ngày nay .  GV: Các em sẽ làm gì để thể hiện tình yêu của mình với quê hương Đa Tốn?  HS: Liên hệ trả lời cá nhân, có bổ sung. | **I. *Vị trí địa lý xã Đa Tốn:***  **-** Nằm ở phía Đông Nam của huyện Gia Lâm.  - Gồm 5 thôn.  - Diện tích 739,58 ha.  - Dân số năm 2018 là 14027 người.  **-** Sống chủ yếu là nghề nông, ngoài ra còn buôn bán và làm nghề thủ công...  **II. Chùa Đào Xuyên (chùa Thánh Ân)**  ***1. Về vị trí:***  - Chùa thuộc thôn Đào Xuyên.  - Nằm cạnh sông Nghĩa Trụ, chùa có tên chữ là Thánh Ân Tự.  ***2. Về nguồn gốc.***  - Chùa được xây dựng năm 1350.  - 1990 được Bộ Văn hóa và Thông tin xếp hạng Di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia.  ***3.Kiến trúc.***  - Chùa xây theo kiểu ***“nội Công ngoại Quốc”.***  - Liên Hoa Đài;  **-** Nhà bia.  - Vườn tháp.  - Vườn tượng.  - Đặc biệt Tượng Quan Âm Nam Hải.  ***4. Ý nghĩa:***  - Tâm linh.  - Giáo dục.  **III. Xã Đa Tốn ngày nay thay đổi như thế nào?**  **-** Nền kinh tế phát triển,  đời sống của người dân thay đổi theo nhịp sống của xã hội mới.  - Giữ gìn, bảo vệ các di tích lịch sử ... |

**3. Củng cố (2 phút):** Em hãy nêu tên các chùa ở trong xã mà em biết? Em sẽ làm gì để bảo vệ các di tích lịch sử nói chung, các ngôi chùa trong xã nói riêng?

**4. Hướng dẫn hoạt động tiếp theo (1 phút):**

***Nhóm 1***: Tìm hiểu về tên kinh đô qua các triều đại: Trần – Hồ dưới sự thống

trị của nhà Minh; Những hành động tàn bạo của nhà Minh đối với nhân dân ta;

Những tổn thất về mặt văn hóa khi Thăng Long bị nhà Minh đô hộ.

***Nhóm 2***: Tìm hiểu về địa danh Bồ Đề ở Gia Lâm; Sưu tầm tranh ảnh tư liệu về 3 giai đoạn giải phóng Đông Quan; Tìm hiểu về sự chiến đấu kiên trì trên mặt trận quân sự cũng như trên mặt trận ngoại giao của bộ chỉ huy để có được thắng lợi cuối cùng (đặc biệt trong giai đoạn thứ 3).

***Nhóm 3***: Tìm hiểu sự thay đổi của Thăng Long dưới thời Lê cả về tên gọi và

cấu trúc thành; Sự thay đổi về đơn vị hành chính; kinh tế; văn hóa; Tìm hiểu về vua Lê Thánh Tông; Hội Tao Đàn….

**5. Rút kinh nghiệm:**

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

1. **LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG XÃ ĐÔNG DƯ**

**HUYỆN GIA LÂM - TP HÀ NỘI**

**PHẦN I. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ XÃ ĐÔNG DƯ:**

Đông Dư hiện nay là một trong 22 xã, thị trấn của huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, có vị trí nằm ở phía Tây Nam của huyện. Về địa giới hành chính, phía Bắc của xã Đông Dư giáp phường Cự Khối (quận Long Biên); phía Nam giáp xã Bát Tràng và xã Đa Tốn (huyện Gia Lâm); phía Đông giáp thị trấn Trâu Quỳ; phía Tây giáp sông Hồng.

Xã Đông Dư có vị trí nằm ven sông Hồng, với diện tích tự nhiên là 353,6 ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp là 202,5 ha.

Xã Đông Dư hiện nay gồm 8 thôn, được hình thành trên cơ sở của ba làng truyền thống: Đông Dư Thượng, Đông Dư Hạ và Thuận Phú. Đến năm 2017, toàn xã có 1.633 hộ gia đình với 5.719 nhân khẩu; có 8 thôn và 08 di tích: đình, đền, chùa, miếu, trong đó có 04 di tích được được Thành phố xếp hạng Di tích lịch sử văn hóa, nghệ thuật năm 2007 và là nơi sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng của nhân dân.

Nằm trong vùng châu thổ sông Hồng, với diện tích tự nhiên trong đồng ngoài bãi, người dân Đông Dư trải qua bao thế kỉ khai phá và cải tạo, đất đai ngày càng trở nên màu mỡ, đem lại hiệu quả kinh tế cao. Chính vì vậy, từ xa xưa cho đến nay, Đông Dư là vùng nông nghiệp trù phú, chủ yếu sản xuất lương thực, thực phẩm, trồng dâu nuôi tằm. Từ việc chuyển đổi thay thế cây trồng kém hiệu quả (lúa, ngô, rau cải bẹ, táo) sang trồng ổi bốn mùa và tập đoàn rau gia vị đã cho thu nhập cao gấp nhiều lần so với trước, đã góp phần vào việc tăng thu nhập, giải quyết việc làm và xây dựng quê hương Đông Dư ngày một giàu đẹp, văn minh. Nhiều sản phẩm nông nghiệp của Đông Dư đã trở thành đặc sản nổi tiếng khắp vùng gần xa: cải bẹ, mướp đắng, rau mùi tầu, ổi bốn mùa...

**PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ ĐÌNH, CHÙA XÃ ĐÔNG DƯ:**

**1. Giới thiệu về đình Đông Dư Thượng:**

***a. Vị trí:***

Đình Đông Dư Thượng thuộc thôn Đông Dư Thượng, xã Đông Đông Dư, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Đình Đông Dư Thượng tọa lạc trên một khu đất tương đối rộng ở trung tâm của thôn, xung quanh có vườn cây ăn quả và cây lưu niên xanh tốt và được bao bọc bởi tường bao xung quanh.

***b. Nguồn gốc:***

Các nguồn tư liệu thành văn hiện còn được bảo quản tại đình như sắc phong, bia đá, long ngai, bài vị… cho biết đình Đông Dư Thượng thờ 4 vị thần thành hoàng làng đó là:

Thần Cao Sơn Đại Vương được thờ nhiều trong khu vực đồng bằng Bắc Bộ, ý nghĩa nguyên mẫu của Cao Sơn Đại vương chính là tục thờ thần núi phổ biến ở nước ta. Truyền thuyết về vị thần phong phú và ngày càng được lịch sử hóa lên trong nhiều miền quê, sớm nhất có lẽ là truyền thuyết cho rằng Cao Sơn là con Lạc Long Quân và bà Âu Cơ, là một trong 50 người con theo mẹ lên núi. Sau đó trở thành bộ tướng thân cận của Sơn Tinh, đã cùng Sơn Tinh chống lại Thủy Tinh và thủ lĩnh của tộc người Âu khi họ tấn công nhà nước Văn Lang.

Thứ hai là thần Linh Lang Đại Vương với tương truyền là con thứ tư của vua Lý Thánh Tông, người đã có công giúp vua dẹp giặc Tống xâm lược. Linh Lang Đại vương là một trong bốn vị thần của Thăng Long tứ trấn.

Thứ ba là vị thần Bạch Đa gắn với sự tích kể rằng: Chàng Ngọ và Chàng Mai là hai anh em sinh đôi quê ở động Hoa Lư, còn Bạch Đa là em họ, mồ côi cha mẹ từ nhỏ, được bố mẹ hai chàng đón về nuôi. Đến khi Đinh Bộ Lĩnh nổi lên khởi nghĩa, dẹp loạn sứ quân, ba ông bèn vời ra giúp nước, phong chức Đô úy. Gặp khi giặc Ngô sang cướp nước ta, ba ông cầm quân đánh tan giặc, đến đóng đồn ở trang Đại Vi. Bất ngờ giặc Ngô đang đêm đến vây đánh, ba ông không chống lại được, chết ở xứ Đồng Miếu. Dân làng cảm phục lập miếu thờ.

Cùng phối thờ trong thần điện còn có bộ long ngai bài vị thờ thần tên Khang Trí. Theo truyền tích của nhân dân địa phương vị thần này có công cai quản, bảo vệ xóm làng, giúp yên dân nên đã được phong làm thần hoàng và thờ tại đình làng.

***c. Kiến trúc:***

Cổng đình xây liền với tường bao theo kiểu cổng nghi môn có ba cửa, cửa lớn chính giữa và hai cửa nhỏ ở hai bên, đỉnh trụ đắp trái giành, thân trụ tạo khung đắp nổi câu đối. Liền tường sang hai bên đắp nổi hai chữ Hán lớn "Phúc – Lộc" tạo vẻ tôn nghiêm cho di tích.

Phía trong cổng là khoảng sân rộng được lát gạch Bát Tràng kéo suốt chiều dài của ngôi đình, hai bên là hai dãy nhà tả, hữu mạc.

Đại đình là một ngôi nhà ba gian hai chái, nhà làm kiểu bốn mái với các đầu đao uốn cong lên trông rất mềm mại, bờ nóc đắp nổi đề tài "lưỡng long chầu nhật" trông rất thanh thoát, rồng có kích thước nhỏ, hai đầu kìm và đầu đao có trang trí lá hỏa, nghê chầu, mái nhà lợp ngói di.

***d. Ý nghĩa của đình Đông Dư Thượng đối với nhân dân địa phương:***

Đình Đông Dư Thượng là di tích tín ngưỡng tôn giáo, phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa và tín ngưỡng của nhân dân địa phương. Sự tôn vinh và ghi nhớ công tích của các vị thần luôn được người dân Đông Dư quan tâm chú trọng, thể hiện qua việc tổ chức lễ hội truyền thống hàng năm.

**2. Giới thiệu về chùa Đông Dư Hạ:**

***a. Vị trí, nguồn gốc:***

Theo sử cũ, sau khi chuyển ngôi từ tay nhà Lý sang các vua Trần ban phát nhiều đất cho họ hàng thân tộc lập trang ấp xây dựng chùa chiền ở phía Đông Nam Hà Nội. Xã Đông Dư nằm sát phía Đông Nam Hà Nội nên cũng được hưởng ân huệ ấy.

Đông Dư là vùng đất được định cư và có nền văn hóa lâu đời. Cùng với sự phát triển của con người, các làng cổ với những mái đình, ngôi chùa cũng được dựng lên nhằm phục vụ sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng thờ cúng của nhân dân địa phương.

Từ đường đê sông Hồng theo con đường làng khoảng 300m chúng ta tới cổng chùa Đông Dư Hạ. Cảm giác đầu tiên cho ta thấy đây là một ngôi chùa làng giản dị, thanh bình. Trước mặt tam quan là con đường làng liền với khu dân cư và các cây cổ thụ lâu niên.

***b. Kiến trúc:***

Tam quan chùa có ba vòm cửa, cửa giữa rộng hơn hai cửa bên, được làm theo dạng hai tầng mái lợp ngói giả ống.

Sân và vườn chùa có diện tích rộng, được lát gạch chỉ và lát xi măng. Vườn trồng nhiều cây cổ thụ, cây cảnh và cây ăn trái như: ổi, hồng xiêm, nhãn…Qua cổng tam quan ta gặp một kiến trúc nhỏ dạng nhà lục giác hai tầng mái. Trong nhà lục giác đặt một pho tượng Quan Âm đứng, tay phải của tượng giơ lên ngang mặt, tay trái cầm bình nước cam lồ.

Chùa chính có dạng chữ đinh gồm tiền đường và phật điện, mái lợp ngói ta, bờ nóc đắp kiểu bờ đinh, bờ dải kiểu bậc thang, sát hiên là hai trụ biểu cao 5m hai bên.

Tiền đường gồm năm gian, có bốn bộ vì kết cấu kiểu giá chiêng, mái phân thượng tứ, hạ ngũ được bào trơn. Phần hiên chùa rộng 1m có sáu đầu bẩy được trang trí chữ thọ, rồng, hoa lá, mở ba cửa chính kiểu cửa pa nô và hai cửa sổ hai bên. Phía trên nóc các gian của tiền đường đều treo các bức y môn được trang trí các mẫu hoa, lá, tứ quý và treo các bức đại tự.

Phật điện gồm ba gian chạy dọc với bốn bộ vì làm kiểu giá chiêng. Từ tiền đường vào phật điện chúng ta gặp bức cửa võng, trên trang trí và trạm trổ hình dơi ngậm chữ thọ, vân mây. Hai bộ vì nách thượng điện có hai bức ván mê được trang trí vân mây. Đây là những tác phẩm nghệ thuật đáng lưu ý, làm tăng thêm giá trị của di tích.

Phía dưới bức cửa võng đặt một hương án cao chừng 1m được chạm trổ và trang trí vân mây mang phong cách nghệ thật thế kỷ XIX (thời Nguyễn). Trên hương án đặt đôi lộc bình, một bát hương gốm. Sát hai bên là các đôi câu đối, nội dung ca ngợi công đức nhà phật và cảnh quan ngôi chùa như:

*"Phạm vũ ỷ quan đê, chiêm vọng chi, cổ thụ bài thanh hà lưu dũng bích*

*Danh lam bàng thần miếu, quy y giả từ vân ấm diệp pháp vũ phi hoa"*

Chùa Đông Dư Hạ được UBND thành phố Hà Nội ra quyết định xếp hạng là di tích lịch sử năm 2007.

**PHẦN III. GIÁO ÁN DẠY HỌC**

**LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG: DI TÍCH ĐÌNH – CHÙA XÃ ĐÔNG DƯ**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

***1, Kiến thức:*** HS nắm được

* Lịch sử hình thành, quá trình tu bổ, kiến trúc của Đình – chùa Đông Dư Hạ - Xã Đông Dư.
* Là nơi nuôi giấu cán bộ cách mạng, tổ chức Lễ hội truyền thống.

***2, Kỹ năng:***

* Quan sát các di tích lịch sử.
* Tìm hiểu, ghi chép.
* Sưu tầm tài liệu.

***3, Thái độ:***

* Tự hào, vể truyền thống yêu nước hào hùng của ông cha ta.
* Trân trọng giữ gìn những di tích lịch sử của địa phương.

**II. Chuẩn bị :**

**1.GV:**

+ Soạn bài, chuẩn bị tư liệu.

+ Phân công các nhóm HS chuẩn bị tìm hiểu nội dung và trình bày.

**2.HS**:

+ Tìm hiểu, sưu tầm nội dung.

+ Trình bày trước nhóm.

**III. Tiến trình hoạt động:**

***1, Ổn định lớp.(1ph)***

***-*** Khởi động: Trò chơi “Mảnh ghép sắc màu”

- Giới thiệu bài: Lịch sử địa phương là một bộ phận của lịch sử dân tộc. Những tri thức lịch sử địa phương là biểu hiện cụ thể, sinh động và phong phú của tri thức lịch sử dân tộc. Đây là nguồn tư liệu vô cùng quý giá, khơi dậy ở các em niền tự hào, lòng yêu quý quê hương tha thiết sau mỗi bài lịch sử.

***2, Bài mới:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| HĐ1: Tìm hiểu vị trí địa lý:  - G: ***Giao nhiệm vụ cho tổ 1 tìm hiểu và trình bày. Có tranh ảnh minh họa.***  - H: ***Đại diện tổ 1 trình bày (5 phút).***  - G: NX, bổ sung, cho điểm tổ  - Dẫn: Xã Đông Dư đã từng gắn bó với Kinh Bắc. Trải qua quá trình phát triển, những nét văn hóa truyền thống vẫn được gìn giữ và phát huy biểu hiện rõ nét qua các công trình kiến trúc: Đình, Chùa, Đền, Miếu, những lễ hội, tín ngưỡng dân gian.  - G: Theo em đình và chùa khác nhau cơ bản ở điểm nào?  - H: + Đình thờ các vị thành hoàng làng (thánh)  + Chùa thờ Phật  ***- G: Đình làng Đông Dư thờ những ai?***  ***- H: Đại diện nhóm học sinh trình bày phần tìm hiểu trên máy (có tranh ảnh minh họa).***  *Nội dung*:  - Các nguồn tư liệu thành văn hiện còn được bảo quản tại đình như: Sắc phong, bia đá, long ngai, bài vị … cho biết đình Đông Dư Thượng thờ 4 vị thành hoàng làng:  + Thần Cao Sơn Đại Vương được thờ nhiều trong khu vực đồng bằng Bắc bộ, truyền thuyết cho rằng Cao Sơn là con Lạc Long Quân và Âu Cơ, sau đó trở thành bộ tướng thân cận của Sơn Tinh, Đã cùng Sơn Tinh chống lại Thủy Tinh.  + Thần Đinh Lang Đại Vương với tương truyền là con thứ tư của vua Lý Thánh Tông là 1 trong 4 vị thần của Thăng Long tứ trấn.  + Thần Bạch Đa Đinh Bộ Lĩnh nổi lên dẹp loạn sứ quân .  + Thần Khang Trí có công cai quản bảo vệ xóm làng giúp yên dân được phong làm thần hoàng và thờ tại đình làng.  *- G: Khắc sâu kiến thức:*  + Đình làng trước đây là nơi tụ họp của chính quyền cấp xã.  + Sau cách mạng: Đình là nơi đoàn thể Cách mạng hội họp.  + Trong kháng chiến là nơi trú ẩn của cán bộ du kích.  + Hòa bình: là nơi sinh hoạt chung của nhân dân  - G: Em biết những gì về trang trí kiến trúc chùa Đông Dư Hạ ?  - H: Thuyết minh kiến thức mà nhóm tìm hiểu được (có tranh ảnh minh họa)  *Nội dung :*  - Tam quan chùa có 3 vòm cửa, của giữa rộng hơn 2 cửa bên, tam quan còn mang một ý nghĩa sâu sắc về triết học của đạo phật, về 1 cội nguồn chung của mọi vật, về quy luật không tồn tại vĩnh hằng của vật chất và đạo Phật là sự kết hợp của cả 2 quy luật này.  - Sân và vườn chùa có diện tích rộng, được lát gạch chỉ và xi măng. Qua cổng tam quan ta gặp một kiến trúc nhỏ dạng nhà lục giác 2 tầng mái. Trong nhà lục giác đặt một pho tượng Quan Âm đứng, tay phải của tượng giơ lên ngang mặt, tay trái cầm bình nước Cam lồ.  - Chùa chính có dạng chữ đinh gồm tiền đường và phật diện.  + Tiền đường gồm 5 gian có 4 bộ vì kết cấu kiểu giá chiêng, mái phân thượng tứ, hạ ngũ được bào trơn  + Phật diện gồm 3 gian chạy dọc với 4 bộ vì làm kiều giá chiêng. Từ tiền đường vào phật diện chúng ta gặp bức cửa võng, trên trang trí và trạm trổ hình dơi ngậm chữ thọ, vân mây.  - ***G: Em tìm hiểu được những gì về cách bài trí tượng phật trong chùa Đông Dư Hạ?***  - ***H: Đại diện nhóm dùng tranh ảnh, thuyết minh bằng lời.***  Nội dung:  + Hàng thứ nhất trên cùng là bộ tượng Tam thế, từ đỉnh đến phần ngồi cao khoảng 80cm và chia làm 3 phần: phần bệ, đài sen và thân tượng được sơn son, thiếp vàng được làm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.  + Hàng thứ 2 là tượng ADi Đà cao 1m cả bệ, ngực có chứ “Vạn”, tượng mặc áo cà sa, tóc bụt ốc mang phong cách nghệ thuật thế kỷ XIX  + Hàng thứ 3 là tượng Quan Âm thiên thủ thiên nhãn.  + Hàng thứ 4 là bộ tượng Cửu Long, Thích Ca sơ sinh đứng trên đài sen, tay trái chỉ thẳng lên trời, tay phải chỉ xuống đất.  - G: Sau khi được tìm hiểu về các di tích lịch sử, văn hóa của địa phương, em có thái độ và hành động ra sao?  H: Trả lời cá nhân.  - Tự hào về di tích lịch sử, văn hóa, nghệ thuật của địa phương  - Gìn giữ, đóng góp công sức nhỏ bé để tu bổ.  - Tích cực tìm hiểu những di tích, lịch sử, văn hóa… của địa phương, làm giàu vốn tri thức  + Tham gia đóng góp xây dựng nông thôn mới. | ***I, Vị trí địa lý:***  - Vị trí nằm ven sông Hồng, diện tích tự nhiên là 353,6 ha.  - Gồm 8 thôn, hình thành trên cơ sở của 3 làng truyền thống: Đông Dư Thượng, Đông Dư Hạ và Thuận Phú.  - Đông Dư là vùng nông nghiệp trù phú với nhiều sản phẩm trở thành đặc sản nổi tiếng: cải bẹ, mướp đắng, rau mùi tàu, ổi bốn mùa.  ***II, Di tích lịch sử, văn hóa: Đình, Chùa Đông Dư :***  ***1, Đình Đông Dư Thượng:***  ***2, Chùa Đông Dư Hạ:***  *a, Trang trí kiến trúc :*  *b, Cách bài trí tượng phật trong chùa Đông Dư Hạ:*    ***III/ Liên hệ:*** |

***3, Củng cố:***

Câu hỏi: Trình bày những nét cơ bản về kiến trúc Đình, Chùa xã Đông Dư?

***4, Hướng dẫn hoạt động tiếp theo:***

* Tiếp tục tìm hiểu những di tích lịch sử, văn hóa của địa phương.
* Luôn có ý thức đóng góp công sức nhỏ bé xây dựng quê hương, đất nước.

***5, Rút kinh nghiệm:***

**4. LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG XÃ KIÊU KỴ**

**HUYỆN GIA LÂM- TP HÀ NỘI**

**PHẦN I. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ XÃ KIÊU KỴ -**

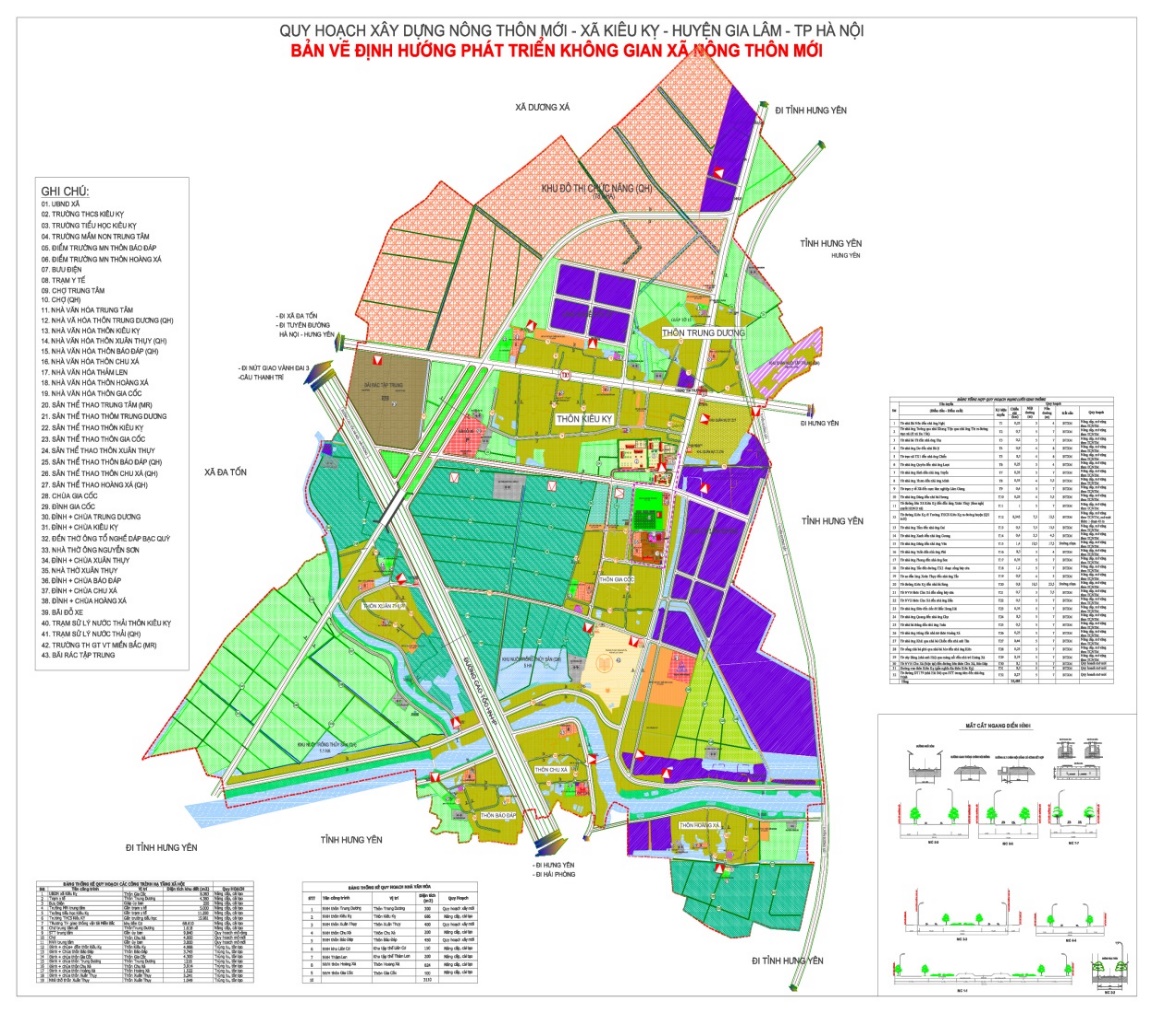
**HUYỆN GIA LÂM- TP HÀ NỘI**

Kiêu Kỵ là một trong 22 xã, thị trấn thuộc huyện Gia Lâm thành phố Hà Nội. Về địa giới hành chính, phía Bắc giáp xã Dương Xá, Thị trấn Trâu Quỳ; phía Đông Nam giáp Hưng Yên; phía Tây Nam giáp xã Đa Tốn.

Xã Kiêu Kỵ có diện tích đất tự nhiên 561,7 ha, dân số 13.258 người (số liệu năm 2018), sinh sống tại 7 thôn: Kiêu Kỵ, Chu Xá, Hoàng Xá, Gia Cốc, Báo Đáp, Trung Dương, Xuân Thụy và hai khu dân cư: Thảm len và Liên Cơ.

Xã Kiêu Kỵ cách trung tâm thành phố khoảng 15km, nằm trải dài theo trục đường 179, từ Quốc lộ 5 đến trung tâm của xã khoảng 3km. Với vị trí ấy, Kiêu Kỵ có nhiều thuận lợi cho việc phát triển kinh tế. Hiện nay nền kinh tế Kiêu Kỵ khá phát triển, nguồn thu nhập từ trồng lúa, trồng cây ăn quả, cây cảnh. Bên cạnh đó Kiêu Kỵ còn có nghề thủ công có tiếng trong vùng là nghề làm da và đặc biệt dát vàng quỳ Kiêu Kỵ. Dát vàng quỳ Kiêu Kỵ là một nghề truyền thống vô nhị độc nhất của nước ta. Kiêu Kỵ còn là mảnh đất sản sinh ra nhiều anh hùng của dân tộc như: Nguyễn Chế Nghĩa- một danh tướng thời trần đã có công trong lần chống quân Nguyên lần thứ 3. Hay Nguyễn Quý Trị - làm quan thời Lê Hiển Tông từng đi sứ sang Trung Quốc và học được nghề dát vàng quỳ rồi truyền cho dân nên được phong là ông tổ nghề quỳ.

**SƠ ĐỒ XÃ KIÊU KỴ**



**PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ LÀNG NGHỀ: DÁT VÀNG KIÊU KỴ**

**1. Vị trí địa lí :**

- Kiêu Kỵ là làng nghề truyền thống thuộc đất Đông Ngàn, Kinh Bắc xưa, nay thuộc huyện Gia Lâm (Hà Nội).

- Nằm cạnh đường 179, phía bờ Bắc sông Hồng, cách trung tâm thủ đô Hà Nội khoảng 15km, là địa phương duy nhất trên đất nước có thể làm được nghề dát vàng và nghề truyền thống nổi tiếng đó đã đi vào trong thơ ca:

“ Ai về Kiêu Kỵ quê ta

Có đức thánh tổ dạy sang nghề quỳ

Kiêu Kỵ nghề bạc nghề vàng

Làm ra đem bán cho người thợ sơn

Thiếp tượng rồi lại thiếp ngai

Hoành phi câu đối khắp nơi chùa chiền.”

**2. Nguồn gốc :**

Có lịch sử trên 400 năm do danh nhân Nguyễn Quý Trị truyền dạy. Ông Nguyễn Quý Trị được coi là ông tổ của làng nghề. Ông đỗ Tiến sĩ thời Lê Cảnh Hưng (1740-1786). Năm 1763, ông được cử đi sứ sang Trung Quốc, ông đã học sơn son thiếp vàng bằng cách luyện quỳ vàng, bạc để sơn thiếp lên các bức tượng, câu đối, hoành phi. Khi về nước, ông đã dạy lại nghề cho người dân làng Kiêu Kỵ. Sau khi ông mất, dân làng đã dựng đền thờ tưởng nhớ. Làng nghề đã trải qua hơn 400 năm tồn tại và phát triển cho đến nay. Ngày nay những sản phẩm của làng đã nức tiếng cả nước.

**3. Quá trình phát triển**

Trước cách mạng Tháng Tám, nghề làm vàng quỳ rất phát đạt. Những sản phẩm do làng Kiêu Kỵ làm ra được cung cấp cho tất cả các công trình, tín ngưỡng cung đình để dát ngai vàng, kiệu rước, các tượng phật, hoành phi, câu đối... Trong kháng chiến, làng nghề dường như bị mai một, người dân chuyển sang làm đồ dùng bằng da và giả da. Khi đất nước thống nhất cho đến thời kinh tế thị trường, các công trình văn hóa và di tích lịch sử đang dần được khôi phục và phát triển nên đã vực dậy làng nghề". Có thời kỳ, cơ sở sản xuất hộ gia đình thuê hai mươi đến ba mươi lao động để sản xuất vẫn không đáp ứng không đủ nhu cầu của thị trường. Sau này, do một số nguyên nhân về đầu ra cho sản phẩm nên nhiều hộ đã không sống được bằng nghề. Họ đã chuyển nghề. Trải qua bao bước thăng trầm, ngày nay nghề dát vàng được khôi phục và phát triển.

Hiện nay ở Kiêu Kỵ nghề dát vàng vẫn tồn tại và phát triển và nếu ai một lần đặt chân lên đất Kiêu Kỵ sẽ thấy được những vẻ đẹp, niềm vui của người làm nghề nơi này.

**4. Các công đoạn làm vàng quỳ.**

Để làm ra vàng, bạc quỳ tân, người thợ cần 10 loại nguyên liệu và phải thực hiện nhiều công đoạn như: chế biến mực, pha giấy gió, đập và bóc giấy quỳ, lướt mực và đập giấy quỳ giống, pha giấy khấu làm lá quỳ vỡ, lướt mực và đập giấy quỳ vỡ, cán vàng và bạc, đánh vỡ, cắt dòng, đánh quỳ, trại quỳ thu thành phẩm. Mỗi công đoạn lại có nhiều khâu nhỏ hơn, lên tới gần 40 khâu khác nhau mới cho ra thành phẩm. Không chỉ tốn công, nghề làm vàng, bạc quỳ còn đòi hỏi ở người thợ sự kiên trì, cần mẫn với nhiều thao tác kỹ thuật cao, tinh xảo, chính xác tuyệt đối. Những thỏi vàng, bạc thật được cán và đập cho mỏng thành những miếng diệp có kích thước 1cmx1cm rồi được đánh vỡ và cắt thành 9 đến 12 miếng đều nhau để nong vào giấy quỳ giống – một loại giấy gió mỏng và dai, được lướt nhiều lần với mực pha bằng bồ hóng và keo da trâu. Sau khi nong các miếng diệp vỡ vào giữa các giấy quỳ giống thành từng quỳ, người thợ xếp quỳ vào lồng và đặt lên bếp lò sấy nóng trong một đêm. Sau đó, quỳ được lấy ra rồi đập bằng búa tay cho đến khi miếng diệp bên trong mỏng dính, dàn đều ra bốn cạnh của lá quỳ (kích thước 5cmx5cm) là được. Đập quỳ là công đoạn tinh xảo nhất. Để có một quỳ vàng, người thợ phải đập một tiếng và khoảng 1400 nhát búa như vậy nó đòi hỏi sự bền bỉ của người thợ. Miếng quỳ đạt chất lượng phải mỏng, đều và không bị rách. Công đoạn cuối cùng là dùng một chiếc bay nhỏ để gỡ các lá vàng, bạc quỳ ra rồi nong vào giữa các miếng giấy bản nhỏ cũng có kích thước 5cmx5cm.

Tất cả các khâu trong quy trình làm vàng, bạc quỳ đều được tiến hành theo trình tự rất nghiêm ngặt. Chỉ khâu chế biến mực, cán vàng bạc và đánh quỳ là được làm ở chỗ mát, thông thoáng. Còn các khâu còn lại đều phải làm trong nhà kín gió. Đặc biệt, ở khâu thu hồi sản phẩm cuối cùng, người thợ phải xoa phấn rôm vào tay cho khỏi dính quỳ. Hơn nữa các công đoạn đều phải làm thủ công và thể hiện cái tâm trong sáng của người làm quỳ. Tuy nhiên người ta có thể tóm lại thành bốn công đoạn chính :

1- Làm lá giống 2- Vỡ quỳ

3- Khâu làm mâm 4- Trại quỳ

**5. Các nghệ nhân làng dát vàng.**

- Lê Bá Trung

- Nguyễn Thị Tựa

- Lê Văn Vòng

**6. Vai trò của nghề truyền thống trong sự phát triển kinh tế địa phương.**

Nghề dát vàng quỳ đã đem lại công việc cho nhiều người dân địa phương cũng như người dân của một số địa phương lân cận. Góp phần phát triển kinh tế cho xã nhà. Đặc biệt nghề dát vàng Kiêu Kỵ đã trở thành nét đẹp truyền thống của quê hương.

**Dạy tích hợp Lịch sử Hà Nội lớp 7- bài 3: “Thăng Long từ đầu thế kỉ XV đến cuối thế kỉ XVIII”. Mục 3.**

**GIÁO ÁN DẠY HỌC:**

**LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỒNG:DÁT VÀNG KIÊU KỴ**

**I. Mục tiêu bài học :**

***1.Kiến thức:***

- Giúp học sinh hiểu được sự ra đời, phát triển của nghề dát vàng, các công đoạn làm quỳ, vàng, vai trò của nghề dát vàng.

**2*. Kỹ năng:***

- Rèn kỹ năng tìm hiểu tư liệu, tìm hiểu tư liệu, kỹ năng đánh giá… kỹ năng làm sản phẩm quỳ, vàng.

**3*. Thái độ :***

- Giáo dục tình yêu quê hương, ý thức giữ gìn và phát huy nghề truyền thống của dân tộc nói chung, của quê hương nói riêng.

**II. Chuẩn bị:**

* Giáo viên: tư liệu, đoạn video, sản phẩm quỳ vàng.
* Học sinh: tư liệu, sản phẩm quỳ vàng, dụng cụ làm quỳ.

**III. Tiến trình bài học**

***1.Ổn định tổ chức lớp (1’)***

**2*. Bài mới:***

**Giới thiệu bài: 1’** Chúng ta thật tự hào được sống ở địa phương có nghề truyền thống: Nghề dát vàng, đây là nghề chỉ có duy nhất làng Kiêu Kỵ làm được. Vậy nghề dát vàng này ra đời khi nào và quá trình phát triển ra sao mời các em cùng tìm hiểu bài học ngày hôm nay.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| **HĐ1 (15’)**  ***Học sinh giới thiệu sự hiểu biết về làng nghề (Vị trí làng nghề? Nghề ra đời khi nào? Ai là người sáng lập? và quá trình phát triển?)***  - Học sinh trình bày theo nhóm bằng hình ảnh hoặc bằng đoạn video.  - Các nhóm khác nhận xét, góp ý.  - GV chốt kiến thức, cung cấp thêm cho HS một số tư liệu.(lược đồ làng nghề Kiêu Kỵ, ông tổ làng nghề…)  Ông Nguyễn Quý Trị được coi là ông tổ của làng nghề. Ông đỗ Tiến sĩ thời Lê Cảnh Hưng (1740-1786). Năm 1763, ông được cử đi sứ sang Trung Quốc, ông đã học sơn son thiếp vàng bằng cách luyện quỳ vàng, bạc để sơn thiếp lên các bức tượng, câu đối, hoành phi. Khi về nước, ông đã dạy lại nghề cho người dân làng Kiêu Kỵ. Sau khi ông mất, dân làng đã dựng đền thờ tưởng nhớ công ơn. Làng nghề đã trải qua hơn 400 năm tồn tại và phát triển cho đến nay.  ***? Em thấy hiện giờ nghề dát vàng ở địa phương em phát triển như thế nào?***  - HS nêu đánh giá nhận xét về tình hình làng nghề hiện nay.  - GV giới thiệu cho HS về quá trình phát triển của làng nghề.  Trước cách mạng Tháng Tám, nghề làm vàng quỳ rất phát đạt. Những sản phẩm do làng Kiêu Kỵ làm ra được cung cấp cho tất cả các công trình, tín ngưỡng cung đình để dát ngai vàng, kiệu rước, các tượng phật, hoành phi, câu đối... Trong kháng chiến, làng nghề dường như bị mai một, người dân chuyển sang làm đồ dùng bằng da và giả da. Khi đất nước thống nhất cho đến thời kinh tế thị trường, các công trình văn hóa và di tích lịch sử đang dần được khôi phục và phát triển nên đã vực dậy làng nghề". Có thời kỳ, cơ sở sản xuất hộ gia đình thuê 20 đến 30 lao động để sản xuất vẫn không đáp ứng không đủ nhu cầu của thị trường. Sau này, do một số nguyên nhân về đầu ra cho sản phẩm nên nhiều hộ đã không sống được bằng nghề. Họ đã chuyển nghề. Trải qua bao bước thăng trầm, ngày nay nghề dát vàng được khôi phục và phát triển.  ***? Em hãy cho biết vai trò của nghề dát vàng?***  - HS trình bày vai trò của nghề dát vàng.  - GV chốt kiến thức.  **HĐ2(16’)**  ***? Trong lớp ta có bạn nào đã tham gia làm nghề này?***  - HS đưa ý kiến.  ***? Vậy em tham gia làm việc gì hay có thể làm được tất cả các công đoạn?***  - HS trả lời.  ***? Trong khi làm, em có biết để làm ra một sản phẩm quỳ vàng cần phải trải qua những công đoạn nào?***  - HS phát biểu cá nhân  - GV cho học sinh xem video về công đoạn làm quỳ vàng.  ***? Sau khi xem đoạn video trên em có suy nghĩ gì về công việc làm quỳ vàng?***  - HS thể hiện các công đoạn làm quỳ vàng trên lớp (công đoạn Trại quỳ)  - Học sinh giới thiệu sản phẩm của công đoạn mà mình làm được.  **HĐ3(8’)**  Hiện nay ở Kiêu Kỵ nghề dát vàng vẫn tồn tại và phát triển để nghề này phát triển như ngày hôm nay là nhờ vào những nghệ nhân. Họ đã có công duy trì và bảo tồn làng nghề.  ***? Em có biết nghệ nhân nào ở địa phương em?***  - GV yêu cầu HS các nhóm lên trình bày tư liệu sưu tầm giới thiệu về nghệ nhân.  - HS giới thiệu về nghệ nhân.  (dùng ảnh hoặc clip)  - Giáo viên dùng video giới thiệu về một nghệ nhân đã tìm hiểu. | **I. Giới thiệu chung về làng nghề:**  **1. Vị trí địa lí: (Slides: 3,4,5)**  - Thuộc đất Đông Ngàn, Kinh Bắc xưa, nay thuộc huyện Gia Lâm (Hà Nội).  - Nằm cạnh đường 179, phía bờ Bắc sông Hồng, cách trung tâm thủ đô khoảng 15 km.  **2. Nguồn gốc: (Slides: 6,7)**  - Có lịch sử trên 400 năm do danh nhân Nguyễn Quý Trị truyền dạy.  **3. Quá trình phát triển: (Slide 8)**  - Trước cách mạng Tháng Tám: nghề làm vàng quỳ rất phát đạt.  - Trong kháng chiến: làng nghề dường như bị mai một,  - Khi đất nước thống nhất: làng nghề được vực dậy.  - Ngày nay: nghề dát vàng được khôi phục và phát triển.  **4. Vai trò: (Slide 9)**  - Cung cấp sản phẩm cho tất cả các công trình tín ngưỡng, dùng để dát tượng phật, hoành phi, câu đối...  - Dát lên đồ mĩ nghệ.  - Đem lại giá trị kinh tế cao.  - Là một trong những nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc.  ***Là làng nghề duy nhất trong cả nước chuyên làm quỳ vàng.***  **II. Các công đoạn làm quỳ vàng**  **(Slides: 10,11)**  Bốn công đoạn chính:  - Làm lá giống  - Vỡ quỳ  - Khâu làm mâm  - Trại quỳ  **Các công đoạn đều cần sự kiên trì và khéo léo.**  **III. Nghệ nhân làng nghề**  **(Slides: 12,13)**  1. Lê Bá Chung  2. Nguyễn Thị Tựa  3. Lê Văn Vòng |

**3*. Củng cố (2’)***

- GV: Khái quát lại toàn bài, chốt lại kiến thức cần nắm.

- Sống tại địa phương có làng nghề truyền thống, em thấy cần phải làm gì?

**4. *Hướng dẫn các hoạt động tiếp theo(1’)*****(Slide 14)**

- Về nhà tiếp tục sưu tầm tư liệu tranh ảnh về làng nghề dát vàng Kiêu Kỵ.

- Cùng tham gia vào làm nghề. Chuẩn bị bài sau

***5.Rút kinh nghiệm, bổ sung:.............................................................................***

**5. LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG XÃ** **KIM LAN**

**HUYỆN GIA LÂM- TP HÀ NỘI**

**PHẦN I. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ XÃ KIM LAN – HUYỆN GIA LÂM – TP HÀ NỘI**

Xã Kim Lan nằm ở phía tây nam huyện Gia Lâm- Thành phố Hà Nội. Phía bắc là sông Bắc Hưng Hải và xã Bát Tràng, phía nam giáp xã Văn Đức, phía đông giáp xã Xuân Quan (Hưng Yên), phía tây giáp sông Hồng, bên kia sông Hồng là phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai. Kim Lan có vị trí quan trọng có con đường 179 qua bến phà Khuyến Lương. Đây là con đường chiến lược chi viện người, lương thực, thực phẩm, đạn dược cho chiến trường Miền Nam trong những năm kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Năm 2018, xã có 08 thôn với 6200 nhân khẩu, sinh sống trên diện tích 2,92km2

Kim Lan là một xã có truyền thống lịch sử lâu đời. Theo ngọc phả của Viện Hàn Lâm Đông Các thì tên làng Kim Lan có từ thời tiền Lý. Tính đến nay đã được hơn 1400 năm. Tháng 4 năm 1961, Quốc hội nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa phê chuẩn Nghị quyết của Chính phủ về việc mở rộng địa giới hành chính Thủ đô Hà Nội lần thứ nhất, xã Kim Lan, huyện Gia Lâm thuộc về Thành phố Hà Nội từ ngày 31/5/1961.

Kim Lan là làng nghề truyền thống sản xuất gốm sứ đã được thành phố công nhận. Theo kết quả khảo cổ học tại di chỉ Hàm Rồng thuộc xã Kim Lan cho thấy Kim Lan có nghề sản xuất gốm sứ từ rất lâu đời, đồ gốm cổ được phát hiện có số lượng nhiều nhất có từ đời Đường thế kỷ thứ VII-X đến thời Lê thế kỷ thứ XII-XVIII. Hiện nay Kim Lan có Nhà Bảo tàng gốm sứ trưng bày các cổ vật gốm sau khi khai quật, là nhà bảo tàng cộng đồng đầu tiên tại Việt Nam. Kim Lan đang ngày càng phát triển, khẳng định vị thế của một làng gốm cổ ven sông Hồng.

**PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG XÃ**

**KIM LAN TỪ NĂM 1930 ĐẾN NAY**

1. **Vị trí địa lí**

Xã Kim Lan nằm ở phía tây nam huyện Gia Lâm - Thành phố Hà Nội. Xã Kim Lan ngày nay có diện tích 2,92km2, chạy từ phía Bác giáp sông Bắc Hưng Hải đến phía Nam là bến đò Văn Đức dài khoảng 1596m, bề ngang tại điểm phía Bắc từ đê Xuân Quan ra đến bờ sông Hồng là 348m, bề ngang phía cuối làng giáp đường 197 từ bờ đò ra đến sông Hồng là 684 m, phía Đông giáp xã Xuân Quan (huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên); phía Tây là sông Hồng; bên kia sông là phố Thúy Lĩnh (thuộc phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai). Làng Kim Lan nằm ở vùng đất cựu phía trong đê nên xã Kim Lan mới thuộc tổng Đông Dư gồm các làng cổ.

**2**. **Lịch sử hình thành**

Căn cứ vào các sách đã dẫn, dựa theo truyền thuyết còn lưu truyền và các cổ vật được thu dưới lòng đất ở khu Hàm Rồng và các xã xung quanh Kim Lan, có thể khẳng định người dân Kim Lan đã sinh sống trên mảnh đất này với hàng ngàn năm lịch sử.

Trong sách tên làng xã Việt Nam đầu thế kỉ XIX cho biết, vào thời cuối triều Lê đầu triều Nguyễn, Kim Lan là một xã độc lập thuộc tổng Đông Dư, Phủ Thuận An, trấn Kinh Bắc, năm Minh Mệnh 12-1831 đổi thành tỉnh Bắc Ninh. Năm 1912, huyện Gia Lâm từ phủ Thuận Thành (Thuận An) cũ đã được cắt về phủ Từ Sơn. Năm 1948, xát nhập 3 xã Kim quan, Bát Tràng, Giang Cao thành một lấy tên là xã Quang Minh, thuộc huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh. Đến tháng 2 năm 1949, huyện Gia Lâm cắt về tỉnh Hưng Yên, tháng 11 năm 1949 lại cắt trả về Bắc Ninh. Năm 1958, sau khi đào sông Bắc Hưng Hải, thôn Kim Quan năm ở phía Nam, còn hai làng Bát Tràng và Giang Cao nằm ở phía Bắc của sông. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 301/- NĐ-CQTT, Kim Lan lại trở về với tên gọi có từ xã xưa là xã Kim Lan, thuộc huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh. Ngày 20 tháng 4 năm 1961, Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa khóa II kỳ họp thứ 2 phê chuẩn Nghị Quyết của Chính phủ về việc mở rộng địa giới Thủ đô Hà Nội lần thứ nhất, xã Kim Lan được nhập về Hà Nội.

**3.Đặc điểm dân cư**

Hiện nay xã có 08 thôn với 6200 nhân khẩu. Người dân Kim Lan trước kia chủ yếu sống bằng nghề nông. Dân cư mang bản chất thật thà, chất phác, nhân hậu, có tinh thần đoàn kết cao và truyền thống yêu nước, đấu tranh cách mạng.

**4. Đời sống văn hóa, kinh tế, chính trị**

***a.Về chính trị***

Tháng 10 năm 1947, Chi bộ Đảng đầu tiên được thành lập và giữ vai trò lãnh đạo nhân dân Kim Lan. Tháng 4 năm 1961, Quốc hội nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa phê chuẩn Nghị quyết của Chính phủ về việc mở rộng địa giới hành chính Thủ đô Hà Nội lần thứ nhất, xã Kim Lan, huyện Gia Lâm thuộc về Thành phố Hà Nội từ ngày 31/5/1961.

***b.Về kinh tế***

Kim Lan phát triển các ngành kinh tế đa dạng.

Kim Lan có 118,93 ha là đất nông nghiệp.Trong nông nghiệp, nhân dân chủ yếu trồng ngô, rau màu, cây ăn quả vì đất bãi ven sông phù sa màu mỡ nhưng là đất cát pha không thích hợp cho việc trồng lúa nước và chịu ảnh hưởng của lũ trên sông Hồng. Bên cạnh đó, người dân Kim Lan còn trồng dâu, nuôi tằm để cung cấp nguyên liệu cho nghề dệt lụa. Ông Nguyễn Thạch Việt - ông tổ nghề trồng dâu, nuôi tằm được nhân dân địa phương tôn làm thành hoàng làng và thờ tại Miếu Bản, đình làng. Tuy nhiên ngày nay nghề dệt lụa cũng như trồng dâu nuôi tằm ở Kim Lan không phải là ngành kinh tế mũi nhọn nữa. Ngoài ra, nhân dân Kim Lan còn chăn nuôi để tăng thêm thu nhập và cải thiện đời sống. Nghề đánh cá trên sông Hồng cũng được chú trọng. Hàng năm cứ đến mùa cá mòi là người dân chài lưới ven sông lại tấp nập cho một mùa cá bội thu trời ban. Đó là lộc mà trời đất đã dành tặng riêng cho con người Kim Lan- một vùng đất địa linh nhân kiệt.

Không chỉ phát triển nông nghiệp, ngư nghiệp mà Kim Lan còn là một làng nghề gốm sứ truyền thống. Kim Lan có nghề sản xuất gốm sứ từ rất lâu đời, đồ gốm cổ được phát hiện có số lượng nhiều nhất có từ đời Đường thế kỷ thứ VII-X đến thời Lê thế kỷ thứ XII-XVIII. Các hiện vật gốm sứ cổ khai quật được ở khu di chỉ Hàm Rồng, được trưng bày tại nhà Bảo tàng gốm sứ Kim Lan. Người dân hiện nay đã tích cực khôi phục thương hiệu gốm sứ Kim Lan- làng gốm cổ ven sông Hồng. Trong giai đoạn đổi mới, Kim Lan đã chuyển đổi cơ cấu kinh tế, phát triển sản xuất gốm sứ truyền thống. Hiện nay, nghề gốm sứ truyền thống đang được các cấp lãnh đạo quan tâm, có kế hoạch phát triển làng nghề, đổi mới công nghệ sản xuất từ lò hộp sang lò ga nhằm tạo ra thương hiệu cho sản phẩm, nâng cao đời sống nhân dân. Năm 2017 giá trị sản xuất ngành gốm sứ đạt 550 tỷ đồng/ tổng 653,47 tỷ tăng 63,7%, tổng số lò ga trên địa bàn 338/350 lò, chiếm 96,57%. Gốm sứ của Kim Lan đa dạng về mẫu mã, chất lượng ngày càng cao với nhiều thợ lành nghề (có 6 nghệ nhân làng nghề). Nghề gốm đã đưa Kim Lan tiến xa hơn trên con đường phát triển kinh tế và nhiều người con Kim Lan đã làm giàu trên chính quê hương mình bằng tình yêu từ gốm cổ truyền.



**Bảo tàng gốm sứ Kim Lan**

Bên cạnh phát triển thủ công nghiệp, kinh doanh, buôn bán đường sông, đường bộ thuận lợi. Việc buôn bán đó càng thúc đẩy nghề gốm cũng như nền kinh tế Kim Lan phát triển mạnh mẽ.

***c. Về đời sống văn hóa:***

Không chỉ chú trọng phát triển kinh tế, đời sống văn hóa tinh thần của người dân Kim Lan cũng rất phong phú. Cũng như các làng quê cổ kính, có truyền thống văn hóa lâu đời. Làng kim Lan có đầy đủ các di tích văn hóa: miếu, đình, chùa, nhà thờ, các di tích văn hóa này còn được gìn giữ và bảo tồn đến ngày nay. Đặc biệt Miếu Bản đã được Nhà nước công nhận là di tích lịch sử được xếp hạng vào năm 2003. Người dân theo đạo phật, đạo Thiên chúa, nhưng đều hướng tới một cuộc sống tốt đời đẹp đạo. Họ cùng nhau xây dựng các công trình văn hóa: Miếu Bản, chùa Linh Ứng Tự, đình làng, nhà thờ để phục vụ đời sống văn hóa tinh thần cũng như tâm linh.

Hàng năm các lễ hội truyền thống diễn ra thu hút đông đảo nhân dân tham gia. Những người con Kim Lan xa quê cũng cố gắng sắp xếp để trở về tham gia lễ hội truyền thống như hội làng truyền thống (10/1 âm lịch), lễ hội cầu mát.

Các công tác giáo dục, y tế, văn hóa…có nhiều thành tích, bộ mặt nông thôn thay đổi đáng kể. Về giáo dục, các trường của địa phương đều đạt trường chuẩn quốc gia. Với nhiều học sinh đỗ đạt vào các trường cao đẳng và đại học. Các em chính là niềm tự hào của người dân Kim Lan. Kim Lan cũng là xã đi đầu trong phong trào xây dựng thôn làng văn hóa, gia đình văn hóa, nông thôn mới. Kim Lan đã được thành phố công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2015.

**5**.**Những đóng góp của địa phương trong sự phát triển của Huyện**

Xã Kim Lan không chỉ là vùng đấtđịa linh nhân kiệt,có nền kinh tế, văn hoá phát triển mà còn là địa phương có truyền thống cách mạng. Kim Lan vốn nằm sát bến phà, cầu phao Khuyến Lương, nối liền với đường quốc lộ 179 – con đường huyết mạch trong những năm chiến tranh chống Mĩ nên bị bắn phá ác liệt. Giai đoạn 1930 – 1945 nhân dân Kim Lan tích cực tham gia các cuộc vận động cách mạng. Tổng khởi nghĩa tháng 8/1945 người dân Kim Lan đã tham gia mít tinh tổng khởi nghĩa giành chính quyền tại Hà Nội, xây dựng chính quyền cách mạng mới tại địa phương. Giai đoạn 1946- 1954: tích cực tham gia kháng chiến chống Pháp. Giai đoạn 1954 – 1975 phát triển kinh tế, văn hóa, xây dựng chủ nghĩa xã hội, tăng gia sản xuất, đóng góp sức người, sức của cho chiến trường miền Nam. Chiến tranh du kích chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ. Đặc biệt, năm 2018 Chủ tịch nước đã ký quyết định phong tặng Danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang thời kỳ chống Mỹ cứu nước cho Nhân dân, cán bộ và lực lượng vũ trang xã Kim Lan. Đây là sự ghi nhận những thành tích, những đóng góp, những hy sinh to lớn của các thế hệ cha ông, những người con ưu tú của quê hương Kim Lan đã hy sinh anh dũng, đóng góp một phần xương máu cho nền độc lập tự do của Tổ quốc, làm rạng rỡ thêm những trang sử vàng của mảnh đất Gia lâm anh hùng. Thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng góp phần xây dựng Gia Lâm giàu đẹp, đưa đất nước phát triển trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

**PHẦN III. GIÁO ÁN DẠY HỌC**

**DI TÍCH LỊCH SỬ XÃ KIM LAN – HUYỆN GIA LÂM – TP. HÀ NỘI**

**(Từ 1930 đến nay)**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức:**

- Nắm được những nét chính của lịch sử địa phương Kim Lan từ năm 1930 đến nay: vị trí địa lí, dân cư, tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, phong trào yêu nước cách mạng.

- Thấy được tinh thần anh dũng kháng chiến chống giặc ngoại xâm của nhân dân Kim Lan trong kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ, những thành tựu kinh tế, văn hóa của địa phương Kim Lan trong thời kì đổi mới.

**2.** **Kĩ năng:** Rèn luyện kĩ năng sưu tầm, phân tích tư liệu, tranh ảnh, đánh giá các sự kiện lịch sử.

**3. Thái độ:** Tự hào và phát huy truyền thống của địa phương Kim Lan.

**II.Chuẩn bị:**

**1. GV:** Giáo án, tư liệu, tranh ảnh, máy chiếu, máy tính.

**2. HS:** Sưu tầm tranh ảnh, tư liệu về lịch sử địa phương Kim Lan, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giáo viên ( mỗi tổ sưu tầm tư liệu, tranh ảnh, tìm hiểu về một nội dung)

**III.Tiến trình bài học:** .

**1. Ổn định tổ chức (1’)**

**2. Bài mới (36’)**

**\* Giới thiệu bài (1’):** GV chiếu một đoạn phim tư liệu về địa phương Kim Lan và dẫn vào bài (Slide 2,3)

**\* Nội dung bài học (35’)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu về vị trí địa lí và dân cư (3’)**  - GV cho HS quan sát bản đồ hành chính xã Kim Lan hiện nay (Slide 4+ 5) -> GV giới thiệu về vị trí địa lí, dân số của Kim Lan.  Xã Kim Lan nằm ở phía tây nam huyện Gia Lâm- Thành phố Hà Nội. Phía bắc là sông Bắc Hưng Hải và xã Bát Tràng, phía Nam giáp xã Văn Đức, phía đông giáp xã Xuân Quan (Hưng Yên), phía Tây giáp sông Hồng. Kim Lan là xã có diện tích nhỏ (2,92 km2), dân số khoảng 6200 dân.  **Hoạt động 2: Tìm hiểu tình hình chính trị (5’)**  ***? Nêu những nét nổi bật về chính trị của Kim Lan từ năm 1930 đến nay?***  - Đại diện tổ 1 dựa vào phần chuẩn bị của tổ trình bày.  - Các tổ khác nhận xét, bổ sung.  - GV bổ sung: Tháng 4 năm 1961, Quốc hội nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa phê chuẩn Nghị quyết của Chính phủ về việc mở rộng địa giới hành chính Thủ đô Hà Nội lần thứ nhất, xã Kim Lan, huyện Gia Lâm thuộc về Thành phố Hà Nội từ ngày 31/5/1961.  **Hoạt động 3: Tình hình kinh tế (10’)**  ***? Em hãy giới thiệu về tình hình kinh tế của Kim Lan từ năm 1930 đến nay?***  - Đại diện tổ 2 giới thiệu 1 số tư liệu, tranh ảnh về tình hình kinh tế của Kim Lan từ năm 1930 đến nay (đặc biệt là nghề trồng trọt, nghề gốm sứ thủ công truyền thống) (Slide 6,7)  - Các tổ khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, bổ sung, giới thiệu thêm tranh ảnh:  + Ông Nguyễn Thạch Việt – ông tổ nghề trồng dâu, nuôi tằm được nhân dân địa phương tôn làm thành hoàng làng và thờ tại Miếu Bản, đình làng (Slide 8)  + Nghề gốm sứ truyền thống có từ lâu đời (các hiện vật gốm sứ cổ khai quật được ở khu di chỉ Hàm Rồng, được trưng bày tại nhà Bảo tàng gốm sứ Kim Lan) (Slide 9). Hiện nay chuyển đổi từ lò hộp đốt than (Slide 10) sang lò ga (300 lò ga) (Slide 11, 12,13)  + Kinh doanh, buôn bán đường sông, đường bộ thuận lợi (hình ảnh Slide 14, 15)  ***? Tại sao trong nông nghiệp, Kim Lan không trồng lúa nước mà chỉ trồng rau, màu, cây ăn quả?***  HS trả lời cá nhân- Gv chuẩn kiến thức ( Slide 16)  **Hoạt động 4: Tình hình văn hóa - xã hội (7’)**  ***? Văn hóa của Kim Lan thời kì này có điểm gì nổi bật?***  *-* Đại diện tổ 3 trình bày phần tìm hiểu của tổ.  - Các tổ khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét và cho HS quan sát hình ảnh ( lễ hội, những công trình văn hóa) ( Slide 17,18,19)  ***? Em biết gì về đình làng, Miếu Bản, chùa Linh Ứng Tự, nhà thờ Kim Lan?***  - HS giới thiệu, trình bày.  - GV cho HS quan sát ảnhcác trường tại địa phương đón bằng công nhận đạt chuẩn quốc gia, lễ khuyến học tuyên dương học sinh đỗ đạt…( Slide 20, 21)  ***?Em có nhận xét gì về văn hóa, xã hội của Kim Lan thời kì này?***  HS nhận xét.  **Hoạt động 5: Phong trào yêu nước, cách mạng của nhân dân Kim Lan (10’)**  ***?Tinh thần yêu nước cách mạng của nhân dân Kim Lan đã được thể hiện như thế nào trong thời kì 1930 đến nay?***  *-* Đại diện tổ 4 trình bày phần sưu tầm, tìm hiểu của tổ.  - Các tổ khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, bổ sung  - GV giới thiệu và cho HS quan sát hình ảnh đài tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ của Kim Lan trong kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ; một số thành tựu nổi bật của địa phương trong thì kì đổi mới.  *Năm 2018 Chủ tịch nước đã ký quyết định phong tặng Danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang thời kỳ chống Mỹ cứu nước*  ***?Em có nhận xét gì về tinh thần yêu nước của***  ***nhân dân Kim Lan trong thời kì 1930 đến nay?***  - HS nhận xét  - GV sơ kết bài | **I. Vị trí địa lí**  - Nằm ở phía tây nam huyện Gia Lâm – Hà Nội.  **II. Dân cư**  -Dân số: 6200 người.  - Phân bố trên địa bàn 8 thôn.  **III. Tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa**  **1.Chính trị**  - Tháng 10 năm 1947, Chi bộ Đảng đầu tiên được thành lập và giữ vai trò lãnh đạo nhân dân địa phương.  **-** Tháng 5 năm 1961, Kim Lan thuộc về Thành phố Hà Nội.  **2. Kinh tế:**  ***a. Nông nghiệp:***  - Trồng ngô, rau màu, cây ăn quả.  - Trồng dâu, nuôi tằm.  - Chăn nuôi.  - Đánh cá  ***b. Thủ công nghiệp***  - Nghề mộc  - Nghề gốm sứ: phát triển mạnh.  ***c. Thương nghiệp:***  Kinh doanh, buôn bán khá phát triển.  **3. Văn hóa – xã hội:**  - Lễ hội: Hội làng truyền thống ( 10/1 âm lịch), lễ hội cầu mát.  - Tôn giáo: đạo Phật, đạo Thiên chúa  - Công trình văn hóa: Miếu Bản, chùa Linh Ứng Tự, đình làng, nhà thờ.  - Giáo dục:  + Các trường của địa phương đều đạt trường chuẩn quốc gia.  + Nhiều học sinh đỗ đạt.  - Xây dựng thôn làng văn hóa, gia đình văn hóa, nông thôn mới.  **III. Phong trào yêu nước, cách mạng của nhân dân Kim Lan**  - 1930 – 1945: Tích cực tham gia các cuộc vận động cách mạng.  - 8/1945:  + Tham gia mít tinh tổng khởi nghĩa giành chính quyền tại Hà Nội.  + Xây dựng chính quyền cách mạng mới tại địa phương  - 1946- 1954: Tích cực tham gia kháng chiến chống Pháp.  - 1954 – 1975:  + Phát triển kinh tế, văn hóa, xây dựng chủ nghĩa xã hội.  + Tăng gia sản xuất, đóng góp sức người, sức của cho chiế miền Nam.  + Chiến tranh du kích, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ.  + Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và đạt nhiều thành tựu. |

**3 .Củng cố bài: ( 5’)**

- Khái quát những nét nổi bật nhất của địa phương Kim Lan từ 1930 đến nay?

- Là công dân của xã Kim Lan, em có suy nghĩ gì sau khi học xong tiết này?

**4. Hướng dẫn hoạt động tiếp theo (1’):** Học bài, sưu tầm tranh ảnh, tư liệu về lịch sử địa phương Kim Lan các thời kì.

**5. Rút kinh nghiệm:**

................................................................................................................................

................................................................................................................................

**6. LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG THỊ TRẤN TRÂU QUỲ**

**HUYỆN GIA LÂM – TP HÀ NỘI**

**PHẦN I. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ THỊ TRẤN TRÂU QUỲ -HUYỆN GIA LÂM – TP HÀ NỘI**

Thị trấn Trâu Quỳ nằm ở trung tâm huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Phía đông giáp với xã Phú Thị, Dương Xá, phía tây giáp với xã Đông Dư và quận Long Biên. Phía nam giáp với xã Đa Tốn, phía bắc giáp với xã Cổ Bi, Đặng Xá và quận Long Biên.

Hiện nay thị trấn Trâu Quỳ có 12 tổ dân cư: An Lạc, An Đào, Đào Nguyên, Cửu Việt, Kiên Thành, Voi Phục, Bình Minh, Chính Trung, Vườn Dâu, Nông Lâm, Thành Trung, Kiên Trung. Diện tích tự nhiên là 724,8 ha với tổng số dân 23 vạn người. Đảng bộ thị trấn có 810 đảng viên, sinh hoạt tại 22 chi bộ.

Trước đây nhân dân thị trấn Trâu Quỳ sinh sống bằng nghề nông là chính. Nằm giữa trung tâm vùng đồng bằng, được hình thành trên trầm tích sa bồi với loại đất chủ yếu là phù sa cộng với sự chịu khó của người lao động, đất và người Trâu Quỳ đã tạo ra những hạt thóc, củ khoai có tiếng trong vùng.

Hiện nay Thị trấn Trâu Quỳ có nền kinh tế đa ngành nghề: Trồng lúa, trồng hoa màu, đặc biệt phát triển ngề sản xuất và buôn bán cây giống, phục vụ cho các tỉnh thành trong cả nước. Ngoài ra Trâu Quỳ còn phát triển các dịch vụ: Nhà hàng ẩm thực dọc con đường Trâu Quỳ rất tấp nập đông vui. Hệ thống nhà trọ phong phú với những tòa nhà cao tầng, cửa hàng, cửa hiệu…. hứa hẹn một sự phát triển mạnh, đời sống của người dân Trâu Quỳ từng ngày được nâng cao.

**PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ QUÁ TRÌNH THAM GIA CÁCH MẠNG**

**CỦA NHÂN DÂN THỊ TRẤN TRÂU QUỲ**

1. **Lịch sử hình thành thị trấn Trâu Quỳ**

Thị trấn Trâu Quỳ thuộc huyện Gia Lâm, nằm ở phía đông của thủ đô Hà Nội, có một ý nghĩa lớn, là vành đai cho sự phát triển của Thủ Đô ngàn năm văn hiến.



Khu vực thị trấn Trâu Quỳ hiện nay vốn là một vùng lau sậy, cỏ lác, vùng đất cổ thuộc bộ Vực Ninh thời Việt Cổ; sau đó thuộc đạo Bắc Giang thời Đinh; lộ Bắc Giang thời Tiền Lê và thời Lý. Thời Trần thuộc Gia Lâm lộ Kinh bắc Từ năm 1428 Trâu Quỳ thuộc Bắc Đạo. Từ năm 1466 thuộc Gia Lâm phủ Thuận An – Kinh Bắc.Trải qua các thời Mạc, Trịnh Lê, Nguyễn, Trâu Quỳ vẫn thuộc Huyện Gia Lâm phủ Thuận An xứ Kinh Bắc. Sau cách mạng tháng tám đồn điền Mác ti bị xóa bỏ. Tháng 10- 1945 Ủy ban cách mạng huyện Gia Lâm chia khu đồn điền thành bốn xã là Chính Trung, Lạc Việt, Tân Trung và Trung Dương. Đến 1948 bốn xã hợp nhất thành xã mới là xã Quang Trung. Đến tháng 10 năm 1956 địa giới xã Trâu Quỳ có thay đổi các thôn Đào Nguyên, An Phú, Chính Trung bàn giao một phần diện tích đất cho nhà nước để xây dựng nông trường và học viện Nông lâm. Đến năm 1966 xã Quang Trung đổi tên thành xã Trâu Quỳ.

Trải qua những năm đầu của thế kỉ XIX, dân ở tứ xứ tới ngụ cư ở Trâu Quỳ gồm có tỉnh Hưng Yên, Hà Nam, Nam Định… Họ đã tới vùng đất Trâu Quỳ cải tạo đồng hoang thành nơi canh tác, sản xuất. Những mái lều vách bưng bằng cây sậy, lợp cỏ tranh bên ngôi nghè rêu phong giữa vùng hoang hóa, đã hình thành lên những ấp, trại nhỏ. Từ những năm 1894 người dân đến ngụ cư ngày càng đông, nhiều mái nhà tranh cao rộng được dựng lên từ những cây xoan, tre. Đến đầu thế kỉ XIX các ấp ở vùng Trâu Quỳ có khoảng 200 nóc nhà và hơn 500 lao động chính, ít lao động phụ và người ăn theo.

**2.Những đóng góp của địa phương Trâu Quỳ cho cách mạng**

a. Giai đoạn đoạn 1930 – 1945

Đầu năm 1930 Đảng cộng sản Việt Nam thành lập trên cơ sở hợp nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam. Tiếp thu tư tưởng chủ nghĩa mác Lê Nin, họ chia sẻ cùng bàn bạc, với nhau những hiểu biết về con đường cách mạng vô sản, chi bộ cộng sản sớm được thành lập. Nhiều gia đình đã cho con em mình tham gia cách mạng và trở thành đảng viên. Cuối 1930 tại nhà máy xe lửa Gia Lâm, ấp Sủi xuất hiện cờ đỏ búa liềm và có hoạt động ủng hộ Xô Viết Nghệ Tĩnh. Cách mạng tháng 8 năm 1945, nhân dân xã Trâu Quỳ hăng hái tham gia khởi nghĩa:

Trong một thời gian ngắn với lực lượng chính trị đông đảo, kết hợp với lực lượng tự vệ cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Trâu Quỳ thắng lợi. Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa giành chính quyền trong phạm vi cả nước nói chung và ở Trâu Quỳ nói riêng có ý nghĩa vô cùng trọng đại. Nó đập tan ách thống trị hàng ngàn năm của chế độ phong kiến và hơn 1 trăm năm của đế quốc thực dân. Từ địa vị người tá điền, quanh năm cày thuê cuốc mướn, người dân Trâu Quỳ đã trở thành người chủ thực sự. Quan trọng hơn nhân dân Trâu Quỳ có đủ điều kiện để cống hiến khả năng của mình vào sự nghiệp bảo vệ và xây dựng quê hương, cho dù phía trước còn muôn vàn khó khăn, thử thách nhưng tất cả đều hướng tới một ngày mai tươi sáng của quê hương và đất nước.

b. Giai đoạn đoạn 1945 – 1954

Hưởng ứng lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chủ Tịch, dưới sự lãnh đạo của ban cán sự huyện Gia Lâm, nhân dân ở khu đồn điền Trâu Quỳ đoàn kết một lòng đứng lên kháng chiến. Nhân dân kết hợp với bộ đội tích cực tuần tra canh gác xây dựng vùng ven Hà Nội thành khu du kích, góp phần cùng quân dân Thủ Đô đánh giặc trong thành phố suốt 60 ngày đêm. Thực hiện chủ trương phá đường giao thông của địch, các ấp ở ven đường 5 đã vận động nhân dân tiến hành tiêu thổ kháng chiến, đi tản cư. Lực lượng tự vệ đắp ụ, lập chướng ngại vật để cản bước tiến của quân giặc. Các cuộc tấn công vào đồn bốt giặc như: Bốt núi Ông Voi, Bốt Phú Thị, bốt Đường Hai đã góp phần không nhỏ cho thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ, kết thúc 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp đầy oanh liệt.

c.Giai đoạn 1954-1975

Nhân dân Trâu Quỳ bắt tay vào công cuộc phục hồi ,phát triển kinh tế, văn hóa sau chiến tranh; cải cách ruộng đất, cải tạo quan hệ sản xuất , bước đầu phát triển kinh tế -xã hội; đóng góp sức người, sức của cho chiến trường miền Nam; thực hiện chiến tranh du kích chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ. Những thành quả lớn lao của nhân dân Trâu Quỳ trong giai đoạn 1954-1975 đã góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng chủ ngĩa xã hội ở miền Bắc và sự nghiệp giải phóng miền Nam , thống nhất nước nhà.

Thị trấn Trâu Quỳ không chỉ là vùng có nền kinh tế, văn hoá phát triển mà còn là địa phương có truyền thống cách mạng. Từ năm 1930 đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân Trâu Quỳ đã cùng nhân dân cả nước lật đổ ách thống trị của thực dân phong kiến, kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ thắng lợi, thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng góp phần đưa đất nước phát triển trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

**PHẦN III. GIÁO ÁN DẠY HỌC**

**QUÁ TRÌNH THAM GIA CÁCH MẠNG CỦA NHÂN DÂN THỊ TRẤN TRÂU QUỲ TỪ 1930-1975**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Những nét chính về thị trấn Trâu Quỳ

- Truyền thống lịch sử và văn hóa của thị trấn Trâu Qùy.

- Những biến đổi về kinh tế, xã hội của thị trấn Trâu Qùy đầu thế kỷ XX.

- Phong trào cách mạng ở Trâu Quỳ từ 1930-1975.

**2. Kỹ năng:**

Góp phần hình thành kỹ năng sưu tầm, phân loại, thiết kế, tổ chức, trình bày tư liệu.

**3. Thái độ:**

Bồi đắp lòng tự hào về những giá trị truyền thống của thị trấn Trâu Qùy và quê hương Gia Lâm.

**II. Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên**: Lịch sử đảng bộ Trâu Qùy, lịch sử Đảng bộ huyện Gia Lâm, tài liệu, di sản phi vật thể, giáo án, tranh ảnh, video clip về thị trấn Trâu Qùy và quê hương Gia Lâm.

**2. Học sinh**: sưu tầm, chuẩn bị tranh ảnh, tư liệu về thị trấn Trâu Qùy; đọc và trả lời các câu hỏi mà giáo viên yêu cầu.

**III. Tiến trình bài học:**

**1. Ổn định tổ chức (1ph)**

**2. Bài mới ( 1ph)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Yêu cầu cần đạt** |
| **Hoạt động 1: (12’)**  **Giới thiệu khái quát về thị trấn Trâu Quỳ**  GV. Giới thiệu cho HS về bản đồ hành chính hiện nay của thị trấn Trâu Quỳ  **(SLIDE 2 )**  Nêu những hiểu biết của em về TT Trâu Quỳ (diện tích, dân số…)?  GV: Em hãy kể tên các tổ dân phố hiện nay của thị trấn Trâu Quỳ?  (An Lạc, Chính Trung, Bình Minh, Voi Phục, Kiên Trung, Thành Trung, Cửu Việt, Đào Nguyên, Nông Lâm, Vườn Dâu, An Đào, Kiên Thành)  GV: mở rộng kiến thức về lịch sử hình thành TT Trâu Quỳ đã có từ thời xa xưa thông qua một số hình ảnh **(SLIDE 3,4,5,6,7,8,9)**  ? Nét chính về văn hóa Trâu Quỳ ( tín ngưỡng, tập quán)?  HS: trả lời  GV nhận xét, bổ sung, mở rộng kiến thức  GV: Cho hs quan sát đình Bình Minh **(SLIDE10,11,12,13,14,15,16 )**  GV giải thích “Cố Đô tự” Sự tích 100 con Phượng Hoàng bay tìm đất kinh đô, có 99 con đậu ở Bình Minh nhưng còn 1 con đầu đàn ko đậu mà bay đi, nên có tên là “Cố Đô tự”  ? Em có nhận xét về văn hóa Trâu Quỳ?  Phong phú, đa dạng, đậm chất văn hóa đồng bằng sông Hồng.  ? Tại sao phong tục tập quán lại phong phú?  HS: Vì dân cư nhiều tỉnh, nhiều vùng đã ngụ cư ở Trâu Quỳ  GV chốt ý và chuyển sang ý mới  **Hoạt động 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Trâu Quỳ trong giai đoạn 1930-1975 (25’)**  - GV cung cấp tài liệu về thị trấn Trâu Quỳ từ năm 1930-1975 cho học sinh nghiên cứu trước .  Các nhóm chuẩn bị ở nhà  Tình hình Trâu Quỳ và những đóng góp của địa phương qua các giai đoạn lịch sử ?   * Giai đoạn 1930-1945(Nhóm 1) * Giai đoạn 1945-1954( Nhóm 2) * Giai đoạn 1954-1975(nhóm 3)   ***Tinh thần yêu nước cách mạng của nhân dân Trâu Quỳ đã được thể hiện như thế nào trong thời kì 1930 đến nay?***  *-* Đại diện nhóm 1 trình bày .  - Các nhóm nhận xét, bổ sung.  GV nhận xét, bổ sung , liên hệ chính sách cai trị của Mac-ty khiến cho đời sống nhân dân khổ cực**. (SLIDE 17,18)**  - Giải thích, nhấn mạnh các phong trào đấu tranh của nhân dân Trâu Quỳ trong giai đoạn đầu là đấu tranh trên lĩnh vực chính trị, hợp pháp và nửa hợp pháp vì quân Pháp còn mạnh, lực lượng ta yếu. Giai đoạn sau nhân dân Trâu quỳ đấu tranh chính trị kết hợp với vũ trang và tổng phản công tiêu diệt địch (CM tháng 8/1945) khi thời cơ đã chín muồi.  *-* Đại diện nhóm 2 trình bày .  - Các nhóm nhận xét, bổ sung.  GV nhận xét, bổ sung mở rộng kiến thức  GV:Cho học sinh quan sát những hình ảnh về Trâu Quỳ sau cách mạng và hình ảnh về bầu cử, phong trào diệt giặc đói, giặc dốt ở Trâu Quỳ  **(SLIDE 19,20,21,22,23 )**  GV: chốt  Kết quả: chính quyền được củng cố, nạn đói và nạn dốt được đẩy lùi, bảo vệ được thành quả cách mạng tháng Tám, chuẩn bị cho kháng chiến chống Pháp.  GV: tường thuật cuộc tấn công vào bốt núi Ông Voi  ? Những đóng góp của quân và dân Trâu Quỳ trong giai đoạn 1945-1954 có ý nghĩa như thế nào?  HS trả lời  GV nhận xét, liên hệ, cho HS xem hình ảnh những đoàn dân công :Trực tiếp mở những cuộc phản công , làm yếu sinh lực địch...  GV chốt và chuyển ý  *-* Đại diện nhóm 3 trình bày .  - Các nhóm nhận xét, bổ sung.  GV nhận xét, bổ sung mở rộng kiến thức  GV: Nhận xét chung các nhóm, đánh giá, cho điểm .  ? Suy nghĩ của em về những đóng góp của quân và dân Trâu Quỳ trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước?  GV liên hệ : Trâu Quỳ ngày nay , đang từng ngày thay đổi, phát triển mọi mặt về kinh tế văn hóa. Có được kết quả là nhờ sự quan tâm của các cấp lãnh đạo đảng và chính quyền địa phương **(SLIDE 25,26,27,28,29,30)** | **I. Giới thiệu khái quát về thị trấn Trâu Quỳ**  - Vị trí địa lí: Nằm ở vị trí trung tâm huyện Gia Lâm của huyện Gia Lâm.  - Gồm: 12 tổ dân cư.  - Diện tích: 724,8 ha  - Tổng số dân: 23vạn người.  - Kinh tế đa ngành nghề: Trồng hoa màu, đặc biệt phát triển nghề sản xuất và buôn bán cây giống, phát triển các dịch vụ( nhà hàng ẩm thực, hệ thống nhà trọ)  - Văn hóa  +Tín ngưỡng:Thờ cúng tổ tiên, thờ những người có công với đất nước  \* Đình Bình Minh thờ Phụng An Đô Vương Trịnh Cương (1686 – 1729)  \* Chùa Bình Minh (Cố Đô tự)  \* Chùa Dâu  +Tập tục rất phong phú (Sống đèn dầu… nghĩa tử là…lễ nhập quan…) (Lễ cưới hỏi…)  **II.Phong trào cách mạng ở Trâu Quỳ từ 1930-1975**  **1.Giai đoạn: 1930-1945**  - Phong trào đấu tranh sôi nổi, mạnh mẽ.  - Hình thức đấu tranh:Mít tinh, biểu tình, diễn thuyết, đấu tranh trên nghị trường, đấu tranh vũ trang...  - Tiêu biểu: Phong trào ủng hộ Xô Viết - Nghệ tĩnh (1930), bài điếu văn trong đám tang ông Nguyễn Bá Riệu (1936), đấu tranh bằng nghị viện (1939), cao trào kháng Nhật cứu nước và tổng khởi nghĩa (1945)  **2. Giai đoạn 1945-1954**  ***a.Giải quyết những khó khăn sau cách mạng***  +Xây dựng và củng cố chính quyền  +Diệt giặc đói  +Diệt giặc dốt  +Giải quyết khó khăn về tài chính  ***b.Nhân dân Trâu Quỳ kháng chiến chống Pháp***  - Hưởng ứng Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ Tịch Hồ Chí Minh (19/12/1946)  - Cùng nhân dân thủ đô đánh giặc 60 ngày đêm: Tản cư, tiêu thổ kháng chiến.  -Thực hiện chiến tranh du kích đánh vào các tuyến giao thông và bốt quân sự của địch ở khu vực đường 5:  + Bốt núi Ông Voi (3/1949)  + Cây số 14- đường 5, cách ga Phú Thị 800m (Đầu 1950)  + Bốt Đường Hai (cuối 1951)  + Bốt Phú Thị (30/4/1954)  *-> Góp phần làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ, kết thúc 9 năm kháng chiến chống Pháp.*  **3. Giai đoạn 1954-1975**  - Khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.  - Hoàn thành cải cách ruộng đất  - Cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế- văn hóa (1958-1960).  - Thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965)  -Vừa sản xuất, vừa chiến đấu bảo vệ miền Bắc và chi viện cho chiến trường miền Nam (1965-1975)  *-> Góp phần làm nên đại thắng mùa xuân 30/4/1975, thống nhất đất nước.* |

**=>** Gần 50 năm, thị trấn Trâu Qùy đã trải bao bước thăng trầm. thị trấn Trâu Qùy vẫn vẹn nguyên trong mình bao dấu ấn văn hóa, lịch sử như mạch ngầm không bao giờ dứt, xứng đáng là chốn hội tụ và lan tỏa tinh hoa của dân tộc Việt Nam.

***Cô cùng các em vừa tìm hiểu xong về thị trấn Trâu Qùy, vậy là một người con của quê hương Trâu Qùy yêu dấu em có tình cảm và suy nghĩ gì về quê hương của mình?***

**3. Củng cố** (5 phút): Trò chơi: Ai nhanh hơn

**-** Thảo luận nhóm về**: Sự biến đổi của thị trấn Trâu Qùy**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Thị trấn Trâu Qùy trước năm 1975** | **Thị trấn Trâu Qùy sau năm 1975** |
| **Hành chính** |  |  |
| **Văn hóa** |  |  |
| **Xã hội** |  |  |

**4. Hướng dẫn về nhà (1ph)**

**-** Sưu tầm tư liệu và câu chuyện về hành cung Cổ Bi.

**5. Rút kinh nghiệm:**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

**7. LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG XÃ VĂN ĐỨC**

**HUYỆN GIA LÂM – TP HÀ NỘI**

**PHẦN I. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ XÃ VĂN ĐỨC -**

**HUYỆN GIA LÂM – TP HÀ NỘI**

Nằm ven bờ tả ngạn sông Hồng, cửa ngõ phía đông nam Thủ đô Hà Nội, xã Văn Đức là xã cuối của huyện Gia Lâm. Phía đông nam tiếp giáp xã Phụng Công huyện Văn Giang tỉnh Hưng Yên, phía bắc giáp xã Xuân Quan huyện Văn Giang tỉnh Hưng Yên, phía tây bắc giáp đường 179, xã Kim Lan, phía tây nam liền kề với sông Hồng.

Dân số 8046 nhân khẩu, diện tích 6,83km (Năm 2018). Xã có 3 thôn: Trung Quan 1, Trung Quan 2, Trung Quan 3, Chử Xá, Sơn Hô và một bộ phận dân cư chuyên chở đò ngang trên sông Hồng.

Văn Đức là xã thuần nông, dân cư chủ yếu làm nông nghiệp đặc biệt là trồng rau xanh.Với đặc điểm nổi bật của vùng quê này nên năm 1961 xã Văn Đức được sáp nhập về Hà Nội để cung cấp rau xanh cho thành phố. Ngày nay bên cạnh nghề trồng rau một số ít hộ chuyển đổi sang chăn nuôi với hệ thống trang trại lớn và một bộ phận dân cư sống bằng nghề đánh bắt cá trên sông.

Xã có 3 đình, 2 chùa và 1 lăng mộ được nhà nước cấp bằng di tích lịch sử văn hóa, có 105 sắc phong thần của các triều đại Lê, Nguyễn (đình Trung Quan, lăng và đình Chử Xá được cấp bằng di tích quốc gia, đình Sơn Hô được cấp bằng di tích thành phố). Đặc biệt là làng Chử Xá (Chử Xá theo tiếng Hán là nhà họ Chử) nơi sinh và phát tích Đức Thánh Chử Đồng Tử.

**PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ DI TÍCH LỊCH SỬ CHỬ ĐỒNG TỬ**

**1. Giới thiệu về di tích**

Gia Lâm là vùng đất “địa linh nhân kiệt”, là quê hương của hai trong “Tứ Thánh bất tử”: Phù Đổng Thiên Vương và Đức Thánh Chử Đồng Tử. Chử Xá được coi là quê hương, nơi phát tích của truyền thuyết về thánh Chử, là “anh cả” của các làng thờ Chử Đồng Tử - Tiên Dung ở vùng châu thổ sông Hồng. Chử Xá còn có tên Nôm là làng Sứa, một làng Việt cổ nằm ven sông Hồng. Chử Xá được biết đến từ năm 1466, đời Lê Thánh Tông, với tên gọi là Chử Xá Châu, là một xã thuộc tổng Đại Quan, huyện Văn Giang, phủ Thuận An, trấn Kinh Bắc. Đến 1945, Chử Xá thuộc tổng Đại Quan, huyện Văn Giang thuộc trấn Bắc Ninh sau đổi thành tỉnh Bắc Ninh. Đến năm 1960, cả ba làng: Chử Xá, Sơn Hô, Trung Quan thuộc tổng Đại Quan được sáp nhập và đặt tên là xã Văn Đức. Năm 1961, xã Văn Đức được chuyển vào huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

Là người con đất Việt, ít ai không biết đến câu chuyện về chàng trai làng Sứa - một người con hiếu thảo, nhân ái. Sự gặp gỡ giữa chàng trai làng Chử Xá - Chử Đồng Tử với nàng Tiên Dung, con gái vua Hùng đã thêu dệt nên một thiên tình sử hay vào loại bậc nhất trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam. Chử Đồng Tử - Tiên Dung, những con người không tham danh vọng, không màng vinh hoa phú quý, suốt đời chỉ tìm đến những cái đẹp trong thiên nhiên, khai phá, tạo dựng những bãi bồi phù sa đã đi vào cõi bất tử trong tâm linh của người dân Việt.

Khi nhà Lý khởi nghĩa chống giặc Lương xâm lược được Chử Đồng Tử trao cho vuốt rồng bảo đem mũ đầu mâu có thể dẹp được giặc. Sau này, Triệu Quang Phục chém được giặc Lương, xưng vương lập là Triệu Việt Vương. Nhớ công lao phù trợ của Tiên Dung và Chử Đồng Tử, nhân dân trong vùng lập đền thờ.

Ở Chử Xá, ngoài ngôi đình thờ Chử Đồng Tử và nhị vị phu nhân ở đầu làng còn có khu lăng mộ thân phụ - thân mẫu của Thánh Chử phía cuối làng. Cụm di tích này đã được Bộ Văn hóa - thông tin xếp hạng là khu Di tích Lịch sử - Kiến trúc Nghệ thuật vào năm 1990.

Đình Chử Xá nằm ngay đầu làng, mặt quay hướng nam phía bờ sông. Trước kia, khuôn viên đình là một khu đất cao rộng có nhiều cây cổ thụ và cây ăn quả, phía trước có ao rộng, bên phải có miếu. Là công trình tín ngưỡng thờ Thành hoàng làng, đình được xây dựng khoảng thế kỉ XVII. Ngôi đình được xây dựng theo bố cục kiến trúc tiền chữ nhị, hậu chữ công. Hai bên sườn có hai dãy nhà giải võ. Mái đình được lợp ngói ta. Các trang trí chạm khắc được thể hiện công phu với các đề tài truyền thống với hình mây, lá, mai, trúc, rồng... Cột đình bằng gỗ có kích thước lớn, chân kê đá tạc hai lớp dưới vuông trên tròn. Giữa nhà đại bái đặt hương án lớn bằng gỗ có chạm trổ hình rồng, hình mặt trời và được sơn son thiếp vàng. Trong đình treo nhiều câu đối viết về công đức của Chử Đồng Tử. Hậu cung là nơi đặt thờ ngai và bài vị của các vị thần.



Đình Chử Xá – thờ Chử Đồng Tử

Theo các nguồn tư liệu thành văn còn lưu lại trong đình Chử Xá như: thần tích, sắc phong, bài vị và sử sách cho biết đình Chử Xá thờ Chử Đồng Tử và Tiên Dung công chúa, Hữu phu nhân, Càn Hải tứ vị đại vương và hai vị “Đương Niên, Đương Cảnh”.

Lăng mộ Chử Cù Vân là khu tưởng niệm vị thân phụ sinh ra Thần hoàng làng, nằm cách đình khoảng 1 cây số về phía Đông. Khu lăng có diện tích 300 mét vuông, xung quanh có tường bao bảo vệ. Cổng lăng được làm kiểu nghi môn tứ trụ, các trụ được xây bằng gạch, đỉnh trụ đắp bốn chim phượng đầu quay bốn hướng đuôi chụm vào nhau. Giữa khu lăng là ngôi mộ lớn xây gạch hình lục giác, mỗi cạnh dài 2,2 mét. Phía trong mộ xây một ngôi miếu nhỏ, kiểu hai tầng mái, lợp ngói vảy cá. Miếu có cửa vòm cuốn, phía trong xây bệ đặt hai pho tượng thân phụ và thân mẫu của đức Thánh Chử Đồng Tử.

Chử Xá là quê hương của thánh Chử và là nơi ở của những người họ Chử. Vì thế lễ hội Chử Đồng Tử ở đây được xem như giỗ tổ của họ Chử, của làng Chử Xá. Lễ hội được tổ chức tại đình làng và lăng thân phụ, thân mẫu của Chử Đồng Tử trong ba ngày từ 17 đến 19 tháng giêng âm lịch. Lễ hội được tổ chức với đầy đủ các nghi thức như: rước nước trên sông Hồng, nghi thức mộc dục, các bài tế, các màn múa. Ngày 17 tháng giêng (âm lịch) là ngày làm lễ rước nước. Một mâm cỗ chay gồm trầu cau oản xôi, chuối, chè kho… được bày cúng trên bệ thờ của thánh và nhị vị phu nhân; hai mâm cỗ mặn bày cúng trước bệ thờ của Càn Hải đại vương - Tứ vị thánh nương và hai vị Đương Niên - Đương Cảnh. Ở lăng thân phụ - thân mẫu của Chử Đồng Tử cũng tiến hành nghi lễ như vậy.

Đoàn rước khởi hành từ đình, đi về hướng lăng đón chóe đựng nước của thánh phụ- thánh mẫu ở đó rồi đi ra hướng bờ sông. Đi đầu đoàn rước là những nam thanh niên cầm cờ hội, cờ ngũ sắc, rồi đến đội trống chiêng của các vị trung niên mặc áo dài lễ màu viền đỏ có thắt lưng xanh. Tiếp đến là đội múa trống xếp chữ của các em trai trong lễ phục áo choàng đỏ, đầu thắt khăn dải đỏ. Theo sau là đội múa sinh tiền vừa đi vừa múa tạo tiếng nhạc từ những đồng xu được gắn trên thanh gỗ. Có hai cậu bé đóng giả nữ múa điệu con đĩ đánh bồng đi liền nhóm múa sinh tiền. Bốn thanh niên khiêng kiệu hương án, khiêng chóe nước. Đi sau kiệu nước là ban tế nam, ban tế nữ và cuối cùng là dân làng.

Đoàn rước ra đến bờ sông, lên thuyền bơi ngược dòng để lấy nước trong. Lấy nước xong, các thuyền đưa đoàn rước về bến rồi trở về lăng. Các chóe nước được đưa vào đình làm lễ. Sáng ngày 18 là ngày tế chính. Sau bài văn tế, các ban tế làm lễ dâng hương. Đặc biệt, nghi thức lễ chữ của 22 em trai sau khi các cụ tế xong làm cho không khí hội thêm rộn rã với màn múa chữ “Thiên hạ thái bình”. (Màn múa chữ này đã được phục dựng và vinh dự biểu diễn trong dịp kỉ niệm 1000 năm Thăng Long- Hà Nội).

Các trò chơi trong lễ hội xưa được dân làng tổ chức ở bãi đất ngoài sân đình. Đó là các trò đánh gậy, đua thuyền, chém mía, cắt đậu, đấu vật, chọi gà… Các trò chơi kéo dài suốt cả buổi chiều. Buổi tối làng còn có trò diễn chèo với các tích như: Phạm Công - Cúc Hoa, Tống Trân- Cúc Hoa, có khi cả tích chèo Chử Đồng Tử. Dân làng hăng hái tham gia các sinh hoạt cộng đồng và cùng nhau chúc tụng cho vụ mùa mới.

Ngày 19 làm lễ giải y, ngày lễ tạ, đóng cửa đình. Người ta dâng thánh một hũ mắm cá mòi. Tục lệ này còn được duy trì tới trước năm 1945. Lúc đó người dân làng vẫn còn chài lưới trên sông và trường đánh được cá mòi. Đó là giống cá nước lợ sống ở vùng cửa sông, thường được chế biến thành mắm khô dùng cho cả năm. Hũ cá được chuẩn bị từ năm trước, gồm một trăm con cá mòi to bằng bàn tay, lấy ruột, rửa sạch rồi xếp vào hũ. Cứ một lớp cá rải một lớp muối và thính gạo rang vàng, trên cùng đổ một chén tống gạo thơm ngon rồi đậy nắp kín đến năm sau mới mở ra cúng. Cá muối phải có màu đỏ thơm ngon. Hũ sành không được dùng lại lần sau. Lễ vật chĩnh mắm cá mòi vào ngày cuối hội là để tạ ơn Thánh vì đã phù giúp họ.

Hiện nay, hội làng Chử Xá chỉ còn lại 2 ngày 17 và 18. Lễ giải y, đóng cửa đình được thực hiện ngay chiều 18 và không có lễ mắm cá mòi nữa. Một số trò chơi như đua thuyền, chém mía, cắt đậu không còn bởi những nghề này dần dần mai một. Thay vào đó, người dân có tục lệ làm bánh khúc ngon nổi tiếng khắp vùng. Vào những ngày chuẩn bị hội, nhà nào cũng chuẩn bị rau khúc, loại rau dân dã mọc hoang ở đồng bãi rất nhiều. Mùa rau khúc kéo dài nhưng thời gian có rau ngon lại ngắn. Rau khúc giã nhuyễn với bột gạo thành thứ bột dẻo, dai, màu xanh nhạt làm vỏ bánh. Sau nhiều công đoạn chế biến với bàn tay khéo léo của người dân Chử Xá, những chiếc bánh thơm ngon, ngậy hơi nóng bốc nghi ngút trên chõ đồ. Người dân làm bánh khúc để làm lễ, để mời khách thập phương về dự hội nên có nhà gói tới vài ba trăm chiếc.

**2.Ý nghĩa của di tích**

Mặc dù hội làng Chử Xá không còn quy mô lớn như xưa nhưng lễ hội vẫn mang đầy đủ ý nghĩa tâm linh của nó: dân làng muốn tạ ơn các thần và cầu mong các vị thành hoàng luôn phù trợ cho họ có cuộc sống yên bình và no đủ.

Lễ hội là dịp để dân làng và quý khách thập phương nhớ về cội nguồn, tri ân công đức của Đức Thánh. Trải qua những thăng trầm của lịch sử, lại nằm ở vị trí ngoài đê sông Hồng, hiện nay, di tích lịch sử Chử Đồng Tử đang được tôn tạo để phát huy được các giá trị di sản văn hóa, trở thành tài sản quý giá của địa phương Văn Đức nói riêng và đóng góp vào di sản văn hóa của đất nước nói chung.

Ngoài những di tích lịch sử, Văn Đức còn có di tích cách mạng và kháng chiến như di tích cách mạng Trung Quan. Trong kháng chiến chống đế quốc Mĩ, người dân Trung Quan và nhân dân Văn Đức đã góp phần cùng với lực lượng vũ trang bảo về cầu phao Khuyến Lương, bảo vệ tuyến 179 - huyết mạch giao thông quan trọng chi viện sức người, sức của cho chiến trường miền Nam làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ trên không năm 1972 và giải phóng hoàn toàn miền nam thống nhất đất nước.

Hiện tại, làng Chử Xá đang được xây dựng thành làng trồng rau sạch điển hình của Hà Nội và các vùng phụ cận. Tìm về với Chử Xá, với di tích lịch sử Chử Đồng Tử là đến với một địa danh đẫm màu huyền thoại, với không gian thanh bình và thoáng đãng. Đình Chử Xá - lăng Chử Cù Vân không chỉ có giá trị lịch sử, văn hóa mà còn có giá trị cả về kinh tế, nhất là trong bối cảnh đất nước ta đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập sâu rộng. Nơi đây chắc chắn sẽ trở thành một điểm tham quan du lịch hấp dẫn đối với khách thập phương để quảng bá nền văn hóa truyền thống đậm đà bản sắc dân tộc, góp phần xây dựng nông thôn mới thành công.

**PHẦN III. GIÁO ÁN DẠY HỌC**

**TÌM HIỂU VỀ DI TÍCH LỊCH SỬ CHỬ ĐỒNG TỬ**

**I. Mục tiêu bài học:** Qua bài học, giúp học sinh nắm được:

***1. Kiến thức***: Nắm được truyền thống quê hương Văn Đức, di tích lịch sử nổi tiếng là Chử Đồng tử là một vị thánh nổi tiếng một trong “Tứ bất tử” của tín ngưỡng Việt Nam.

***2. Kĩ năng***: Trình bày hiểu biết, kể chuyện, nhận xét, đánh giá…

***3. Thái độ***: Tình yêu quê hương, tự hào về truyền thống lịch sử lâu đời, khâm phục, bảo vệ và xây dựng quê hương giàu đẹp.

**II. Chuẩn bị:**

***1. GV:*** Chuẩn bị giáo án, tài liệu liên quan, tư liệu lịch sử.

***2. HS:*** Sưu tầm tự liệu, vở ghi chép, tìm hiểu về di tích lịch sử Chử Đồng Tử.

**III. Tiến trình bài học:**

***1. Ổn định tổ chức(1’).***

***2. Bài mới***: Giáo viên giới thiệu bài (Slide 1)

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu về tên gọi và địa giới hành chính của xã Văn Đức (9 phút)**  ***(?) Em hãy cho biết tên gọi Văn Đức có từ bao giờ?*** (Slide 2)  **HS**: Học sinh trả lời bằng hiểu biết.  **GV**: Nhận xét bổ sung và chốt.  *GV nói rõ: Văn Đức được chuyển về Hà Nội để trở thành nơi cung cấp rau xanh cho thành phố.*  *GV giải thích tên gọi:*  *- Trung Chử Sơn là tên của 3 thôn (Trung Quan, Chử Xá, Sơn Hô).*  *- Văn Đức: tốt đẹp.*  ***(?) Em hãy cho biết xã Văn Đức được quy hoạch như nào?*** (Slide 3)  **GV**: Gợi ý xã Văn Đức tiếp giáp với những xã nào, vị trí như thế nào đối với huyện Gia Lâm.  **HS**: 1 vài học sinh trả lời.  **GV**: Hắt sơ đồ xã Văn Đức (Slide 4)  **HS**: Quan sát và nắm được:  **GV**: Cung cấp thông tin  **GV**: Hắt về sản xuất rau an toàn của Văn Đức. (Slide 5)  ***(?) Truyền thuyết nào cho chúng ta thấy Văn Đức có lịch sử lâu đời?***  **HS**: Kể tóm tắt về câu chuyện đó.  **GV**: Nhận xét và chuyển ý  **Hoạt động 2: Tìm hiểu về lễ hội Chử Đồng Tử (20 phút)**  *GV giảng: Thôn Chử Xá là nơi khai sinh ra Chử Đồng Tử, một trong “Tứ bất tử” của phật giáo Việt Nam. Đền thờ của ông được nhà nước công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia. Trong 72 di tích ven sông Hồng thờ đức thánh Chử Đồng Tử thì đình Chử Xá có vị trí quan trọng nhất vì là mảnh đất quê hương - nơi phát tích của truyền thuyết - có bóng dáng trung tâm thương nghiệp lớn của đất nước lúc đó.*  ***(?) Nêu nét đặc trưng của lễ hội Chử Đồng Tử?*** (Slide 6)  **HS**: Giới thiệu về các nghi lễ …  **GV**: Cho học sinh xem clip: rước nước, múa…. và nhấn mạnh tiết mục múa chữ “Thiên hạ thái bình” đã được đài truyền hình mời giao lưu. (Slide 7,8)  ***(?) Việc tổ chức lễ hội Chử Đồng Tử hàng năm có ý nghĩa gì (tâm linh, du lịch)?*** (Slide 9)  Yêu cầu:Thảo luận.  Thời gian: 3 phút.  Hình thức: Nhóm 4.  **HS**: Đại diện các nhóm trình bày.  **GV**: Nhận xét bổ sung và chốt:  *Trong tâm thức của người dân Văn Đức, lễ hội có ý nghĩa vô cùng thiêng liêng, vì vậy đến ngày hội con cháu họ ở bất cứ nơi đâu cũng trở về quê hương để được đoàn tụ gia đình, được đi lễ, được ăn tiệc và được mời bạn bè gần xa. Thật đúng với nghĩa “hội thánh”,“tiệc làng” mà chưa ở đâu làm được như người dân nơi đây.* (Slide 10)  **Hoạt động 3: Tìm hiểu về vị trí, vai trò của lăng Chử Xá (10 phút)**  ***(?) Giới thiệu hiểu biết của em về lăng Chử Xá?***  **HS**: Chuẩn bị trước ở nhà và trình bày. (Slide 11)  **GV**: - Hắt lăng Chử Xá.  - Trình bày về lịch sử ra đời, kiến trúc, ý nghĩa của lăng. (Slide 12)  ***(?) Trình bày hiểu biết của em về sự đổi mới của quê hương?***  **HS*:*** Chuẩn bị trước ở nhà và trình bày  **GV**: Nhận xét bổ sung và chốt:  *Văn Đức không chỉ nổi tiếng về văn hóa mà thể dục thể thao cũng đạt nhiều thành tích đáng tự hào nổi bật là: Seagame24 (2007) có nữ VĐV điền kinh Nguyễn Thị Tĩnh đạt ba huy chương vàng. Năm 1993 xã Văn Đức được công nhận là xã đạt nông thôn mới, được nhà nước công nhận là đơn vị anh hùng lao động. Ngày nay nhân dân Văn Đức tiếp tục bắt tay vào xây dựng “nông thôn mới”, nơi sản xuất rau an toàn cho thành phố… với mục tiêu xây dựng xã Văn Đức ngày càng giàu mạnh, dân chủ, văn minh.*  ***(?) Là người con của quê hương Văn Đức em có suy nghĩ gì?***  **HS:** Liên hệ bản thân.  **GV:** Nhận xét và bổ sung.  *Thật tự hào là học sinh, người con của quê hương Văn Đức - nơi có bề dày lịch sử, có truyền thống văn hóa lâu đời. Mỗi người con của Văn Đức phải phấn đấu học hành xây dựng quê hương đất nước. Gìn giữ phát huy truyền thống quê hương.* | **1. Sơ lược về vùng đất Văn Đức**  **a.** **Tên gọi:**  - Sau cách mạng tháng 8-1945 là xã Trung Chử Sơn.  - Năm 1955 đổi là xã Văn Đức (Văn Giang - Hưng Yên).  - Tháng 6/1961 đổi là xã Văn Đức (Gia Lâm – Hà Nội)  **b. Địa giới hành chính**: Là xã cuối cùng ở phía nam huyện Gia Lâm - Hà Nội.  - Phía đông nam giáp xã Phụng Công (Hưng Yên).  - Phía bắc giáp xã Xuân Quan (Hưng Yên).  - Phía tây bắc giáp đường 179, xã Kim Lan (Hà Nội).  - Phía nam liền kề sông Hồng.  **c. Đặc điểm:**  - Diện tích: 6,83 km2.  - Dân số: 8046 người (2018).  - Kinh tế: Chủ yếu sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi.  **2. Lễ hội Chử Đồng Tử:**  **a. Địa điểm:**  - Đình Chử Xá.  - Lăng Chử Xá.    **b. Lễ hội:**  \* Lễ: Rước nước, tế lễ.  \* Hội:  - Làm bánh khúc.  - Tổ chức các trò chơi.  - Múa chữ “Thiên hạ thái bình”.  - Đánh bồng, đánh gậy.  **c. Ý nghĩa:**  - Thể hiện đạo lý lòng biết ơn tổ tiên.  - Tưởng niệm đức thánh Chử Đồng Tử và thân sinh của ông.  - Cầu mong thuận lợi trong sản xuất nông nghiệp.  - Sinh hoạt văn hóa gắn kết cộng đồng.  - Trở thành điểm du lịch ven sông Hồng.  **3. Di tích, thắng cảnh:**  **a. Đình Chử Xá:** Thờ Chử Đồng Tử - Tiên Dung.  **b. Lăng Chử Xá:** Thờ thân sinh Chử Đồng Tử. |

***3. Củng cố (4 phút):***

Giáo viên cho học sinh xem clip về lễ hội Chử Đồng Tử. Nêu cảm nghĩ của em ?

***4. Hướng dẫn về nhà (1 phút ) :***

- Học bài, sưu tầm các tư liệu về đình Trung Quan.

***5. Rút kinh nghiệm:***

……………………………………………………………………………………

# 8. LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG XÃ ĐÌNH XUYÊN

# HUYỆN GIA LÂM –TP HÀ NỘI

# PHẦN I. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ XÃ ĐÌNH XUYÊN - HUYỆN GIA LÂM – TP HÀ NỘI.

Xã Đình Xuyên nằm ở vị trí trung tâm của cụm Bắc Đuống, huyện Gia Lâm.

Địa giới xã Đình Xuyên: Bắc giáp Thị Trấn Yên Viên, Tây Bắc giáp xã Yên Viên, Đông Bắc giáp xã Yên Thường, Tây giáp xã Dương Hà, Đông giáp xã Ninh Hiệp, Nam giáp xã Phù Đổng. Đình Xuyên gồm hai thôn: Công Đình (từ xóm 1 đến xóm 6) và Tế Xuyên (xóm 7, 8, 9, Hòa Bình và tổ Yên Bắc). Xã Đình Xuyên có diện tích 3,14 km², dân số năm 2017 là 11.047 người, mật độ dân số đạt 3319 người/km².Phát triển kinh tế gắn với các chỉ tiêu về văn hóa xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng, trong đó phát triển kinh tế có dấu ấn nhất, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm từ 11-13%. Đặc trưng của xã trong phát triển kinh tế là: tập trung vào lĩnh vực TTCN, sản xuất diêm, chế biến gỗ, làm nến, tái chế dược liệu xuất khẩu… Đình Xuyên có nhiều di tích lịch sử văn hóa như: Nghè, Miếu, Đình, Chùa, trong đó xã có 7 di tích đã được xếp hạng gồm 02 đình, 02 chùa, 01 miếu, 01 nghè và 01 đền; đặc biệt có một ngôi đền gọi là Đền Trúc Lâm mang nhiều ý nghĩa lịch sử nhưng cũng rất linh thiêng, huyền bí.

# 

# PHẦN II. GIỚI THIỆU CÁC DI SẢN XÃ ĐÌNH XUYÊN – HUYỆN GIA LÂM –TP HÀ NỘI

**1. Vị trí, địa lý đình đền**

**a. Đình, miếu Tế Xuyên** : còn gọi là Ninh Xuyên theo tên làng xưa, lại có tên “Kinh Bắc hành cung”. Thời Nguyễn, xã Đình Xuyên nằm trong tổng Hạ Dương, huyện Đông Ngàn, thuộc về phủ Từ Sơn, xứ Kinh Bắc. Đến năm 1961 theo quyết định của Chính phủ VNDCCH, xã Đình Xuyên cùng các xã Yên Thường, Phù Đổng, Ninh Hiệp, Trung Mầu vốn thuộc hai huyện Từ Sơn, Tiên Du (tỉnh Bắc Ninh) mới đổi về huyện Gia Lâm, Hà Nội.

**b. Đình và miếu Công Đình**: nằm cạnh nhau trên đất thôn Công Đình, một trong hai thôn của xã Đình Xuyên ở mạn bắc sông Đuống, nay thuộc huyện Gia Lâm, TP Hà Nội. Cụm di tích này được công nhận Di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia vào năm 1992, cách Hồ Gươm chừng 14km về phía đông-bắc. Bến xe bus gần nhất: chợ Ninh Hiệp (tuyến 10b Lương Yên - Trung Mầu).

**2. Nguồn gốc**

**a. Đình và miếu Tế Xuyên**: Đều thờ Đỗ Trung, một người Chàm có công đánh giặc Chà Hòa nên được vua Trần phong ở đất Vũ Ninh. Thấy vùng ven sông Đuống màu mỡ, ông bèn di dân sang khai khẩn, lại cho xây dinh lũy để bảo vệ. Sau khi mất, ông được dân tôn làm thành hoàng và lập điện thờ ngay trên nền hành cung cũ.

**b**. **Đình Công Đình**: Đình thờ Tả Phù, một người xuất thân nhà nghèo ở làng Phù Ninh, có tài chăn ngựa, sau làm thám tử lập công giúp vua thắng giặc Bầu ở miền núi nên được phong thưởng. Ông chỉ xin vua cho 3 ngôi nhà của giặc rồi dỡ ra đem về xây dựng đình thờ vị thần phù hộ mình. Khi ông mất, dân làng Công Đình tôn làm thành hoàng.

**c. Miếu Công Đình**: Miếu thờ Đại vương Nguyễn Nộn, người gốc làng Gióng (Phù Đổng). Ông từng bắt được vàng nhưng không nộp nên bị truy bắt. Nguyễn Nộn trốn đi rồi tụ quân nổi dậy vào những năm cuối cùng của triều Lý, chiếm giữ cả vùng Bắc Giang. Đầu thời Trần, thế lực ông mạnh, vua phải phong tước vương và gả công chúa cho. Năm 1229 Nguyễn Nộn ốm chết ở Phù Ninh

**c. Đền Trúc Lâm:** [Đền](https://tienamphu.com/di-tich/den/) có lịch sử xây dựng khá sớm, tư liệu chính xác nhất là tấm bia niên hiệu Cảnh Hưng 7 (1746) và sắc phong ở đền niên hiệu cảnh Hưng 1 (1740). Đền Trúc Lâm (còn có tên Nôm là đền Cây Gạo) – một di tích có liên quan mật thiết với chùa Linh Quang.Theo thần tích của thành hoàng làng Tả Phù thì có một lần đức Tả Phù ngủ lại bên đền ông đó khấn rằng: Lần này đi đánh giặc phò vua giúp nước xin thần phù hộ… Nếu được như lời sẽ trả ơn. Sau khi thắng trận ông được nhà vua thưởng rất hậu, song ông không nhận mà chỉ xin vua ban cho ba ngôi nhà của giặc để cho dân dựng Đình.Được vua đồng ý ông cho dân chở ba ngôi nhà theo dòng sông Thiên Đức về làng. Nhưng khi đến đền Trúc Lâm, hai ngôi nhà trước qua được, còn ngôi nhà thứ ba không nhúc nhích. Ông vào đền khấn thần Cây Gạo, xin trả ơn thần là đem ngôi nhà này dựng Đình cho làng Công Đình. Khấn xong lập tức ngôi nhà ấy kéo lên được và dựng lên ngôi Đình hiện nay.

**3. Kiến trúc :**

**a. Đình, miếu Tế Xuyên**

- Đình Tế Xuyên được xây theo kiểu “nội Công ngoại Quốc”; mặt nhìn ra xa về một hồ nước, hơi chếch theo hướng Đông - Nam. Các công trình lớn gồm có tòa tiền tế, đại đình, hậu cung và nhà cầu nối đại đình với tả hữu mạc ở hai bên hậu cung. Toàn bộ khuôn viên lại có tường bao quanh với sân gạch rất rộng và tạo thành một không gian khép kín nhưng thoáng đãng.

- Tòa tiền tế rộng 5 gian, xây 1 tầng 4 mái, bốn phía để trống đón gió. Trên mái nhà, các bờ dải đều đắp hình rồng, nghê. Bên trong tiền tế, phần gỗ được trang trí phong phú với những mảng chạm vân mây, cây lá, các đầu dư chạm rồng và các cổng chạm tứ linh, tứ quý.

**-**Trong đại đình Tế Xuyên: Đại đình có quy mô lớn hơn, các cây cột gỗ lim rất to. Lớp nhà ngang kiểu 4 mái với đao cong, bờ nóc đắp rồng chầu mặt trời, hai bên đầu hồi đắp hổ phù. Kết cấu vì kèo theo kiểu “thượng chồng rường giá chiêng hạ kẻ”, mái phân “thượng tứ hạ ngũ”. Bên trong chia thành 5 gian, trước đây có sàn gỗ nay đã mất. Các bộ phận kiến trúc đều được chạm nổi hoa văn rồng, mây trau chuốt, mang phong cách nghệ thuật thời cuối Lê đầu Nguyễn.

**-** Miếu Tế Xuyên được xây trên một khu đất cao trước ngôi chùa làng. Quy mô miếu nhỏ hơn đình, bao gồm nhà tiền tế, đại bái và hậu cung. Tiền tế 5 gian xây bít đốc tay ngai, vì kèo cũng kiểu “thượng chồng rường giá chiêng hạ kẻ”. Các con rường, xà kẻ đều bào trơn, bào xoi. Đại bái xây kiểu chồng diêm, kết nối với hậu cung thành hình chuôi vồ. Hậu cung 3 gian cũng có 2 tầng mái, gian giữa đặt sàn gỗ cao làm nơi thờ cúng.

**b. Đình, miếu Công Đình**

**\* Đình Công Đình**

- Có bố cục mặt bằng hình “nội Công ngoại Quốc”. Tam quan được xây kiểu cột đồng trụ, đắp nghê chầu. Sân đình khá rộng, lát gạch to. Phương đình dựa trên 16 cột gỗ lim to, gồm 2 tầng 8 mái, đầu đao hình rồng cuốn đuôi cá chép. Các cổn nách, đầu dui, đâu bẩy được chạm rồng và chim phượng xòe cánh bay.

- Tòa đại đình rộng 5 gian 2 dĩ nằm ngay sau phương đình, mặt nhìn về hướng nam. Ba gian giữa được làm kiểu 2 cánh lớn, hai bên có cửa bức bàn. Kết cấu 4 bộ vì kèo không có giá chiêng, kiểu "chữ thập chống nóc". Phần trang trí chủ yếu ở hệ thống đầu dư, gồm các đầu rồng mũi hếch, miệng há ngậm ngọc, râu tóc uốn hình số 8.

- Chạm khắc gỗ trong phương đình Công Đình: Chi tiết kiến trúc đáng chú ý nhất là bộ phận cánh én đỡ xà hạ. Gá đỡ này được làm trên thân gỗ bẹt hình đầu quay vào gian giữa, đuôi quay sang gian bên, thân chui qua cột cái. Hệ thống cửa võng làm theo kiểu chân quỳ dạ cá. Phần trên là rồng chầu mặt trời, phía dưới các ô to nhỏ khác nhau có hình hổ phù, phượng trúc v.v..

**\* Miếu Công Đình**

- Chỉ có 2 cột trụ xây, đỉnh là 4 chim phượng chụm vào nhau. Tòa đại đền rộng 5 gian 2 dĩ, vì kèo kiểu “giá chiêng chồng rường”, kẻ hiên và vì ván mê. Hai bức cốn hiên chạm nổi hình cây đào, lựu; bẩy chạm họa tiết trúc, mai. Cốn gian giữa chạm kênh bong hình rồng chầu, mắt lồi, răng nhe. Các vì kèo chạm mặt hổ phù và hoa lá hóa rồng.

- Hệ thống cửa võng được sơn son thếp vàng, trang trí bằng chạm thủng các đề tài hổ phù, rồng, hoa dây, hoa xoắn. Trong miếu có sắc phong sớm nhất niên hiệu Dương Đức thứ 3. Đình và miếu đều còn giữ được các cổ vật phong phú như ngai thờ, ngựa gỗ, đồ bát bửu v.v…

- Cụm di tích đình và miếu Công Đình đã được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là Di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia vào ngày 22/4/1992.

**c. Đền Trúc Lâm**

- Đền Trúc Lâm gồm tam quan xây theo kiểu tứ trụ, hai cột đồng trụ lớn, đỉnh đắp đôi nghê chầu nhau. Đền chính 3 gian, mái lợp ngói bò. Kết cấu có 4 vì kèo kiểu “thượng giường hạ kẻ”, các bức ván mê có trang trí hoa văn xoắn, hoa lá trên nền vân triện. Đầu kẻ trang trí cá hóa rồng phong cách cuối thế kỉ 19 đầu thế kỉ 20.

- Hậu cung 2 gian, không gắn liền với đại đền nên ở gian giữa có các bức cốn mê chạm rồng vờn mây, sóng nước, thân uốn gấp khúc, vẩy thể hiện ra như vẩy cá chép. Cửa võng chạm kiểu chân quỳ dạ cá, đề tài tứ linh, hoa lá, sơn son thếp vàng làm cho điện thờ trang nghiêm lộng lẫy. Hai bên hương án có 4 pho tượng đứng chầu.

- Đền Trúc Lâm (và chùa) đã được Bộ Văn hóa – Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 22/4/1992.

**4. Ý nghĩa**

Cụm di sản văn hóa xã Đình Xuyên là cụm di tích tín ngưỡng tôn giáo, phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa và tín ngưỡng của nhân dân địa phương. Sự tôn vinh và ghi nhớ công tích của các vị thần luôn được người dân Đình Xuyên quan tâmchú trọng, thể hiện qua việc tổ chức lễ hội truyền thống hàng năm

**PHẦN III. GIÁO ÁN DẠY HỌC**

**LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG : GÌN GIỮ, BẢO TỒN VÀ TÔN TẠO DI SẢN VĂN HÓA XÃ ĐÌNH XUYÊN**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Về kiến thức:**

**-** Giúp học sinh hiểu được di tích Đình Chùa, Miếu, Đền Trúc Lâm Tự địa phương thôn Công Đình, Tế Xuyên, lễ hội truyền thống hai thôn diễn ra hàng năm.

**2. Về kỹ năng:**

- Biết phần nào về kiến trúc, bố cục Đình, Chùa, Miếu, Đền, biết được lễ nghi, nghi thức của buổi lễ hội truyền thống diễn ra hàng năm ở địa phương.

**3.Về thái độ:**

- Có ý thức tôn trọng, bảo tồn di tích lịch sử vật thể và phi vật thể Đình Chùa, Miếu, Đền, lễ hội địa phương.

**II. Chuẩn bị :**

* GV:

+ Soạn bài, chuẩn bị tư liệu.

+ Phân công các nhóm HS chuẩn bị tìm hiểu nội dung và trình bày.

* HS:

+ Tìm hiểu, sưu tầm nội dung.

+ Trình bày trước nhóm.

- Lịch sử đảng bộ xã Đình Xuyên.

- Tài liệu về di tích đình chùa hai thôn Tế Xuyên và Công Đình.

- Những nội dung có liên quan đến bài học.

**III. Tiên trình bài học.**

**1. Ổn định tổ chức lớp.(1ph)**

**2. Học bài mới.(37ph)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| \* **Hoạt động 1:( 17ph)**  **Khái quát chung về xã Đình Xuyên**  ? Bằng hiểu biết thực tế của bản thân , em hãy giới thiệu sơ bộ về vị trí địa lý , địa giới xã Đình Xuyên ?  \* HS trình bày tư liệu đã chuẩn bị ở nhà. Khuyến khích cho điểm những HS có tư liệu bằng hình ảnh.  **\*GV trình chiếu Slide 3- mở rộng kiến thức cho HS .**  **Chuyển ý:**  **\*GV gọi 1 đến 2 HS giới thiệu về kinh tế gia đình mình .**  ? Kinh tế gia đình em theo nghề đó phát triển như thế nào ?  ? Theo dõi trên loa đài truyền thông của xã , rồi qua việc được nghe ông bà , bố mẹ , các cô , các bác ...nói về sự phát triển kinh tế của các gia đình trong thôn ,trong xã . Em có thể nêu một vài hiểu biết của em về nền kinh tế - xã hội của địa phương em những năm gần đây ?  **\*GV bổ sung : Slide 4**  **\*GV giới thiệu về nét văn hóa chung của địa phương. (Slide 5)**  **Hoạt động 2: (20ph)**  Giới thiệu về di tích lịch sử , danh lam thắng cảnh, lễ hội ở địa phương  **\* Thôn Tế Xuyên (Slide 6)**  **- Gv yêu cầu Hs làm việc theo nhóm, mỗi nhóm cử một đại diện lên trình bày sự chuẩn bị tư liệu của nhóm mình.**  **+ Nhóm 1:** Giới thiệu đình làng Tế Xuyên-có tư liệu, hình ảnh minh họa.  **+ Nhóm 2:** Thuyết trình một số thay đổi theo thời gian, các hoạt động văn hóa diễn ra tại di tích lịch sử đình làng Tế Xuyên.  DTLS - VH thôn Tế Xuyên .  - **GV nhận xét, nhấn mạnh hắt tư liệu trên máy chiếu giới thiệu – thuyết trình** **một số hình ảnh nổi bật trong số những di tích lịch sử của địa phương. (Slide 7, 8, 9, 10).**  **\* Thôn Công Đình**  **+ Nhóm 3:** Giới thiệu đình làng Công Đình  Thuyết trình DTLS thôn Công Đình .  **+ Nhóm 4:** Giới thiệu miếu làng Công Đình  **-GV sử dụng máy giới thiệu đình miếu thôn Công Đình. (Slide 11, 12, 13, 14,15).**  **-Gv giới thiệu về miếu Công Đình**  **+ Nhóm 5:** Giới thiệu đền Trúc Lâm.  Khuyến khích, khen thưởng và cho điểm các nhóm có những tư liệu đặc sắc  **GV giới thiệu đền Trúc Lâm** **(Slide 16,17).**  **GV giới thiệu lễ hội làng Công Đình (Slide 18,19 : Chiếu 2 video)** | 1. **KHÁI QUÁT CHUNG VỀ XÃ ĐÌNH XUYÊN** 2. **Vị trí địa lý**   **Đình Xuyên** là một [xã](https://vi.wikipedia.org/wiki/X%C3%A3_(Vi%E1%BB%87t_Nam)) thuộc [huyện](https://vi.wikipedia.org/wiki/Huy%E1%BB%87n_(Vi%E1%BB%87t_Nam)) [Gia Lâm](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gia_L%C3%A2m), [thành phố](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A0nh_ph%E1%BB%91_tr%E1%BB%B1c_thu%E1%BB%99c_trung_%C6%B0%C6%A1ng_(Vi%E1%BB%87t_Nam)) [Hà Nội](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_N%E1%BB%99i), [Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam).  + Xã Đình Xuyên có diện tích 3,14 km²nằm ở vị trí trung tâm của cụm Bắc Đuống, huyện Gia Lâm.  + Địa giới xã Đình Xuyên:  - Bắc giáp Thị Trấn Yên Viên  - Tây Bắc giáp xã Yên Viên  - Đông Bắc giáp xã Yên Thường  - Tây giáp xã Dương Hà  - Đông giáp xã Ninh Hiệp  - Nam giáp xã Phù Đổng   1. **Kinh tế - Xã hội**   **\* Về kinh tế :**  - Tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm từ 11-13%.  - Đặc trưng của xã trong phát triển kinh tế là: tập trung vào lĩnh vực TTCN, sản xuất diêm, chế biến gỗ, làm nến, tái chế dược liệu xuất khẩu…  **\* Về văn hóa:**  - Xã có 7 di tích đã được xếp hạng gồm 02 đình, 02 chùa, 01 miếu, 01 nghè và 01 đền; đặc biệt có một ngôi đền gọi là Đền Trúc Lâm  **-** Đảng bộ Đình Xuyên hiện có 352 đảng viên, sinh hoạt ở 17 chi bộ  **II- GIỚI THIỆU VỀ ĐÌNH CHÙA, MIẾU THÔN TẾ XUYÊN, CÔNG ĐÌNH.**  **1- THÔN TẾ XUYÊN**  Đình, miếu Tế Xuyên còn gọi là Ninh Xuyên theo tên làng xưa, lại có tên “Kinh Bắc hành cung”  **2- THÔN CÔNG ĐÌNH**  **a- Đình Công Đình**  **b- Miếu Công Đình**    **c- Đền Trúc Lâm**  **d- Lễ hội Thôn Công Đình** |

**3- Củng cố bài: (5ph)**

Sau khi học xong bài học, là một công dân địa phương em cần làm gì và có ý thức như thế nào trong việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy các di sản của địa phương.

**4- Dặn dò: (2ph)** Về nhà tiếp tục sưu tầm tranh ảnh, đĩa hình về di tích Đình chùa và lễ hội truyền thống

**5- Rút kinh nghiệm:**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

# 9. LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG XÃ DƯƠNG HÀ

# HUYỆN GIA LÂM –TP HÀ NỘI

# PHẦN I. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ XÃ DƯƠNG HÀ –

# HUYỆN GIA LÂM – TP HÀ NỘI

Xã Dương Hà – huyện Gia Lâm- thành phố Hà Nội là một vùng đất cổ xưa, vùng đất giàu truyền thống đấu tranh cách mạng và truyền thống văn hóa lâu đời. Đặc biệt nơi đây mang đậm nét văn hóa tín ngưỡng cộng đồng bởi hệ thống đình chùa được xây dựng và lưu giữ, tôn tạo và trở thành nét văn hóa đặc trưng của xã Dương Hà.

Xã Dương Hà nằm ở phía Bắc sông Đuống thuộc huyện Gia Lâm của Thành phố Hà Nội; Phía Đông giáp xã Phù Đổng; phía Đông Nam là dòng sông Đuống; phía Tây giáp xã Yên Viên; phía Bắc và Đông Bắc giáp xã Đình Xuyên. Là vùng đất nằm trong vùng Kinh Bắc, nổi tiếng là vùng quê hiếu học! Dương Hà nằm trong vùng đất cổ. Qua nhiều thay đổi, tháng 7/1955 Chính Phủ ra quyết định tách xã Năng Hạ thành 3 xã là Dương Hà, Đình Xuyên và Ninh Niệp thuộc huyện từ Sơn, Bắc Ninh. Năm 1961 theo quyết định của Hội đồng Chính phủ xã Dương Hà và 5 xã khác thuộc vùng bắc Đuống cắt chuyển về huyện Gia lâm, Hà Nội.

Ngày nay, Dương Hà gồm có ba thôn: thôn Thượng, thôn Trung, thôn Hạ với tổng diện tích tự nhiên: 270,85 ha. Về dân cư của xã gồm có 6850 nhân khẩu với 1957 hộ gia đình; trong đó thôn Hạ có 17/60 hộ theo đạo Thiên chúa giáo. Dương Hà có 12 dòng họ sinh sống, lập nghiệp; đó là các dòng họ: Hà, Thạch, Đỗ, Nguyễn, Lê, Ngô, Phạm, Lâm, Đào, Phùng, Đinh, Bùi. Đa số cư dân của xã sống chủ yếu bằng nông nghiệp; ngoài ra còn phát triển các nghề thủ công nhỏ lẻ.Với tinh thần hiếu học, truyền thống cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất, nhân dân địa phương đang ngày một đi lên về mọi mặt.

**PHẦN II. GIỚI THIỆU VÀI NÉT VỀ TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA XÃ DƯƠNG HÀ – HUYỆN GIA LÂM – TP HÀ NỘI**

1. **Giới thiệu về truyền thống văn hóa, hệ thống Đình- Chùa**

Văn hóa tín ngưỡng tiêu biểu của Dương Hà với hệ thống đình chùa được đặt đều trên ba thôn. Trên địa bàn xã có ba thôn thì ba thôn đều có Đình, Chùa, Miếu được xây dựng từ lâu đời để thờ phụng Đại Vương Thiên Thần Và Thành Hoàng làng Hà Vi Uyên- một vị tướng có công phò tá hai Bà Trưng đánh đuổi giặc phương Bắc.

Hàng năm, từ ngày 9 đến 16/2 âm lịch các thôn trong xã mở hội truyền thống với các nghi lễ cúng, tế trang trọng đan xen với các các trò chơi dân gian như: đấu vật, chọi gà, bơi ao bắt vịt, đồng thời xem biểu diễn quan họ. Hiện nay, CLB dân ca của xã với thế mạnh về hát quan họ, ca trù, chầu văn, tuồng… đã đảm nhận toàn bộ chương trình văn nghệ trong các ngày lễ trọng đại, hội truyền thống của làng, của xã. Mỗi năm CLB này còn thực hiện hàng chục sô diễn tại các xã trong và ngoài vùng góp phần gìn giữ và phát huy các nét đẹp văn hóa truyền thống đặm đà bản sắc văn hóa dân tộc.

Đình, Chùa Thôn Thượng: Đình thôn Thượng là một trong những ngôi đình cổ ở nước ta hiện nay có từ rất lâu đời trong vùng Kinh bắc xưa. Đình thờ vị tướng công Hà Vi Uyên, là người có công với nước ta từ trang đầu lịch sử đấu tranh dành độc lập dân tộc. Ngoài ra, Đình còn thờ vị Trung Thiên Đao Lợi Đại Phạm Thiên Vương, theo truyền thuyết là người giúp dân cứu nước qua các triều đại, đó là Phú Xuyên- Phúc Thái Minh Trí Lê Tướng Công( Lê Thái Bảo); Thái Bảo Phú Xuyên- Chí Phu Nhân Từ Tại Tỉ Tâm Bồ Tát( Nguyễn Quý Thị); Hữu Thái Giám Tướng Công( Lâm Chu Lộc) và Tả Thiêu Giám Khoa Thọ bá Tướng công( Nguyễn Đình Quế)

Kiến trúc hiện còn của Đình là sự đan xen giữa kiến trúc thời Lê và thời Nguyễn. Kiến trúc thời Lê thể hiên ở mặt bằng di tích với một tòa đại đình gồm 5 gian; phần kiến trức thời Nguyễn tập tung ở phần hậu cung. Đình hiện còn lưu giữ được nhiều di vật quý được tạo tác từ thời Lê và thời Nguyễn như cửa võng, ngai thánh, kiệu, hoành phi... Ấn tượng hơn, Đình còn có một nhà bia được lắp ghép bằng những phiến đá ghi lại công ơn của một dòng họ đã công đức ruộng vườn để xây dựng ngôi Đình. Và năm 1986, đình được Bộ Văn hóa quyết định xếp hạng di tích lịch sử văn hóa quốc gia***.***

Chùa thôn Thượng- Dương Quang tự: Chùa là một di tích văn hóa lịch sử, gắn bó mật thiết với cộng đồng dân cư làng xã truyền thống được xây dựng tách biệt với khu cư trú của làng; Chùa quay theo hướng tây nam. Trải qua thời gian tồn tại lâu đời, đến nay chùa Dương Quang còn bảo lưu được khối lượng di vật khá phong phú, đa dạng và có giá trị thẩm mĩ cao như Chuông đồng niên đại Quang Trung bát niên( 1800); tượng Thích Ca bằng đồng đen...; Năm 2003, chùa Dương Quang được UBND thành phố Hà Nội công nhận di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật

Đình, Chùa thôn Trung: Được các nhà nghiên cứu đánh giá là ngôi đình cổ nhất ở Việt Nam hiện nay. Đình làm theo hướng Tây Nam nhìn ra dòng sông Thiên Đức (Sông Đuống), phần kiến trúc chính của Đình có quy mô lớn kiểu chữ Đinh, gồm năm gian hai chái.

Chùa thôn Trung có tên chữ là “ Hiển Quang Tự”, cùng với ngôi Đình, Chùa được xây dựng từ rất sớm. Căn cứ vào hệ thống di vật còn lại của di tích đã cho thấy sự bề thế và hoàn chỉnh của kiến trúc chùa Hiển Quang. Đình Chùa thôn trung vẫn bảo lưu được bộ sưu tập di vật văn hóa lịch sử quý giá, phong phú về thể loại, chất liệu, loại hình với những hiện vật tiêu biểu như: một bộ bát bửu, hai quán tẩy, hai hương án, một bộ long ngai bài vị chạm khắc tỉ mỉ hình rồng thời Lê Trung Hưng, một kiệu bành chạm rồng, mười bộ sắc phong; đặc biệt tại chùa còn lưu giữ vườn bia đá có niên đại thế kỉ XVII- XVIII. Trải qua sự tàn phá của chiến tranh, thiên tai, loạn lạc, đình thôn Trung bị xuống cấp nghiêm trọng. Chùa đã được trùng tu qua các năm 1986, 2003, 2004. Đặc việt năm 2016-2017, nhà nước đã đầu tư nguồn kinh phí 24 tỉ đồng để trùng tu, tôn tạo lại ngôi đình để ngôi đình được khang trang.

Năm 1993, Đình Chùa thôn Trung được bộ Văn hóa Thông tin ra quyết định xếp hạng Di tích Kiến trúc Nghệ thuật.

Đình, chùa thôn Hạ. Đình được xây dựng vào khoảng cuối thời Lê để thờ vị Phúc thần Đao Lợi Đại Vương- một danh tướng thời Hai Bà Trưng đã có nhiều công lao giúp nước dẹp giặc ngoại xâm. Khu di tích đình Hạ đã bị di chuyển nhiều lần, tu bổ, tôn tạo. Ngôi đình làng Hạ hiện nay được xây dựng trên một khu đất rộng, thoáng đãng, quay theo hướng Tây nam bên dòng sông Đuống và nằm trong cụm dân cư của làng, bao gồm nghi môn, đại đình, trung tế, hậu cung và hai dãy nhà giải vũ. Đền lưu giữ được nhiều di vật quý với nhiều chất liệu khác nhau như cửa võng, ngai thờ, kiệu... bằng gỗ; bia đá có niên Vĩnh Hựu 1737....Năm 2003, đình thôn Hạ được UBND thành phố Hà Nội xếp hạng di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật

Chùa thôn hạ: Chùa có tên chữ là “ Hiển Quang Tự” được khởi dựng vào cuối thời Lê. Chùa thờ Phật và thờ “ hậu Phật” là những người có công xây dựng chùa và Mẫu Thoải. Chùa được xây dựng liền với đình tạo thành một trung tâm tín ngưỡng của làng. Kiến trúc của chùa hiện nay là sản phẩm của những lần tu sủa vào triều Nguyễn và kiến trúc của thế kỷ XX. Hệ thống tượng trong di tích tuy không nhiều nhưng có giá trị nghệ thuật cao. Các pho tượng được tạc công phu, hoàn chỉnh. Hệ thống di vật thành văn còn lưu lại di tích như văn bia, hoành phi, câu đối vừa mang giá trị nghệ thuật thuộc thế kỉ XIX vừa là nguồn sử liệu quý của địa phương. Chùa Hiển Quang là nơi bảo lưu và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp đã ăn sâu vào tiềm thức của mỗi người dân, một nhu cầu sinh hoạt văn hóa tâm linh không thể thiếu. Năm 2003, chùa Hiển Quang được UBND thành phố Hà Nội quyết định xếp hạng Di tích kiến trúc nghệ thuật.

1. **Ý nghĩa của văn hóa truyền thống, di tích Đình- Chùa**

Trải qua bao thăng trầm của lịch sử, Dương Hà vẫn nguyên vẹn được những nét văn hóa đặc trưng, giữ được kiến trúc đình chùa và những giá trị như thuở ban đầu.

Cũng như các công trình khác, các đình ở Dương Hà là công trình kiến trúc cổ truyền của làng quê, đây cũng là nơi thờ Thành hoàng làng và là không gian sinh hoạt của cả làng. Đó là lý do mà kiến trúc đình làng lưu giữ rất nhiều những truyền thống, nét văn hóa, bản sắc riêng của từng vùng, từng thời kỳ lịch sử khác nhau. Còn Chùa được xét là công trình kiến trúc phục vụ cho mục đích tín ngưỡng thờ đạo Phật, cũng là nơi ở sinh hoạt, tu hành, thuyết giảng đạo Phật của các nhà sư, tăng ni sống trong chùa. Đây là nơi những tín đồ đạo Phật lui tới để nghe thuyết giảng, thắp hương, cầu may và thực hiện các nghi lễ tôn giáo. Những công trình kiến trúc chùa chiền còn được xem như một nét văn hóa truyền thống, nơi lưu giữ nét kiến trúc đặc trưng của nhân dân xã Dương Hà,ngôi chùa ngoài hình thức ngoại diện như lối kiến trúc thẩm mỹ mang tính chất nghệ thuật tuyệt hảo biểu trưng đầy đường nét hoa văn dân tộc tính ra, nó còn có nhiều chức năng nhằm nuôi dưỡng đời sống tâm linh và đóng góp xây dựng nếp sống đạo đức hiền hòa cao đẹp cho con người theo chiều hướng thánh thiện. Ðồng thời, nó cũng còn đáp ứng được những nhu cầu tín ngưỡng, thờ phụng, lễ bái, tu học, sinh hoạt xã hội của mọi tầng lớp dân chúng.

Hệ thống Đình- Chùa của xã không chỉ có giá trị về mặt lịch sử, văn hóa, kiến trúc nghệ thuật mà với cộng đồng dân cư làng xã, cụm di tích đã làm phong phú thêm cuộc sống tinh thần của nhân dân địa phương thông qua nghi thức tế lễ trong đời sống tâm linh. Đồng thời là vốn cổ vật quý giá trong việc giáo dục phát huy truyền thống dân tộc, là niềm tự hào của người dân địa phương.

Ngoài ra, ngôi chùa còn là một hình ảnh thân thương rất quen thuộc gần gũi với nếp sống hiền hòa của những người dân quê mộc mạc. Câu nói: “Ðất vua, Chùa làng” đã cho ta thấy cái giá trị tín ngưỡng thiêng liêng trong tình tự hài hòa gắn bó thể hiện trong nếp sống tình cảm chân chất đơn thuần của người dân quê. Vì chùa là mái ấm che chở ấp ủ nuôi dưỡng đời sống tâm linh của họ. Họ xem ngôi chùa như là một mái ấm gia đình chung.  Do đó, nên họ cùng nhau quyết tâm đóng góp xây dựng bảo vệ và phát huy mạnh mẽ. Mái chùa là niềm an ủi xoa dịu những nỗi buồn u uất đè nặng trong tâm hồn của họ.

Sinh hoạt văn hóa ở Dương Hà biểu hiện tập trung và tiêu biểu cho phẩm chất, tính cách đạo lí của những con người chuyên cần, năng động, tháo vát trong làm ăn, anh hùng, quả cảm trong đấu tranh chống thiên tai, địch họa; say mê và tài hoa trong sáng tạo nghệ thuật. Những nét đẹp truyền thống của quê hương Dương Hà luôn luôn được vun đắp và phát triển. Ngày nay, nhân dân xã Dương Hà tiếp tục kế thừa và phát huy truyền thống lịch sử của cha ông, quyết tâm xây dựng quê hương giàu đẹp, ấm no, hạnh phúc.

Văn hóa Dương Hà là niềm vinh dự và tự hào của nhân dân của nhân dân Dương Hà- nói riêng, của Hà Nội –nói chung.Vì vậy, mỗi chúng ta hãy có trách nhiệm giữ gìn di tích này cho muôn đời sau!

**PHẦN III. GIÁO ÁN DẠY HỌC**

**LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG**

**VÀI NÉT VỀ TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA XÃ DƯƠNG HÀ**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- HS trình bày được những nét cơ bản về truyền thống văn hóa của địa phương xã Dương Hà

**2. Kĩ năng:**

- Rèn luyện kĩ năng hoạt động nhóm; kĩ năng thuyết trình; kĩ năng tự tìm hiểu, tự học

**3. Thái độ:**

- Có thái độ trân trọng những giá trị lịch sử, văn hóa của địa phương

- Có ý thức học tập nghiêm túc, ý thức giữ gìn và trách nhiệm phát huy những giá trị của địa phương.

\* Tích hợp GDCD, TLVM

**II. Chuẩn bị**

- GV: Soạn giáo án, tìm hiểu và hướng dẫn hs tìm hiểu nội dung bài học

- HS: Soạn bài theo sự hướng dẫn của GV; HĐ nhóm, tương tác trao đổi

**III. Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức lớp(1p)**

**2. Bài mới:**

- GV giới thiệu bài **( chiếu slide 1)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ 1(7’). Tìm hiểu những nét chung về Xã Dương Hà**  **? Hãy trình bày những hiểu biết của em về những nét chung về xã Dương Hà?**  GV nhận xét, **chiếu slide 2**, chốt về đặc điểm chung về vị trí địa lí, truyền thống văn hóa, lịch sử  - Tổng diện tích tự nhiên: 270,85 ha  - Đặc điểm dân cư:  6850 nhân khẩu với 1957 hộ gia đình; trong đó thôn Hạ có 17/60 hộ theo đạo Thiên chúa giáo  **HĐ 2( 32’). Tìm hiểu về hệ thống đình chùa của xã Dương Hà**  **-GV giới thiệu:** trên địa bàn xã có ba thôn thì ba thôn đều có Đình, Chùa, Miếu được xây dựng từ lâu đời để thờ phụng Đại Vương Thiên Thần Và Thành Hoàng làng Hà Vi Uyên- một vị tướng có công phò tá hai Bà Trưng đánh đuổi giặc phương Bắc.  - GV **chiếu slide 3-** câu hỏi thảo luận nhóm ở nhà theo tổ  T1. Trình bày hiểu biết về hệ thống đình chùa thôn Thượng  T2. Trình bày hiểu biết về hệ thống đình chùa thôn Trung.  T3. Trình bày hiểu biết về hệ thống đình chùa thôn Hạ.  T4. Thuyết trình chung về đặc điểm tự nhiên, dân cư và văn hóa xã Dương Hà   * GV nhận xét, **chiếu slide 4**,**5, 6, 7** chốt từng nội dung kiến thức   ***1.Đình, chùa thôn Thượng***  ***a. Đình***:  -Kiến trúc hiện còn của Đình là sự đan xen giữa kiến trúc thời Lê và thời Nguyễn. Kiến trúc thời Lê thể hiên ở mặt bằng di tích với một tòa đại đình gồm 5 gian; phần kiến trúc thời Nguyễn tập tung ở phần hậu cung.  - Đình hiện còn lưu giữ được nhiều di vật quý được tạo tác từ thời Lê và thời Nguyễn như cửa võng, ngai thánh, kiệu, hoành phi...  - Đình còn có một nhà bia được lắp ghép bằng những phiến đá ghi lại công ơn của một dòng họ đã công đức ruộng vườn đểxây dựng ngôi Đình  - Năm 1986, đình được Bộ Văn hóa quyết định xếp hạng di tích lịch sử văn hóa quốc gia  ***b. Chùa thôn Thượng-Dương Quang tự***  ***-*** Chùa là một di tích văn hóa lịch sử, gắn bó mật thiết với cộng đồng dân cư làng xã truyền thống được xây dựng tách biệt với khu cư trú của làng; Chùa quay theo hướng tây nam  - Năm 2003, chùa Dương Quang được UBND thành phố Hà Nội công nhận di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật  **2*. Đình, chùa thôn Trung:***  GV yêu cầu đại diện nhóm 2 trình bày; Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung  *GV nhận xét, chiếu* ***slide 8, 9, 10****, chữa bài*  *Đình, Chùa thôn Trung*  Năm 1993, đình chùa thôn Trung được bộ Văn hóa Thông tin ra quyết định xếp hạng Di tích Kiến trúc Nghệ thuật.  ***3****.****Đình, Chùa thôn Hạ***  *GV yêu cầu đại diện nhóm 3 trình bày về Đình Chùa thôn hạ; hs nhận xét*  GV nhận xét, **chiếu slide 11, 12,13,14**, chốt:  **Đình:**- Năm 2003, đình thôn Hạ được UBND thành phố Hà Nội xếp hạng di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật  **Chùa:**- Chùa được xây dựng liền với đình tạo thành một trung tâm tín ngưỡng của làng  - Kiến trúc của chùa hiện nay là sản phẩm của những lần tu sửa vào triều Nguyễn và kiến trúc của thế kỷ XX.  - Năm 2003, chùa Hiển Quang được UBND thành phố Hà Nội quyết định xếp hạng Di tích kiến trúc nghệ thuật.  ***Tích hợp GDCD và TLVM***  ***Đại diện tổ 4, thuyết trình hiểu biết chung về văn hóa xã Dương Hà, các tổ khác nhận xét***  **? Nhận xét của em về truyền thống của quê hương Dương Hà?**   * HS trả lời, nhận xét * GV nhận xét, chốt, tích hợp giáo dục công dân, thanh lịch văn minh   Những nét đẹp truyền thống của quê hương Dương Hà luôn luôn được vun đắp và phát triển. Ngày nay, nhân dân xã Dương Hà tiếp tục kế thừa và phát huy truyền thống lịch sử của cha ông và quyết tâm xây dựng quê hương. | 1. ***Giới thiệu chung về xã Dương Hà:***   - Vị trí địa lí: Xã Dương Hà nằm ở phía Bắc sông Đuống thuộc huyện Gia Lâm của Thành phố Hà Nội; Phía Đông giáp xã Phù Đổng; phía Đông Nam là dòng sông Đuống; phía Tây giáp xã Yên Viên; phía Bắc và Đông Bắc giáp xã Đình Xuyên   1. **II. Hệ thống đình chùa của xã Dương Hà**   ***1.Đình, chùa thôn Thượng***  -Đình thôn Thượng là một trong những ngôi đình cổ ở nước ta hiện nay có từ rất lâu đời trong vùng Kinh bắc xưa .  -Đình thờ vị tướng công Hà Vi Uyên, là người có công với nước ta từ trang đầu lịch sử đấu tranh dành độc lập dân tộc  ***-*** Chùa là một di tích văn hóa lịch sử, gắn bó mật thiết với cộng đồng dân cư làng xã truyền thống được xây dựng tách biệt với khu cư trú của làng; Chùa quay theo hướng tây nam  ***2.Đình, chùa thôn Trung***  + Được các nhà nghiên cứu đánh giá là ngôi đình cổ nhất ở Việt Nam hiện nay  + Đình làm theo hướng Tây Nam nhìn ra dòng sông Thiên Đức( Sông Đuống)  ***3. Đình, Chùa thôn Hạ***  **Đình:**  - Đình Được xây dựng vào khoảng cuối thời Lê để thờ vị Phúc thần Đao Lợi Đại Vương- một danh tướng thời Hai Bà Trưng đã có nhiều công lao giúp nước dẹp giặc ngoại xâm  **Chùa:**  - Chùa có tên chữ là “ Hiển Quang Tự” được khởi dựng vào cuối thời Lê  - Chùa thờ Phật và thờ “ hậu Phật” là những người có công xây dựng chùa và Mẫu Thoải |

1. Củng cố bài học(1’)
2. Hướng các hoạt động tiếp theo ( 1’)

- Tiếp tục tìm hiểu chi tiết về truyền thống lịch sử của địa phương Dương Hà

- Chuẩn bị tìm hiểu về Đền thờ Thánh Gióng ở Xã Phù Đổng

**Rút kinh nghiệm:**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

# 10. LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG XÃ NINH HIỆP

# HUYỆN GIA LÂM –TP HÀ NỘI

**PHẦN I. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ XÃ NINH HIỆP- HUYỆN GIA LÂM- TP HÀ NỘI**

Ninh Hiệp, tên cũ là làng Nành, nằm bên bờ sông Đuống, trước thuộc huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, từ năm 1961 được chuyển về huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội .Ninh Hiệp nằm ở phía bắc huyện Gia Lâm. Phía Đông – Đông Nam giáp xã Phù Đổng, phía Tây- Tây Nam giáp xã Đình Xuyên, phía Tây- Tây Bắc giáp xã Yên Thường và Đình Bảng ( Từ Sơn- Bắc Ninh ), phía Bắc-Đông Bắc giáp xã Phù Chẩn (Từ Sơn- Bắc Ninh). Xã Ninh Hiệp có diện tích 4,91 km² , trên 18.000 dân ( năm 2018 ), sinh sống tại 9 thôn.

Ninh Hiệp đã có những trang sử rất phong phú trải qua các thời kì. Từ thời Hùng Vương thứ 6, Ninh Hiệp có Đốc tướng Bạch Sam, bộ tướng của Thánh Gióng, có công đánh đuổi giặc Ân.Ông mất được chôn cất ở Nành .Nay vẫn còn ngôi mộ mà dân làng gọi là Mả Vua.Vào thế kỉ II TCN, Thừa tướng Lữ Gia nhà Triệu đi kinh lý qua làng Nành thấy dân cư đông đúc, thuần hậu đã cho mở trường học dạy dân. Kế tiếp, năm 187, Khâu Đà La từ Tây Trúc đi đến đất Nành , ngài đã dừng lại truyền bá kinh Phật, tối về ngủ trên phiến đá ở gốc đa đầu làng, nay gọi là Thạch Sàng (giường đá).

Từ thời Lê Trung Hưng , Nành đã có 5 tiến sĩ, 6 quận công, 2 hoàng hậu và nhiều văn quan, võ tướng. Thời Nguyễn đã có người Nành làm đến chức Chánh Ngự y và Phó Ngự y trong triều. Nghề y hiện nay vẫn được duy trì ở Ninh Hiệp dưới dạng sao tẩm, buôn bán và điều trị bệnh bệnh bằng thuốc Nam

Ninh Hiệp có nhiều ngôi đình, chùa, miếu cổ kính do nhiều vị tôn thất nhà Mạc, nhà Lê, chúa Trịnh và nhân dân góp công xây dựng, tu bổ. Nổi bật là chùa Cả ( hay chùa Nành, Pháp Vân Tự ), là một trong 4 ngôi chùa thờ Tứ Pháp vào loại lớn nhất miền Bắc.Từ năm 1942-1945, chùa Nành là cơ sở hoạt động của các nhà cách mạng: Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt, Nguyễn Lương Bằng…Hiện nay , Ninh Hiệp còn có đền thờ Bắc Cung Hoàng Hậu Lê Ngọc Hân, một vị hoàng hậu nổi tiếng trong lịch sử

Ninh Hiệp hiện vẫn sầm uất với khu chợ vải nổi tiếng.Tháng 10- 2018, xã Ninh Hiệp được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới. Đảng bộ và nhân dân Ninh Hiệp đã và đang ra sức xây dựng quê hương ngày càng văn minh, giàu đẹp, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Thủ đô và đất nước .

**PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ HOÀNG HẬU LÊ NGỌC HÂN**

**1.Lê Ngọc Hân**

**a.Tiểu sử**

Lê Ngọc Hân ([1770](https://vi.wikipedia.org/wiki/1770) - [1799](https://vi.wikipedia.org/wiki/1799)), còn gọi Ngọc Hân công chúa hay Bắc Cung hoàng hậu, là một nhân vật lịch sử nổi tiếng trong [lịch sử Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BB%8Bch_s%E1%BB%AD_Vi%E1%BB%87t_Nam) thời [thế kỉ 18](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%89_18). Bà là [công chúa](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%B4ng_ch%C3%BAa) [nhà Hậu Lê](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_H%E1%BA%ADu_L%C3%AA), sau trở thành [hoàng hậu](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ho%C3%A0ng_h%E1%BA%ADu) [nhà Tây Sơn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_T%C3%A2y_S%C6%A1n) , là [vợ](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%E1%BB%A3) của Quang Trung hoàng đế [Nguyễn Huệ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nguy%E1%BB%85n_Hu%E1%BB%87) - một nhân vật quân sự nổi tiếng.

Lê Ngọc Hân sinh ngày [27 tháng 4](https://vi.wikipedia.org/wiki/27_th%C3%A1ng_4) năm [Canh Dần](https://vi.wikipedia.org/wiki/Canh_D%E1%BA%A7n), niên hiệu Cảnh Hưng thứ 31 ([1770](https://vi.wikipedia.org/wiki/1770)) tại kinh thành [Thăng Long](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C4%83ng_Long) . Bà là con gái thứ 9 hoặc thứ 21 của Hoàng đế khi ấy là [Lê Hiển Tông](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%AA_Hi%E1%BB%83n_T%C3%B4ng).Công chúa xinh đẹp, thông minh và đức hạnh

Mẹ bà là [Nguyễn Thị Huyền](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Nguy%E1%BB%85n_Th%E1%BB%8B_Huy%E1%BB%81n_(Chi%C3%AAu_nghi)&action=edit&redlink=1) , là người xã Phù Ninh, tổng Hạ Dương, phủ [Từ Sơn](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%AB_S%C6%A1n) - [Bắc Ninh](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%AFc_Ninh) (nay là xã Ninh Hiệp, [Gia Lâm](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gia_L%C3%A2m), [Hà Nội](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_N%E1%BB%99i)), là con gái trưởng của ông [Nguyễn Đình Giai](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Nguy%E1%BB%85n_%C4%90%C3%ACnh_Giai&action=edit&redlink=1). Nhập cung giữ vị trí [Chiêu nghi](https://vi.wikipedia.org/wiki/Chi%C3%AAu_nghi).

[Tháng 5](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1ng_5) năm Cảnh Hưng thứ 47 ([1786](https://vi.wikipedia.org/wiki/1786)), tướng [nhà Tây Sơn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_T%C3%A2y_S%C6%A1n) là [Nguyễn Huệ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nguy%E1%BB%85n_Hu%E1%BB%87) ra Bắc với chiêu bài "phù Lê diệt Trịnh". Diệt xong họ Trịnh, Nguyễn Huệ tới yết kiến Lê Hiển Tông. Do sự mai mối của  [Nguyễn Hữu Chỉnh](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nguy%E1%BB%85n_H%E1%BB%AFu_Ch%E1%BB%89nh), Ngọc Hân vâng mệnh thành hôn cùng Nguyễn Huệ. Khi đó bà mới 16 tuổi, còn Nguyễn Huệ 33 tuổi và đã có chính thất là [Phạm Thị Liên](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%A1m_Th%E1%BB%8B_Li%C3%AAn_(Quang_Trung)).

Vài ngày sau, Lê Hiển Tông băng hà, triều đình rơi vào vấn đề chọn người kế vị. Lê Ngọc Hân nghĩ anh thân hơn cháu nên ủng hộ anh là [Lê Duy Cận](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=L%C3%AA_Duy_C%E1%BA%ADn&action=edit&redlink=1) lên ngôi, nhưng bị tông tộc nhà Lê phản đối vì muốn lập Lê Duy Kỳ - con của Cựu thái tử [Lê Duy Vĩ](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%AA_Duy_V%C4%A9) lên ngôi. Do áp lực của tông tộc, Ngọc Hân phải nghe theo. Lê Duy Kỳ được lập, tức là [Lê Chiêu Thống](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%AA_Chi%C3%AAu_Th%E1%BB%91ng). Ít lâu sau, bà theo Nguyễn Huệ về [Thuận Hóa](https://vi.wikipedia.org/wiki/Thu%E1%BA%ADn_H%C3%B3a).

Năm Chiêu Thống thứ 2 ([1788](https://vi.wikipedia.org/wiki/1788)), Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế trước khi ra Bắc để diệt quân Thanh, lấy niên hiệu Quang Trung, phong Ngọc Hân làm Hữu Cung Hoàng hậu . Năm sau ([1789](https://vi.wikipedia.org/wiki/1789)), sau khi đại thắng quân Thanh, Nguyễn Huệ lại phong bà làm Bắc Cung hoàng hậu .Bà có hai con với Nguyễn Huệ là [Nguyễn Thị Ngọc Bảo](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Nguy%E1%BB%85n_Th%E1%BB%8B_Ng%E1%BB%8Dc_B%E1%BA%A3o&action=edit&redlink=1)  và hoàng tử [Nguyễn Quang Đức](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Nguy%E1%BB%85n_Quang_%C4%90%E1%BB%A9c&action=edit&redlink=1)

Năm Quang Trung thứ 5 ([1792](https://vi.wikipedia.org/wiki/1792)), Nguyễn Huệ đột ngột băng hà. Sau đó, [Nguyễn Quang Toản](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nguy%E1%BB%85n_Quang_To%E1%BA%A3n) là con bà Chính cung hoàng hậu [Phạm Thị Liên](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nguy%E1%BB%85n_Hu%E1%BB%87#V%E1%BB%A3) (hoặc [Bùi Thị Nhạn](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%B9i_Th%E1%BB%8B_Nh%E1%BA%A1n)) lên nối ngôi, [niên hiệu](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ni%C3%AAn_hi%E1%BB%87u) là Cảnh Thịnh, vì thế sử còn gọi là là Cảnh Thịnh Đế. Bùi hoàng hậu do thân phận chính thất đã trở thành [Hoàng thái hậu](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ho%C3%A0ng_th%C3%A1i_h%E1%BA%ADu).

Theo bài "Danh nhân Lê Ngọc Hân" của [Chu Quang Trứ](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Chu_Quang_Tr%E1%BB%A9&action=edit&redlink=1), sau khi Nguyễn Huệ qua đời thì bà Lê Ngọc Hân mất quyền lực, và bà đưa con ra khỏi cung điện [Phú Xuân](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%E1%BB%91_%C4%91%C3%B4_Hu%E1%BA%BF), sống trong [chùa Kim Tiền](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ch%C3%B9a_Kim_Ti%E1%BB%81n&action=edit&redlink=1) (Dương Xuân ở [Huế](https://vi.wikipedia.org/wiki/Hu%E1%BA%BF)) cạnh [Đan Dương điện](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=%C4%90an_D%C6%B0%C6%A1ng_%C4%91i%E1%BB%87n&action=edit&redlink=1) với danh nghĩa thờ chồng nuôi con. Bà gượng sống đến ngày mồng [8 tháng 11](https://vi.wikipedia.org/wiki/8_th%C3%A1ng_11) năm [Kỷ Mùi](https://vi.wikipedia.org/wiki/K%E1%BB%B7_M%C3%B9i) (ngày [4 tháng 12](https://vi.wikipedia.org/wiki/4_th%C3%A1ng_12) năm [1799](https://vi.wikipedia.org/wiki/1799)) thì mất, lúc đó mới 29 tuổi.

Nhân khi triều Tây Sơn suy yếu, Nguyễn Ánh thừa cơ chiếm lấy kinh đô Phú Xuân, ngày 18 [tháng 11](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1ng_m%C6%B0%E1%BB%9Di_m%E1%BB%99t) năm [Tân Dậu](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%A2n_D%E1%BA%ADu) (23 [tháng 12](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1ng_m%C6%B0%E1%BB%9Di_hai) năm [1801](https://vi.wikipedia.org/wiki/1801)) hoàng tử Nguyễn Quang Đức mất khi mới 10 tuổi, rồi ngày 17 [tháng 4](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1ng_t%C6%B0) năm [Nhâm Tuất](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A2m_Tu%E1%BA%A5t) (18 [tháng 5](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1ng_n%C4%83m) năm [1802](https://vi.wikipedia.org/wiki/1802)), công chúa Ngọc Bảo cũng mất khi mới 12 tuổi.

Năm [1804](https://vi.wikipedia.org/wiki/1804), bà Nguyễn Thị Huyền vì thương con gái và hai cháu ngoại đều chết yểu nơi xa, nên đã thuê người vào [Phú Xuân](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%E1%BB%91_%C4%91%C3%B4_Hu%E1%BA%BF) lấy hài cốt ba mẹ con Ngọc Hân đưa về bản dinh (tức dinh Thiết lâm của bà).

Ngày 16 [tháng 7](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1ng_b%E1%BA%A3y) năm [1804](https://vi.wikipedia.org/wiki/1804), bà cho an táng hài cốt bà Ngọc Hân, phụ chôn hoàng tử ở bên trái và công chúa ở bên phải. Nơi đó nay là bãi Cây Đại hay bãi Đầu Voi ở đầu làng Nành, xã Phù Ninh (nay là xã Ninh Hiệp, huyện [Gia Lâm](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gia_L%C3%A2m), [Hà Nội](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_N%E1%BB%99i)).

Gần 50 năm sau, dưới thời  vua [Thiệu Trị](https://vi.wikipedia.org/wiki/Thi%E1%BB%87u_Tr%E1%BB%8B), , do có người tố giác việc thờ cúng này nên triều đình [Huế](https://vi.wikipedia.org/wiki/Hu%E1%BA%BF)  hạ lệnh quật ba ngôi mộ, vứt hài cốt xuống sông Hồng. Lòng dân thương xót, đã đặp mộ và xây miếu thờ Lê Ngọc Hân, nay là đền Ghềnh( ở Bồ đề, Long Biên, Hà Nội ).

Tương truyền, bà đã viết bài [Tế vua Quang Trung](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=T%E1%BA%BF_vua_Quang_Trung&action=edit&redlink=1) và [Ai Tư Vãn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ai_t%C6%B0_v%C3%A3n) để bày tỏ nỗi đau khổ cùng cực cũng như nỗi tiếc thương vô hạn cho người chồng anh hùng vắn số. Bài Ai Tư Vãn đặc biệt nổi tiếng hơn cả

**b. Những đóng góp của Lê Ngọc Hân đối với quê hương, đất nước**

Từ một công chúa tài hoa, thông minh, đức hạnh, đến một hoàng hậu nhân từ ,sắc sảo, tuy cuộc đời ngắn ngủi, Lê Ngọc Hân đã trở thành một nhân vật lịch sử, một danh nhân văn hóa của dân tộc. với nhãn quan chính trị sắc sảo, chính xác, hiểu thấu thời cuộc,bà đã có những đóng góp quan trọng với Nguyễn Huệ trong những việc quốc gia đại sự.Tiếc rằng vua Quang Trung đã sớm băng hà và cuộc đời bà Hoàng hậu Lê Ngọc Hân chỉ có 29 năm, nên sự nghiệp của người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ và danh nhân văn hóa Lê Ngọc Hân đẫ phải kết thúc giữa thời kỳ rực rỡ nhất. “ Ai tư vãn ,, đáng để cho hậu thế chúng ta nghiêng mình kính phục và cảm thông sâu sắc.

**c. Đền thờ bà**

**\* Vị trí:** Đền thờ Bắc Cung hoàng hậu Lê Ngọc Hân nằm bãi Cây Đại được tu bổ,tôn tạo năm 2011,trên khu đất 286m2 tại ở thôn 2 xã Ninh Hiệp-Gia Lâm-Hà Nội

**\* Kiến trúc:** Đền thờ được xây mới ,cách khu mộ gần 200m trên diện tích 1,100m2.Bao gồm 3 phần :

- Nghi môn: xây kiểu trụ biểu ,với 4 trụ tạo thành 3 lối đi

Nhìn từ xa, một ngôi đền cổ với một tấm bảng có ghi chữ ‘Đền thờ Bắc Cung hoàng hậu Lê Ngọc Hân’. Bước vào cánh cửa gỗ ấy,bên cạnh em là hai cây hoa la thơm ngát ở hai bên cánh tay, trước mặt em là một ngôi đền không quá to nhưng cũng không quá nhỏ,một ngôi đền thật đẹp. Gian bên phải em là tượng đá nằm ở dưới 1 chiếc nhói nhỏ nói về lịch sử của bà,cùng với đó là những hàng cây xanh tươi. Ở ngay đó là nơi sắp lễ và trên tầng có chiếc chuông khổng lồ.Trong nơi sắp lễ có những bức hình của hoàng hậu Lê Ngọc Hân và vua Quang Trung.Bên cạnh nơi sắp lễ là một cái Giếng Ngọc lâu đời.Gian bên tay trái em là nơi để tham quan,đọc sách và tìm hiểu về hoàng hậu Lê Ngọc Hân.Ở trên tầng là một cái tượng đá.Ở giữa ngôi đền là gian chính bằng hình chữ ‘Đinh’ gồm Tiền tế và Hậu cung,được xây dụng bằng gỗ lim,mát lợp ngói mũi hài,đỉnh ngói là tượng hình rồng như đang múa lượn trên bầu trời.Bên trong gian chính là 6 ban thờ gồm ban thờ bà Chiêu Nghi Nguyễn Thị Huyền nằm ở bên trái .Ban thờ Vua Lê Hiển Tông ở bên phải cùng chồng bà là Vua Quang Trung .Và ban thờ Công chúa Lê Ngọc Hân ở chính giữa cùng hai đứa con bên cạnh là Công chúa Nguyễn Thị Ngọc Bảo cùng Hoàng tử Nguyễn Quang Đức.



**\* Ý nghĩa:** Khu Di lăng, đền thờ Lê Ngọc Hân ở xã Ninh Hiệp và đền Ghềnh ( ở Hà Nội ), cũng như việc phụng thờ Lê Ngọc Hân tại các di tích về anh hùng dân tộc Quang Trung- Nguyễn Huệ, là sự tôn vinh của nhân dân đối với một nữ danh nhân của quê hương, đất nước.

2**. Danh sách các quận công, tiến sỹ, ngự y của Ninh Hiệp**

**a. 6 quận công**

- Phú quận công Thạch Anh Nghị ,Thạch Anh Hào

- Vịnh quận công Nguyễn Đức Chiêm (1618-1678)

- Ninh quận công Nguyễn Thọ Tràng (1681-1736)

-Tính quận công Nguyễn Đạo Luận, phụ quốc thượng tướng quân,chỉ huy sứ tư đô, tổng thái giám

- Ngôn quận công Nguyễn Gia Tuyên (1658-1714)

- Thức quận công Tự Thanh Cẩn

**b. 5 tiến sỹ thời Hậu Lê**

-Phạm Ngữ, đỗ khoa Quý Mùi (1463)

-Nguyễn Khắc Trung, , đỗ khoa Quý Mùi (1523)

-Lê Dao, , đỗ khoa Mậu Ngọ (1558)

-Đào Quốc Hiển, , đỗ khoa Tân Mùi (1691)

-Nguyễn Bá Tôn (1628-1718) , đỗ khoa Bính Tuất (1678)

**c.2 chánh, phó ngự y thời Nguyễn**

- Chánh ngự y Nguyễn Tán (1816-1880)

- Phó ngự y Nguyễn Khắc Hoạt (1839-1903)

**GIÁO ÁN DẠY HỌC**

**Bài 1: HOÀNG HẬU LÊ NGỌC HÂN**

**I. Mục tiêu bài học :**

***1. Kiến thức:***

Thân thế, cuộc đời và sự nghiệp của Lê Ngọc Hân, những đóng góp của bà đối với quê hương, đất nước.

***2. Kỹ năng:***

Phân tích, đánh giá, khai thác tư liệu ,liên hệ thực tế để rút ra nhận xét, đánh giá.

***3. Thái độ:*** .

-Trân trọng những đóng góp quan trọng của Hoàng hậu Lê Ngọc Hân đối với đất nước, nổi bật là về chính trị và văn học. Đặc biệt tác phẩm “Ai tư vãn” khóc vua Quang Trung mất là tiếng nói chân tình của bà đối với chồng, đồng thời là anh hùng dân tộc.

- Tự hào và có ý thức gìn giữ, phát huy truyền thống của quê hương Ninh Hiệp, của Gia Lâm và của Thăng Long – Hà Nội.

**II. Chuẩn bị**

**1. *Giáo viên:*** Tư liệu về Lê Ngọc Hân, thiết bị dạy học….

***2. Học sinh:*** Chuẩn bị trước bài ở nhà

+ Tình hình nước ta vào cuối thế kỉ XVIII

+ Tiểu sử và những đóng góp của Lê Ngọc Hâ về chính trị, văn học.

+ Các di tích, đền thờ về bà Lê Ngọc Hân ở Ninh Hiệp và Hà Nội

**III. Tiến trình tổ chức dạy học**

***1. Ổn định tổ chức : ( 1 phút ):***

**2**. ***Giới thiệu bài mới ( 1 phút ):***

Lê Ngọc Hân, còn gọi Ngọc Hân công chúa hay Bắc cung hoàng hậu, là một nhân vật lịch sử nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thế kỉ XVIII. Tại sao lại khẳng định như vậy? Chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

*\** ***Dạy và học bài mới:******( 38 phút*** *)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò**  **Hoạt động 1( 8 phút ):**HS hiểu về gia đình, tài năng, tính cách của Lê Ngọc Hân  - GV đưa slide 1  **- Từ những kiến thức đã học, em hãy điểm lại những nét chính về tình hình chính trị, xã hội nước ta vào cuối thế kỉ XVIII?**  Đất nước bị chia cắt, chính quyền vua Lê – Chúa Trịnh ở Đàng ngoài suy yếu, còn chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng trong thì mục nát. Khởi nghĩa nông dân bùng nổ khắp nới…  GV đưa slide 2, 3( lược đồ Ninh Hiệp, ảnh Lê Ngọc Hân )  **- Qua việc chuẩn bị ở nhà, hãy nêu hiểu biết của em về thân thế của hoàng hậu Lê Ngọc Hân?**  +Vua Lê Hiển Tông (1740-1786)  + Chiêu nghi Hoàng Hậu Nguyễn Thị Huyền (1753-1823)  +Lê Ngọc Hân sinh vào giờ Sửu (1-3h sáng), từ nhỏ đã thông kinh sử và tập làm thơ văn, tài năng, đức hạnh , được vua cha đặc biệt yêu dấu.  **Hoạt động 2:(15 phút ) nắm được cuộc đời và sự nghiệp của Hoàng hậu Lê Ngọc hân**  Cuộc đời của Lê Ngọc Hân gắn liền với những chiến công của người anh hùng áo vải, cờ đào Nguyễn Huệ. Sự kiện bắt đầu từ khi Nguyễn Huệ tiến quân ra Bắc với khẩu hiệu “phù Lê diệt Trịnh,,  **- Em cho biết, Nguyễn Huệ lật đổ chính quyền chúa Trịnh vào năm nào?**  **- Vì sao vua Lê đồng ý gả công chúa Ngọc Hân cho Nguyễn Huệ ?**  **- Đám cưới của Nguyễn Huệ - Ngọc Hân diễn ra như thế nào?**  +Vào ngày cưới, trai gái chốn kinh thành nô nức túm tụm bên ngoài hàng rào lính tráng xem cưới mà như xem hội…Đây không chỉ là sự gặp gỡ giữa thiên tài và quốc sắc mà còn là sự gắn bó giữa hai miền Nam Bắc sau hơn 200 năm chia cắt…  + Vài ngày sau, vua Lê Hiển Tông băng hà, Lê Chiêu Thống nối ngôi (Ngọc Hân không ủng hộ nhưng đành thuận theo quyết định của hoàng tộc) Ít lâu sau bà theo Nguyễn Huệ về Thuận Hóa (Huế)  **- Ngọc Hân lấy Nguyễn Huệ sinh được mấy người con? Em có biết tên những người con của bà ?**  - Lúc này Ngọc Hân có 2 con với Nguyễn Huệ:  + Công chúa Nguyễn Thị Ngọc Bảo  + Hoàng tử Nguyễn Quang Đức  - Ngọc Hân đau đớn tột cùng và viết bài thơ “Ai tư vãn” (Bài vãn ca về nỗi buồn đau tưởng nhớ).  - GV trình bày ngắn gọn về cuộc sống của Hoàng hậu Lê Ngọc Hân và hai con sau khi Quang Trung mất  + Ngày 18/11 năm Tân Dậu (23/12/1801) Hoàng tử Quang Đức mất khi mới 10 tuổi.  +Ngày 17 tháng 4 năm Nhâm Tuất (18/5/1802) công chúa Ngọc Bảo cũng mất khi mới 12 tuổi.  + Năm 1804, bà Nguyễn Thị Huyền đã thuê người vào Phú Xuân lấy hài cốt ba mẹ con Ngọc Hân đưa về chôn ở đầu làng Nành (nay là xã Ninh Hiệp - Gia Lâm – Hà Nội)  + Năm 1842, vua Thiệu Trị cho người quật ba ngôi mộ, vứt hài cốt xuống sông Hồng….  GV đưa slide 4,5( ảnh Đền Ghềnh )  **Hoạt động 3: (15 phút )Thấy được những đóng góp của Hoàng hậu Lê Ngọc Hân về chính trị và văn học**  - GV có thể cho HS thảo luận nhóm: (3 phút)  **+Nhóm 1: Nêu những đóng góp góp của Hoàng hậu Lê Ngọc Hân về chính trị.**  **+Nhóm 2: Nêu những đóng góp của Hoàng hậu Lê Ngọc Hân về văn học**.  GV tổ chức cho HS trình bày, nhận xét, rồi chốt ý.  -GV có thể hỏi: Em có thể đọc vài câu thơ trong tác phẩm “Ai tư vãn”? Nội dung chính của tác phẩm là gì?  GV phân tích ngắn gọn:  Bài thơ gồm 164 câu song thất lục bát  + Lê Ngọc Hân là nhà thơ đầu tiên ca ngợi sự nghiệp anh hùng của Quang Trung -Nguyễn Huệ  “Mà nay áo vải cờ đào  Giúp dân dựng nước biết bao công trình”  Ngọc Hân đau đớn. Những ý định chết chóc đã lập tức vụt đến.  “Quyết liều mong vẹn chữ tòng  Trên đường nào ngại, giữa dòng nào e”  Nhưng cái cảnh hai con còn nhỏ đã khiến Ngọc Hân thắt ruột mà tỉnh lại  “Còn trứng nước thương vì đôi chút  Chữ tình thâm chưa thoát được đi”  Bài thơ Nôm “ Ai tư vãn,, của bà thật ai oán, thống thiết làm rung động lòng người và trở thành viên ngọc trong kho tàng văn học Việt Nam..  **- Ở Ninh Hiệp, em biết có những di tích, đền thờ, công trình nào tưởng nhớ về Hoàng hậu Lê Ngọc Hân.**  - GV đưa các slide 6-13 về về Lăng mộ, đền thờ, các hoạt động kỷ niệm về Hoàng hậu Lê Ngọc Hân tại Ninh Hiệp. | **Kiến thức cần đạt**  **1. Thân thế**  - Là công chúa con vua Lê Hiển Tông và Hoàng hậu Nguyễn Thị Huyền  - Sinh ngày 27 tháng 4 năm Canh Dần ( 22-5-1770 )  - Xinh đẹp, dịu dàng, tài sắc hơn người  **2. Cuộc đời và sự nghiệp**  - Hè 1786, Nguyễn Huệ lật đổ chúa Trịnh và trao lại chính quyền cho vua Lê.  - 04.8.1786, Đám cưới Ngọc Hân – Nguyễn Huệ.  - 1788 Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế trước khi ra Bắc để diệt quân Thanh, lấy niên hiệu Quang Trung, phong Ngọc Hân làm Hữu cung Hoà  - 1789, sau khi đại thắng quan Thanh, Nguyễn Huệ phòng bà làm Bắc cung Hoàng Hậu.  - Vua Quang Trung ban hành nhiều chính sách tiến bộ trong xây dựng đất nước.  - 1792, vua Quang Trung đột ngột qua đời (thọ 39 tuổi).  - Ngày 08 tháng 11 năm Kỷ Mùi (4/12/1799) , Lê Ngọc Hân mất ( thọ 29 tuổi.)  **3. Những đóng góp của Hoàng hậu Lê Ngọc Hân đối với quê hương, đất nước.**  - Về chính trị: bà có ảnh hưởng quan trọng tới nhiều quyết định sáng suốt của vua Quang Trung.  - Về văn học: tác phẩm nổi tiếng “Ai tư vãn”  + Cá ngợi sự nghiệp vĩ đại của vua Quang Trung.  + Nỗi đau thương vô bờ bến của bà trước việc ra đi đột ngột của vua Quang Trung. |

***3. Củng cố (4 phút)***

- GV hướng dẫn HS hệ thống về Hoàng Hậu Lê Ngọc Hân qua 3 nét nổi bật

+ Công chúa Lê Ngọc Hân: tài hoa, đức hạnh

+ Hoàng hậu Lê Ngọc Hân: nhân từ, sắc sảo, hiểu thấu thời cuộc

+ Nhà thơ Lê Ngọc Hân : để lại cho hậu thế tác phẩm bất hủ “ Ai tư vãn,,

* Có thể thiết kế cấu trúc bài theo 3 ý trên.

- Phát biểu cảm nghĩ của em về Hoàng hậu Lê Ngọc Hân .

***4. Hướng dẫn các hoạt động tiếp theo***( 1 phút )

***5. Rút kinh nghiệm***

............................................................................................................................

.............................................................................................................................

# 11. LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG XÃ PHÙ ĐỔNG

# HUYỆN GIA LÂM –TP HÀ NỘI

**PHẦN I. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ XÃ PHÙ ĐỔNG -**

**HUYỆN GIA LÂM – TP HÀ NỘI**

Xã Phù Đổng thuộc huyện Gia Lâm. Phía đông giáp xã Trung Mầu, Lệ Chi: phía nam giáp xã Cổ Bi, Đặng Xá, Kim Sơn và Phú Thị; phía tây và phía bắc giáp ba xã Dương Hà, Đình Xuyên và Ninh Hiệp; góc đông bắc giáp xã Phù Chẩn huyện Tiên Sơn tỉnh Bắc Ninh.

Xã gồm có các thôn: Đổng Viên, Phù Dực, Phù Đổng và Xóm Mới: Nguyên là đất các xã Đổng Viên, Phù Dực, Phù Đổng, tổng Phù Đổng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh trước năm 1961. Sau này đặt làm một xã tên là Phù Đổng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Năm 1961 nhập vào huyện Gia Lâm, Hà Nội. Diện tích 1182,25 ha, với 4363 hộ và 14.485 nhân khẩu *( 2018*). Phù Đổng nằm trong khu quần tụ của người Việt Cổ thuở vua Hùng dựng nước. Ngày nay tên gọi Phù Đổng vẫn được giữ nguyên và gắn liền với truyền thuyết người anh hùng làng Gióng lừng lẫy, người có công đầu giúp vua Hùng thứ VI đánh bại quân xâm lược.

Về văn hóa, Phù Đổng là nơi giao thoa hòa quyện giữa văn hóa Kinh kì và Kinh Bắc. Phù Đổng có nhiều công trình văn hóa tầm cỡ quốc gia và quốc tế như: Khu di tích Đền Gióng, nhà thờ Đặng Công Chất, Chùa Kiến Sơ ...và mới đây (năm 2010) Lễ hội Gióng được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

**PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ DI TÍCH QUỐC GIA ĐẶC BIỆT**

**ĐỀN PHÙ ĐỔNG VÀ LỄ HÔI GIÓNG**

Câu chuyện Thánh Gióng đánh giặc trải qua hàng ngàn năm được các thế hệ người Việt nhắc đến và học tập. Hình tượng người anh hùng tên Gióng *(hoặc* *Dóng*) đã trở thành biểu tượng về của sức mạnh và lòng yêu nước của dân tộc ta. **Ông là vị Thánh tượng trưng cho tinh thần chống giặc ngoại xâm và sức mạnh của tuổi trẻ**. Ngày nay, trên quê hương Thánh Gióng vẫn còn đó những di tích lịch sử và lễ hội hằng năm vẫn được nhân dân tổ chức để tưởng nhớ công ơn người anh hùng đánh giặc ngoại xâm, bảo vệ đất nước. Di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật đền Phù Đổng đã được Chính phủ công nhận là Di tích quốc gia đặc biệt (*đợt 4, ngày 9-12-2013*). Hội Gióng là một nét văn hóa cổ truyền đặc sắc của dân tộc Việt Nam và là một trong những di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại***.***

**Đền Phù Đổng hay còn được gọi là Đền Gióng nằm ở xã Phù Đổng, Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội. Đền được lập ra thờ Thánh Gióng – Phù Đổng Thiên Vương - một trong 4 vị Tứ Bất Tử của tín ngưỡng văn hóa dân gian Việt Nam.** Khu di tích Đền Gióng gồm đền Thượng và đền Hạ, thuộc xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, cách Hà Nội khoảng 30 km. Từ Hà Nội, qua cầu Thanh Trì, cầu Chương Dương, những cánh đồng lúa xanh ngắt và những xóm làng bình yên của đồng bằng Bắc Bộ, đến Km 10 rẽ phải, đi trên đê sông Đuống khoảng 7 km nữa là tới đền Phù Đổng.

Theo truyền thuyết, đời Hùng Vương thứ VI ở làng Gióng có hai vợ chồng ông bà lão nghèo sống phúc đức mà vẫn chưa có con. Một hôm bà ra đồng thấy một vết chân rất to liền ướm thử. Không ngờ về nhà bà thụ thai và sinh được một cậu bé khôi ngô tuấn tú, đặt tên là Gióng. Kì lạ thay Gióng lên ba mà vẫn đặt đâu nằm đấy. Khi giặc Ân sang xâm chiếm nước ta, Gióng bỗng vươn vai đứng dậy, cầm roi sắt, cưỡi ngựa sắt ra trận, đánh tan quân giặc rồi phi ngựa về trời. Vua sai sửa sang vườn nhà của bố mẹ Gióng để lập đền thờ. Đó chính là đền Gióng, thờ Phù Đổng Thiên Vương -Thánh Gióng (*còn gọi là Đền Phù Đổng*) ngày nay.

Đền Thượng còn gọi là đền Phù Đổng, tương truyền được dựng từ thời Hùng Vương, trên nền nhà cũ của Thánh Gióng. Năm 1010 khi dời đô về Thăng Long, Lý Thái Tổ đã cho dựng lại ngôi đền bề thế hơn để ghi nhớ công ơn vị anh hùng đã tiêu diệt giặc Ân. Trải qua hơn X thế kỷ, đến nay đền Thượng đã được trùng tu nhiều lần. Tuy vậy, những di tích còn lại của đền vẫn dựa trên kiến trúc cũ từ thuở xa xưa.

Đền Phù Đổng bố cục theo hình chữ Công. Trước cổng là một sân rộng, nhìn sang nhà thủy đình nằm giữa một hồ nước hình vuông sát đê sông Đuống. Thủy đình là nơi diễn ra các trò chơi dân gian và múa rối nước nên hồ nước còn có tên Ao Rối. Thủy đình được dựng theo kiểu "mái chồng" từ thời Lê Trung Hưng (thế kỷ XVII) với nhiều bức chạm tinh vi trên gỗ, thể hiện những cảnh sinh hoạt dân gian: người chăn dê, người thổi ống xì đồng... Thủy đình mang nhiều yếu tố dịch học, nói lên những ước vọng của dân chúng.

Tam quan Đền Phù Đổng được xây vào cuối thế kỷ XIX. Trải qua hơn một thế kỷ, những viên gạch cổ vẫn vững chãi với thời gian. Các hình điêu khắc, chạm trổ vẫn giữ nguyên nét mềm mại tinh xảo. Phía trước tam quan có đôi rồng đá, dưới có dòng chữ ghi niên đại năm Ất Dậu (1705), niên hiệu Vĩnh Thịnh đời vua Lê Dụ Tông.

Phía sau tam quan, một đôi Sấu đá cùng niên đại đang đứng canh trước phương đình. Lối đi vào hậu cung được lát bằng 39 viên đá xanh, chạm khắc rồng bốn chân, năm móng, mang phong cách nghệ thuật đời Lý. Trong hậu cung 12 gian có tượng Thánh Gióng cao 3m, hai bên có 6 tượng quan văn, võ hầu cận. Trong đền còn có bia đá dựng năm 1660. Phía sau đền có một giếng nước trong, gọi là giếng Ngọc.

Hiện đền Phù Đổng còn giữ 21 đạo sắc phong của các triều đại, nhiều hiện vật giá trị như ngai thờ thời Lê Trung Hưng (thế kỉ XVII), đôi chóe sứ, cổ vật Trung Hoa do ái phi Đặng Thị Huệ cung tiến vào năm 1818, các câu đối do "Lễ bộ Tham tri Nguyễn Du” cung soạn.

Đền Phù Đổng còn gắn chặt với Lễ Hội Gióng để tưởng niệm và ca ngợi chiến công của người anh hùng truyền thuyết Thánh Gióng. Có 2 hội Gióng tiêu biểu ở Hà Nội là hội Gióng Sóc Sơn ở đền Sóc, xã Phù Linh - Sóc Sơn và hội Gióng Phù Đổng ở Đền Phù Đổng, xã Phù Đổng - Gia Lâm. Ngày 16 -11-2010, Hội Gióng đã chính thức được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Giá trị nổi bật toàn cầu ở Hội Gióng chính là hiện tượng văn hóa được bảo lưu, trao truyền khá liên tục và toàn vẹn qua nhiều thế hệ. Mặc dù ở gần trung tâm thủ đô và đời sống cộng đồng trải qua nhiều biến động do chiến tranh, do sự xâm nhập và tiếp biến văn hóa, nhưng Hội Gióng vẫn tồn tại một cách độc lập và bền vững. Hội Gióng là một lễ hội văn hóa cổ truyền mô phỏng sinh động và khoa học diễn biến các trận đấu của Thánh Gióng và nhân dân Văn Lang chống giặc Ân. Thông qua đó nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng về các hình thức chiến tranh bộ lạc thời cổ xưa và liên tưởng tới bản chất tất thắng của cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện trong sự nghiệp giải phóng và bảo vệ Tổ quốc.  

Ngày xưa tổng Phù Đổng có bốn làng: Phù Đổng, Phù Dực, Đổng Viên và Đổng Xuyên thì cả bốn làng cùng tổ chức lễ hội. Trước ngày hội, cả làng chọn xong các tướng của Gióng: Một hiệu cờ (*múa cờ*), một hiệu chiêng, một hiệu trung quân (*chỉ huy đoàn quân*), hai hiệu tiểu cổ (*tướng tiên phong*) và một đội thám mã (*trinh sát*). Còn quân lính thì có 12 phù giá nội, coi như cận vệ và 120 phù giá ngoại coi như đại quân. Tham gia hội còn có phường múa hát Ải Lao (*phường Tùng Choạc*), trong đó có một ông trùm, một người đánh trống khẩu, một người cầm cung nỏ (*tượng trưng cho người đi săn*), một người cầm cần câu (*dân chài*), hai người cầm cờ lau (*trẻ chăn trâu*), một người hóa trang thành con hổ, 12 người cầm xênh phách. Phường này sẽ hát và múa giúp vui cho hội. Ngoài ra bốn làng còn phải cử 28 bé gái từ 10 – 13 tuổi đóng vai tướng giặc Ân.

Hội Gióng bắt đầu từ ngày mồng 6 tháng tư Âm lịch bằng rước lễ. Ngày mồng 8 duyệt 28 nữ tướng, ngày mồng 9 là chính hội. Mở đầu là rước cờ từ đền Mẫu (*nơi thờ mẹ Gióng*) về đền Phù Đổng. Tiếp đến là phường múa Ải Lao diễn trò săn hổ và vây bắt hổ. Trong khi đó ở Đống Đàm (*coi như trận địa giặc Ân*), 28 nữ tướng cũng dàn thế trận. Họ ngồi trên kiệu. Khoảng quá trưa, đội thám mã về đền thông báo giặc đã đóng quân ở Đống Đàm. Thế là chiêng trống nổi lên, đoàn quân của chàng Gióng tiến về Đống Đàm dưới hình thức một đám rước. Đi đầu là 24 thiếu niên dẹp đường rồi đến tướng tiên phong, ông hổ, phường Ải Lao, các tướng của Gióng và người xem hội.

Chiến trường Đống Đàm là một bãi nhỏ nằm giữa hai con đê. Tại đây đã trải sẵn ba chiếc chiếu, mỗi chiếc có một bát úp trên một tờ giấy trắng. Chiếu tượng trưng cho đồng bằng, bát là núi, giấy là mây. Đám rước tới nơi, các tướng đến các vị trí cuộc chiến bắt đầu... Ba đợt phất cờ dân gọi là ba ván thuận. Các nữ tướng của giặc Ân lúc này cũng quay khăn về phía đền, tỏ ý bị tan rã. Trống chiêng lại nổi lên, quân của Thánh Gióng đã thắng.

Đám rước trở về đền mở tiệc khao quân. Nhưng vào giữa bữa tiệc, thám mã cấp báo rằng quân giặc đang vây ở Sòi Bia. Cuộc chiến đấu cũng diễn ra như ở Đống Đàm, có điều là hiệu cờ lại phất cờ từ trái sang phải, gọi là ba ván nghịch. Khi ván thứ ba chấm dứt, quân giặc đại bại, tướng giặc bị bắt giải về đền cùng với trống chiêng rền vang báo tiếp. Tại đây hai tướng giặc bị hất mũ và phanh áo, ngụ ý bị chém đầu và lột da. Tiếp đó làm lễ dâng thủ cấp giặc. Xong lễ, tiệc khao bắt đầu, không khí chiến thắng lại bao trùm. Buổi tối có các trò chơi dân gian, diễn tuồng… được kéo dài tới tận khuya.

Có thể nói Lễ hội Thánh Gióng là một nghi thức thờ cúng anh hùng dân tộc, đồng thời là một cuộc tổng diễn xướng anh hùng ca Thánh Gióng trên một quy mô rộng lớn. Nó là một bước phát triển phong phú của anh hùng ca dân tộc. Một lần nữa, huyền thoại này trong đó có những yếu tố cổ nhất, hồn nhiên nhất đã sống lại, làm sống lại chủ đề và hình tượng người anh hùng tập thể của bộ lạc đang được nâng lên thành người anh hùng dân tộc với một chất lượng mới: một biểu tượng văn hóa có tầm vóc đặc biệt thể hiện khát vọng muôn đời và hào khí của dân tộc ta.

**PHẦN III. GIÁO ÁN DẠY HỌC**

**TÌM HIỂU VỀ DI TÍCH QUỐC GIA ĐẶC BIỆT**

**ĐỀN PHÙ ĐỔNG VÀ LỄ HỘI GIÓNG**

**I. Mục tiêu bài học:** Qua bài học, giúp học sinh nắm được:

***1. Kiến thức***:

- Nắm được truyền thống quê hương Phù Đổng, di tích quốc gia đặc biệt Đền Phù Đổng là vị Thánh đứng ở vị trí số hai rất nổi tiếng trong *“Tứ bất tử*” của tín ngưỡng Việt Nam và Lễ hội Gióng.

***2. Kĩ năng***:

- Trình bày hiểu biết, kể chuyện, nhận xét, đánh giá…

***3.Thái độ***:

- Tình yêu quê hương, tự hào về truyền thống lịch sử lâu đời khâm phục, bảo vệ và xây dựng quê hương giàu đẹp.

**II. Chuẩn bị:**

***1. GV:*** Chuẩn bị giáo án, tài liệu liên quan, các tư liệu lịch sử.

***2. HS:*** Sưu tầm tự liệu, vở ghi chép, tìm hiểu về di tích quốc gia đặc biệt Đền Phù Đổng và Lễ hội Gióng Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội.

**III. Tiến trình bài học:**

1. ***Ổn định tổ chức:(1ph)***

***2. Bài mới***: Giáo viên giới thiệu *( 1 ph).*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Hoạt động 1** : **Học sinh tìm hiểu khái quát về vùng đất - con người, lịch sử quê hương**  *(10 phút).*  - GV :  + Cho học sinh xem một đoạn phim giới thiệu về Xã Phù Đổng ( Slides 2)  + Cho HS quan sát bản đồ của Gia Lâm - vị trí của xã Phù Đổng trên bản đồ ( Slides 3,4)  *H: Nêu hiểu biết của em về vị trí địa lí của Phù Đổng?*  - GV : Giới thiệu về  + Vị trí địa lí,.  + Diện tích, dân số. ..  + Đặc điểm nổi bật…  *->Học sinh lắng nghe, ghi bài.*  *H: Nêu những hiểu biết của em về lịch sử ra đời và phát triển của Phù Đổng?*  - HS trả lời..  - GV bổ sung, chốt kiến thức, học sinh lắng nghe và ghi bài.   * - GV chuyển ý, sử dụng phương pháp thuyết trình giới thiệu về: * + Tài liệu di chỉ khảo cổ học năm 1962 - 1964 * (*Khẳng định Phù Đổng là nơi nằm trong khu vực giao thoa các dấu tích của người Việt cổ*). * + Các danh nhân của Phù Đổng..   ->Học sinh lắng nghe, ghi bài.  **Hoạt động 2: Tìm hiểu di tích Đền Phù Đổng - di tích quốc gia đặc biệt** *( 17 phút)*  + GV: Giới thiệu và chuyển ý phần II  + Học sinh lắng nghe.  *H: Hãy cho biết vị trí của ngôi Đền ?*   * Học sinh dựa vào thực tế trả lời * Giáo viên chốt và cho học sinh ghi bài.   ( Slides 5)  - GV chuyển ý và cho học sinh quan sát một số hình ảnh về các công trình kiến trúc Đền Phù Đổng ( Slides 6 - 21)  - Học sinh quan sát.  - GV: Cho HS tham gia trò chơi “ Ai nhanh”. Thời gian 2 phút (*trên cơ sở câu hỏi tìm hiểu*)  *H: Hãy giới thiệu những hiểu biết của em về công trình kiến trúc Đền Phù Đổng (* Slides 22)  + Các nhóm học sinh thực hiện  + GV chữa bài cho HS.  - GV: Sử dụng hình ảnh về các công trình kiến trúc và giới thiệu cụ thể từng công trình.  - Học sinh quan sát, lắng nghe và ghi bài.  *H: Theo em ngoài kiến trúc đặc biệt, còn lí do nào năm 2013 Đền Phù Đổng đươc nhà nước quyết định là di tích quốc gia đặc biệt?*  - Học sinh trình bày những hiểu biết của mình  - GV: Cho học sinh quan sát hình ảnh và chốt kiến thức, học sinh lắng nghe, ghi bài.  **Hoat động 3: Tìm hiểu về Lễ hội Gióng**  **(***13 phút)*  GV: Tại Phù Đổng vẫn còn l­ưu truyền câu ca :  Ai ơi mùng chín tháng t­ư  Không đi hội Gióng cũng hư một đời.  *H: Câu ca trên nói tới nét đẹp văn hóa nào của Phù Đổng?*  - Lễ hội Gióng  - GV : Cho HS quan sát ảnh Bộ ngoại giao, đại diện Unesco tại Việt Nam, lãnh đạo Thành phố Hà Nội và Gia Lâm trong buổi lễ đón nhận bằng công nhận lễ hội Gióng là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.  *H: Kể về Lễ hội Gióng?*   * Học sinh kể.   *H: Em có tham gia vào các vai diễn trong lễ hội Gióng không? Có những vai diễn nào trong kịch trường dân gian đó ?*   * Học sinh kể, mô tả…   + Hội chính : Gồm chín ván cờ tại ba địa điểm quan trọng hợp thành văn hóa Lễ hội ( *Sân Đền, Đồng Đàm, Soi Bia*) tái hiện quá trình đánh giặc Ân của Thánh Gióng vào đời Hùng Vương thứ XI.  + Vai diễn …  - GV: Cho học sinh quan sát các hình ảnh và đoạn phim về lễ hội Gióng và chốt ý.  ( Slides 23 - 43)  *H:Việc tổ chức Lễ hội Gióng hàng năm có ý nghĩa gì ( tâm linh, du lịch)? (*Slides 44 )   * Yêu cầu:Thảo luận. * Thời gian: 2 phút. * Hình thức: Nhóm 4.   + HS: Đại diện các nhóm trình bày.  + GV: Nhận xét bổ sung và chốt ghi bài.  **Giáo viên** **nhấn mạnh**: Kịch trường dân gian trong Lễ Hội Gióng ngoài những ý nghĩa về mặt tâm linh, nghệ thuật dân gian thì Lễ Hội Gióng còn thể hiện rõ thế trận toàn dân của dân tộc Việt Nam khi có kẻ xâm lăng ( *Tinh thần đoàn kết dân tôc*).  *H: Vì sao lễ hội Gióng được vinh danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại?*  - Hoc sinh trình bày.  - GV: Chốt và bổ sung thông tin về Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc…  *- GV cho học sinh xem video : Cảm xúc về Đền Gióng và Lễ hôi Gióng.(*Slides 45)  + HS xem để cảm nhận  *H: Là người con của quê hương Phù Đổng, nơi có nhiều di tích quan trọng của quốc gia em có suy nghĩ gì về vai trò và trách nhiệm của bản thân đối với việc giữ gìn bảo vệ di tích, di sản?*  **HS:** Liên hệ bản thân.  **GV:** Nhận xét và bổ sung.  ***-*** Tự hào là học sinh, người con của quê hương  - Gìn giữ phát huy truyền thống quê hương.  - Trân trọng, bảo vệ, tham gia vào các hoạt động văn hóa của thôn xóm, quê hương ( *việc tham gia vào các vai diễn trong lễ hội là hành động thiết thực nhất bảo tồn Kịch trường dân gian của Lễ hội*).  - Giới thiệu cho các bạn và mọi người biết. | **I. Sơ lược về vùng đất, con người Phù Đổng**  ***1. Vị trí địa lí***  - Phù Đổng là một xã thuần nông thuộc Huyện Gia Lâm ngoại thành Hà Nội.  ***2. Lịch sử ra đời và phát triển***  - Phù Đổng là vùng đất cổ lâu đời của đồng bằng châu thổ sông Hồng.  - Trước cách mạng tháng 8 thuộc Huyện Tiên Du Bắc Ninh.  - 20/4/1961 chuyển về Gia Lâm Hà Nội.  ***3. Con người***  - Phù Đổng là nơi xuất hiện sớm người Việt cổ.  - Có nhiều danh nhân.  **II. Đền Phù Đổng – di tích quốc gia đặc biệt**  ***1. Ví trí***  - Tọa lạc tại xóm Chợ ( *Thôn Phù Đổng 1)* Phù Đổng, mặt chính đền quay hướng Nam, trông ra đê sông Đuống.  ***2. Các công trình kiến trúc***  - Đền được xây chính thức từ thời Vua Lý Thái Tổ theo lối “ ***Nội công ngoại quốc***” với:  + Thủy đình.  + Cổng ngũ môn (năm cửa),  + Phương đình.  +Tiền đường.  + Trung đường.  + Hậu cung.  + Tả hữu mạc.  + Nhà khách, nhà hiệu.  + Nhà giám,  ***3.Các di vật lịch sử***  - 21 đạo sắc phong qua các triều đại.  - Hê thống bia đá, rồng đá…  - Hệ thống hoành phi câu đối.  -Hệ thống Long, Ngai, Kiệu, Hương án…  -> Mang giá trị nghệ thuật cao, gắn với nhiều giai đoạn lich sử dân tộc.  **III. Lễ hội Góng Phù Đổng**  ***1.Hình thức tổ chức***  - ***Thời gian***: Từ 1 đến 10 tháng 4 âm lịch.  + Tế lễ : Từ 1 -> 10/ 4.  + Lễ khám đường: 7/4,  + Rước nước : 8/4,  + Hội chính : 9/4.  **- *Các vai diễn***  + Các ông Hiệu,  + 28 Cô Tướng,  + Làng áo đỏ,  + Làng áo đen,  + Đội quân phù giá,  + Phường Ải Lao…  ***2. Ý nghĩa:***  - Thể hiện đạo lý biết ơn tổ tiên.  - Tưởng nhớ công ơn đánh giặc của ĐứcThánh Gióng.  - Cầu mong thuận lợi trong sản xuất nông nghiệp.  - Sinh hoạt văn hóa gắn kết cộng đồng.  - Trở thành điểm du lịch tâm linh.  -> Đây được coi là lễ hội lớn nhất của đồng bằng Bắc bộ. Có ý nghĩa giáo dục sâu sắc. Được UNESCO  công nhận là di sản văn hoá phi vật thể đạị diện của nhân loại. |

**3. Luyện tập củng cố (** *3 phút***)**: Giáo viên hướng dẫn học sinh trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm và làm bài tập (Slides 46)

**4. Hướng dẫn các hoạt đông tiếp theo**

- Nghiên cứu lại nội dung bài học.

- Viết bài giới thiệu về các di tích lịch sử văn hóa khác của Phù Đổng

**5. Rút kinh nghiệm:**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

# 12. LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG XÃ TRUNG MÀU

# HUYỆN GIA LÂM –TP HÀ NỘI

PHẦN I. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ XÃ TRUNG MẦU – HUYỆN GIA LÂM – TP HÀ NỘI

Trung Mầu là một xã nằm bên tả ngạn sông Đuống. Phía Đông, Nam giáp xã Lệ Chi; phía Tây Nam giáp xã Phù Đổng; phía Đông -Bắc giáp xã Đại Đồng và xã Tri Phương( Bắc Ninh ). Trước đây là xã Trung Hưng thuộc huyện Tiên Du tỉnh Bắc Ninh, năm 1961, sát nhập về huyện Gia Lâm - Thành phố Hà Nội. Với diện tích đất tự nhiên 4,3 km², dân số là 5.900 người ( năm 2018), Trung Mầu nằm trong cái nôi của nền văn minh Sông Hồng, có bề dày về lịch sử văn hoá . Từ đời Hùng Vương thứ VI, Trung Mầu tự hào có ông Đường Ghênh theo Thánh Gióng đánh giặc Ân và được phong là Quách Lân Đại Vương

Trung Mầu là miền quê giàu truyền thống yêu nước và cách mạng. Năm 1944, chi bộ Đảng Trung Mầu ra đời đánh dấu sự trưởng thành của phong trào cách mạng ở địa phương. Đêm 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp, ngay hôm sau ngày 10-3-1945, nhân dân Trung Mầu dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng (có sự chỉ đạo của Đảng cấp trên) đứng lên lật đổ chính quyền địch, lập chính quyền cách mạng ở xã, giữ vững đến ngày cách mạng tháng Tám thành công .

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, Đảng bộ và nhân dân Trung Mầu đã phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng ,vượt qua khó khăn, gian khổ, không sợ hy sinh trước sự khủng bố của kẻ địch, bảo vệ, che giấu cán bộ, xây dựng phong trào cách mạng góp phần vào thắng lợi chung của cả nước.

Bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng bộ xã Trung Mầu tiếp tục lãnh đạo nhân dân phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần lao động cần cù, sáng tạo, từng bước đẩy lùi cái đói ,cái nghèo đưa quê hươngTrung Mầu ngày một phát triển đi lên, góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Từ những năm 2000 đến nay, Đảng bộ và nhân dân xã Trung Mầu đã và đang tiếp tục phấn đấu, xây dựng quê hương ngày càng đổi mới đáp ứng được thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Quê hương Trung Mầu dần hoàn thành công cuộc xây dựng nông thôn mới, định hướng quê hương Trung Mầu thoát dần xã nghèo trong huyện . Đưa quê hương Trung Mầu phát triển xứng đáng với danh hiệu mà nhà nước trao tặng: ***“Địa phương giành chính quyền sớm nhất trong cả nước (10/3/1945) - Làng có công với nước - quê hương có truyền thống cách mạng”.***

**PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ QUÁ TRÌNH THAM GIA CÁCH MẠNG**

**CỦA NHÂN DÂN XÃ TRUNG MẦU**

**1. Vị trí địa lí, quá trình phát triển**

Xã Trung Mầu thuộc huyện Gia Lâm - Thành phố Hà Nội. Xã gồm hai làng Trung Mầu và làng Thịnh Liên . Trung Mầu nằm trong cái nôi của nền văn minh Sông Hồng, có bề dày về lịch sử văn hoá và giàu truyền thống cách mạng, cần cù trong lao động sản xuất, anh dũng kiên cường trong chống giặc ngoại xâm. Từ đời Hùng Vương thứ VI ( trước CN ), Trung Mầu có ông Đường Ghênh theo Thánh Gióng đánh giặc Ân và được phong là Quách Lân Đại Vương

Cuối năm 1939, ánh sáng cách mạng của Đảng đã được gây dựng tại Trung Mầu. Từ sự chỉ đạo chặt chẽ của các đồng chí cán bộ Trung ương, phong trào cách mạng đã được phát triển cả về bề rộng lẫn chiều sâu. Những người cán bộ đầu tiên mà nhân dân Trung Mầu đón nhận với tình cảm khao khát nuôi dưỡng, chở che đó là các đồng chí Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Văn Tiến Dũng, Lê Quang Đạo và nhiều các đồng chí lãnh đạo khác của Đảng như đồng chí Nguyễn Văn Trân, Trần Đức Thịnh, Trần Đình Nam, Xuân Thuỷ, Hoàng Tùng, Trần Tử Bình

Trung Mầu được Trung ương chọn là an toàn khu của Trung ương và xứ uỷ Bắc Kỳ, các cơ quan liên lạc, cơ quan báo chí, ấn loát, cơ quan thông tin tuyên truyền đều đặt tại Trung Mầu. Từ Trung Mầu, truyền đơn áp phích, báo Cờ giải phóng, báo Cứu quốc, báo Hiệp lực của Bắc Ninh, các tài liệu của Đảng được gìn giữ bí mật, đảm bảo an toàn và được chuyển tới các cơ sở của Đảng ở khắp nơi, để thông báo kịp thời các chủ trương lãnh đạo của Trung ương. Nhiều lớp huấn luyện chính trị và quân sự cũng được tổ chức tại đây. Phong trào cách mạng thực sự mạnh lên từ giữa năm 1943, Đồng chí Văn Tiến Dũng - Uỷ viên xứ uỷ Bắc Kỳ kiêm trưởng ban cán sự Đảng Bắc Ninh - trực tiếp chỉ đạo cách mạng tại Trung Mầu với phương châm đưa phong trào cách mạng mạnh lên song vẫn giữ được an toàn khu của Trung ương và xứ uỷ.

Tháng 3/1944, Trung Mầu có đội tự vệ nông dân làm nòng cốt cho các cuộc đấu tranh của nhân dân thắng lợi. Đó là cuộc đấu tranh chống trồng thầu dầu, chống Nhật thu đay và chống bọn hà lạm muối.

Tháng 6/1944, chi bộ Đảng ghép được thành lập trên mảnh đất Trung Mầu do đồng chí Vũ Ngọc Ninh làm bí thư

Tháng 11/1944, chi bộ Đảng độc lập do đồng chí Vũ Quang Vô làm bí thư.

Sau sự kiện Nhật đảo chính Pháp, nhờ có sự nắm bắt và nhận định tình hình đúng đắn, và sự chỉ đạo chặt chẽ của Tỉnh uỷ Bắc Ninh - Huyện uỷ Tiên Du, chi bộ đã tiến hành tổ chức lực lượng lãnh đạo quần chúng nhân dân vùng dậy đấu tranh xoá bỏ chính quyền thực dân phong kiến thu bằng triện, đốt văn tự của bọn hào lý, thành lập uỷ ban dân tộc giải phóng, xoá nợ cho dân nghèo, trừ gian bảo vệ chính quyền, tịch thu tài sản, ruộng đất chia cho dân nghèo. Tổ chức bình dân học vụ, cử cán bộ đi tuyên truyền về tinh thần đấu tranh của nhân dân địa phương với các xã xung quanh.

Sau ngày 10/3 Trung Mầu đã tổ chức cuộc mít tinh lớn ra mắt Uỷ ban dân tộc giải phóng. Có thể nói khí thế cách mạng của Trung Mầu lúc bấy giờ mạnh hơn bao giờ hết. Chính quyền mới vừa ra đời đã gặp bao khó khăn song dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng, chính quyền một mặt phải đối phó với bọn phá hoại, một mặt phải lo cho nhân dân ổn định và giữ vững chính quyền cho đến ngày toàn quốc giành chính quyền 19/8/1945. Viết về sự kiện lịch sử này, tháng 5/1982, đồng chí Trường Chinh - Chủ tịch Hội đồng nhà nước - sau 41 năm trở lại thăm Trung Mầu đã nói: *“Việc khởi nghĩa giành chính quyền ở Trung Mầu là một việc làm sáng tạo. Kinh nghiệm sáng tạo đó đã góp phần bổ sung vào Chỉ thị Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”*, là một bằng chứng hùng hồn chứng minh cho đường lối cách mạng trong thời kỳ khởi nghĩa là đúng. Trung Mầu đã giữ vững chính quyền cách mạng dưới hình thức hai mang cho đến ngày toàn quốc khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi.

Kể từ khi giành được chính quyền. Trải qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân đế quốc, Đảng bộ và nhân dân Trung Mầu vẫn luôn giữ vững được truyền thống yêu nước quí báu đó.

Thời kỳ chống Pháp, địch lập đồn bốt bao vây xung quanh hình thành thế bao vây kìm kẹp, o ép xã. Dùng pháo binh liên tiếp bắn phá vào làng xã, tổ chức các cuộc càn quét bắt bớ tra cầm các đảng viên cộng sản và nhân dân. Mặc dù tình thế như vậy song chi bộ Đảng ở Trung Mầu vẫn xây dựng được một cơ sở cách mạng kháng chiến vững vàng, một làng kháng chiến kiên cường, phá tề diệt ác, trừ gian. Địch không thể nào đóng được đồn bốt ở Trung Mầu.Chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, hoà bình lập lại trên quê hương. Nhân dân Trung Mầu vừa xây dựng quê hương, vừa cùng cả nước làm nhiệm vụ với tiền tuyến lớn - miền Nam anh hùng. Hàng trăm thanh niên lên đường nhập ngũ, hàng ngàn tấn lương thực và thực phẩm đóng góp với nhà nước, nhiều người đã anh dũng hy sinh trên các chiến trường, nhiều người trở về trên mình còn mang bao thương tích.

Đất nước thống nhất Đảng bộ và nhân dân Trung Mầu tiếp tục nêu cao tinh thần tự lực, tự cường tranh thủ sự hỗ trợ của trên, chủ động vận dụng một cách sáng tạo các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và pháp luật của nhà nước vào công cuộc xây dựng CNXH với hoàn cảnh cụ thể của mình. Đáng chú ý là những chuyển biến của Trung Mầu trong những năm thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng cộng sản Việt nam khởi xướng, đã đạt được nhiều thành tựu hết sức to lớn trên các lĩnh vực kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng và đổi mới hoạt động của hệ thống chính trị. Từ một vùng chiêm khê mùa thối, người dân không đủ lương thực, nạn đói kéo dài triền miên thì cho đến nay người dân đã làm chủ được lương thực. Các ngành mũi nhọn tiếp tục phát triển, thực hiện chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo qui hoạch vùng đã được huyện phê duyệt như mô hình hoa cây cảnh, cây ăn quả; Các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, thương mại ngày càng mở rộng và phát triển. Hệ thống thuỷ lợi nội đồng được cải tạo, chủ động trong việc tiêu và tưới.

An ninh chính trị được giữ vững và ổn định. Làm tốt công tác huấn luyện quân sự, hoàn thành các chỉ tiêu giao quân hàng năm và quản lý lực lượng dự bị. Thực hiện tốt các chính sách hậu phương quân đội.

Sự nghiệp giáo dục đào tạo có nhiều chuyển biến rõ nét, chất lượng dạy và học từng bước được nâng cao. Cơ sở vật chất phục vụ cho giảng dạy ngày một cải thiện, trường Tiểu học và THCS đã đạt chuẩn Quốc gia, đời sống văn hoá ngày một khởi sắc. Số hộ giàu tăng, số hộ nghèo giảm. Công tác chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân được quan tâm, xã đã được công nhận là xã chuẩn Quốc gia về y tế. Vệ sinh môi trường đang từng bước được quan tâm. Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng nông thôn mới được đông đảo cán bộ và nhân dân tham gia.

Cơ sở hạ tầng: Điện - Đường - Trường - Trạm - trụ sở UBND xã, nhà văn hoá các thôn xóm đang được xây dựng khang trang, đường làng ngõ xóm đang từng bước được nhựa hoá và bê tông hoá phục vụ cho việc đi lại của nhân dân. Đời sống nhân dân từng bước nâng cao. Nông thôn Trung Mầu đang từng bước đổi mới. Chính quyền được củng cố và kiện toàn.

**2. Những đóng góp của địa phương trong sự phát triển của Huyện, Thủ đô và đất nước**

Trung Mầu đã được nhà nước tặng bằng “*Làng có công với nước*” trong thời kỳ tiền khởi nghĩa, huân chương lao động hạng hai trong thời kỳ xây dựng đất nước. Huân chương chống Mỹ cứu nước hạng nhất. Chín năm kháng chiến chống Pháp được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến chống Pháp hạng nhất và được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu “*Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân*” cho nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Trung Mầu. Năm 2005, được UBND Thành phố Hà Nội ra quyết định gắn biển di tích Cách mạng kháng chiến, ngày 15/9/2011, UBND Thành phố Hà Nội ra quyết định gắn biển Địa điểm lưu niệm sự kiện cách mạng kháng chiến Chùa Đô. Toàn xã có13 bà mẹ được phong danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, 124 liệt sỹ, 50 thương binh ,bệnh binh.

Ngày 18/01/2000, đồng chí Nông Đức Mạnh với cương vị là Chủ tịch Quốc hội về thăm Trung Mầu có nói “Trung Mầu đã đi đầu cả nước trong cách mạng thánh 8, ngày nay Trung Mầu phải phấn đấu đi đầu trong công cuộc đổi mới”.

Năm 2017, được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, xã được đầu tư đồng bộ để xây dựng đường làng, ngõ xóm khang trang sạch đẹp, ao hồ được lạo vét đảm bảo vệ sinh môi trường, đủ điều kiện để được công nhận “ xã đạt chuẩn nông thôn mới”. Ngoài sự quan tâm trực tiếp của lãnh đạo huyện Gia Lâm, Trung Mầu còn rất vinh dự được đón tiếp các đồng chí là cán bộ của Đảng và Nhà nước cấp Trung ương và thành phố về Thăm . Sự có mặt của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Chính phủ, Quốc hội và thành phố là niềm cổ vũ, động viên hết sức to lớn đối với Đảng bộ và nhân dân xã Trung Mầu.Với những thành tựu đạt được trong những năm đổi mới đã góp phần làm cho nông nghiệp nông thôn Trung Mầu ngày một đi lên.

Năm 2018, Trung mầu được thành phố công nhận là “ xã đạt chuẩn nông thôn mới”, tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới

**PHẦN III. GIÁO ÁN DẠY HỌC**

**LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG XÃ TRUNG MẦU TỪ NĂM 1919 ĐẾN NAY**

**I. Mục tiêu bài học:**giúp HS nắm được:

1. Về kiến thức:

* Một vài nét về địa phương Trung Mầu từ 1919 đến nay.
* Tình cảm của các lãnh đạo đối với nhân dân Trung Mầu.
* Tình cảm của nhân dân Trung Mầu đối với lãnh đạo cấp trên.

**2. Về kĩ năng:**

* Rèn cho HS kĩ năng sưu tầm tranh ảnh lịch sử, khả năng liên hệ thực tiễn.

**3. Về tư tưởng:**

* Giáo dục HS biết giữ gìn và phát huy truyền thống cách mạng của quê hương Trung Mầu
* HS biết tỏ lòng biết ơn và tôn kính những người đó ngã xuống cho chúng ta có được cuộc sống ngày nay.

**II. Chuẩn bị .**

* **Giáo viên :**

+ Tranh ảnh, tư liệu về những hoạt động của nhân dân Trung Mầu từ trước năm 1930 đến nay,bảng phụ, phiếu học tập, máy chiếu Projector...

* **Học sinh :**  Sưu tầm tài liệu liên quan

**III. Tiến trình bài học.**

1. Ổn định tổ chức ( 1 phút )

2. Giới thiệu bài mới: ( 1 phút )

**GV** có thể cho HS xem 1 số tranh ảnh về Trung Mầu ngày nay

**Hỏi:** ***Những hình ảnh trên đề cập đến vấn đề gì?***

HS: Trung Mầu đã đổi mới… **GV:** Vào bài

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Hoạt động 1**:((5 phút ) Cả lớp:  **\*GV**: đưa slide 1-4 :Giới thiệu trên máy vài nét về :  “ Trung Mầu từ 1919 -1930,,  **Hỏi:** **Quan sát trên máy, em có nhận xét gì về quê hương Trung Mầu xưa?**  HS: trả lời  **Hoạt động 2** (20 phút ): Mục 2,3 :Cá nhân, nhóm.  **\*GV** tổ chức cho HS tìm hiểu những hoạt động cách mạng tại Trung mầu  **\*GV** đưa slide 5-7: cho HS quan sát ảnh trên máy  Hỏi: **Lần đầu tiên lãnh đạo cấp trên về hoạt động tại Trung Mầu những ai? Thời gian nào? Ở đâu? Trong hoàn cảnh như thế nào?**  HSdựa vào hiểu biết của mình trả lời câu hỏi.  **\*GV** đưa slide 8-15 : Cho HS xem ảnh ***:***  - Gia đình nuôi giấu cán bộ; cơ sở kháng chiến, tổ chức kháng chiến  Hỏi: **Em có nhận xét gì về những hoạt động trên ?**  HS trả lời**.**  GV: Nhấn mạnh:  + Gia đình nuôi giấu cán bộ; các tổ chức cách mạng  + Cơ sở in, báo chí…; Các lực lượng cách mạng ….  **\***GV: Đưa một số hình ảnh lãnh đạo trên tiếp tục được cử về Trung Mầu: Đ/c Văn Tiến Dũng….  Hỏi: **Việc làm trên có ý nghĩa như thế nào?**  HS suy nghĩ trả lời. GV nhận xét, bổ sung .  \*GV: Đưa hình ảnh slide 16-17:  - Chi ủy đầu tiên được thành lập  - Ảnh các đ/c Đảng viên đầu tiên của Trung Mầu  Hỏi: **Em có suy nghĩ gì về sự kiện trên*?***  HS Suy nghĩ trả lời.  GV: **=>** *Tổ chức ĐCS đầu tiên được thành lập*  \*GV: Dùng sơ đồ kháng chiến của nhân dân Trung Mầu  HS**:** Quan sát  **\***GV: Đưa slide 18 : Nhân dân Trung Mầu khởi nghĩa  Hỏi: **Ý nghĩa của sự kiện 10/3/1945 ở Trung Mầu***?*  HS: suy nghĩ trả lời  GV: Nhấn mạnh :  (là ngày lễ - hội kỷ niệm địa phương giành chính quyền sớm nhất cả nước; làng có công với nước)  **\***GV: Đưa ảnh :  “ Trung Mầu được nhà nước phong tặng huân chương”  Hỏi: Vậy trong giai đoạn lịch sử Trung Mầu từ 1930-1945, em thấy sự kiện nào nổi bật? Vì sao?  HS: suy nghĩ trả lời  GV: chốt => ghi  *Chuyển sang mục 3*  **\***GV: Đưa hình ảnh**:**  - Lãnh đạo cấp trên về lãnh đạo nhân dân Trung Mầu  - Các tổ chức cách mạng tiếp tục duy trì và phát triển để tiếp tục kháng chiến chống Pháp  \* GV: HS xem ảnh slide 21-26  Hỏi: **Nhân dân Trung Mầu có những đóng góp gì trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp?**  HS: Trả lời  GV: +> Gia đình có ba con đều tham gia kháng chiến  +>Nhiều gia đình có con hy sinh ...  Hỏi: **Em có nhận xét gì về phong trào cách mạng của nhân dân Trung Mầu trong giai đoạn 1945-1954?**  HS: suy nghĩ trả lời. GV: Chốt => ghi  **GV** bổ sung và và chuyển ý sang mục 4.  **Hoạt động 3**: ( 13 phút ) mục ,4,5 : cả lớp, cá nhân.  \*GV: Đưa slide 27-32 :hình ảnh về một số hoạt động của nhân dân Trung Mầu:  - Nhân dân nhận ruộng đất ra sức cấy cày  - Xây dựng Trạm Thuỷ nông  - Thành lập Hợp tác xã nông nghiêp ..  Hỏi: **Em có nhận xét gì về các hoạt động trên**?  HS; trả lời  GV: chốt => Ghi bảng  **GV** bổ sung và chuyển ý sang mục 5  **\*GV**: Đưa slide 33-36 :hình ảnh về các hoạt động của Trung Mầu sau năm 1975 đến nay  + Trường học...; Trạm y tế…; Thủy lợi …; Cầu cống …đường xá ..  **Hỏi**: **Sau khi nước nhà thống nhất, trong công cuộc đổi mới của xã Trung Mầu đã đạt được những thành tựu gì đáng chú ý?**  HS trả lời. GV gọi HS khác bổ sung.  GV nhận xét và nhấn mạnh: Một số thành tựu .....  **Hỏi:** **Để phát huy truyền thống quê hương GV và HS trường THCS Trung Mầu chúng ta đã làm gì?**  HS: liên hệ.  GV**:** nhấn mạnh những thành tích mà nhà trường đạt được trong nhiều năm qua. | **1. Trung Mầu từ 1919 đến 1930**  - Là ngôi làng cổ  - Nhân dân vô cùng cực khổ  **2.Trung Mầu từ 1930 đến 1945**  - Trung Mầu là cơ sở nuôi - giấu cán bộ hoạt động cách mạng  - Ngày ***10/3/1945*** Trung Mầu khởi nghĩa thắng lợi, chính quyền về tay nhân dân  ***\* ý nghĩa:***  + Là nguồn cổ vũ, động viên đối với toàn Đảng, toàn dân Trung Mầu  + Là động lực thúc đẩy các phong trào cách mạng ở các địa phương.  *=>Là địa phương giành chính quyền sớm nhất trong toàn quốc*  => Làng có công với nước  **3.Trung Mầu từ 1945 đến 1954**  + Trung Mầu quyết tâm kháng chiến góp phần cùng nhân dân cả nước đánh thắng Pháp  ***4. Trung Mầu từ 1954 đến 1975.***  - xây dựng và phát triển quê hương ngày một vững chắc  **5. Trung Mầu từ 1975 đến nay**  **-** Tiếp tục xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và đổi mới quê hương **.**  => ***Trung Mầu được công nhận nông thôn mới năm 2018*** |

**3. Củng cố( 4 phút )**

\* GV sử dụng phiếu học tập cho HS làm bài tập sau:

Hãy điền các địa điểm vào cột B tương ứng với các mốc thời gian ở cột A sao cho đúng.

|  |  |
| --- | --- |
| Cột A (Thời gian ) | Cột B (sự kiện) |
| 1. 10/03/1945 |  |
| 2.Từ 1945- 1954 |  |
| 3. Từ 1954-1975 |  |
| 4. Từ 1975 - nay |  |

**4. Hướng dẫn các hoạt động tiếp theo ( 1 phút )**

- Học bài và soạn bài mới

**5. Rút kinh nghiệm**:

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………....

# 13. LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG XÃ YÊN THƯỜNG

# HUYỆN GIA LÂM –TP HÀ NỘI

**PHẦN I: GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ XÃ YÊN THƯỜNG**

Xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, nằm ở phía Tây Bắc huyện Gia Lâm, phía Bắc giáp xã Châu Khê( nay là phường Châu Khê), thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh; phía Đông- giáp xã Ninh Hiệp, Đình Xuyên, Yên Viên huyện Gia Lâm; phía Tây -Bắc và phía Tây – Nam giáp xã Dục Tú, Mai Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội.

Địa giới hành chính và tên gọi xã Yên Thường có nhiều thay đổi trong tiến trình lịch sử. Tên gọi xã Yên Thường, thuộc huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội chính thức có từ sau cuộc điều chỉnh địa danh và địa giới hành chính một số đơn vị của thành phố Hà Nội vào năm 1964- 1965 với 9 thôn là Đình Vỹ, Đỗ Xá, Liên Đàm, Lại Hoàng, Yên Khê, yên Thường,Xuân Dục, Trùng Quán, Quy Mông và khu dân cư Dốc Lã được tách ra từ thôn Trùng Quán. Yên Thường có tổng diện tích đất tự nhiên là 8,62 km2( số liệu thống kê năm 2013); trong đó diện tích đất canh tác là 776,88 ha; dân số trên 17.400 nhân khẩu, trên 4000 hộ gia đình.

Yên Thường nằm bên tả ngạn sông Thiên Đức, hữu ngạn sông Ngũ Huyện Khê. Từ xa xưa, dòng sông Thiên Đức chảy từ sông Đuống vào Yên Thường, đi qua các cánh đồng thôn Xuân Dục, Yên Khê, Yên Thường và Trùng Quán. Sông Thiên Đức là nơi giao thương buôn bán hải sản chuyển từ sông Đuống vào đến cầu Dụm của thôn Yên Khê, để từ đây tàu thuyền từ Phả Lại cùng nhau về mua bán.

Yên Thường có vị trí quan trọng trên các phương diện kinh tế, chính trị, quân sự, an ninh, quốc phòng. Trên địa bàn xã có đường xe lửa chạy qua ( tuyến Hà Nội- Lào Cai, Hà Nội- Mục Nam Quan); có quốc lộ số 1, số 3 đi qua, tạo điều kiện thuận lợi trong giao lưu kinh tế, văn hóa, du lịch, đẩy mạnh các hoạt động trao đổi hàng hóa, thương mại, dịch vụ với các xã, các quận, huyện trong thành phố cũng như các tỉnh trong vùng. Nhân dân nơi đây sống chủ yếu bằng nông nghiệp, ngoài ra còn có các nghề truyền thống lâu đời như nghề làm khóa ở thôn Liên Đàm, nghề làm đậu phụ, dệt vải ở thôn Đỗ Xá, nghề rèn ở thôn Xuân Dục, Yên Khê, nghề ngâm giá đỗ ở Đình Vỹ, nghề làm rau xanh ở thôn Xuân Dục, Yên Khê, Yên Thường Và Trùng Quán.

**PHẦN II: YÊN THƯỜNG QUA CÁC THỜI KÌ LỊCH SỬ**

Trải qua hàng ngàn năm lao động gìn giữ và xây dựng đất nước, người dân Yên Thường đã cần cù sáng tạo, xây dựng nên những công trình lớn về văn hóa…Truyền thống văn hóa của Yên Thường có từ lâu đời và mang bản sắc của dòng văn hóa Kinh Bắc. Nằm ở vùng trung tâm các đại phương có bề dày lịch sử truyền thống như Phù Đổng, Cổ Loa, Cổ Pháp nên làng xã Yên Thường sớm hình thành văn hóa truyền thống và ngày càng được phát triển có sự lựa chọn những tinh hoa văn hóa dân tộc.

Trong lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, người dân Yên Thường tự hào đã có biết bao thế hệ nối tiếp nhau đấu tranh chốn áp bức, bóc lột, chống kể thù xâm lăng giữ vững quê hương thân yêu của mình; đời đời kế tiếp truyền thống anh dũng, kiên cường, không chịu khuất phục trước bất kì quân xâm lược nào. Đặc biệt trong thời kì kháng chiến chống Mĩ( 1954-1975) nhân dân Yên Thường đã có những đóng góp vô cùng lớn lao, góp phần làm nên thắng lợi của sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Đầu tiên phải kể đến công cuộc khôi phục kinh tế, hoàn thành cải cách ruộng đất, bước đầu xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Từ 1954- 1960, nhân dân Yên Thường đã tích cực hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế và hoàn thành cải cách ruộng đất. Vì thế tình hình chính trị, xã hội ổn định; văn hóa, giáo dục, công tác y tế không ngừng phát triển.

Từ 1958- 1960, Yên Thường tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa, bước đầu hợp tác hóa nông nghiệp. Hợp tác xã thí điểm đầu tiên được tiến hành ở thôn Yên Khê do cụ Nguyễn Đức Bền làm chủ nhiệm. Tiếp đó mô hình hợp tác xã đã được phát triển, mỗi thôn đều thành lập hợp tác xã của mình, đã huy động sức người sức của để phát triển sản xuất, xây dựng quê hương. Cùng đó là công tác văn hóa, giáo dục tiếp tục được đẩy mạnh. Trường học, trạm y tế được xây dựng đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương.Từ 1961- 1965, Yên Thường thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Những thắng lợi trong thời kì này đã tạo tiền đề vững chắc cho Đảng bộ và nhân dân Yên Thường tiếp tục đi lên, đạt được những thành tích mới trong giai đoạn cách mạng tiếp theo.

Giai đoạn 1965- 1975, Yên Thường vừa sản xuất, vừa chiến đấu bảo vệ miền Bắc và chi viện cho chiến trường miền Nam. Tất cả các phong trào của nhân dân Yên Thường đều hướng tới mục tiêu là đạt năng suất cao trong lao động sản xuất, công tác và học tập, hiệu quả lớn trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu, bảo vệ quê hương, bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, với tinh thần”Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng”, “ mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt”, “ Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”…

Để thực hiện nhiệm vụ đó, Yên Thường đã thành lập Ban phòng không nhân dân do đồng chí Nguyền Đình Cương, Bí thư Đảng ủy làm Trưởng ban. Nhân dân thực hiện công tác phòng không sơ tán, các gia đình thực hiện đào hầm trú ẩn. Tất cả các buổi khám tuyển bộ đội tân binh lên đường thực sự như một ngày hội lớn, hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân. Trong 10 năm( 1965- 1975). Yên Thường có gần 700 thanh niên nhập ngũ, nhiều gia đình có 2-3 thế hệ đều gia nhập quân đội, trong số đó đã có 138 người con ưu tú của Yên Thường đã hi sinh anh dũng.Trong hoàn cảnh luôn sẵn sàng chiến đấu, lại phải chi viện cho miền Nam, sản xuất vẫn được giữ vững. Có những năm năng suất lúa của Yên thường đạt trên 180kg/sào/vụ. từ cuối năm 1965, hai trại chăn nuôi Yên Khê và Xuân Dục được thành lập, mỗi trại từ 200-300 con lơn. Các cánh đồng rau Yên Thường, Xuân Dục luôn tươi tốt, phục vụ đời sống, phục vụ chăn nuôi. Trong chiến đấu, Yên Thường đã thành lập các tổ chiến đấu, ngày đêm sẵn sàng ứng phó như trận địa pháo tại cánh đồng Yên Thường, Yên Khê .

Tổng kết thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, Yên Thường đã được Đảng và Nhà Nước tặng 817 Huân, Huy chương các loại; 67 Huân chương kháng chiến hạng Nhất; 150 Huân chương kháng chiến hạng Nhì và 301 Huân chương kháng chiến hạng Ba; có 142 huy chương kháng chiến chống Mĩ hạng Nhất; 157 huy chương kháng chiến chống Mĩ hạng Nhì và nhiều bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. Đặc biệt năm 1996, Yên Thường được vinh dự đón nhận danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Ngày nay, nhân dân Yên Thường tiếp tục phát huy truyền trống tốt đẹp của quê hương, đẩy mạnh sâu rộng và toàn diện sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, phấn đấu thực hiện thắng lợi đường đổi mới vì mục tiêu Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

**PHẦN III: GIÁO ÁN**

**LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG: YÊN THƯỜNG TRONG CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CNXH VÀ THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG MĨ (1954-1975)**

**A.Mục tiêu cần đạt:**

***1.Kiến thức:***

-Giúp HS thấy được những thành tựu trong công cuộc xây dựng CNXH của địa phương

- HS thấy được những đóng góp của nhân dân Yên Thường, vừa sản xuất, vừa chiến đấu bảo vệ miền Bắc, chi viện cho chiến trường miền Nam kháng chiến chống Mĩ cứu nước giai đoạn 1965- 1975.

***2. Tư tưởng:***

- Giáo dục, bồi dưỡng cho HS lòng yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào và tinh thần học tập, phấn đấu giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương.

***3.Kĩ năng:***

- Rèn kĩ năng sưu tầm, tổng hợp, phân tích, so sánh, liên hệ …

**B. Chuẩn bị của GV và HS:**

- GV: Sưu tầm tư liệu, chọn lọc kiến thức, thiết kế bài giảng, hướng dẫn HS chuẩn bị bài…

- HS sưu tầm tư liệu về lịch sử địa phương trong thời kì này, chuẩn bị các bài thuyết trình, các câu hỏi thảo luận…

**C. Tiến trình tổ chức hoạt động:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Bài mới:***

**\* Giới thiệu bài**: Yên Thường là một vùng đất có bề dày truyền thống lịch sử và văn hóa. Đó là truyền thống đoàn kết trong cuộc sống, cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất, mưu trí, dũng cảm trong chiến đấu chống ngoại xâm, chống áp bức xã hội. Hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu những thành tựu của nhân dân Yên Thường trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước . Đó là những thành tựu to lớn, đồng thời cũng phản ánh một chặng đường lịch sử oanh liệt, rất đỗi tự hào của Đảng bộ và nhân dân xã Yên Thường.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| \*HĐ 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu về Yên Thường trong công cuộc xây dựng CNXH  \* GV nêu Chủ trương của Đảng vừa xây dựng CNXH, vừa đảm bảo chi viện cho miền Nam.  ? Để thực hiện chủ trương đó của Đảng, Đảng bộ, nhân dân Yên Thường đã có kế hoạch thực hiện như thế nào và kết quả ra sao?  \* HS trả lời, nhận xét.  - Ngày 20/7/1954, chi bộ xã Quang Trung được thành lập, kiện toàn đội ngũ cán bộ các thôn.  ? Qua tìm hiểu, em hãy kể một câu chuyện về việc phát triển giáo dục của thời kì này?  \* HS kể các câu chuyện mà mình đã sưu tầm, có thể kèm theo ảnh tư liệu, các bạn khác bổ sung, nêu suy nghĩ của mình về các câu chuyện đó.  \* Ảnh trường Tiểu học YT, trước đây là trường cấp I, được thành lập 1960( slide 3) và yêu cầu HS trình bày một số hiểu biết của mình về trường TH Yên Thường.  \*GV cung cấp danh sách các HTX được thành lập trong thời kì này(slide 4) và nêu suy nghĩ về ý nghĩa của sự thành lập các HTX này.  \* GV giới thiệu một cao trào rộng lớn được phát động với khẩu hiệu” Chắc tay súng, vững tay cày” với tinh thần” Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”.  ? HS trình bày theo nhóm những nội dung sưu tầm về công việc lao động sản xuất cũng như những đóng góp của nhân dân Yên Thường trong thời kì này.  ? Các nhóm khác bổ sung, nhận xét.  \*GV cung cấp ảnh khu trại chăn nuôi Yên Khê hiện nay và các cánh đồng rau, lúa của thôn Yên Thường, thôn Xuân Dục trước đây là nơi cung cấp trực tiếp thức ăn cho chăn nuôi, đồng thời có thêm sản phẩm hàng hóa phục vụ sản xuất, đời sống xã hội(slide 5)  ? HS nêu những hiểu biết của mình về các hình ảnh trên?  (Năng suất lúa có năm đạt 180kg/sào/vụ, góp cho tiền tuyến hàng nghìn tấn lương thực,năm 1968, toàn xã có 1300 con lợn, bán hàng chục tấn thịt lợn hơi cho Nhà nước).  ? Vậy theo em, nhờ đâu mà nhân dân Yên Thường đã vượt lên mọi khó khăn để hoàn thành được mọi nhiệm vụ trong thời kì này?  ( Sự chỉ đạo của Đảng bộ, tinh thần quyết tâm, niềm tin tất thắng, truyền thống lao động cần cù…).  \*GV giới thiệu Yên Thường có vị trí quan trọng về quân sự và chính trị, nằm liền kề với quốc lộ 1A, cách thủ đô Hà Nội không xa, nằm trong trọng điểm bắn phá của máy bay Mĩ.  \*HS giới thiệu về các cựu chiến binh là dân quân, du kích của Yên Thường trong thời kì này.  \* Gv giới thiệu các địa điểm đặt trung đội trực chiến cũng như trại pháo ở cánh đồng thôn Đỗ Xá, thôn Yên Thường, đầu đê thôn Yên Khê, thôn Xuân Dục( slide 6)  ? Em hãy trình bày những hiểu biết của mình về Yên Thường trong chiến thắng” Điện Biên Phủ trên không”?  \*HS trình bày những hiểu biết của mình, các bạn khác nhận xét, bổ sung thêm  ( Tại Yên Thường, giặc Mĩ ném bom xuống thôn Yên khê, Xuân Dục, Quy Mông. Vào lúc 19h20’ ngày 20/12/1972, máy bay B52 Mĩ rơi tại thôn Yên Thường làm 7 người chết,3 người bị thương, làm cháy rụi 14 ngôi nhà; đêm 27/12/1972, máy bay B52 Mĩ rải thảm vào làng Quy Mông, bom trúng hầm trú ẩn làm chết 9 dân quân, 1 bộ đội).  ? Yên Thường đã có những đóng góp như thế nào cho chiến trường miền Nam?  \*GV giới thiệu bức ảnh các thanh niên Yên Thường lên đường nhập ngũ ( slide 7).  ? HS quan sát bức ảnh và nêu suy nghĩ của mình  ( Hàng trăm lượt con em lên đường nhập ngũ, 138 người đã hi sinh, hàng nghìn lượt người đã tham gia các hình thức chiến đấu và phục vụ chiến đấu ..)  ? Hãy kể cho các bạn nghe một tấm gương chiến đấu của nhân dân Yên Thường trong kháng chiến chống Mĩ mà em biết?  \* HS kể chuyện và các bạn khác bổ sung và nêu cảm nghĩ của mình về các câu chuyện đó.  \*GV đưa bảng danh sách các liệt sĩ và các bà mẹ Việt Nam anh hùng của Yên Thường và hình ảnh đài tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ(slide 8)  ? Từ đó, em có suy nghĩ gì về tinh thần chiến đấu của nhân dân Yên Thường?  \*HS giới thiệu bảng tổng kết thành tích của nhân dân Yên Thường trong kháng chiến chống Mĩ.  \* Ảnh Yên Thường đón danh hiệu anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân 1996(slide 9)  ? Qua sự tìm hiểu về Yên Thường trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, em có suy nghĩ gì về truyền thống lao động, đấu tranh của nhân dân Yên Thường? Từ đó, em thấy mình có trách nhiệm như thế nào với quê hương ? | **1.Yên Thường trong công cuộc xây dựng CNXH:**  - Khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.  - Tình hình chính trị, văn hóa, giáo dục, y tế không ngừng phát triển.  - Hoàn thành cải cách ruộng đất, bước đầu hợp tác hóa nông nghiệp.    **2.Yên Thường trong sản xuất xây dựng quê hương và chi viện cho miền Nam:**  - Năng suất lao động trong mọi lĩnh vực được đảm bảo  - Chi viện hàng nghìn tấn lương thực cho miền Nam  -> Đời sống nhân dân được ổn định và hoàn thành mọi nghĩa vụ đóng góp cho Nhà nước.  2. Yên Thường trong chiến đấu chống Mĩ:  -Lực lượng dân quân, du kích được tăng cường về số lượng và trang bị vũ khí.  - Thực hiện tốt công tác phòng không nhân dân.  -Từ năm 1965- 1975, Yên Thường có gần 700 thanh niên nhập ngũ, chi viện sức người cho miền Nam.  ->Góp phần xứng đáng trong sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. |

**3. Củng cố:**

- HS thi làm thơ, vẽ tranh, kể chuyện… về quê hươngYên Thường.

**4.Hướng dẫn các hoạt động tiếp theo:**

-Tiếp tục tìm hiểu lịch sử của Yên Thường trong từng giai đoạn lịch sử.

- Sưu tầm các di tích lịch sử, văn hóa của địa phương Yên Thường( HS Xuân Dục tìm hiểu về đình Xuân Dục, HS Yên Thường tìm hiểu về đình thờ quận công nguyễn Đình Huấn, HS Trùng Quán tìm hiểu về lăng mộ cụ Nguyễn Đăng Doanh…)

- HS thi làm thơ, vẽ tranh, kể chuyện… về quê hươngYên Thường.

**5. Rút kinh nghiệm:**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

# 14. LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG THỊ TRẤN YÊN VIÊN

# HUYỆN GIA LÂM –TP HÀ NỘI

**PHẦN I. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ THỊ TRẤN YÊN VIÊN – HUYỆN GIA LÂM – TP HÀ NỘI.**

Thị trấn Yên Viên nằm ở phía đông bắc Thủ đô Hà Nội trải dài trên quốc lộ 1A và một phần thuộc quốc lộ 3. Phía bắc, đông bắc và phía tây bắc giáp với xã Yên Viên. Phía đông nam giáp phường giang biên. Phía nam và tây nam giáp phường Đức Giang, phường Thượng Thanh (thuộc quận Long Biên). Phía tây giáp với xã Mai Lâm (huyện Đông Anh).

Từ xa xưa, thị trấn Yên Viên vốn là làng Việt cổ. Thị trấn Yên Viên và xã Yên Viên vốn “ là cây một gốc, là con một nhà ”. Là nơi hội tụ giữa cư dân đã sinh sống lâu đời và cư dân từ nhiều nơi khác đến định cư nên thị trấn Yên Viên sớm hình thành truyền thống văn hóa, vừa mang đặc trưng bản sắc văn hóa Kinh Bắc pha trộn với văn hóa Kinh Kỳ. Tháng 2 năm 1959, thị trấn Yên Viên được tách thành đơn vị hành chính độc lập.

Hiện nay thị trấn Yên Viên có diện tích tự nhiên 97,72 ha, dân số trên 13.528 người sinh hoạt tại 9 tổ dân phố. Hiện trên địa bàn thị trấn Yên Viên có nhiều cơ sở kinh tế quan trọng như Ga Yên Viên, nhiều cơ quan, công ty, xí nghiệp, trường học. Thị trấn Yên Viên là cửa ngõ quan trọng, là chiếc cầu nối từ Hà Nội đi các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Cao Bằng….

**PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ THỊ TRẤN YÊN VIÊN – HUYỆN GIA LÂM – TP HÀ NỘI TRONG THỜI KÌ ĐỔI MỚI.**

**1. Nét đặc trưng về phố và ngành nghề**  
 Nghề chính của người dân thị trấn Yên Viên từ trước tới nay là hoạt động thương mại, dịch vụ tập trung vào các điểm buôn bán chính như: chợ Vân, phố Ga, phố Vân, phố Thái Bình, phố Đuống.  
 Chợ Vân được hình thành từ xa xưa, đến năm 1924, chợ chuyển đến địa điểm cạnh đường quốc lộ 1, cách ga Yên Viên khoảng 200m. Chợ chủ yếu bán các hàng nông sản và thủ công. Chợ có vị trí thuận tiện cho việc vận chuyển hàng hóa về bán tại chợ và vận chuyển hàng hóa đi các nơi khác. Phố Vân nằm dọc hai bên quốc lộ 1 và đường vào chợ Vân. Dân cư là người thôn Vân và các nơi khác đến làm ăn.  
 Phố Ga Yên viên, vốn thuộc thôn Kim Quan Đông, hình thành phố từ khi có đường xe lửa Hà Nội- Lạng Sơn- Lào Cai. Cư dân sinh sống chủ yếu là người dân thôn Kim Quan Đông và những người từ nơi khác đến cư trú buôn bán nhỏ. Dưới thời thuộc Pháp tại phố ga xây dựng một rạp Tuồng với vài trăm chỗ ngồi. Tại phố này và phố Vân còn có hàng chục nhà hát cô đầu.  
 Phố Thái Bình, hình thành từ những năm 1931-1932, nằm dọc quốc lộ 1, phố này ít cửa hàng buôn bán, chủ yếu là gia đình viên chức, giáo chức, cán bộ nghỉ hưu, thợ thủ công và thợ sửa chữa.  
 Phố Đuống xưa là phố Tiểu Lâm chạy dài từ đầu cầu bờ bắc sông Đuống theo đường số 1 đến dọc đê tả ngạn sông Đuống. Phố Đuống được hình thành từ đầu năm 20 thế kỷ XX, hiện có bến cảng sông hoạt động giao thương tấp nập.  
**2. Truyền thống cách mạng**

Ngay từ tháng 8/1929, thực hiện chủ trương “Vô sản hóa” tại nhà máy gạch Cầu Đuống ( thuộc địa bàn thị trấn Yên Viên) đã có những hội viên ưu tú của tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên lập chi bộ Đảng tại nhà máy lãnh đạo, vận động công nhân tham gia tổ chức công hội. Từ đó khơi dậy lòng yêu nước, tinh thần tự tôn dân tộc trong các tầng lớp nhân dân, kêu gọi mọi người theo Đảng làm cách mạng tham gia giành chính quyền vào ngày 22/8/1945.  
 Trong cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp và chiến tranh chống giặc Mỹ leo thang đánh phá miền Bắc, vì là một trong những đầu mối giao thông, kinh tế qua trọng nằm ở cửa ngõ của Thủ đô nên thị trấn Yên Viên là một trong những trọng điểm càn quét của giặc Pháp và đánh phá ác liệt nhất của không quân Mỹ. Vượt lên trên mọi đau thương, mất mát, cán bộ, đảng viên và nhân dân thị trấn Yên Viên đã đoàn kết thực hiện khẩu hiệu: “một người làm việc bằng hai”, vừa tích cực chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến, vừa sẵn sáng chiến đấu, phục vụ chiến đấu. Ngay từ cuối năm 1966, toàn thị trấn đã đào 6.600 hầm trú ẩn các loại, làm thêm 2 giao thông hào chữ chi dài 600m giúp cho hành khách ở ga Yên Viên trú ẩn khi có báo động, đã góp trên 1500 ngày công đào đắp 2000m2 xây dựng các trận địa pháo.  
 Trong những năm giặc Mỹ leo thang bắn phá miền Bắc, thị trấn Yên Viên đã hứng chịu các đợt oanh kích ác liệt, song với tinh thần: “Giặc phá ta sửa, ta đi”, “xe chưa qua thì nhà không tiếc”, cán bộ và nhân dân thị trấn Yên Viên đã không tiếc công sức, máu xương, tiền của cùng nhân dân miền Bắc nói riêng và cả nước nói chung làm nên kỳ tích “Điện biên phủ trên không” và Đại thắng mùa xuân 1975 vĩ đại.  
 Trong các cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, thị trấn Yên Viên có một cán bộ tiền khởi nghĩa, 4 lão thành cách mạng, 2 gia đình có công với nước, có 65 người là liệt sỹ.  
**3**. **Thành tựu trong thời kỳ đổi mới**  
 Đất nước bước vào thời kỳ đổi mới, với sự đầu tư của Nhà nước, cộng với phát huy nội lực, thị trấn Yên Viên tập trung vào việc xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng theo hướng Đô thị bền vững. Hiện tại 3 trường Tiểu học, THCS, Mầm non và trạm Y tế của thị trấn Yên Viên đã xây dựng đạt chuẩn quốc gia. Năm 2009, 2010, Thị trấn đã vận động các hộ dọc theo tuyến quốc lộ 1A hiến đất làm vỉa hè xây dựng tuyến phố văn minh góp phần làm thay đổi diện mạo thị trấn.  
 Về phát triển kinh tế, chính quyền và các thể tập trung khai thác các nguồn vốn cho nhân dân và các hộ vay để phát triển các ngành, nghề và các loại hình kinh doanh, dịch vụ. Đến nay đời sống các hộ dân trên địa bàn ổn định, đa phần được cải thiện rõ nét, tỷ lệ hộ nghèo chỉ còn 1,5%. Nhiều năm liền thị trấn Yên Viên là điểm sáng của huyện và thành phố về công tác thu thuế, sự nghiệp Giáo dục, Y tế, DS-KHHGĐ, TDTT,v.v...

## Hình ảnh về Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội

  ***Trụ sở UBND thị trấn Yên Viên***  
 Về chính trị, Đảng bộ thị trấn Yên Viên hiện có 465 đảng viên sinh hoạt tại 14 chi bộ. Phân loại hàng năm có từ 85 đến 93% đảng viên xếp loại hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ, có từ 12 đến 13 chi bộ đạt chi bộ Trong sạch vững mạnh. Đảng bộ nhiều năm liên tục đạt danh hiệu: Tổ chức cơ sở đảng Trong sạch vững mạnh. Các đoàn thể hoạt động tương đối đồng đều, được xếp trong tốp đầu của huyện.  
 Với những thành tích đã đạt được, cán bộ và nhân dân thị trấn Yên Viên đã được Đảng và nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng nhất, hạng nhì và hạng ba, cùng cờ đơn vị thi đua xuất sắc và nhiều bằng khen, giấy khen các loại. Lịch sử đã sang trang, thị trấn Yên Viên đang vươn mình cùng nhân dân cả nước vững bước xây dựng mục tiêu : Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh. ( TÍCH HỢP DẠY LSĐP LỚP 9)

&&&-----&&&-----&&&

**PHẦN III. GIÁO ÁN DẠY HỌC**

**TÌM HIỂU LICH SỬ THỊ TRẤN YÊN VIÊN**

**I. Mục tiêu bài học:**

***1.Kiến thức***:

- Nắm được những nét chung về lịch sử thị trấn Yên Viên

- Truyền thống cách mạng, nét đặc trưng về phố, ngành nghề và những thành tựu trong cộng cuộc đổi mới của thị trấn.

***2.Kĩ năng:***

- Thu thập và xử lí thông tin, trình bày kết quả 1 vấn đề cần tìm hiểu trong lịch sử của thị trấn gắn liền với lịch sử dân tộc.

- Phát hiện vấn đề, giải quyết vấn đề, liên hệ giữa lịch sử địa phương với lịch sử dân tộc.

- Áp dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tế cuộc sống.

***3.Thái độ:***

- Trân trọng, giữ gìn, phát huy truyền thống cách mạng của địa phương, dân tộc.

- Kế thừa và phát huy những thành tựu của thị trấn ngày nay.

- Bồi đắp tình yêu quê hương, đất nước.

**II. Chuẩn bị:**

**-** GV-HS: Tìm hiểu những tài liệu có liên quan đến lịch sử, các thành tựu kinh tế, xã hội, chính trị của thị trấn Yên Viên

**III. Tiến trình bài dạy**

***1. Ổn định tổ chức lớp***: ***( 1p)***

***2. Bài mới: ( 37 p)***

***\* Giới thiệu bài (1p)***

- Là mảnh đất có quá trình hình thành và phát triển lâu đời, thị trấn Yên Viên có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế và quân sự, ngay cửa ngõ đông bắc Hà Nội. Nơi có đầu mối giao thông thuận tiện tỏa đi mọi miền bằng cả đường bộ, đường sắt và đường thủy. Mảnh đất này cũng là nơi sinh ra, và nuôi dưỡng bao thế hệ học sinh trường THCS thị trấn Yên Viên. Hôm nay, cô cùng các con hãy tìm hiểu về nơi đây nhé.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV và HS*** | ***Kiến thức cần đạt*** |
| **\* Hoạt động 1.** ***Tìm hiểu vị trí địa lí và quá trình hình thành thị trấn Yên Viên ( 7p)***  ***- Mục tiêu:*** HS nắm được vị trí, sự hình thành của thị trần Yên Viên  - ***Tổ chức thực hiện***:  - Gv chiếu bản đồ hành chính thị trấn Yên Viên. ***( Slide 2)***  - Giới thiệu vị trí của thị trấn.  *Hỏi: Thị trấn Yên Viên tiếp giáp với các xã, phường nào của huyện Gia Lâm và các quận, huyện khác?*  - HS quan sát, chỉ lại kết hợp trình bày tư liệu đã chuẩn bị về sự hình thành thị trấn  - Hs khác quan sát, lắng nghe, bổ sung và nhận xét cho bạn.  - GV nhận xét, bổ sung tư liệu.  *Hỏi: Em hãy giới thiệu vài nét về quá trình hình thành thị trấn Yên Viên?*  - Gv nhận xét, bổ sung và kết luận ghi bảng , có thể cho điểm  **\* Hoạt động 2.** ***Tìm hiểu nét đặc trưng về phố và ngành nghề của thị trấn Yên Viên (7p)***  ***- Mục tiêu:*** HS nắm được nét đặc trưng về phố và ngành nghề của thị trấn Yên Viên  - ***Tổ chức thực hiện***:  - Gọi đại diện HS chiếu ***( clip1***) và trình bày tư liệu về phố và các ngành nghề chủ yếu của thị trấn Yên Viên ***( Slide 4)***  - HS quan sát, theo dõi và nhận xét, bổ sung cho bạn  *Hỏi: Em hãy trình bày hiểu biết về phố và các ngành nghề đặc trưng của thị trấn Yên Viên*  **\* Hoạt động 3.** ***Tìm hiểu truyền thống cách mạng của thị trấn Yên Viên ( 10p)***  ***- Mục tiêu:*** HS nắm được những đóng góp tiêu biểu của Đảng bộ và nhân dân thị trấn trong cuộc k/c giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ Quốc.  - ***Tổ chức thực hiện***:  - HS đọc đoạn tư liệu ( phần thuyết minh)  *Hỏi: Đảng bộ và nhân dân thị trấn đã có những đóng góp gì trong cuộc k/c giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ Quốc ?*  - Hs: trả lời - Hs khác nhận xét bổ sung ý kiến của bạn.  - GV nhận xét, bổ sung danh sách trên máy chiếu. ***( Slide 7)***  + 4 cán bộ lão thành CM:  - Nguyễn Khắc Đạo: Tổ Vân  - Nguyễn Văn Thẩn: Tổ Thái Bình  - Ng.Văn Dịch: Tổ Thái Bình  - Bùi Văn Trang: Tổ Ga  + 1 cán bộ tiền khởi nghĩa:  - Đinh Văn Kế: Tổ Ga  + 2 Gia đình có công với c/m:  - Nguyễn Thị Tám: Tổ Ga  - Vũ Viết Bột: Tổ Thái Bình  **\* Hoạt động 4.** ***Tìm hiểu những thành tựu của thị trấn Yên Viên trong thời kì đổi mới. ( 12p)***  ***- Mục tiêu:*** HS nắm được những thành tựu của thị trấn Yên Viên trong thời kì đổi mới.  - ***Tổ chức thực hiện***:  - HS chiếu những hình ảnh về thị trấn trong thời kì đổi mới ***( clip 2)*** ***( Slide 8)***  - HS cả lớp theo dõi.  *Hỏi: Trong thời kì đổi mới bộ mặt của thị trấn đã có những thay đổi như thế nào?*  - Hs: trả lời  - Hs khác nhận xét bổ sung ý kiến của bạn.  - Gv đánh giá và có thể cho điểm tùy theo mức độ trả lời của hs. | **1. Giới thiệu khái quát về Thị**  **trấn Yên Viên.**  - Tháng 2-1959 , thành lập thị trấn Yên Viên .  + Diện tích: 101,6 ha.  + Dân số: Hơn 13.000 người  + Gồm 9 tổ dân phố.  - Có nhiều cơ sở kinh tế quan trọng, là cầu nối từ Hà Nội đi các tỉnh phía Bắc.  **2. *Nét đặc trưng về phố và ngành nghề của thị trấn Yên Viên***  - Ở các khu phố chủ yếu diễn ra các hoạt động thương mại và dịch vụ  - Tiêu biểu: Chợ Vân, phố Ga, phố Vân, phố Thái Bình, phố Đuống  ***3. Truyền thống cách mạng***  **-** Có 1 cán bộ tiền khởi nghĩa, 4 lão thành cách mạng, 2 gia đình có công với nước, 65 người là liệt sĩ**.**  **4. Những thành tựu trong thời kì đổi mới.**  - Bộ mặt thị trấn ngày càng khởi sắc  - An ninh chính trị được giữ vững.  - Trật tự an toàn xã hội được đảm bảo  - Sự nghiệp giáo dục ngày càng phát triển  - Đời sống nhân dân được ổn định  - Đảng bộ trong sạch vững mạnh.  ⮆ Thị trấn Yên Viên vững bước đi lên thực hiện thắng lợi sự nghiệp CNH-HĐH vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh. |

***3. Củng cố ( 5p) ( Slide 10)***

\* *Hỏi : Là công dân- học sinh của thị trấn Yên Viên em đã và sẽ làm gì để bảo vệ và phát huy những truyền thống của địa phương?*

- HS thảo luận nhóm nhỏ, ghi đáp án ra giấy

- Gv gọi đại diện nhóm trình bày đáp án.

- HS nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời cho bạn

- GV kết luận, bổ sung: Phòng chống các tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường….

***4. Hướng dẫn các hoạt động tiếp theo ( 2p)***

**-** Học bài

- Tiếp tục tìm hiểu thêm về tổ dân phố nơi em ở ( tình hình an ninh trật tự,vệ sinh…)

***5. Rút kinh nghiệm:***

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

# 15. LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG XÃ YÊN VIÊN

# HUYỆN GIA LÂM –TP HÀ NỘI

**PHẦN I. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ XÃ YÊN VIÊN -**

**HUYỆN GIA LÂM - TP HÀ NỘI**

**\*Yiên Viên** là một [xã](https://vi.wikipedia.org/wiki/X%C3%A3_(Vi%E1%BB%87t_Nam)) thuộc [huyện](https://vi.wikipedia.org/wiki/Huy%E1%BB%87n_(Vi%E1%BB%87t_Nam)) [Gia Lâm](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gia_L%C3%A2m), [thành phố](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A0nh_ph%E1%BB%91_tr%E1%BB%B1c_thu%E1%BB%99c_trung_%C6%B0%C6%A1ng_(Vi%E1%BB%87t_Nam)) [Hà Nội](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_N%E1%BB%99i), [Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam).

- Địa giới xã Yên Viên:

+ Phía Đông giáp xã Đình Xuyên và xã Dương Hà ( huyện Gia Lâm).

+ Phía Tây giáp xã Mai Lâm ( huyện Đông Anh)

+ Phía Bắc giáp xã Yên Thường (huyện Gia Lâm)

+ Phía Nam giáp sông Đuống.

- Xã Yên Viên có diện tích 367 ha. Dân số 15. 228.000 người

- Xã Yên Viên gồm 5 thôn là: Ái Mộ, Yên Viên; Lã Côi, Kim Quan Đông, Cống Thôn và 5 tổ dân phố gồm: Tập thể Vật liệu Bưu điện, Tập thể Địa Chất, Tập thể Cơ khí Yên Viên, cụm dân cư lòng hồ cầu Đuống, Tổ dân phố Giày Da.

- Năm 1961 theo quyết định của Chính phủ, xã Yên Viên cùng Thị Trấn Yên Viên và các xã Đình Xuyên, Yên Thường, Dương Hà, Phù Đổng, Ninh Hiệp, Trung Mầu thuộc 2 huyện Từ Sơn, Tiên Du (Bắc Ninh) được cắt về huyện Gia Lâm (Hà Nội).

- Yên Viên có một vị trí địa lí vô cùng thuận lợi, nơi giao nhau của các tuyến đường quốc lộ 1A, tuyến đường sắt (Hà Nội – Lạng Sơn), đường sông (sông Đuống). Đây là một điều kiện thuận lợi giúp Yên Viên phát triển kinh tế, văn hóa.

- Trước đây nhân dân Yên Viên sinh sống bằng nghề nông là chính. Nhưng ngày này cùng với sự phát triển của xã hội nhân dân Yên Viên đã chuyển dịch cơ cấu kinh tế sang các ngành nghề chế biến lương thực thực phẩm, trồng rau, thương mại và dịch vụ. Đặc biệt là thôn Yên Viên có hơn 700 hộ làm bún, bánh với doanh thu mỗi năm hàng chục tỉ đồng.

**PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ CHÍ SĨ NGUYỄN KHẮC CẦN**

**I. Tiểu sử**

**Nguyễn Khắc Cần** ([1875](https://vi.m.wikipedia.org/wiki/1875) - [1913](https://vi.m.wikipedia.org/wiki/1913)) tên chữ là Tiểu Lâm, tên thường gọi là Đồ Cần, sinh năm 1875 ( Ất Hợi) trong một gia đình nông dân nghèo tại làng Yên Viên xã Tiểu Hoa Lâm, tổng Đặng Xá, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, tỉnh [Bắc Ninh](https://vi.m.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%AFc_Ninh), trấn Kinh Bắc, nay là thôn Yên Viên, xã Yên Viên thuộc huyện Gia Lâm, thành phố [Hà Nội](https://vi.m.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_N%E1%BB%99i). Thân sinh là cụ Nguyễn Khắc Nan và Đặng Thị Vân - những nông dân luôn cần cù, chịu khó trong lao động sản xuất, sống nhân ái với họ hàng làng xóm. Thuở nhỏ đã nổi tiếng cả vùng Gia Lâm là thông minh, hiếu học.

**II. Vị trí của Nguyễn Khắc Cần trong tiến trình lịch sử dân tộc**

**1. Con đường trở thành thầy Đồ Cần**

Thuở nhỏ Nguyễn Khắc Cần được cha mẹ cho đi học với một số thầy đồ trong vùng. Vốn tư chất thông minh nên học đến đâu ông hiểu ngay đến đấy. Sau một thời gian dùi mài kinh sử, Nguyễn Khắc Cần đã khăn gói tham dự kì thi Hương do triều đình nhà Nguyễn tổ chức, đỗ đến Nhị trường.

Là một nhà nho mở lớp học nhưng ông chủ trương không dạy nhiều về các kiến thức kinh viện, khuôn mẫu của sách vở đã lỗi thời với thực tiễn xã hội lúc đó, mà ông dùng lớp học để thức tỉnh lòng yêu nước của con em trong vùng, truyền lòng căm thù giặc và chế độ phong kiến đang suy tàn. Ông đã sớm nhận thấy ở những đứa trẻ đó là những người sau này có thể thay đổi được xã hội nhiễu nhương lúc bấy giờ. Lớp học của ông mở ở Quán Tình ( nay thuộc quận Long Biên), Hà Vĩ ( nay thuộc Gia Lâm) có rất nhiều học trò theo học.

Đến những năm đầu thế kỉ XX, trước sự biến chuyển của tình hình lúc đó, ông thôi dạy học và tham gia các phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX.

**2. Những đóng góp của ông**

***a. Đóng góp xứng đáng vào quá trình hình thành con đường cứu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản Việt Nam***

Nguyễn Khắc Cần là một trong nhiều chí sĩ là thành viên của hầu hết các phong trào yêu nước theo khuynh hướng này: Duy Tân hội, Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục và Việt Nam Quang phục hội trong suốt gần 10 năm ( 1905 – 1913). Trong thời gian đó, Nguyễn Khắc Cần đã cho ta thấy sự sôi nổi, phong phú, liên tục trong quá trình hoạt động của ông. Tham gia Duy Tân hội từ những ngày đầu với phong trào Đông Du, rồi sau khi phong rào Đông Kinh Nghĩa Thục tan rã, ông tiếp tục tham gia phong trào Đông Du. Khi Đông Du bị đàn áp, ông tiếp tục hoạt động trong Việt Nam Quang phục Hội đến ngày hi sinh. Bằng thực tiễn hoạt động của mình, Nguyễn Khắc Cần đã góp phần vào quá trình hình thành con đường cứu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản vào đầu thế kỉ XX ở Việt Nam.

Nguyễn Khắc Cần đã đóng góp nhiều công sức vào việc xây dựng nội dung dân chủ tư sản cho cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở nước ta. Sự đóng này hoàn toàn cần thiết và phù hợp với yêu cầu của thời đại. Khuynh hướng dân chủ tư sản do không phù hợp với quy luật khách quan, với thời đại và đặc điểm dân tộc Việt Nam nên không thể đưa cách mạng Việt Nam đến thắng lợi cuối cùng. Nhưng ta không thể phủ nhận vai trò tích cực của khuynh hướng dân chủ tư sản trong lịch sử dân tộc.

***b. Góp phần hình thành phương thức đấu tranh cách mạng bạo lực ở Việt Nam đầu thế kỉ XX.***

Việc Nguyễn Khắc Cần tham gia Việt Nam Quang Phục Hội – một tổ chức có đường lối bạo động – là một sự biến chuyển lớn về tư tưởng, con đường cách mạng của ông. Nó thể hiện sự đoạn tuyệt hoàn toàn với phương thức đấu tranh ôn hòa mà ông đã tham gia trước kia trong Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục. Bản thân ông khi tham gia Việt Nam Quang Phục Hội đã tích cực tham gia vào việc sản xuất, vận chuyển tạc đạn từ Trung Quốc về nước để chuẩn bị bạo động. Chính Nguyễn Khắc Cần đã tham gia hoạch định âm mưu ném tạc đạn giết chết Tuần phủ Nguyễn Duy Hàn. Cũng chính Nguyễn Khắc Cần đã trực tiếp thực hiện ném tạc đạn vào khách sạn Hà Nội gây tiếng vang kinh hoàng trong chính giới Pháp và xã hội Việt Nam.

Trong quá trình tìm đường cứu nước và hoạt động cách mạng của mình, Nguyễn Khắc Cần đã xác định đúng kẻ thù của cách mạng là đế quốc Pháp, đã đề ra được phương pháp cách mạng đúng đắn là bằng bạo lực. Nhận thức đó khiến Nguyễn Khắc Cần chuyển hướng và kiên trì đi theo con đường vũ trang bạo động và theo ông chỉ có con đường đó mới có thể đánh đổ được cường quyền, giải phóng đất nước.

***c. Một ý chí tiến công cách mạng không ngừng, một tấm gương hi sinh anh dũng tuyệt vời***

Năm 1912, ông cùng một số chí sĩ, trong đó có Phạm Văn Tráng (hay còn gọi là Nguyễn Thế Trung) sang Nam Ninh, Trung Quốc dự Đại hội Việt Nam Quang Phục hội. Tại đây ông tham gia "hiệp hội tử vì nghĩa" nhận nhiệm vụ ám sát Toàn quyền Đông Dương Anbe Xa rô và mấy tên [Việt gian](https://vi.m.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_gian) đại gian ác: Tổng đốc Hà Đông [Hoàng Trọng Phu](https://vi.m.wikipedia.org/wiki/Ho%C3%A0ng_Tr%E1%BB%8Dng_Phu), [Tuần phủ](https://vi.m.wikipedia.org/wiki/Tu%E1%BA%A7n_ph%E1%BB%A7) [Thái Bình](https://vi.m.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1i_B%C3%ACnh) [Nguyễn Duy Hàn](https://vi.m.wikipedia.org/w/index.php?title=Nguy%E1%BB%85n_Duy_H%C3%A0n&action=edit&redlink=1)... nhằm "đánh thức đồng bào", "kêu gọi hồn nước". Các ông đã mang tạc đạn về giấu tại nhà ông Cần ở Yên Viên chờ ngày hành động. Ngày 12 tháng 4 năm 1913, Phạm Văn Tráng, người ở xã Bát Tràng, Gia Lâm đã dùng tạc đạn giết chết Nguyễn Duy Hàn và hô to khẩu hiệu “ cách mạng An Nam thành công muôn năm”. Sự kiện Nguyễn Duy Hàn- một tay sai đắc lực của thực dân Pháp ở Bắc Kì bị ám sát đã tạo nên một chấn động lớn khi đó. Sau sự vụ đó, thực dân Pháp đã tăng cường truy lùng gắt gao những nghĩa sĩ cách mạng.

Tình hình càng lúc càng gấp rút và khẩn trương, buộc các thành viên trong Việt Nam Quang phục hội phải nhanh chóng hành sự. Và vào lúc 19 giờ 30 phút ngày 26 tháng 4 năm 1913, Nguyễn Khắc Cần đã dùng số tạc đạn còn lại ném vào Khách sạn Hà Nội, nay là Khách sạn De L'Opera, ở góc phố Đuy Tơ Đê Ranh (nay là phố Nguyễn Khắc Cần) và phố Pôn-Be (nay là phố Tràng Tiền), giết chết 2 tên sĩ quan cao cấp của quân đội Pháp là Trung tá Saquy và Thiếu tá Mông giăng, làm bị thương 6 người Pháp và 7 người Việt khác. Sự kiện ném bom khách sạn Hà Nội có tiếng vang rất lớn, làm rung chuyển cả Hà Nội. Cụ [Phan Châu Trinh](https://vi.m.wikipedia.org/wiki/Phan_Ch%C3%A2u_Trinh), khi đó đang ở bên Pháp cũng đã có bài viết ca ngợi các nghĩa sĩ thực hiện vụ ném bom.

Sau khi thực hiện thành công 2 vụ ném bom trên, Nguyễn Khắc Cần và Phạm Văn Tráng tạm thời về trú tại nhà ông Cần ở Yên Viên, chờ tình hình lắng xuống thì tiếp tục sang Trung Quốc để hoạt động. Tuy nhiên trong tổ chức Việt Nam Quang phục hội có 2 tên phản bội là Đặng Vũ Hoàn và Đặng Kinh Luân đã khai báo với thực dân Pháp về các hoạt động và dự định sắp tới của nhóm Nguyễn Khắc Cần nên ngày 7 tháng 5 năm 1913, khi vừa từ tàu hỏa xuống ga Lạng Sơn để tìm đường sang Trung Quốc lấy tạc đạn về nước tiếp tục hoạt động, Nguyễn Khắc Cần, Phạm Văn Tráng đã bị Pháp bắt. Pháp bắt thêm 5 người khác đều có liên quan đến hai vụ ném bom trên và đều hoạt động trong Việt Nam Quang phục hội. Thực dân Pháp giam tất cả 7 người vào trong nhà lao Hỏa Lò. Ngày 29-8- 1913, thực dân Pháp mở phiên tòa đại hình xét xử 87 người trong 3 ngày liền.

Ngày 05 tháng 9 năm 1913, Hội đồng đề hình của tòa án thực dân Pháp tại Hà Nội kết án tử hình một số chí sĩ của Việt Nam Quang phục hội, trong đó có Nguyễn Khắc Cần. 5 giờ 45 phút sáng ngày 24 tháng 9 năm 1913, Pháp đã xử tử hình Nguyễn Khắc Cần cùng 6 chí sĩ yêu nước khác của Việt Nam Quang phục hội trước cửa nhà tù Hỏa Lò bằng chiếc máy chém (hiện nay vẫn còn trưng bày ở Khu di tích nhà tù Hỏa Lò). Sau khi xử tử hình xong, thực dân Pháp mang xác của 7 chí sĩ đến khu vực gần nhà thương Bạch Mai (khoảng khu vực trường Đại học Bách khoa Hà Nội hiện nay) chôn cất. Đến nay, sau 100 năm, vẫn chưa tìm thấy hài cốt của 7 chí sĩ lẫm liệt này.

***d. Nhân cách đạo đức sáng ngời của người chí sĩ – chiến sĩ với tinh thần và ý thức dân tộc tiến bộ.***

Lớn lên trong cảnh nước mất nhà tan, Nguyễn Khắc Cần sớm giác ngộ cách mạng, cùng với lớp trí thức trẻ của quê hương đi tìm đường cứu nước. Ông chỉ có một ý nghĩ vì cả đồng bào mà mưu hạnh phúc thì dù có phải hi sinh thân mình cũng không tiếc.

Lí tưởng đó được ông theo đuổi, thực hiện trọn vẹn và triệt để từ khi thiếu thời cho đến lúc là một liệt sĩ ngã xuống khi tuổi đời chưa đến 40 xuân.

Khi bị bắt giam, đọa đầy khổ ải trong lao tù của thực dân Pháp, với các cực hình dã man ông vẫn giữ vững tinh thần cách mạng kiên cường vẫn tin tưởng ở lí tưởng cách mạng.

Nhân ái, khoan dung, độ lượng là phẩm chất làm người cao thượng của Nguyễn Khắc Cần. Thương người, dung thứ cho người là những đức tính bẩm sinh của ông đã bộc lộ ngay từ nhỏ. Từ tình thương đồng bào, Nguyễn Khắc Cần đã vươn lên tình thương đồng chí, sẵn sàng hi sinh vì đồng chí, đạt đến chủ nghĩa nhân văn cao quý.

Tấm gương đạo đức Nguyễn Khắc Cần với các biểu hiện, các chuẩn mực đạo đức cụ thể gần gũi với đạo đức của người chiến sĩ cộng sản, nó cũng thống nhất với mô hình đạo đức mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dày công xây dựng. Đó là tận trung với nước, tận hiếu với dân, giữ lập trường biết phân định phải trái, sống giản dị, khiêm tốn, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, biết yêu, biết ghét, biết căm thù đúng mức trong sự khoan dung hòa đồng.

**3. Vinh danh**

**a.** Ghi nhận công lao của Nguyễn Khắc Cần đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, hiện nay trên cả nước có 04 địa phương có đường phố mang tên Nguyễn Khắc Cần:

- Phố Nguyễn Khắc Cần, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

- Đường Nguyễn Khắc Cần, phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Phố Nguyễn Khắc Cần thuộc Khu đô thị Phú Lộc 3, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Phố Nguyễn Khắc Cần thuộc phường Kinh Bắc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Tại Khu di tích lịch sử quốc gia Nhà tù Hỏa Lò, Hà Nội hiện nay đã dựng lên những tấm bảng vàng ghi danh các anh hùng, liệt sĩ, chí sĩ yêu nước, nhà hoạt động cách mạng nổi tiếng từng bị thực dân Pháp giam giữ, trong đó có tên tuổi Nguyễn Khắc Cần được ghi trang trọng tại Bảng vàng số 1, số thứ tự 12, cùng với những tên tuổi lớn của cách mạng dân tộc.

**b.** Thơ văn ca ngợi : Khâm phục trước tấm gương hi sinh của Nguyễn Khắc Cần một số chí sĩ đã có những bài thơ viếng ông

**PHẦN III: GIÁO ÁN**

**TÌM HIỂU VỀ CHÍ SĨ NGUYỄN KHẮC CẦN**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Về kiến thức:**

- Giúp học sinh hiểu được truyền thống cách mạng của xã Yên Viên thông qua một tấm gương tiêu biểu là chí sĩ Nguyễn Khắc Cần – một người con ưu tú của thôn Yên Viên nói riêng và xã Yên Viên nói chung.

- Biết được phần nào về cuộc đời cũng như sự nghiệp cách mạng, những đóng góp của chí sĩ Nguyễn Khắc cần đối với dân tộc và địa phương.

***2.Kĩ năng:***

- Sưu tầm tư liệu.

- Biết khai thác tư liệu lịch sử, liên hệ thực tế để rút ra nhận xét, đánh giá.

***3. Thái độ:***

- Giáo dục lòng biết ơn những người có công bảo vệ quê hương,Tổ quốc.

- Tự hào về truyền thống cách mạng của nhân dân Yên Viên- Hà Nội.

- Thấy được trách nhiệm của mình là phải bảo vệ và tuyên truyền về tấm gương chí sĩ yêu nước Nguyễn Khắc Cần

**II.Chuẩn bị:**

***1. GV***: Giáo án, SGK, tư liệu, bài giảng điện tử, máy chiếu, máy tính.

***2. HS***: Đọc trước bài, sưu tầm tư liệu, tranh ảnh về lịch sử Yên Viên, về chí sĩ Nguyễn Khắc Cần.

**III. Tiến trình bài học.**

***1. Ổn định tổ chức lớp.***

***2. Học bài mới.( chiếu silde 1)***

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **HĐ 1: Tìm hiểu khái quát về xã Yên Viên**  GV yêu cầu HS trình bày kết quả sưu tầm về xã Yên Viên  Cá nhân trình bày kết quả sưu tầm kết quả sưu tầm.  GV sơ kết, chốt.  **HĐ 2: Tìm hiểu về chí sĩ Nguyễn Khắc Cần**  -GV yêu cầu HS trình bày kết quả sưu tầm về tiểu sử của Nguyễn Khắc Cần  -HS lên trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV gọi HS trình bày về quê hương Yên Viên của Nguyễn Khắc Cần  - HS trình bày  - GV nhận xét, bổ sung thông tin.  ( chiếu silde 2)  GV chuyển ý  GV thuyết trình con đường trở thành thầy đồ Cẩn của Nguyễn Khắc Cần.  ( chiếu slide 3)  HS lắng nghe.  GV trình bày về vị trí của Nguyễn Khắc Cần trong tiến trình lịch sử dân tộc.  ( chiếu silde 4,5,6,7,8,9)  HS nghe  GV chuyển ý  GV gọi HS trình bày kết quả tìm hiểu về các đường phố mang tên Nguyễn Khắc Cần  HS trả lời, nhận xét, bổ sung  GV chốt ( chiếu silde 10, 11,12,13)  GV yêu cầu 4 tổ trình bày về kết quả sưu tầm thơ văn ca ngợi.  HS trình bày  GV bổ sung một số bài thơ ca ngợi công lao của Nguyễn Khắc Cần.( chiếu silde 14) | **1- KHÁI QUÁT CHUNG VỀ XÃ YÊN VIÊN**  - Xã Yên Viên có diện tích 361 ha, trong đó đất trồng trọt 152 ha. Toàn xã hội có 3.307 hộ, với 13.250 nhân khẩu.  - Địa giới xã Yên Viên:  + Phía Đông giáp xã Ninh Hiệp và xã Dương Hà ( huyện Gia Lâm).  +Phía Tây giáp xã Mai Lâm ( huyện Đông Anh)  + Phía Bắc giáp xã Yên Thường (huyện Gia Lâm)  + Phía Nam giáp phường Thượng Thanh, phường Đức Giang ( quận Long Biên)  - Xã Yên Viên gồm 5 thôn là: Ái Mộ, Yên Viên, Lã Côi, Kim Quan Đông và Cống Thôn và 5 tổ dân phố gồm: Tập thể Vật liệu Bưu điện, Tập thể Địa Chất, Tập thể Cơ khí Yên Viên, cụm , dân cư lòng hồ cầu Đuống, Tổ dân phố Giày Da.  **2. GIỚI THIỆU VỀ CHÍ SĨ NGUYỄN KHẮC CẦN**  **2.1.Tiểu sử**   * Nguyễn Khắc Cần  tên chữ là Tiểu Lâm, tên thường gọi là Đồ Cần. * Sinh năm 1875 (Ất Hợi) trong một gia đình nông dân nghèo tại làng Yên Viên xã Tiểu Hoa Lâm (Tiền Phong), phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, trấn Kinh Bắc, nay là thôn Yên Viên, xã Yên Viên thuộc huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. * Thuở nhỏ đã nổi tiếng cả vùng Gia Lâm là thông minh, hiếu học.   **2.2.Vị trí của Nguyễn Khắc Cần trong tiến trình lịch sử dân tộc**  **1.Con đường trở thành thầy Đồ Cẩn**   * Trong kì thi Hương, ông đã thi đỗ nhị trường. * Mở lớp dạy học ở Quán Tình (nay thuộc Long Biên), Hà Vĩ (nay thuộc Gia Lâm) có rất đông học sinh theo học. * Chủ trương: không dạy nhiều về các kiến thức kinh viện, khuôn mẫu của sách vở đã lỗi thời dùng lớp học để thức tỉnh lòng yêu nước của con em trong vùng, truyền lòng căm thù giặc và chế độ phong kiến đang suy tàn. * Đến những năm đầu thế kỉ XX, ông thôi dạy học và tham gia các phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX   **2. Những đóng góp**   1. Đóng góp xứng đáng vào quá trình hình thành con đường cứu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản Việt Nam 2. Góp phần hình thành phương thức đấu tranh cách mạng bạo lực ở Việt Nam đầu thế kỉ XX. 3. Một ý chí tiến công cách mạng không ngừng, một tấm gương hi sinh anh dũng tuyệt vời 4. Nhân cách đạo đức sáng ngời của người chí sĩ – chiến sĩ với tinh thần và ý thức dân tộc tiến bộ.   **2.3.Vinh danh**   1. **Cả nước có 04 địa phương có đường phố mang tên Nguyễn Khắc Cần:**  * Phố Nguyễn Khắc Cần, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. * Đường Nguyễn Khắc Cần, phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. * Phố Nguyễn Khắc Cần thuộc Khu đô thị Phú Lộc 3, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. * Phố Nguyễn Khắc Cần thuộc phường Kinh Bắc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.  1. **Thơ văn ca ngợi** |

**3- Củng cố bài :**

* GV : Hãy kể về một tấm gương thế hệ trẻ Yên Viên đã phát huy truyền thống của quê hương?
* HS: kể theo hiểu biết.
* GV nhấn mạnh về các tấm gương trong đó có cầu thủ Đỗ Hùng Dũng trong đội tuyển bóng đá Việt Nam vừa giành chức vô địch AFF cup 2018 vừa qua.

**4- Hướng dẫn các hoạt động tiếp theo : ( chiếu silde 15)**

* **Bài tập về nhà:** tiếp tục sưu tầm tranh ảnh , đĩa hình về di tích lịch sử của địa phương Yên Viên.
* **Chuẩn bị bài sau:**

5.**Rút kinh nghiệm :**

……………………………………………………………………………………………………………………….............................................................................

# 16. LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG XÃ ĐẶNG XÁ - HUYỆN GIA LÂM

# TP HÀ NỘI- TRƯỜNG THCS CAO BÁ QUÁT

**PHẦN I. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ XÃ ĐẶNG XÁ**

Xã Đặng Xá thuộc huyện Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội, là một vùng đất giàu truyền thống văn hóa lịch sử. Từ xa xưa, Đặng Xá đã có dòng sông Đuống hiền hòa bồi đắp phù sa, cho cây trồng quanh năm xanh tốt nên tổ tiên người Việt cổ có mặt ở nơi đây ngay từ buổi đầu dựng nước. Những huyền tích về cậu bé làng Gióng phát tích từ Đổng Xuyên (tên cũ là Gióng Mốt, Kẻ Gióng), lên ba đã vươn mình thành tráng sĩ chống giặc Ân thời Hùng Vương thứ VI là một minh chứng cho điều đó. Và cũng kể từ đó mà yêu nước, chống giặc ngoại xâm đã trở thành truyền thống của mảnh đất địa linh nhân kiệt này nói riêng và đất nước ta nói chung trong suốt chiều dài lịch sử ngàn năm.

Xã Đặng Xá nằm ở bờ nam sông Đuống. Phía tây bắc giáp Cổ Bi, phía đông bắc giáp đê sông Đuống, phía đông nam giáp xã Phú Thị, phía tây nam giáp thị trấn Trâu Quỳ.

Xã Đặng xá ngày nay có diện tích tự nhiện 603,1 ha, trong đó diện tích đất canh tác 486 ha. Dân số năm 2017 là 19.119 nhân khẩu, 5337 hộ. Xã có 10 thôn ở liền kề dock hai bên đường Ỷ Lan từ ngã ba Sủi đến Dốc Lời. Phía tây bắc đường Ỷ Lan có các thôn Kim Âu ( còn gọi là làng Âu), thôn An Đà ( gọi là kẻ Già), tiếp đến thôn Cự Đà ( tên nôm là làng Gồm), thôn Đặng ( còn gọi là kẻ Đặng) và thôn Lở ( còn gọi là thôn Lê), thôn Đổng Xuyên (tên gọi khác là Gióng Mốt, kẻ Gióng), thôn Hoàng Long, thôn Viên Ngoại( còn gọi là kẻ Ngoài) và thôn Nhân Lễ ( tên nôm gọi là làng Lợ)

**PHẦN II. GIỚI THIỆU TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG XÃ ĐẶNG XÁ**

**I. ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH**

Thời Bắc thuộc, Đặng xá thuộc bộ Vũ Ninh, thời Lý thuộc Bắc giang, đến thời Nguyễn, Đặng Xá thuộc Bắc Ninh. Do yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và công cuộc xây dựng đất nước, năm 1961 Đặng Xá thuộc Gia Lâm, Hà Nội. Hiện nay, xã Đặng Xá gồm có 10 thôn và khu đô thị Đặng Xá. Trong đó, thôn Đổng Xuyên và Khu đô thị Đặng Xá có số lượng dân cư đông nhất.



**II. NHỮNG GIAI ĐOẠN LỊCH SỬ**

**1. Trước cách mạng tháng 8**

Năm 1936, mặt trận bình dân Pháp thắng cử, tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng Việt Nam. Các tổ chức quần chúng dân sinh, dân chủ được thành lâp hoạt động bán công khai ở nhiều nơi.

Tháng 10-1937, cơ sở cách mạng thông Lời xã Đặng xá cũng được nhen nhóm. Ông Vũ Hữu Trù người thôn Lời, là học sinh trường Bưởi đưa nhóm thanh niên dân chủ về tuyên truyền tại thôn, người giác ngộ đầu tiên là ông Bùi Văn Thận.

Năm 1942 các đồng chí xứ ủy Bắc kỳ là Lê Quang Đạo, Hạ Bá Cang( Hoàn g Quốc Việt) hay lui tới thôn Lời, được nhân dân bảo vệ an toàn.

Với sự câu kết của Pháp và Nhật cùng đội ngũ tay sai, sự vơ vét, bóc lột của Pháp ngày càng tàn bạo với nhiều thủ đoạn thâm độc. Kết quả cuối năm 1944 đầu 1945 nạn đói khủng khiếp đã xảy ra. Trước nạn đói, tỉnh bộ Việt Minh chỉ đạo không nộp thóc cho Nhật.

**2. Từ cách mạng tháng 8- 1945 đến năm 1975**

**a.Trong cách mạng tháng 8**

Ngày 20-08-1945, tự vệ Đặng Xá, Đổng Xuyên tham gia khởi nghĩa giành chính quyền tỉnh Bắc Ninh. Trước đó, tự vệ Đổng Xuyên còn tham gia quân khởi nghĩa giành chính quyền huyện Tiên Du. Tổ chức cứu quốc ra đời: Phụ nữ cứu quốc, thiếu nhi cứu quốc…hưởng ứng khởi nghĩa tại Gia Lâm.

Ngày 22-8-1945, Ủy ban cách mạng lâm thời huyện Gia Lâm được thành lập là phủ lỵ Trường Lâm. Ông Bùi Văn Thận thôn Lời được cử giữ chức Chủ tịch Ủy ban cách mạng lâm thời huyện Gia Lâm, Ông Vũ Kim Truy ( thôn Lời) được cử là chủ tịch Ủy ban lâm thời xã Đặng Xá, ông Nguyễn Ngọc Đĩnh được cử làm Chủ tịch ủy ban lâm thời xã Đổng Xuyên.

Ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Bản tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam chủ cộng hòa. Cách mạng tháng 8- 1945, nhân dân Đặng xá cùng nhân dân cả nước bước vào kỉ nguyên độc lập, tự do.

**b. Xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng từ 1945 đến 1954**

Nhân dân tích cực tăng gia sản xuất để chống đói, chi viện cho tiền tuyến lớn Miền Nam. Nhân dân đã thực hiện*“Lá lành, đùm lá rách”,* xây dựng“ *Hũ gạo tiết kiệm*”, tổ chức *“ Ngày đồng tâm”*.

Hưởng ứng “Tuần lễ vàng” gây quỹ độc lập”. Thôn Viên Ngoại đóng góp 6 đồng bạc trắng, 6 đồng cân vàng. Bà Vũ Thị Tám đảng viên thôn Lời đóng góp Quỹ độc lập 2 đồng cân vàng. Nhiều kỉ vật quý có giá trị đã được nhân dân đóng góp cho quỹ.

Ngày 23-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi nhân dân Nam Bộ anh dũng chống Pháp. Hưởng ứng lời kêu gọi đã xuất hiện phong trào “Nam tiến”. Đợt đầu đoàn quân Nam Tiến có ông Nguyễn Văn Mã (thôn Viên Ngoại) và Cao Văn Huệ ( thôn Đặng).

Năm 2018, Đảng bộ và nhân dân xã Đặng Xá ( Quyết Tiến) vinh dự được Đảng và nhà nước trao tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

**c. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954- 1975**

Đồng chí Nguyễn Đình Hữu (Hoàng Tung) được huyện ủy cử làm Bí thư chi bộ cùng đồng chí Hoàng Đình Công, Chủ tịch Ủy ban hành chình và cấp ủy tập trung giải quyết những công việc cấp bách trước mắt. Nhân dân tích cực xây dựng, tu bổ lại nhà cửa bị hư hại do địch đốt, phá. Nạn mù chữ đã được đẩy lùi bởi phương châm: Người biết chữ dạy người không biết, người biết ít học nhiều người biết nhiều học mọi nơi, mọi lúc.Trong phong trào Bình dân học vụ ông Tạo ở thôn Kim Âu được phong tặng danh hiệu “Chiến sỹ diệt dốt”.

Các hợp tác xã được thành lập thu hút hơn 80% số nông dân tham gia. Nhân dân tích cực sản xuất, phong trào làm phân xanh, phân bùn. Chăn nuôi gia súc, gia cầm, nghề đúc cày (Nhân lễ), thợ nề (thôn Lở), trồng dâu nuôi tằm (Đổng Xuyên). Đi đôi với sản xuất, nhân dân xã Đặng Xá thi đua chiến đấu với các khẩu hiệu “ Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, “ Nhằm thẳng quân thù mà bắn”, “ Chắc tay súng, vững tay cày”,” Mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt”, thanh niên “ ba sẵn sàng”, phụ nữ “ ba đảm đang”… Ban y tế xã được kiện toàn, nhà hộ sinh được xây dựng. Trong cuộc kháng chiến, Đặng Xá có nhiều tấm gương anh hùng liệt sỹ đã hi sinh. Xã có 16 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, 120 liệt sỹ, hàng nghìn người tham gia các hình thức chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Nhân dân xã Đặng Xá vinh dự được nhận 265 Huân chương và 153 huy chương các loại.

**3. Từ năm 1976 đến nay**

Sau khi đất nước được thống nhất, Đảng bộ và nhân dân xã Đặng Xá đã thực hiện các kế hoạch 5 năm do Đảng bộ huyện Gia Lâm đề ra và đạt nhiều thành tựu.

Đến năm 2010, sản lượng lúa đạt 1100 🡪 1150 tấn/ năm, sản lượng ngô phục vụ chăn nuôi đạt từ 🡪 492 tấn/ năm.Toàn xã có 18 ha rau được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn sản xuất an toàn. Các vùng chuyên canh được hình thành và phát triển: Đổng Xuyên, Hoàng Long: Rau. Chăn nuôi: Bò sữa, lợn. Một số doanh nghiệp: Tạo công ăn việc làm cho nhiều lao động.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa, khu dân cư tiên tiến được thực hiện đem lại hiệu quả cao. Bình quân trên địa bàn xã có 85,6% gia đình đăng kí đạt tiêu chuẩn. Đến 2017 xã Đặng Xá đạt 19/19 chỉ tiêu xâu dựng nông thôn mới.

Từ năm 2006 đến nay xã liên tục được Ủy ban nhân dân huyện công nhận là “ *Đơn vị tiên tiến xuất sắc về thể dục thể thao*”.Trường mần non được xây mới và sửa chữa với số vốn trên 4 tỷ đồng, 25% trẻ trong độ tuổi nhà trẻ, 96% trẻ độ tuổi mẫu giáo đến lớp. Cấp Tiểu học tỷ lệ hs giỏi đạt 19,94%, yếu giảm còn 3,5% , cấp THCS tỷ lệ giỏi đạt 19,6%, yếu giảm còn 3,98%. Thực hiện phổ cập GD, trường THCS, TH Đặng Xá, trường THCS và tiểu học Cao Bá Quát đạt chuẩn quốc gia Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 2,9%. Phòng chống ma túy, HIV/AIDS được tăng cường, hạn chế số người phát sinh. Trạm xá xã Đặng Xá khang trang, đáp ứng được phần lớn nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Bảo vệ môi trường được chính quyền xã Đặng Xá rất quan tâm. 10/10 thôn được trang bị xe đẩy rác, thùng chứa rác, tập kết đúng nơi quy định

Lễ hội văn hóa như một nét đẹp trong văn hóa của người dân xã Đặng Xá được rổ chức hằng năm vào dịp tháng 1-3 âm lịch ( Hội Gióng tháng 4 âm lịch). Đặc biệt lễ hội Gióng làng Đổng Xuyên nằm trong khuôn khổ Lễ Hội Gióng (Phù Đổng) được Unesco công nhận là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại.

**PHẦN III. GIÁO ÁN DẠY HỌC**

**TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG XÃ ĐẶNG XÁ-**

**HUYỆN GIA LÂM- TP. HÀ NỘI**

**I. Mục tiêu bài học**

1. **Kiến thức:** Học sinh nêu được những nét chính về chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội của xã Đặng Xá từ năm 1930 đến nay.
2. **Kĩ năng:**  Hợp tác, tự học, thẩm mỹ, sống có trách nhiệm.
3. **Thái độ:** Tự hào về truyền thống của quê hương, tích cực xây dựng quê hương trên năng lực bản thân thông qua các hoạt động cụ thể.

**II. Chuẩn bị**

1. **Giáo viên**

* Sưu tầm thông tin lịch sử xã Đặng Xá.
* Đọc và xử lý thông tin cuốn: Lịch sử cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Đặng Xá ( 1930- 1995).
* Gặp gỡ, tìm hiểu thông tin thông qua các bậc lão thành cách mạng, nhân chứng.
* Bản đồ hành chính huyện Gia Lâm; xã Đặng Xá.

1. **Học sinh**

* Bài tập về nhà: Chia nhóm theo địa bàn dân cư. Nội dung: Tổ chức trò chơi để giới thiệu được những nét chính về chính trị, kinh tế, văn hóa của xã Đặng Xá giai đoạn từ 1945 đến 1975.
* Gợi ý cách thức tiến hành: gặp gỡ nhân chứng, thu thập thông tin, hình ảnh trình bày dưới dạng trò chơi Nhanh như chớp, Ô chữ bí mật, Đuổi hình bắt chữ…
* Chia lớp thành 4 nhóm vẽ tranh, sáng tác kịch, thơ, bài hát chủ đề : Mơ ước của em. Thể hiện mong muốn, trách nhiệm của hs hiện nay để góp phần xây dựng và phát triển mọi mặt xã Đặng Xá.
* Những nét chính về chính trị, kinh tế, văn hóa của xã Đặng Xá giai đoạn từ 1945 đến 1975.

**III. Tiến trình bài học**

**1. Ổn định lớp ( 1’).** Kiểm tra sĩ số.

**2. Bài mới**

**Hoạt động 1(1’). Giới thiệu bài**

***Slide 2,3,4***Giới thiệu di tích lịch sử văn hóa Đình chùa Gióng Mốt

***Những hình ảnh vừa xem gợi sự liên tưởng của em đến truyền thuyết, truyền thống quý báu nào của dân tộc ta?***

GV chốt, vào bài.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoat động của giáo viên và học sinh** | | | | **Nội dung kiến thức cần đạt** |
| **Hoạt động 2 (8’)**. **Tìm hiểu địa giới hành chính xã Đặng Xá** | | | | |
| ***Slide 5.***  ***Theo dõi Bản đồ hành chính huyện Gia Lâm; xã Đặng Xá, giới thiệu những điều em biết về huyện Gia Lâm và xã Đặng Xá.***  GV mở rộng. Chốt kiến thức.  ***Slide 6***  ***- Theo em với địa giới hành chính như hiện nay thì có những thuận lợi và khó khăn gì trong việc quản lý, phát triển kinh tế, xã hội?*** | | | | **I. Địa giới hành chính**   * - Thời Nguyễn: Thuộc Bắc Ninh. * Năm 1961: Thuộc Gia Lâm, Hà Nội. * - Hiện nay xã Đặng Xá gồm các thôn: An Đà, Cự Đà, Lở, Lời, Hoàng Long, Viên Ngoại, Nhân Lễ, Kim Âu, Khu đô thị Đặng Xá |
| **Hoạt động 3 (8’).** **Tìm hiểu tình hình xã Đặng Xá trước cách mạng tháng 8.** | | | | |
| - HS trả lời cá nhân. Bổ sung cho bạn ( nếu có).  - GVmở rộng, chốt.  ***Slide 7*** Chuyển mục | **II.** **Những giai đoạn lịch sử**  **1. Trước cách mạng tháng 8**   * Ruộng đất tập trung chủ yếu trong tay các địa chủ, cường hào, bị Pháp chiếm đồn điền. * Thủy lợi: không được quan tâm, từng có hai lần vỡ đê liên tiếp. * Xã hội: quan lại địa phương bày nhiều hủ tục đầu độc nhân dân, khuyến khích tệ nạn xã hội. Dân mù chữ.   🡪 *Nhân dân bị bóc lột cùng cực, lao dịch nặng nề, nổi dậy đấu tranh ở nhiều nơi* | | | |
| **Hoạt động 4 (10’)**. **Tìm hiểu tình hình xã Đặng Xá từ tháng 8- 1945 đến năm 1975** | | | | |
| ***Slide 8***  ***Trong hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc , có rất nhiều các tấm gương anh hùng liệt sỹ là người con của quê hương Đặng Xá. Hãy giới thiệu một tấm gương mà em biết?***  ***Slide 9,10***GV chốt, bổ sung.   * ***Trường THCS Cao Bá Quát có hoạt động thường niên nào thể hiện sự tri ân các anh hùng, liệt sỹ?***   ***Slide 11*** Giới thiệu hình ảnh viếng đài tưởng niệm AHLS xã Đặng Xá, nghĩa trang liệt sỹ huyện Gia Lâm tại xã Kim Sơn (nơi có những người con của quê hương Đặng Xá an nghỉ). | | | **2. Từ tháng 8- 1945 đến năm 1975**  ***a. Chính trị:***  - Tổ chức cứu quốc ra đời: Phụ nữ cứu quốc, thiếu nhi cứu quốc…hưởng ứng khởi nghĩa tại Gia Lâm 🡪 Chính quyền cách mạng ra đời 🡪 Xây dựng và củng cố chính quyền.  ***b. Kinh tế***   * Tích cực tăng gia sản xuất chống đói, chi viện cho tiền tuyến lớn Miền Nam. * Cải cách ruộng đất, tuy nhiên còn mắc sai lầm, thiếu sót.   - Hưởng ứng “Tuần lễ vàng” gây quỹ độc lập”.  ***c. Văn hóa, xã hội***  - Phong trào Bình dân học vụ: - Tích cực diệt “giặc dốt”. | |
| **Hoạt động 5 (15’).** **Tìm hiểu tình hình xã Đặng Xá từ năm 1976 đến nay** | | | | |
| - Nêu những nét chính về tình hình kinh tế?  GV chốt  ***Slide 12,13,14:*** Kinh tế  - Nêu những nét chính về tình hình xã hội?  GV chốt  ***Slide 15,16*** văn hóa, xã hội  GV chốt  ***Slide 17,18*** Lễ hội văn hóa  - Nhóm báo cáo hoạt động nhóm chủ điểm : Mơ ước của em | | **3. Từ năm 1976 đến nay**  ***a. Kinh tế :***   * Chuyên canh: Đổng Xuyên, Hoàng Long: Rau. * Chăn nuôi: Bò sữa, lợn. * Một số doanh nghiệp : Tạo công ăn việc làm cho nhiều lao động.   ***b. Văn hóa, xã hội:***   * Khu đô thị Đặng Xá mới được xây dựng. * Thực hiện phổ cập GD, trường THCS, TH Đặng Xá, trường THCS,TH Cao Bá đạt chuẩn quốc gia. * Nhiều thôn đạt chuẩn nông thôn mới. * Trạm xá: Khang trang, đáp ứng phần lớn nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. * Lễ hội văn hóa. | | |

**3. Củng cố và luyện tập (1’): *Slide 19***

- Giáo viên nhắc lại kiến thức cơ bản của bài. Nhắc lại những mốc son nổi bật trong lịch sử xã Đặng Xá.

**4. Hướng dẫn hoạt động tiếp theo (1’) *Slide 20***

* Bài tập về nhà: Viết bài văn trình bày cảm nhận em về lịch sử xã Đặng Xá.
* Sưu tầm thêm thông tin tư liệu về quá trình phát triển của xã Đặng Xá.
* Tìm hiểu khu di tích khác trong địa bàn xã Đặng Xá và huyện Gia Lâm.

**5. Rút kinh nghiệm:**

**…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

# 17. LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG XÃ CỔ BI

# HUYỆN GIA LÂM –TP HÀ NỘI

**PHẦN I. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ XÃ** **CỔ BI**

Trải qua hàng nghìn năm Bắc thuộc, thời Lý, Cổ Bi thuộc đất Long Biên, phủ Thuận Đức. Thời Trần thuộc lộ Bắc Giang phủ Thuận An đạo Diên Bắc. Thời Lê thuộc trấn Kinh Bắc. Thời Nguyễn thuộc trấn Bắc Ninh, sau đổi là tỉnh Bắc Ninh. Giữa năm 1961, Hà Nội mở rộng lần thứ nhất, xã Cổ Bi là một trong 31 xã của huyện Gia Lâm. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, xã Cổ Bi được đổi tên là xã Trung Thành. Trong kháng chiến chống Pháp, Cổ Bi còn có mật danh là "Giang Hoàng". Năm 1965 để bảo tồn địa danh truyền thống, Ủy ban hành chính thành phố Hà Nội lại đổi tên xã Trung Thành là xã Cổ Bi như ngày nay. Hiện nayxã Cổ Bi thuộc huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội là xã ven đô nằm ở bờ nam sông Đuống. Phía Bắc giáp xã Dương Hà, Phù Đổng, phía Nam giáp thị trấn Trâu Qùy và quốc lộ 5,phía Đông giáp xã Đặng Xá, phía Tây giáp quốc lộ 1B và quận Long Biên. Xã Cổ Bi có tổng diện tích đất tự nhiên là 503 ha với 9 thôn, 5 tổ dân phố, 3 khu tập thể với 3684 hộ và 14200 nhân khẩu. Kinh tế chủ yếu của Cổ Bi là sản xuất nông nghiệp, những năm gần đây đã dần chuyển dịch sang thương mại-dịch vụ, chăn nuôi . Là xã ven đô nên ưu tiên hàng đầu của Cổ Bi hiện nay là chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ sản xuất nông nghiệp sang công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ.

**Phần II: Thuyết minh về di tích lịch sử:**

1. **Đình thôn Vàng – Cổ Bi – Gia Lâm – Hà Nội.**

***1.Vị trí địa lí:***

***-***Đình thôn Vàng nằm bên bờ sông Thiên Đức xưa kia nay là sông Đuống. Bờ sông bên lở bên bồi nên phải di chuyển đình vào trong để quai đê ngăn dòng nước lũ. Đê đến nay vẫn được gọi là đê Vàng.

***2. Nguồn gốc:***

Tương truyền rằng: Khi Hai Bà Trưng đứng lên dấy binh chống lại sự đô hộ của nhà Hán, Hai Bà đã lập đàn tế trời ở cửa sông Hát, chiêu mộ nghĩa quân chống lại quân xâm lược.



Khi đoàn quân của Hai Bà tiến đến trang Cổ Bi, thấy đất đai đẹp đẽ, tiến thoái đều thuận lợi, bèn cho quân sĩ nghỉ lại. Đêm mồng 10 tháng 3, vào cuối canh tư, trong giấc ngủ mơ màng, Bà thấy có một ông già, mũ áo chỉnh tề, hình dung kỳ dị từ bên kia đường lại, xưng là Linh thần và nói ” Ta vốn dòng dõi Hùng Vương, chịu mệnh thiên đình, trấn giữ đất này, nay gặp đại quân đi làm việc nghĩa, ta xin trợ giúp. Nếu sau này hiển vinh, xin cùng phối hưởng”. Bà biết đó là thổ thần báo mộng liền làm lễ tạ rồi cắt quân bủa vây trụ sở giặc nhà Hán, chỉ đánh một trận là thắng, buộc Tô Định phải thua chạy. Dẹp xong giặc Hai Bà đã gia phong cho thần mỹ tự “Trung quốc hùng trấn uy linh ngưng hưu chi thần”.

Vị thần đã có công phù trợ cho nghĩa quân Hai Bà Trưng vốn là một vị tướng thời Hùng Vương, được suy tôn là “Đô Hồ Dương Võ Phù Tộ Đại Vương”. Đến các đời sau thần thường hiển linh giúp nước chống giặc. Ghi nhận công lao của thần các triều đại đều ban sắc phong đặt mỹ tự:

+Năm Thiên Phúc thời Lê Đại Hành gia phong cho bản thành hoàng “Đức bác bộ hộ quốc đại vương”.

+Thời Trần, Trần Quốc Tuấn cũng đến cầu đảo tại Đền, bình xong giặc Nguyên, vua Trần gia phong “Linh ứng anh thiết hiển hưu trợ thuận đại vương”.

+Vua Lê gia phong ” Phổ tế cương nghị anh linh”.

+Thời Lê Cảnh Hưng gia phong “Diên hy tích khảnh”.

+Thời Cảnh Thịnh gia phong “Dực chính khai bình”.

+Thời Nguyễn gia phong “Âm phù linh ứng dực bảo trung hưng”.

Địa danh được nhắc tới trong câu chuyện kể về vị thần phù giúp Hai Bà Trưng là trang Cổ Bi, nay là xã Cổ Bi – một trong 22 xã, thị trấn của huyện Gia Lâm. Đình thôn Vàng chính là nơi thờ phụng ngài.

Trải qua những biến đổi của lịch sử, của năm tháng, của các cuộc chiến tranh mà di tích đã phần nào bị mất đi vẻ đẹp vốn có. Đồng thời, do địa hình Cổ Bi nằm gần sông nên những năm nước to cụm di tích cũng bị ngập lụt làm ảnh hưởng đến tuổi thọ của kiến trúc và những hiện vật. Thời Tự Đức, đình – chùa đã phải di chuyển lớn một lần, do sông lở đã phải di chuyển một lần nữa vào vị trí như hiện nay. Do vậy việc xác định niên đại chính xác của đình thôn Vàng cũng gặp nhiều khó khăn.

Với những gì còn lại đến hôm nay di tích đình thôn Vàng vẫn có giá trị về nhiều mặt làm cho di tích vượt ra khỏi không gian hạn hẹp của một làng quê nhỏ để hoà nhập vào kho tàng di sản văn hoá của nước nhà.

**3. *Kiến trúc***

Năm 1995, đình thôn Vàng – xã Cổ Bi đã được Bộ Văn hoá Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật. Đây là căn cứ pháp lý quan trọng góp phần bảo vệ và phát huy những giá trị mà di tích còn bảo lưu được.

Đình hiện tại quay hướng Tây Nam, nhìn ra một sân gạch rộng xung quanh có tường bao kín. Trước đình có ngũ môn, tảo mạc, bình phong. Nhìn tổng thể đình Vàng có kiến trúc lớn, khang trang mặt bằng bao gồm: sân đình, tả vu, đại đình, trung đình và hậu cung.

Đại đình gồm bẩy gian, mái lợp ngói vảy hến, bờ nóc chạy thẳng không trang trí, bờ giải xây giật ba cấp, đầu hồi bít đốc tay ngai có gắn sứ chạm rồng. Qua một bậc cửa chạy suốt ba gian giữa chúng ta bước vào đại đình. Nền lát gạch hoa, gạch chỉ và Bát Tràng, gian giữa nền thấp hơn so với các gian bên.

- Đại đình có kiến trúc khá vững chắc đượclàm theo kiểu vì chồng rường giá chiêng, bốn hàng chân, bốn hàng chân cột gian giữa có đường kính 60 cm đứng vững chãi trên chân đá tảng.

- Không gian đại đình thoáng, rộng để thỏa mãn chức năng là nơi diễn ra các nghi lễ thờ thần hoàng và là nơi hội họp sinh hoạt văn hóa.

- Đại đình trước kia hệ thống cửa làm theo kiểu “thượng sơ hạ mật” chấn song con tiện do điều kiện chiến tranh đã bị phá hỏng nay được thay thế bằng cửa ván ở ba gian giữa và tường xây ở bốn gian hai bên.

- Gian giữa đại đình đặt một nhang án lớn, phía trên là bức cửa võng sơn son thiếp vàng với bốn chữ lớn “Thánh cung vạn tuế” hai bên là hai bộ bát bửu và một đôi câu đối lòng máng chạm văn triện.

Gian giữa đại đình đặt một nhang án lớn, phía trên là bức cửa võng sơn son thiếp vàng với bốn chữ lớn “Thánh cung vạn tuế” hai bên là hai bộ bát bửu và một đôi câu đối lòng máng chạm văn triện.

Qua ba cửa vòm cuốn ở gian giữa và hai cửa lớn ở gian hai bên chúng ta bước vào trung đường. Trung đường với mái lợp ngói vảy hến, hai tầng tạo thành bốn mái dài bốn mái ngắn. Các con kìm của mác tạo thành đao cong và hai vỉ ruồi. Bờ nóc chạy thẳng, để trơn không trang trí. Giữa hai lớp mái có hàng chấn song con tiện chạy suốt bốn bên để lấy ánh sáng cho trung đường và hậu cung.

Liền kề với trung đường là hậu cung gồm có ba gian, mái lợp ngói vảy hến, bờ nóc trang trí rồng gắn men sứ chầu mặt trời lửa. Sát bờ giải đắp hai con nghé. Giữa hai lớp mái có trang trí rồng, bờ giải xây giật bốn cấp (hai mái trên, hai mái dưới). ở giữa gian hậu cung xây một bệ lớn trên đặt khám thờ trong có long ngai bài vị. Hai bên đặt hai ban thờ nhỏ. Trang trí trên kiến trúc của hậu cung chủ yếu ở hai cốn hồi với các đề tài rồng, hoa lá cách điệu.

Mọi chạm khắc của kiến trúc được tập trung ở gian giữa đại đình với bốn đầu dư chạm rồng mang phong cách cuối Lê đầu Nguyễn đỡ lấy quá giang. Rồng được chạm sinh động mắt lồi, mũi nở, bờm uốn thành hình đao mác. Hệ thống cốn trong và ngoài đại đình được chạm cầu kỳ với đề tài hoa lá, long, ly, quy, phượng, trúc diều, hòm sách, cá hoá rồng…

Đình thôn Vàng còn bảo lưu được những di vật văn hoá có giá trị gồm nhiều chủng loại khác nhau đồ giấy, đồ đồng, đồ gỗ như:

– Một bản sao cuốn thần phả gốc do Hàn lâm viện bộ lễ đại học sĩ Nguyễn Bính phụng soạn.

– Một sắc niên hiệu Khải Định 9 (1924) về việc cho phép thôn Vàng được thờ phụng bản cảnh thành hoàng đô hộ tôn thần có công phù giúp bảo vệ dân làng quanh năm.

– Một bộ bát bửu, ngai bài vị, kiệu bát cống, ngựa gỗ, đôi hạc gỗ, một bộ cửa võng, hoành phi…

Với vẻ đẹp trong kiến trúc của ngôi đình cùng những di vật quý giá còn lưu giữ đình luôn là niềm tự hào đối với nhân dân thôn Vàng nói riêng và xã Cổ Bi nói chung. Chính vì vậy, đình luôn được giữ gìn, bảo quản khá tốt, kiến trúc và cảnh quan cơ bản còn nguyên vẹn. Di tích ở riêng biệt phía trước có tường bao quanh, đình được tiểu ban quản lý di tích thôn cử người trông nom nên di tích khá khang trang, sạch đẹp, thường xuyên được tu bổ, tôn tạo với nguồn kinh phí xã hội hoá từ nhân dân là chính.

***4.Ý nghĩa:***

Hàng năm, nhân dân thôn Vàng đều tổ chức lễ hội để tưởng nhớ đến vị thần có công với dân vào tháng hai âm lịch.Sự hiện diện của di tích đình thôn Vàng cùng với các di vật giá trị đã là những trang sách sống động góp phần giáo dục thế hệ trẻ hôm nay và mai sau tình yêu quê hương, biết trân trọng, bảo vệ và giữ gìn tài sản quý của địa phương đóng góp vào kho tàng di sản văn hoá lớn của Thủ đô, của đất nước.

**3.Chùa Thôn Vàng – Cổ Bi – Gia Lâm – Hà Nội**

***1.Vị trí địa lí:***

***-***Chùa thôn Vàng nằm bên bờ sông Thiên Đức xưa kia nay là sông Đuống. Bờ sông bên lở bên bồi nên phải di chuyển đình,chùa vào trong để quai đê ngăn dòng nước lũ. Đê đến nay vẫn được gọi là đê Vàng.

***2. Nguồn gốc:***

- Chùa có tên chữ là “ Giáo Linh tự”. Cùng với ngôi đình làng nằm bên cạnh tạo thành một cụm di tích lịch sử văn hóa, nơi tín ngưỡng dân gian hòa quyện cùng tôn giáo làm nên nét rất riêng trong đời sống tâm linh của người Việt.

-Căn cứ vào các tư liệu là các tấm bia còn lưu giữ ở dây cho thấy, di tích được sửa chữa lớn trong các năm Cảnh Hưng 22(1793), Cảnh Hưng 39 (1788), Cảnh Thịnh nguyên niên (1793), Gia Long 8 (1809), Minh Mệnh 8 (1827), Tự Đức 3(1880).

-Trải qua những thăng trầm của lịc sử, đồng thời do hoàn cảnh đặc biệt của địa hình nên chùa Thôn vàng đã phải nhiều lần di chuyển. Thời Tự Đức, cụm di tích di chuyển lớn một lần do sông lở và di chuyển một lần nữa vào vị trí như hiện nay, chính vì vậy vẻ cổ kính của ngôi chùa đã bị mai một đi nhiều.

***3. Kiến trúc***

-Theo lịch sử của những tấm bia còn lưu giữ được, vị tăng trụ trì – chùa Giáo Linh thôn Vàng xã Cổ Bi huyện Gia Lâm đã cùng các vị hương lão, sắc mục, lý dịch,..Vào năm Nhâm Tý 1825 đã tu tạo 5 gian nhà Thiên Hương, 7 gian Hậu đường và hai bên là tả hữu hành lang mỗi toà 9 gian.

-Chùa thôn Vàng còn bảo lưu được những nét đẹp trong nghệ thuật xây dựng, vẻ đẹp đó được thể hiện qua sự kết hợp hài hòa với môi trường cảnh quan bao quanh di tích. Trong mỗi nếp nhà còn lưu giữ các bộ vì rường cũng như nhiều mảng chạm khắc đẹp.

-Kiến trúc chùa bao gồm tam quan, tiền đường, thượng điện, nhà tổ, nhà mẫu….giá trị nổi bật của chùa còn được biểu hiện ở nghệ thuật tạc tượng. Các pho tượng được chau chuốt tỉ mỉ với đường nét mềm mại cân đối.

-Bộ tượng tam thế gồm có ba pho ngồi thiền định trên tòa sen, tóc bụt ốc nổi giữa đỉnh đầu tai to, chảy dài mắt nhìn xuống. Đài sen gồm hai lớp cánh, pho bên trái tay giơ cao.

-Pho tượng A Di Đà ngồi trên bệ cao sáu cạnh được chạm khá kỹ lưỡng mang phong cách nghệ thuật thời Lê.

-Hiện nay chùa thôn Vàng còn bảo lưu được những di vật văn hóa có giá trị gồm nhiều chủng loại khác nhau với những hiện vật tiêu biểu: một quả chuông đồng “ Giáo Linh tự chung” với 700 chữ nói về việc đúc chuông ở chùa.

-Bài viết do sinh đồ bản thôn Nguyễn Doãn Trọng soạn ngày tốt tháng 7 năm Qúy Sửu; 26 tấm bia lớn nhỏ với các niên đại từ Long Đức thứ ba (1734) đến Thành Thái thứ năm(1894)….

-Chùa thôn Vàng đã được Bộ Văn hóa – Thông tin ra quyết định xếp hạng di tích Kiến trúc nghệ thuật năm 1995.

***4.Ý nghĩa:***

Chùa Thôn Vàng là trung tâm tín ngưỡng của cộng đồng cư dân làng xã. Ngoài vai trò bảo lưu những truyền thống tốt đẹp của tín ngưỡng thờ phật được tồn tại từ bao đời nay chùa còn là nơi hướng con người tới chân – thiện - mĩ trong cuộc sống hiện tại và tương lai.

**GIÁO ÁN DẠY HỌC**

**TÌM HIỂU VỀ DI TÍCH LỊCH SỬ ĐÌNH CHÙA THÔN VÀNG – CỔ BI – GIA LÂM – HÀ NỘI.**

**I/ MỤC TIÊU BÀI HỌC** :

**1/ Kiến thức**: Qua bài học, học sinh có được

- Quá trình hình thành khu di tích lịch sử đình, chùa thôn Vàng.

-Kiến trúc, tín ngưỡng văn hóa của khu di tích

**2/ Kĩ năng:** Rèn luyện cho HS kĩ năng :

- Quan sát, nhận xét

**3/ Thái độ**: Thông qua bài bồi dưỡng cho học sinh:

- Nhận thức đúng về vị trí, vai trò của đình chùa thôn Vàng trong sự phát triển chung của lịch sử dân tộc.

-Tự hào về những giá trị văn hóa của ông cha ta.

- Có ý thức giữ gìn giá trị văn hóa của khu di tích.

**II- THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY HỌC:**

1- Giáo Viên: Bài giảng điện tử, tìm hiểu về di tích

2- Học sinh: Tìm hiểu về di tích.

**III/ HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**:

***1/Ổn ®Þnh tæ chøc***

***2/ Bài mới***

***- Giới thiệu bài : 1p***

**H§ 1: HDHS tìm hiểu chung về xã Cổ Bi. 8p**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy- trò** | **Mục tiêu cần đạt** |
| -GV hắt slide 3 hình ảnh về địa bàn xã Cổ Bi  -HS quan sát  ?Bằng hình ảnh quan sát và hiểu biết thực tế em hãy giới thiệu vài nét về xã Cổ Bi?  -HS trả lời cá nhân bằng sự hiểu biết.  -GV nhận xét, khắc sâu hiểu biết  Xã Cổ Bi thuộc huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội . Là xã ven đô nằm ở bờ nam sông Đuống.  ?Hiện nay em đang cư trú ở đâu của xã?  -HS tự trả lời  -GV nhấn mạnh và chuyển ý: Hiện nay chủ yếu HS trong trường ta có địa bàn cư trú chủ yếu trong xã Cổ Bi, và ngôi trường mà chúng ta đang học tập thuộc địa bàn của Thôn Vàng. | **1.Giới thiệu chung về xã Cổ Bi**  -Xã Cổ Bi thuộc huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội . Là xã ven đô nằm ở bờ nam sông Đuống.  -Xã hiện nay gồm: 9 thôn, 5 tổ dân phố, 3 khu tập thể  -Địa giới hành chính và tên gọi của Xã Cổ Bi có nhiều thay đổi trong tiến trình lịch sử. |

**H§ 2: HDHS tìm hiểu di tích đình Thôn Vàng ( 12p)**

|  |  |
| --- | --- |
| ? Em có thể kể các công trình trong khu vực thôn Vàng được không?  -HS trả lời cá nhân: 3 trường học: mầm non, tiểu học, THCS, Trường Đảng, nhà văn hóa Thôn Vàng, đình chùa của Thôn...  -GV nhận xét và giới thiệu: Một trong những công trình vừa có giá trị kiến trúc, lịch sử, văn hóa đó là đình, chùa của thôn.  -GV hắt ảnh đình thôn Vàng, cổng vào đình và toàn cảnh. (slide 4,5)  ? Em có biết sự ra đời và hình thành của đình Thôn Vàng không?  -HS trả lời cá nhân?  -Gv giới thiệu hắt slie 6  ? Bằng hiểu biết thực tế em hãy phác họa vài nét về khu vực đình Thôn Vàng bằng hình vẽ.  -Trao đổi cặp đôi, thời gian 4p  -Gv giải quyết bài tập cặp đôi: gọi 2 nhóm lên trình bày  -Gv nhận xét về sự tìm hiểu bài của HS  - GV nhấn mạnh:Đặc biệt ở đình còn lưu giữ được nhiều đồ tế có giá trị như: bát bào, ngựa, hạc thờ, xà mầu, phù việt. Các bộ kiệu bát cống, kiệu long đình được tao tác rất đẹp.  ? Theo em vị trí nào là quan trọng nhất của đình? Nêu hiểu biết của em về vị trí đó?  -HS trao đổi nhóm 4HS, thời gian 2 phút.  -GV cho 2 nhóm trả lời, GV nhận xét, chốt.  GV hắt ảnh Đại đình (slide 7) và giới thiệu về đại đình(slide 8)  -Gv hắt ảnh một số vị trí của đình (slide 9,10,11) như: toàn cảnh sân đình, bia đá sự tích thần Cổ Bi....  -Đình không chỉ là nơi có tín ngưỡng thờ thần Hoàng làng mà còn là nơi tổ chức lễ hội của thôn.  ? Hãy giới thiệu về lễ hội thôn Vàng mà em biết.  -HS giới thiệu theo sự chuẩn bị bài ở nhà và sự hiểu biết của bản thân  -GV hắt ảnh về lễ hội của Thôn (slide 12)  -Gv chuyển ý | **2. Đình Thôn Vàng**  ***a.Lịch sử hình thành***: Được hình thành từ lâu đời  **-** Thời Tự Đức, đình di chuyển lớn một lần do lở sông vào vị trí hiện nay.  ***b.Kiến trúc:***  **-** Nhìn tổng thế, đình Vàng có kiến trúc lớn, khang trang mặt bằng bao gồm: Sân đình, tả vũ, đại đình, trung đình và hậu cung.  - Đình quay hướng Tây Nam, có một sân gạch rộng xung quanh có tường bao kín.  - Đặc biệt ở đình còn lưu giữ được nhiều đồ tế có giá trị  -Một trong số kiến trúc nổi bật của đình chính là Đại đình – nơi diễn ra các nghi lễ của Đình.  -Năm 1995, đình thôn Vàng, xã Cổ Bi được bộ văn hóa thông tin xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật.  ***c. Lễ hội***  -Ngày 7/2 âm lịch hàng năm, nhân dân thôn Vàng đều tổ chức lễ hội để tưởng nhớ đến vị thần có công với dân, với nước |

**H§ 3: HDHS tìm hiểu di tích chùa Thôn Vàng 10p**

|  |  |
| --- | --- |
| **-**GV hắt ảnh cổng vào chùa thôn Vàng và giới thiệu (slide 13)  -Nêu hiểu biết của em về khu di tích chùa thôn Vàng?  -HS trả lời theo ý hiểu của bản thân  -GV giới thiệu  ?Em đã đến chùa chưa? Em có thể miêu tả vài nét về ngôi chùa?  -HS trả lời cá nhân  -GV nhận xét, giới thiệu.  -GV hắt ảnh về chùa thôn Vàng(slide 14,15)  -Hiện nay chùa thôn Vàng còn bảo lưu được những di vật văn hóa có giá trị gồm nhiều chủng loại khác nhau với những hiện vật tiêu biểu: một quả chuông đồng “ Giáo Linh tự chung” với 700 chữ nói về việc đúc chuông ở chùa.  ? Qua việc tìm hiểu về khu di tích đình chùa thôn Vàng giúp em điều gì?  -HS trả lời theo suy nghĩ  ?Từ đó em có thái độ gì?  -HS bày tỏ thái độ. | 1. **Di tích chùa Thôn Vàng**   ***a.Lịch sử hình thành:***  **-** Chùa có tên chữ là “ Giáo Linh tự”.  - Cùng với ngôi đình làng nằm bên cạnh tạo thành một cụm di tích lịch sử văn hóa, nơi tín ngưỡng dân gian.  - Vào năm Nhâm Tý 1825 đã tu tạo lại ngôi chùa.  ***b.Kiến trúc***  -Kiến trúc chùa bao gồm tam quan, tiền đường, thượng điện, nhà tổ, nhà mẫu.  -Các pho tượng được chau chuốt tỉ mỉ với đường nét mềm mại cân đối mang phong cách nghệ thuật thời Lê.  - Chùa thôn Vàng đã được Bộ Văn hóa – Thông tin ra quyết định xếp hạng di tích Kiến trúc nghệ thuật năm 1995. |

**3. Củng cố: 2p**

**-**GV nhắc lại KTCB của bài. Nhấn mạnh vị trí, vai trò của khu di tích.

**4. Hướng dẫn các hoạt động tiếp theo 1p**

-Về nhà:- Viết 1 đoạn văn trình bày hiểu biết và suy nghĩ của em về di tích đình chùa Thôn Vàng. Em cần làm gì để bảo tồn và phát huy giá trị của khu di tích.

-Sưu tầm thêm tranh ảnh, vidio về khu di tích.

-Tìm hiểu thêm về các khu di tích khác trong địa bàn xã Cổ Bi.

**5. Rót kinh nghiÖm:……………………………………………………**

# 18. LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG XÃ ĐẶNG XÁ

# HUYỆN GIA LÂM –TP HÀ NỘI- TRƯỜNG THCS ĐẶNG XÁ

PHẦN I: GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT

VỀ XÃ ĐẶNG XÁ

Xã Đặng Xá nằm ở bờ nam sông Đuống. Phía Tây bắc giáp xã Cổ Bi; phía Đông bắc giáp đê sông Đuống; phía Đông Nam giáp xã Phú Thị; phía Tây Nam giáp thị trấn Trâu Quỳ.

Xã có 10 thôn, 6 tổ dân phố (1 tổ dân phố Đường 5 và 5 tổ dân phố Khu Đô thị Đặng Xá. 10 thôn ở liền kề dọc 2 bên đường Ỷ Lan từ ngã ba Sủi đến Dốc Lời. Phía tây bắc đường Ỷ Lan có các thôn Kim Âu (còn gọi là làng Âu), Thôn An Đà (còn gọi là kẻ Già), tiếp đến thôn Cự Đà (có tên nôm là làng Gồm), thôn Đặng ( còn gọi là kẻ Đặng) và thôn Lở (còn gọi là thôn Lễ). Phía đông nam đường Ỷ Lan từ đê sông Đuống xuống có thôn Lời (còn gọi là thôn Lê), thôn Đổng Xuyên ( tên nôm gọi là Gióng Mốt hay kẻ Gióng), thôn Hoàng Long, thôn Viên Ngoại (còn gọi là kẻ Ngoài) và thôn Nhân Lễ ( tên nôm gọi là thôn Lợ).

Xã Đặng Xá có diện tích đất tự nhiên 603,1 ha, trong đó diện tích đất canh tác 486 ha, dân số năm 2017 là 19.119 nhân khẩu. Kinh tế chủ yếu của xã là sản xuất nông nghiệp. Được thiên nhiên ưu đãi, hàng năm sông Đuống bồi đắp phù sa cho hàng trăm ha đất bãi, cho ba vụ ngô, rau tươi tốt. Hiện nay, thế mạnh của người dân địa phương là sản xuất rau theo tiêu chuẩn rau an toàn Vietgap. Hoạt động kinh doanh, dịch vụ, thương mại, vận chuyển trên địa bàn những năm gần đây phát triển khá sôi động, góp phần tích cực vào việc giải quyết việc làm và thu nhập cho nhiều lao động nông thôn.

**TIỂU SỬ VÀ QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG**

**CỦA THƯỢNG TƯỚNG BÙI PHÙNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Vài nét về tiểu sử**  Thượng tướng Bùi Phùng, tên thật là Bùi Văn Thận, sinh ngày 10-9-1920, tại làng Lời, xã Đặng Xá, Gia Lâm, trước đây thuộc tỉnh Bắc Ninh, nay thuộc thành phố Hà Nội. Là con út và cũng là con trai duy nhất trong gia đình, khi ông chào đời, cha mẹ ông đã đặt tên cho con trai là Bùi Văn Thận, với hàm ý sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy dỗ cẩn thận, mong con trai mình lớn lên sẽ trở thành người thận trọng, chín chắn trong đối nhân xử thế. Năm 3 tuổi, Bùi Phùng mồ côi cha. Đến năm ông 15 tuổi, người chị gái của ông là Bùi Thị Lộc qua đời. 5 năm sau, mẹ ông mất. | THƯỢNG TƯỚNG BÙI PHÙNG  (1920 – 1999) |

Thời niên thiếu của ông vất vả, cơ cực và đầy những buồn đau. Chính vì sớm chịu những mất mát tình cảm từ thuở nhỏ, nên ông rất coi trọng gia đình.

Sớm giác ngộ tình yêu quê hương đất nước, căm thù giặc ngoại xâm, ông đã bước vào con đường hoạt động cách mạng từ lúc mới 17 tuổi, tham gia lãnh đạo cuộc khởi nghĩa cướp chính quyền ở Gia Lâm. Cách mạng Tháng Tám thành công, ông được giao nhiệm vụ làm Chủ tịch ủy ban Cách mạng lâm thời Gia Lâm và sau đó giữ nhiều cương vị trọng trách ở Tỉnh ủy Bắc Ninh, Liên khu ủy Việt Bắc. Giữa năm 1950 được điều vào quân đội và suốt từ đó ông gắn bó với công tác hậu cần, chăm lo cơm áo, sức khỏe và vũ khí đánh giặc.

Cuối năm 1950, Chiến dịch Biên Giới thắng lợi vang dội, Bùi Phùng và một số cán bộ khác được cử đi tháp tùng chuyến công tác của Bác. Gần ba tuần lễ theo chân Bác, được Bác trực tiếp chỉ bảo những điều căn bản nhất, quan trọng nhất của công tác hậu cần nhân dân, Bùi Phùng khắc sâu trong tâm khảm và suốt đời phấn đấu thực hiện.

Khi đã trở thành Thượng tướng, giữ cương vị Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, hồi tưởng về những ngày ấy, ông viết: “Sau này làm công tác hậu cần ở chiến trường xa xôi (B2), tôi càng thấm thía sâu sắc rằng, tiền tuyến từng giờ từng phút trông chờ sự tiếp sức của hậu phương như đứa con khát đang chờ dòng sữa mẹ… Làm tốt công tác hậu cần, hậu phương quân đội, phải dựa vào sức dân là chính. Đó là quan điểm hậu cần toàn dân của Đảng. Cả cuộc đời binh nghiệp gắn bó với công tác hậu cần, những điều Bác dạy về xây dựng hậu phương, về quan điểm quần chúng, về hậu cần nhân dân, về sự quan tâm chăm sóc đến đời sống chiến sĩ, tôi vẫn thấy như lúc nào cũng mới mẻ, lúc nào cũng văng vẳng bên tai lời nhắc nhở của Bác: “Bộ đội chưa ăn cơm, cán bộ không được kêu mình đói. Bộ đội chưa có áo mặc, cán bộ không được kêu mình rét” và “Các chú phải làm thế nào một bát gạo, một đồng tiền, một viên đạn, một viên thuốc, một tấc vải phải đi thẳng tới chiến sĩ. Đó là bổn phận của các chú…”.

Mùa hè năm 1964, Bùi Phùng lên đường đi B. Ban đầu ông được giao nhiệm vụ Cục phó và từ tháng 7-1968 đến tháng 12-1975, ông đảm đương cương vị Cục trưởng Cục hậu cần B2. Ngay từ ngày đầu vào công tác ở hậu cần B2, dù ở cương vị nào ông luôn giữ vững tác phong quần chúng, giản dị, khiêm tốn, sống rất chan hòa với mọi người, nhưng xử lý công việc thì lại rất nghiêm khắc.

Ông luôn sống rất chan hòa với mọi người, chia ngọt sẻ bùi, đồng cam cộng khổ, có thứ gì ngon cùng hưởng, có kham khổ cùng chịu. Sống ở bất cứ đâu ông cũng vận động các chiến sĩ cùng tăng gia sản xuất, miệng nói tay làm, ai cũng hăng hái noi theo. Trong công việc, bao giờ ông cũng giữ nguyên tắc “quân lệnh như sơn”. Làm công tác hậu cần, nắm trong tay tiền của và biết bao phương tiện vật chất - kỹ thuật mà cả nước, toàn dân đã phải thắt lưng buộc bụng, chắt bóp từng ly từng tý để các chiến sĩ được ăn no, mặc ấm, sức khỏe tốt, có đủ vũ khí đánh giặc và chiến thắng kẻ thù, thì không thể thiếu tinh thần trách nhiệm gây lãng phí, để hao hụt, nhất là không thể tơ hào tư túi.

Đại tướng Phạm Văn Trà, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã từng nói “ Đồng chí là một trong những cán bộ có nhiều cống hiến to lớn đối với sự nghiệp xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, đặc biệt là đối với ngành Hậu cần Quân đội ta”.

**2. Tóm tắt quá trình cống hiến của Thượng Tướng Bùi Phùng**

Tháng 3 năm [1950](https://vi.wikipedia.org/wiki/1950), ông chuyển vào quân đội. và từ tháng 3 năm [1950](https://vi.wikipedia.org/wiki/1950) đến tháng 7 năm [1954](https://vi.wikipedia.org/wiki/1954), ông công tác tại Cục Vận tải Tổng cục Cung cấp (nay là [Tổng cục Hậu cần](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=T%E1%BB%95ng_c%E1%BB%A5c_H%E1%BA%ADu_c%E1%BA%A7n&action=edit&redlink=1)), lần lượt giữ các chức vụ:

- Trưởng phòng Chính trị - Bí thư Liên chi bộ đầu tiên Cục Vận tải.

- Trung trạm trưởng trung trạm vận tải Việt Bắc, rồi trung trạm vận tải Liên Khu 3,4 thuộc Cục Vận tải.

- Trưởng phòng Kế hoạch Cục Vận tải - phụ trách kế hoạch vận tải tiền phương chiến dịch Điện Biên Phủ.

Từ tháng 8 năm [1954](https://vi.wikipedia.org/wiki/1954) đến tháng 12 năm [1960](https://vi.wikipedia.org/wiki/1960):

- Hiệu phó Trường Hậu cần.

- Học viên Khoa Chỉ huy Hậu cần - Học viện Hậu cần Trung Quốc.

- Hiệu phó, rồi phụ trách Hiệu trưởng trường Sĩ quan Hậu cần.

Từ tháng 1 năm [1961](https://vi.wikipedia.org/wiki/1961) đến tháng 7 năm [1964](https://vi.wikipedia.org/wiki/1964), Tham mưu phó Tổng cục Hậu cần.

Từ tháng 8 năm 1964 đến năm 1975, ông vào chiến trường miền Nam, lần lượt giữ các chức vụ: Phó Chủ nhiệm - Tham mưu trưởng rồi Chủ nhiệm Hậu cần [Quân giải phóng miền Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%C3%A2n_Gi%E1%BA%A3i_ph%C3%B3ng_mi%E1%BB%81n_Nam_Vi%E1%BB%87t_Nam) ([Bộ chỉ huy Miền](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=B%E1%BB%99_ch%E1%BB%89_huy_Mi%E1%BB%81n&action=edit&redlink=1)).

Tháng 5 năm [1976](https://vi.wikipedia.org/wiki/1976), ông giữ chức Phó Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần.

Tháng 3 năm [1977](https://vi.wikipedia.org/wiki/1977), ông được bổ nhiệm giữ chức Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần và được bầu làm Bí thư Đảng uỷ [Tổng cục Hậu cần](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=T%E1%BB%95ng_c%E1%BB%A5c_H%E1%BA%ADu_c%E1%BA%A7n&action=edit&redlink=1).

Tháng 11 năm [1977](https://vi.wikipedia.org/wiki/1977), ông được Hội đồng Chính phủ bổ nhiệm [Thứ trưởng](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Th%E1%BB%A9_tr%C6%B0%E1%BB%9Fng&action=edit&redlink=1) [Bộ Quốc phòng](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BB%99_Qu%E1%BB%91c_ph%C3%B2ng), kiêm Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần, đầu năm 1980 giữ chức [Thứ trưởng](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Th%E1%BB%A9_tr%C6%B0%E1%BB%9Fng&action=edit&redlink=1) [Bộ Quốc phòng](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BB%99_Qu%E1%BB%91c_ph%C3%B2ng) kiêm Phó chủ nhiệm Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước.

Ông được phong quân hàm cấp Tướng: [Thiếu tướng](https://vi.wikipedia.org/wiki/Thi%E1%BA%BFu_t%C6%B0%E1%BB%9Bng) năm [1974](https://vi.wikipedia.org/wiki/1974), [Trung tướng](https://vi.wikipedia.org/wiki/Trung_t%C6%B0%E1%BB%9Bng) năm [1980](https://vi.wikipedia.org/wiki/1980), [Thượng tướng](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C6%B0%E1%BB%A3ng_t%C6%B0%E1%BB%9Bng) năm [1986](https://vi.wikipedia.org/wiki/1986).

Tại Đại hội Đảng toàn Quốc lần thứ IV (Tháng 12/[1976](https://vi.wikipedia.org/wiki/1976)) và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V (3/[1982](https://vi.wikipedia.org/wiki/1982)), ông được bầu làm Uỷ viên [Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ban_Ch%E1%BA%A5p_h%C3%A0nh_Trung_%C6%B0%C6%A1ng_%C4%90%E1%BA%A3ng_C%E1%BB%99ng_s%E1%BA%A3n_Vi%E1%BB%87t_Nam).

Ông là [đại biểu Quốc hội](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_bi%E1%BB%83u_Qu%E1%BB%91c_h%E1%BB%99i) khoá VII (1981-1987) và khóa VIII (1987-1992).

Tháng 2 năm [1990](https://vi.wikipedia.org/wiki/1990), ông được Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VI chỉ định tham gia Ban Chấp hành lâm thời Trung ương [Hội cựu chiến binh](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=H%E1%BB%99i_c%E1%BB%B1u_chi%E1%BA%BFn_binh&action=edit&redlink=1) Việt Nam và được cử làm Uỷ viên Thường vụ.

**PHẦN III. GIÁO ÁN DẠY HỌC**

**ĐẶNG XÁ - NHỮNG TRANG SỬ HÀO HÙNG**

**I. Mục tiêu bài học**:

**1. Kiến thức:**

- Nắm được truyền thống lịch sử địa phương xã Đặng Xá

- Tìm hiểu về nhân vật lịch sử xã Đặng Xá: Thượng Tướng Bùi Phùng

**2. Kỹ năng**: Rèn cho học sinh kỹ năng

- Sưu tầm tư liệu về truyền thống cách mạng Đặng Xá qua các thời kỳ.

- Phân tích sự kiện, nhân vật lịch sử.

**3. Thái độ**

- Giáo dục HS niềm tự hào về bản thân là người dân và sinh ra, lớn lên trên một vùng quê giàu truyền thống lịch sử.

- Nâng cao trách nhiệm bản thân trong giai đoạn hiện nay.

**II. Chuẩn bị**

**1. Giáo viên:** Tư liệu về Đặng Xá

**2. Học sinh**: Sưu tầm tấm gương yêu nước của xã Đặng Xá.

**III. Tiến trình bài học**

**1.Ổn định tổ chức (1 phút)**

**2. Bài mới**

***\*Giới thiệu bài (1 phút)***

“Dân ta phải biết sử ta

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam ”

là câu nói của Bác đã thấm nhuần trong trái tim hàng triệu người dân Việt. Song bên cạnh hiểu truyền thống lịch sử dân tộc thì mỗi người cần hiểu thấu hơn về lịch sử chính quê hương mình. Là 1 vùng ven đô, Đặng Xá cũng là nơi có bề dày truyền thống yêu nước cách mạng, với nhiều tấm gương làm rạng danh trang sử dân tộc như Thượng Tướng Bùi Phùng. Chúng ta cùng tìm hiểu những trang sử vẻ vang ấy của địa phương.

***Hoạt động 1. (15 phút) Tìm hiểu xã Đặng Xá- Lịch sử và truyền thống***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| GV yêu cầu học sinh giới thiệu vị trí địa lí xã Đặng Xá.  ***Slide 2.*** *Bản đồ hành chính xã Đặng Xá*  GV bổ sung:  -Phía Tây bắc giáp xã Cổ Bi.  - Phía Đông bắc giáp đê sông Đuống.  - Phía Đông Nam giáp xã Phú Thị.  - Phía Tây Nam giáp thị trấn Trâu Quỳ.  Đặng Xá xưa có dòng sông Nghĩa Giang bồi đắp phù sa cho cây trồng quanh năm tươi tốt -> tổ tiên người Việt cổ có mặt ở nơi đây ngay từ buổi đầu dựng nước.  - HS quan sát, nghe  ? Em biết tới câu chuyện truyền thuyết nào liên quan tới lịch sử làng Gióng?  ? Nhận xét về truyền thống lịch sử địa phương mình?  - Cho hs trình bày phần chuẩn bị ở nhà: phần kinh tế của xã  ***Slide 3.*** *Trình chiếu ảnh sản xuất nông nghiệp trồng lúa, rau*  ? Kinh tế chủ yếu của Đặng Xá? | **1. Đặng Xá- Lịch sử và truyền thống**  **a. Vị trí:**  - Ngoại thành Hà Nội  - Gồm 10 thôn  **b. Dấu tích lịch sử:**  - Tổ tiên người Việt cổ sinh sống.  - Gióng Mốt: nơi phát tích truyền thuyết “ Thánh Gióng”  --> Vùng đất địa linh nhân kiệt.  **c. Kinh tế**:  - Chủ yếu sản xuất nông nghiệp |

***Hoạt động 2. (22 phút) Tìm hiểu nhân vật lịch sử địa phương Bùi Phùng***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| ? Em hãy kể tên các nhân vật lịch sử tiêu biểu của địa phương thời kì kháng chiến chống Pháp Mỹ?  ? Em hãy giới thiệu vài nét về nhân vật lịch sử đó  GV bổ sung:  ***Slide 4.*** *Chân dung Thượng tướng Bùi Phùng*  - Tên thật: Bùi Văn Thận (1920-1999)  - Sinh ra tại Thôn Lời  - Năm 17 tuổi bắt đầu bước vào con đường hoạt động CM, tham gia lãnh đạo cuộc khởi nghĩa cướp chính quyền ở Gia Lâm.  - Sau CM tháng 8, ông được giao nhiệm vụ Chủ tịch UBCM Lâm thời Gia Lâm và sau đó giữ nhiều cương vị trọng trách khác.  ***Slide 5.*** *: Cho hs xem video hoạt động CM của Thượng tướng Bùi Phùng trong kháng chiến chống Pháp Mỹ?*  **- GV cho HS thảo luận**  Nhóm 4 học sinh  Thời gian: 3 phút  Nội dung  Nhóm 1,2: Những hoạt động và đóng góp của Thượng tướng trong kháng chiến chống Pháp?  Nhóm 3,4: Những hoạt động và đóng góp của Thượng tướng trong kháng chiến chống Mỹ?  - Các nhóm nhận xét  - GV bổ sung, nhận xét  ? Là một người con sinh ra từ quê hương Đặng Xá, giàu truyền thống anh hùng, em có cảm xúc, suy nghĩ gì?  HS (Yêu quê hương, tự hào, học tập, phấn đấu....) | **2. Nhân vật lịch sử địa phương - Thượng tướng Bùi Phùng**  **a. Tiểu sử**  - Quê: Thôn Lời  - Sớm giác ngộ cách mạng (17 tuổi)  **b. Những đóng góp của Thượng tướng Bùi Phùng với quê hương đất nước**  ***\* Trong kháng chiến chống Pháp*:**  - Phụ trách kế hoạch vận tải tiền phương chiến dịch Điện Biên Phủ.  ***\* Kháng chiến chống Mỹ***  - Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Hậu cần [Quân giải phóng miền Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%C3%A2n_Gi%E1%BA%A3i_ph%C3%B3ng_mi%E1%BB%81n_Nam_Vi%E1%BB%87t_Nam) ([Bộ chỉ huy Miền](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=B%E1%BB%99_ch%E1%BB%89_huy_Mi%E1%BB%81n&action=edit&redlink=1)). |

**3. Củng cố (5 phút)**

**-** GV cho HS xem tranh ảnh của xã thời cách mạng và nay.

**-** Yêu cầu HSnhắc lại KTCB của bài. Nhấn mạnh những đóng góp của Thượng tướng Bùi Phùng với quê hương đất nước.

**4. Hướng dẫn các hoạt động tiếp theo (1 phút)**

- HS tiếp tục sưu tầm tư liệu về lịch sử xã Đặng Xá

- Sưu tầm các tư liệu lịch sử về đền Gióng xã Phù Đổng

**5. Rút kinh nghiệm**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

# 19. LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG XÃ DƯƠNG QUANG

# HUYỆN GIA LÂM –TP HÀ NỘI

# PHẦN I. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ XÃ DƯƠNG QUANG –

# HUYỆN GIA LÂM – TP HÀ NỘI

Dương Quang trước đây có tên gọi của một Tổng gồm 4 xã: Yên Mỹ, Bình Trù, Dương Quang và Dương Xá. Thời Nguyễn tổng Dương Quang thuộc huyện Siêu Loại, phủ Thuận Quang. Năm 1862, phủ Thuận An được đổi thành phủ Thuận Thành, rồi đến năm 1946, các xã Dương Quang, Yên Mỹ và Bình Trù hợp nhất thành một xã lấy tên là xã Chiến Thắng thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Năm 1961, xã Chiến Thắng được chuyển về huyện Gia Lâm và từ tháng 11.1965, xã Chiến Thắng được đổi tên là xã Dương Quang như ngày nay.

**Xã Dương Quang nằm ở cuối huyện Gia Lâm; phía Đông giáp 2 xã: Song Liễu và Xuân Lâm (huyện Thuận Thành, Bắc Ninh); phía Nam giáp Thị trấn Như Quỳnh (huyện Văn Lâm, Hưng Yên); phía Tây giáp xã Dương Xá; phía Bắc giáp xã Phú Thị, xã Kim Sơn. Xã có diện tích đất tự nhiên là 568,38 ha, dân số: 13.106 người (số liệu năm 2018) sinh sống tại 8 thôn: Yên mỹ, Bình Trù, Đề Trụ, Quang Trung, Bài Tâm, Tự Môn, Lam Cầu và Quán Khê**

Người dân Dương Quang chủ yếu làm nông nghiệp với việc trồng lúa nước là chính, bên cạnh đó xã còn có một số nghề thủ công khác như: thợ mộc, thợ nề (thôn Bình Trù, Yên Mỹ), thợ xẻ (thôn Đề Trụ), nghề đan chổi nan tre ở thôn Đề Trụ, Trung, Tự...Ngoài ra người dân xã Dương Quang lại có bề dày truyền thống yêu nước chống giặc ngoại xâm vốn cần cù chịu thương chịu khó, họ luôn phát huy tinh thần đoàn kết yêu nước, truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất vượt qua khó khăn đã cùng nhân dân cả nước viết lên trang sử hào hùng của dân tộc. Phát huy những giá trị của một vùng đất giàu truyền thống cách mạng vận dụng những kinh nghiệm trong thời kì đổi mới, nhân dân Dương Quang đã và sẽ vững bước đi lên trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn có những đóng gớp quan trọng cho sự phát triển của huyện Gia Lâm nói riêng và thành phố Hà Nội nói chung.

**PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ DI TÍCH LỊCH SỬ ĐỀN, CHÙA KEO -**

**XÃ DƯƠNG QUANG – HUYỆN GIA LÂM – TP HÀ NỘI**

**1.Giới thiệu về di tích**

**a. Vị trí địa lí**

Chùa Báo Ân có tên là “Báo Ân Tự” là một di tích lịch sử, nằm ở tả ngạn sông Thiên Đức, nay thuộc địa phận thôn Trung, xã Dương Quang, huyện Gia Lâm, cách trung tâm Thủ đô khoảng gần 20km. Từ Hà Nội, qua cầu Chương Dương, dọc theo đường Nguyễn Văn Cừ, du khách rẽ vào đường Quốc lộ 5, đến Phú Thị tiếp tục rẽ trái sẽ đến Dương Quang, một xã nằm giáp ranh giữa Hà Nội, Hưng Yên và Bắc Ninh.

**b. Nguồn gốc**

Chùa Báo Ân có tên là "Báo Ân Tự" được xây dựng ở thôn Quang Trung, Dương Quang, Gia Lâm, Hà Nội. Trước đây thuộc Hương Siêu Loại, phủ Thuận Thành, trấn Kinh Bắc. Chùa được xây dựng từ thời Lý Thái Tổ, chùa ban đầu có tên là chùa Thiên Đức. Theo truyền thuyết, chùa được xây dựng từ thời Lý và là nơi cô gái Ỷ Lan người hương Thổ Lỗi nên duyên cùng vua Lý Thánh Tông, rồi trở thành Linh Nhân Hoàng Thái Hậu, có đền thờ gần đấy. Sử gia Ngô Sĩ Liên viết rằng sau sự biến năm 1073 bức tử Dương Thái Hậu cùng 76 cung nữ, Linh Nhân đã cho “dựng chùa thờ Phật, trước sau hơn trăm sở… để sám hối và sửa oan”, trong đó có chùa Báo Ân trên quê hương bà. Hương Thổ Lỗi năm 1068 đổi thành hương Siêu Loại, do đó chùa còn có tên là chùa Siêu Loại

**c. Kiến trúc**

Chùa Báo Ân vốn rất lớn, trên hai tấm bia thời Lê Trung hưng dựng năm Đức Long nhị niên và Dương Hoà nhị niên đều có nội dung ghi về lịch sử và những lần tôn tạo, sửa chữa lớn của ngôi chùa cũ. Theo các cụ già địa phương kể lại, trước năm 1946, chùa có 36 nóc nhà với 99 gian cùng hai tam quan nội ngoại, dân gian gọi là chùa Cả.

Trải qua hai cuộc chiến tranh cùng những biến cố xã hội, chùa bị phá dỡ, nhiều di vật thuộc chùa cũng bị chuyển vào ngôi đền thờ vua Trần Nhân Tông bên cạnh. Ngôi chùa Báo Ân hiện nay có quy mô nhỏ bé với bố cục mặt bằng hình chữ *Đinh* Ngoài vườn chùa hiện còn lại một cây hương đá (thiên đài) dựng năm Vĩnh Thịnh thứ tư (1709) và sáu tấm bia, trong đó bia cổ nhất mang niên đại Đức Long (1630) và muộn nhất là Thành Thái năm thứ 11 (1899). Văn bia “Báo Ân đại thiền tự bi kí” trong chùa ghi nhận năm Đức Long thứ hai có Trịnh Ngọc Tử cùng các quận công, đô đốc tướng quân, đô đốc phủ… đã bỏ tiền ra tu sửa chùa để lấy phúc cho dòng họ chúa Trịnh. Bia này khẳng định đây là lần trùng tu lớn của chùa Báo Ân bao gồm sửa chữa tam quan, bái đường, thiêu hương, lầu chuông, gác trống và tô tượng, lập bi kí để truyền lại cho hậu thế.

Chùa Báo Ân hàng năm thường tổ chức lễ hội truyền thống của nhân dân địa phương, với quy mô lớn, không chỉ trong khu vực mà cả khách thập phương ở những nơi xa đều về vui hội chùa Báo Ân để tỏ lòng tri ân đối với vị vua minh quân Trần Nhân Tông và các vị tổ Huyền Trang, Pháp Loa. Năm 2003 chùa Báo Ân được ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định xếp hạng di tích lịch sử - Kiến trúc nghệ thuật

**2. Ý nghĩa trong đời sống của nhân dân**

Cái tên của chùa là Báo Ân, ta đã phần nào hiểu được giá trị nhân văn tốt đẹp từ một công trình tôn giáo. Trong đạo Phật có “tứ trọng ân” (bốn ơn lớn cần khắc ghi), đó là: ân Tổ quốc, ân đấng sinh thành, ân tam bảo, ân chúng sinh. Cũng từ đây cái tên Báo Ân gợi nhắc mỗi người về thuyết nhân quả, dăn dạy chúng ta hướng về nguồn cội: ai sống có trước có sau thì được hưởng kiếp người, kẻ vong ơn bội nghĩa ắt bị quỷ sứ trị tội

Đối với nhân dân địaphương ngôi chùa ngoài hình thức ngoại diện như lối kiến trúc thẩm mỹ mang tính chất nghệ thuật tuyệt hảo biểu trưng đầy đường nét hoa văn dân tộc tính ra, ngôi chùa còn mang chức năng là một cơ sở giáo dục nó còn có nhiều chức năng nhằm nuôi dưỡng đời sống tâm linh và đóng góp xây dựng nếp sống đạo đức hiền hòa cao đẹp trong đời sống xã hội con người theo chiều hướng tốt theo chiều hướng thánh thiện.

**PHẦN III. GIÁO ÁN DẠY HỌC**

**LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG**

**DƯƠNG QUANG TỪ THỜI KÌ HÌNH THÀNH ĐẾN NAY**

**I.Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:** - Giúp HS Biết được về tên gọi, địa lý và con người Dương Quang

- Thấy được sự phát triển về kinh tế, văn hóa, xã hội trong từng thời kì

- Những đóng góp của nhân dân Dương Quang trong hai cuộc k/c chống Pháp

**2. Kĩ năng:** - Kĩ năng phân tích, đánh giá và rút ra nhận định.

- Khai thác tư liệu, tranh ảnh và trình bày các vấn đề về lịch sử địa phương.

**3. Thái độ**: - Giáo dục cho HS lòng yêu quê hương, tự hào dân tộc.

- Khơi dậy truyền thống đấu tranh anh dũng của nhân dân Dương Quang.

- Từ đó có thái độ trân trọng, tinh thần trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ và phát huy những thành quả mà cha ông để lại.

**II. Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên:** Các tư liệu, tranh ảnh về địa phương Dương Quang từ thời kì hình thành đến nay. Máy chiếu, bảng phụ.

**2. Học sinh:** Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh lịch sử địa phương theo nhóm (Giấy A0 hoặc máy chiếu).

**III. Tiến trình bài học**

**1.Ổn định tổ chức:** (1 Phút)

**2. Bài mới: (**40 Phút)

**\* Giới thiệu bài**:

- **GV chiếu Slide 2**: Một số hình ảnh về Dương Quang

***Hỏi: Trình bày những hiểu biết của em qua các hình ảnh trên?***

***- GV dẫn vào bài:*** Dương Quang là một vùng đất có bề dày truyền thống lịch sử và văn hóa. Đó là truyền thống đoàn kết trong cuộc sống, cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất, mưu trí, dũng cảm trong chiến đấu chống ngoại xâm, chống áp bức của chính quyền phong kiến...Để hiểu rõ hơn về lịch sử của xã Dương Quang chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| **I.Lịch sử hình thành và truyền thống văn hóa (8 Phút )** | |
| ***- GV yêu cầu HS trình bày hiểu biết của mình về lịchsử hình thành của xã Dương Quang***  **- GV chiếu Slide 3: Giới thiệu bản đồ hành chính xã Dương Quang**  ***- GV nhấn mạnh, mở rộng:***  *(... Hiện nay xã Dương Quang gồm 9 thôn là: Bài Tâm, Đề Trụ 7, Đề Trụ 8, Lam Cầu, Quán Khê, Quang Trung, Tự Môn, Bình Trù, Yên Mỹ. Với S: 568,38ha, dân số: 13.106 người(Số liệu năm 2018)*  ***-* GV chiếu Slide 4:Tư liệu v**ề lịch sử tên gọi  -Mời 1HS đọc tư liệu – GV chốt bảng  ***- GV giới thiệu:*** Về truyền thống văn hóa của xã Dương Quang có từ lâu đời, Chịu ảnh hưởng của 2 dòng văn hóa: Kinh Bắc và Thăng Long. Với đời sống tinh thần phong phú, đa dạng được lưu truyền bảo tồn và phát huy qua các thế hệ.  Hiện nay trên địa bàn xã Dương Quang còn lưu giữ, bảo tồn nhiều di tích lịch sử văn hóa đã được Nhà nước xếp hạng.  ***- GV yêu cầu đại diện (4 nhóm) lên trình bày sưu tầm về lịch sử văn hóa của xã, thôn***  -HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, đánh giá kết quả sưu tầm  **- GV chiếu Slide 5,6,7:** *Tranh ảnh về chùa Báo Ân và các di tích lịch sử, của xã Dương Quang*  ***- GV chuyển ý:***  Dưới ách thống trị hà khắc của thực dân phong kiến, cũng giống như nhân dân các vùng quê khác, nhân dân Dương Quang phải sống trong cảnh lầm than, tăm tối. Đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của nhân dân Dương Quang như thế nào (Tìm hiểu mục II) | **1.Lịch sử hình thành:**  **- Địa lí, tự nhiên:** Xã Dương Quang thuộc huyện Gia Lâm- Hà Nội.  +Phía Đông giáp hai xã Song Liễu và Xuân Lâm huyện Thuận Thành Bắc Ninh  +Phía Nam giáp Thị Trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm tỉnh Hưng Yên  +Phía Tây giáp xã Dương Xá  +Phía Bắc giáp xã Phú Thị và Kim Sơn huyện Gia Lâm  **- Tên gọi:**  **+**T4/1946 tên là xã Chiến Thắng  +T11/1965 đổi tên là xã Dương Quang  **2. Truyền thống văn hóa:**  **- Chịu ảnh hưởng của 2 dòng văn hóa**: Kinh Bắc và Thăng Long  **- Các di tích lịch sử:** Chùa Báo Ân, Chùa Yên Mỹ, Chùa Đề Trụ.. |
| **II. Khái quát tình hình Dương Quang dưới ách thống trị của thực dân Phong kiến (1930- 1945) ( 7Phút )** | |
| ***-Em biết gì về tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa,xã hội của Dương Quang dưới ách thống trị của thực dân, Phong kiến ?***  - HS trình bày hiểu biết  ***- GVnhận xét, mở rộng và chốt kiến thức***  *( ...Người dân Dương Quang có nguồn sống chính bằng sản xuất nông nghiệp với việc trồng lúa là chính. Nhưng vì dưới chế độ của thực dân PK sản xuất nông nghiệp không được quan tâm, lại bị thiên tai nên năng xuất thấp kém.*  *Cùng với nghề nông, nhân dân trong xã còn có:*  *+ Nghề thợ mộc, thợ nề ( Bình Trù, Yên Mỹ)*  *+Nghề thợ xẻ ( Đề Trụ)*  *+Nghề bện thừng(Lam Cầu)*  *+Nghề làm rổ(Quán Khê)*  *+Nghề làm chổi tre( Quang Trung, Tự Môn)*  *=> Đời sống của nhân dân trong xã lúc bấy giờ rất túng thiếu, địa chủ PK ra sức bóc lột bằng sưu cao thuế nặng, phạt vạ, quyên góp, lễ lạt, trong đó tàn bạo nhất là thuế thân.Vì thuế thân mà nhiều người bị bắt trói, cùm kẹp, đánh đập, có người mất cả nhà cửa, có người phải bỏ làng ra đi vì không có tiền nộp thuế...)*  ***-* GV chiếu Slide 8: Tư liệu về đời sống nhân dân dưới ách thống trị của thực dân, phong kiến**  ***- GV kết luận*:** Bằng những chính sách bần cùng hóa, chia để trị và chính sách ngu dân... chính quyền thực dân mưu toan chôn vùi lòng yêu nước và ý chí đấu tranh của nhân dân ta, không trừ một âm mưu thâm độc nào để làm cho dân ta u mê, dốt nát, hòng mãi mãi bắt ta cúi đầu làm nô lệ cho chúng. Trong suốt những năm dài đau khổ ấy, nhân dân ta rất căm thù oán ghét bọn đế quốc PK.  ***- GV chuyển ý:*** Mặc dù phải chịu cảnh áp bức bóc lột nặng nề nhưng nhân dân Dương Quang vẫn phát huy truyền thống của quê hương, nuôi dưỡng tinh thần yêu nước, đoàn kết cộng đồng chờ đón thời cơ để vùng lên làm cách mạng giải phóng quê hương. | \***Chính trị**: Thực dân Pháp thi hành chính sách “Chia để trị” và dung dưỡng chính quyền phong kiến làm tay sai  **\* Kinh tế:** Thực dân, PK bóc lột nhân dân, tô thuế nặng nề.  **\*Văn hóa, xã hội:**  -Thực hiện chính sách “ngu dân”  -Thi hành chính sách hủ tục mê tín dị đoan, cờ bạc, rượu chè, thuốc phiện... |
| **III. Nhân dân Dương Quang trong thời kì xây dựng , củng cố chính quyền cách mạng và kháng chiến chống Thực dân Pháp (1945- 1954) ( 20Phút)** | |
| - ***GV yêu cầu học sinh trình bày sưu tầm*** (về đóng góp của nhân dân Dương Quang trong thời kì xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng và kháng chiến chống Thực dân Pháp)  ***- G*V chiếu Slide 9: Tư liệu về tham gia xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng**  ***-* GV chiếu Slide 10: Tư liệu phong trào** *“Bình dân học vụ” và “Tuần lễ vàng”*  **- GV nhấn mạnh:** Để góp phần vào cuộc chiến đấu trường kì của dân tộc nhân dân Dương Quang cũng có nhiều đóng góp tích cực  **- GV yêu cầu HS : *Bằng những hiểu biết của mình em hãy thuật lại một trận đánh tiêu biểu ở địa phương em?***  **- GV kể thêm một số trận đánh lớn tiêu biểu:**  ***(Trận đánh tại làng Bình Trù ngày 20/3/1954 và trận Bắt sếp Trung ở cánh đồng làng Lam***  (Sếp Trung người thôn Bình Trù phản bội cách mạng để đi theo Pháp)  **- GV chiếu Slide 11:** Tư liệu và ảnh nhà Bà Đào Thị Cấn thôn Yên Mỹ đã có công nuôi dấu cán bộ cách mạng.  **- GV nhấn mạnh:**  *(Để đảm bảo chiến đấu lâu dài với các thôn không có điều kiện chống càn, nhân dân phải đào hầm bí mật, ẩn nấp khi địch vây càn và nuôi dấu cán bộ. Hầm bí mật là một loại hầm đào sâu trong lòng đất có cửa hầm, có nắp đậy. Hầm được đào ở trong nhà hoặc ngoài vườn. Cửa hầm được làm rất cẩn thận và ngụy trang rất khéo léo không có một vết tích gì so với mọi vật và mặt bằng xung quanh, nên khi vây càn có dò xét, lùng soát nhưng địch không thể phát hiện được.)*  **-*GV hỏi:*** ***Quê hương em có những liệt sĩ nào đã hi sinh trong cuộc kháng chiến này?***  **- GV chiếu Slide 12,13,14: Đóng góp của ND Dương Quang cho cuộc kháng chiến chống pháp**  ***- GV hỏi: Qua những đóng góp đó em có nhận xét gì về phẩm chất của con người Dương Quang?***  ***-HS:*** *(Yêu nước, sẵn sàng xả thân vì đất nước..)*  ***-GV chuyển ý:*** | - ND Dương Quang tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng  - Hưởng ứng phong trào “Bình dân học vụ”  - Hưởng ứng phong trào “Tuần lễ vàng”  - Tích cực hưởng ứng và có nhiều đóng góp trong phong trào kháng chiến chống Pháp |
| **IV. Nhân dân Dương Quang trong thời kỳ đổi mới ( 5 Phút)** | |
| ***-Hỏi: Em thấy địa phương em có gì đổi mới?***  ***-HS trả lời đưa dẫn chứng***  ***-* GV chiếu Slide 15,16,17,18:** Các hình ảnh nói về sự đổi mới của địa phương Dương Quang  ***- GV chốt nội dung*** | +Chính quyền: Tiếp tục được kiện toàn  +Kinh tế: Ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất, thủy lợi,..  +Văn hóa,giáo dục: Xây dựng nhiều trường mới, trạm y tế xã, trung tâm văn hóa.. |

***3. Củng cố (3Phút):*** HS khái quát những nét chính trong bài học

***Liên hệ, mở rộng:****Là người dân địa phương Dương Quang, em cần phải làm gì để phát huy truyền thống cách mạng của quê hương mình?*

***4. Hướng dẫn các hoạt động tiếp theo (1p) :***

- Viết bài thu hoạch***:*** *Em có suy nghĩ gì về con người địa phương Dương Quang?*

- Về nhà tiếp tục tìm hiểu chi tiết về lịch sử địa phương Dương Quang

**RÚT KINH NGHIỆM**

…………………………………………………………………………………….

…………………………………………………………………………………….

…………………………………………………………………………………….

# 20. LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG XÃ DƯƠNG XÁ

# HUYỆN GIA LÂM –TP HÀ NỘI

PHẦN I. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ XÃ DƯƠNG XÁ

Xã Dương Xá nằm trải dài 2 km từ tây bắc xuống đông nam song song với Quốc lộ 5. Phía đông giáp xã Dương Quang, phía tây giáp thị trấn Trâu Quỳ, phía tây nam giáp xã Kiêu Kỵ, Đa Tốn, phía đông nam giáp thị trấn Như Quỳnh (huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Xã Dương Xá có diện tích: 487,7 ha, trong đó 230 ha là đất nông nghiệp với dân số trên 13.494 người sinh sống tại 6 thôn (số liệu năm 2018): Yên Bình, Dương Đanh, Dương Đình, Dương Đá, Thuận Quang, Thuận Tiến và 3 cụm dân cư: Đường 5, Nội Thương và Chăn Nuôi.

Tên gọi của các làng Dương có từ lâu đời. Thuở đầu gọi còn gọi là ngõ, nằm trong trang Thổ Lỗi, Bắc Ninh. Trang Thổ Lỗi sau đổi thành hương Thổ Lỗi. Hương Thổ Lỗi sau được đổi thành hương Siêu Loại, thuộc lộ Bắc Giang vào năm 1066. Tới thời nhà Trần thì đổi thành Kinh Bắc. Vào thời vua Lê Quang Thuận, triều đình đã lập ra phủ Thuận An gồm 5 huyện: Gia Lâm, Lang Tài, Gia Bình, Siêu Loại và Văn Giang. Như vậy, Dương Xá xưa đã từng là ly sở của huyện Siêu Loại và là sở của phủ Thuận An dưới thời nhà Lý.

Nói đến Dương Xá là nói đến vùng căn cứ địa cách mạng thời kỳ chống Pháp và có truyền thống yêu nước nồng nàn, qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Dương Xá có 176 liệt sĩ, 3 bà mẹ Việt Nam Anh hùng, 3 cán bộ lão thành cách mạng và 8 cán bộ tiền khởi nghĩa, 54 thương bệnh binh.

Là một xã nằm trong vùng đất cổ, có lịch sử trên dưới 3.000 năm, Dương Xá hiện lưu giữ nhiều di sản văn hóa vô cùng quý báu như: Trống đồng cổ, đồ dùng sinh hoạt bằng đồng, bằng gốm có từ thời Hùng Vương. Đặc biệt, xã có nhiều di tích lịch sử từ cấp địa phương đến cấp quốc gia. Trong đó phải kể đến khu di tích đền thờ Nguyên phi Ỷ Lan- Một công trình vừa mạng ý nghĩa lịch sử sâu sắc lại vừa mang giá trị nghệ thuật cao. Đền Nguyên phi Ỷ Lan là nơi thờ phụng một danh nhân lịch sử văn hóa thời Lý – thế kỷ XI.

PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ DI TÍCH LỊCH SỬ ĐỀN, CHÙA BÀ TẤM

XÃ DƯƠNG XÁ

1. **Vị trí địa lý**:

Từ trung tâm Hà Nội qua cầu Chương Dương chừng 18 km, ta sẽ gặp đền thờ Nguyên Phi Ỷ Lan - Người đã 2 lần nhiếp chính, thay vua trị nước nằm bên quốc lộ 5 thuộc địa phận xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội. Khu di tích này có tên gọi khác là chùa Bà Tấm hay đền Bà Tấm. Toàn bộ quần thể di tích kiến trúc văn hóa tâm linh bao gồm đền, chùa, điện sơn trang, tượng đài, nằm trong khuôn viên có nhà thủy đình, cây xanh rộng đến 3 ha.

1. **Nguồn gốc**

Theo truyền thuyết bà sinh 7-3-1044 tại hương Thổ Lỗi sau đổi là Siêu Loại, phủ Thuận Thành, Bắc Ninh, nay là Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Hà Nội. Bà tên thật là Lê Thị Yến, cha là Lê Công Thiết, mẹ là Vũ Thị Tình. Năm 12 tuổi mẹ ốm, rồi mất, cha lấy mẹ kế, cuộc sống lúc nhỏ của bà khổ như cô Tấm trong truyện cổ tích nên mọi người gọi bà là Bà Tấm .Là một người con gái xuất thân từ trong dân gian, lại đẹp người, đẹp nết, chăm chỉ, có tài, được mọi người yêu mến.

Truyện xưa kể rằng năm 1063 vua Lý Thánh Tông đã 40 tuổi mà chưa có con, trong một lần về chùa Dâu cầu tự qua thôn Thổ Lỗi thấy một cô gái hái dâu vừa làm, vừa hát dưới bóng gốc lan. Vua lấy làm lạ bèn cho gọi lại hỏi chuyện rồi đưa nàng về cung phong là Ỷ Lan phu nhân để gợi lại kỉ niệm trong lần đầu gặp gỡ. Sau khi sinh thái tử Lý Càn Đức bà được phong làm Nguyên phi.

Khác với các hậu phi khác, Ỷ Lan không lấy việc trau chuốt nhan sắc làm chính mà chỉ miệt mài đọc sách, khổ công học hỏi nên chỉ trong một thời gian ngắn triều thần đã kinh ngạc trước sự hiểu biết uyên thâm về nhiều mặt của bà. Với hai lần buông rèm nhiếp chính, sử sách đã ghi nhận bà có công lao to lớn trong việc ổn định và phát triển đất nước dưới vương triều nhà Lý.

 Năm Kỷ Dậu (1069), vua Lý Thánh Tông thân chinh cầm quân đi đánh giặc phương Nam đã trao quyền nhiếp chính, điều khiển chính sự ở triều đình cho Ỷ Lan. Cũng năm ấy, nước Đại Việt không may bị lụt lớn, mùa màng thất bát, nhiều nơi sinh loạn, thử thách quá lớn đối với vị nữ nhiếp chính còn rất trẻ. Nhưng nhờ kế sách trị nước đúng đắn, quyết đoán, táo bạo, loạn lạc được dẹp yên, dân đói được cứu sống.

Năm Nhâm Tý (1072), Lý Thánh Tông băng hà, Hoàng Thái tử Càn Đức lên ngôi, tức vua Lý Nhân Tông. Khi ấy, vua mới lên 7, Ỷ Lan tiếp tục buông rèm nhiếp chính lần 2, vừa giúp việc triều chính vừa làm nhiệm vụ dạy dỗ con thơ. Trong khi vua còn thơ ấu, Ỷ Lan điều khiển cả quốc gia, cùng Tể tướng Lý Thường Kiệt chủ trương đánh quân Tống xâm lược. Hai lần quân Tống đến (1075, 1077), vua Lý Nhân Tông chưa quá 10 tuổi. Ỷ Lan đã cùng Thái sư Lý Đạo Thành lo việc binh lương chuyển ra tiền tuyến. Trong lúc Tổ quốc lâm nguy, Ỷ Lan đã cùng triều thần nhà Lý giữ vững giang sơn, xã tắc, công ấy đời sau còn nhắc mãi. Bà là tấm gương sáng về tài năng và đạo đức.

Là một người phụ nữ sáng danh trong lịch sử nước nhà - Nguyên phi Ỷ Lan ngoài tài trị quốc an dân, chống giặc ngoại xâm, còn đóng vai trò quan trọng trong việc chấn hưng Phật giáo. Bà là người sùng Phật, am hiểu về Phật pháp và đã cho xây dựng nhiều chùa chiền ở khắp nơi. Vì vậy, nhân dân suy tôn bà là “Quan Âm nữ”.

 Ngày 25 tháng 7 năm Đinh Dậu (1117), Hoàng Thái Hậu Ỷ Lan qua đời, thọ 74 tuổi. Nhân dân đã lập đền thờ Bà ngay tại quê hương, bên cạnh chùa Linh Nhân Tư Phúc Tự mà người đời quen gọi là đền, chùa Bà Tấm. Từ đó đến nay nơi đây đã trở thành nơi tưởng nhớ công đức của Bà và là nơi để khách thập phương đến chiêm bái.

1. **Kiến trúc**

Quần thể di tích đền thờ gồm có chùa, đền điện, sơn trang.

Đền Nguyên Phi Ỷ Lan còn có tên gọi là chùa Bà Tấm, Đền Bà Tấm, Chùa Cả, Đền Cả. Đền được xây dựng từ cuối thế kỉ XI – là nơi thờ phụng Bà.

Chùa có tên “Linh Nhân Tư Phúc Tự” do chính Linh Nhân Hoàng Thái Hậu Ỷ Lan xây dựng (cùng với hàng trăm ngôi chùa khác) khánh thành vào tháng 3 năm Ất Mùi (1115).

Từ cổng vào, du khách sẽ thấy ngôi đền cổ kính nằm bên phải. Đền kiến trúc theo lối cung đình thời Lý có 72 cửa, thuộc loại cổ nhất nước ta. Trong đền và cùa còn có nhiều hiện vật quý và hiếm. Nổi bật là đôi sư tử điêu khắc bằng đá. Sư tử được tạo từ một khối đá lớn, cao 1m20, rộng 1m36 trong tư thế nằm phủ phục, đường nét đặc biệt mềm mại tạo cho chúa sơn lâm một vẻ đẹp vừa uyển chuyển vừa oai hùng mạnh mẽ. Các chi tiết đôi mắt to, lồi hẳn ra ngoài, ẩn dưới đôi lông mày rậm, mũi hở, hàm răng đều đặn, răng nanh to, nhọn và khoẻ, nhất là chân có những móng cong sắc, quắp chặt, khiến cho người xem thấy rõ chúa sơn lâm ẩn tàng sức mạnh phi thường. Bằng tài nghệ điêu khắc khéo léo tuyệt vời, bằng cách sử dụng nhiều hoạ tiết đan móc, khi thì gợn nhỏ tựa lưng vào nhau thành đường viền quanh miệng, khi thì xù lên ở vai, khi lại xếp thành những bông hoa hé nở ở móng và chân, khiến cho người xem có ấn tượng con vật vẫn đang sống, vẫn thở nhịp nhàng.

Cũng khác những con sư tử thường thấy ở các đình chùa, sư tử trong đền thờ Nguyên Phi Ỷ Lan đang vờn hòn ngọc, trên trán được trổ chữ *“vương”*khẳng định vị trí chúa tể muôn loài bảo vệ báu vật của đất nước. Đây là một công trình nghệ thuật tuyệt tác, một hiện vật cổ quý và hiếm ở Việt Nam và khu vực Đông Nam Á. Trong cung còn có 2 khám cổ thờ Mạc được chạm hoa lá, rồng phượng, có giá trị nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc Việt Nam

Trước cửa đền chính là một thành bậc bằng đá liền khối điêu khắc rồng lân thời Lý đang chạy xuống, dài 1,30m, cao 0,80m, nặng hàng chục tấn.

Nhóm ba ông Tam thế ngồi trên đầu hai con sư tử cao 4m, tạc bằng khối đá rất tinh xảo cũng là hiện vật độc đáo trải qua gần 9 thế kỉ còn lại đến ngày nay.

Đặc biệt còn đôi câu đối ở đền từ thời cổ xưa ghi rõ: “Thập bát tử, diêu phỏng thế tai tam truyền chiêu lệnh thục – Bách dư sở tự quán địa lưu cố trạch tối linh thanh” (Đời nhà Lý thứ 3 kén được một người con gái đẹp có đức và có tài - Trên đất nước ta có trên một trăm chỗ thờ nhưng đây chính là quê hương của Bà được lưu truyền đến ngày nay và rất linh thiêng).

Trong cung cấm có tượng Nguyên Phi Ỷ Lan được tác rất đẹp khi bà là Nguyên Phi, cùng tượng 6 vị cung nữ trong triều. Tương truyền, 6 bà giữ 6 bộ trong triều đình, giúp Nguyên Phi nhiếp chính.

Năm 2010 Ban quản lý di tích đền Nguyên Phi Ỷ Lan và nhân dân đã xây dựng tượng đài Nguyên Phi Ỷ Lan cao 9,1m, nặng khoảng 25 tấn được đúc bằng đồng nguyên chất. Đằng sau có bức phù điêu đá xanh 31.2m. Tượng đặt ở bên trái cửa Đền, trên quảng trường rộng lớn, thoáng mát.

Hiện cả nước có 72 nơi lập đền thờ Bà. Nhưng chùa và đền thờ Ỷ Lan được xây dựng trên chính quê hương Bà.

Qua nhiều lần trùng tu đến nay chùa vẫn giữ được vẻ nguyên sơ với lối kiến trúc mang đậm dấu ấn văn hoá nhà Lý, vừa mang ý nghĩa lịch sử sâu sắc vừa mang giá trị nghệ thuật cao, thực sự là một công trình nghệ thuật độc đáo, quý hiếm của dân tộc.

1. **Ý nghĩa**

Với hệ thống truyền thuyết các địa danh gắn bó với việc Ỷ Lan gặp vua và những di vật cổ của thời Lý hiện còn, khu di tích chùa và đền thờ Bà Tấm ở Dương Xá đã trở thành trung tâm văn hoá nổi bật nhất trong hệ thống di tích tưởng niệm Nguyên Phi Ỷ Lan trên vùng quê hương của Người.

Đền Nguyên Phi Ỷ Lan không chỉ là nơi thờ phụng một danh nhân lịch sử văn hoá nổi tiếng của nước nhà mà còn là điểm di tích cách mạng của dân tộc. Trong thời kì tiền khởi nghĩa, đây chính là nơi được đón các đồng chí Trung ương Đảng ở Bắc kì như Hoàng Văn Thụ, Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Hoàng Quốc Việt, Văn Tiến Dũng… đi về hoạt động.

Hàng năm nhân dân trong vùng đã kéo về mở hội truyền thống suốt 3 ngày (19, 20, 21 tháng 2 âm lịch) tại Dương Xá. Hội có quy mô lớn nhất vùng để tưởng nhớ về người phụ nữ có tài kinh bang tế thế, từng đã hai lần Nhiếp chính trông coi việc nước- một nhân vật nổi danh trong lịch sử nước nhà.

Thời gian tới, khu di tích đền thờ Đức Quốc Mẫu Ỷ Lan Nguyên Phi sẽ tiếp tục được tu sửa và tôn tạo. Trong tương lai không xa, nơi đây sẽ trở thành một điểm du lịch hấp dẫn đối với du khách trong nước và quốc tế.

**PHẦN III. GIÁO ÁN DẠY HỌC**

**DI TÍCH LỊCH SỬ ĐỀN, CHÙA BÀ TẤM XÃ DƯƠNG XÁ**

**I- Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức:** Học sinh hiểu được

* Thân thế và công lao của Nguyên Phi Ỷ Lan.
* Cấu trúc và những nét đặc sắc của đền thờ Nguyên Phi Ỷ Lan.

**2. Kỹ năng**

Rèn cho học sinh kỹ năng thuyết trình, phân tích, đánh giá.

**3. Thái độ**

Bồi dưỡng cho học sinh lòng tự hào về truyền thống quê hương và trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với quê hương, đất nước.

**II. Chuẩn bị**

**1. Giáo viên:** Tranh ảnh băng hình về di tích đền thờ Nguyên Phi Ỷ Lan.

**2. Học sinh:** Tư liệu sưu tầm về di tích đền thờ Nguyên Phi Ỷ Lan.

**III. Tiến trình bài học**

**1. Ổn định tổ chức**

**2. Bài mới**

**\* Giới thiệu bài (1phút)**: Xã Dương Xá của chúng ta hiện lưu giữ nhiều di sản văn hóa vô cùng quý báu. Đặc biệt, xã có nhiều di tích lịch sử từ cấp địa phương đến cấp quốc gia. Trong đó phải kể đến khu di tích đền thờ Nguyên phi Ỷ Lan- Một công trình vừa mang ý nghĩa lịch sử sâu sắc lại vừa mang giá trị nghệ thuật cao. Bài hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu về di tích lịch sử này.

**Hoạt động 1.** **Tìm hiểu về thân thế và sự nghiệp của Nguyên Phi Ỷ Lan ( 14p)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và hoc sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| GV giới thiệu qua về xã Dương Xá  ( Chiếu slide ***2)***  - GV yêu cầu nhóm 1 lên trình bày về tiểu sử của Nguyên Phi Ỷ Lan.  - HS nhóm 1 trình bày  *(- Tên thật: Lê thị Yến*  *- Sinh ngày: 7/3/1044*  *- Mất ngày: 25/7/1117*  *- Quê quán: Thổ Lỗi (Siêu Loại)- Thuận Thành – Bắc Ninh. Nay thuộc xã Dương Xá – Gia Lâm – Hà Nội*  *- Mồ côi mẹ năm 12 tuổi, cha lấy mẹ kế, sống khổ như cô Tấm...)*  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung  - HS: nhận xét, bổ sung.  - GV chốt kiến thức trên máy: chiếu về bà Tấm.  Kể thêm về hoàn cảnh gia đình bà Tấm: Mẹ mất, cha lấy vợ khác … khổ như cô Tấm.  ***( Chiếu slide 3)***  - GV yêu cầu nhóm 2 lên trình bày về sự nghiệp của Nguyên Phi Ỷ Lan.  - HS trình bày qua việc đóng kịch bà Ỷ Lan Nhiếp chính.  - GV: **Nguyên Phi Ỷ Lan đã có những đóng góp gì cho đất nước? Nhận xét về những đóng góp đó?**  - HS trả lời – Nhận xét  - GV chốt kiến thức ***(chiếu slide 4)***  - GV cho HS xem video ***( slide 5)*** | **1. Thân thế và sự nghiệp của Nguyên Phi Ỷ Lan.**   1. ***Thân thế****.*  * Tên thật: Lê thị Yến * Sinh ngày: 7/3/1044 * Mất ngày: 25/7/1117 * Quê quán: Thổ Lỗi (Siêu Loại)- Thuận Thành – Bắc Ninh. Nay thuộc xã Dương Xá – Gia Lâm – Hà Nội * Là một người phụ nữ đẹp người, đẹp nết, có tài.   ***b. Sự nghiệp.***  - Năm 1063 kết hôn với vua Lý Thánh Tông.  - Năm 1069, Nhiếp chính đưa ra những kế sách đúng đắn táo bạo dẹp yên loạn lạc, dân đói được cứu sống  - Năm 1072 Nhiếp chính đưa nhiều biện pháp dựng nước yên dân -> mạnh lên -> đánh tan quân Tống  => Là tấm gương sáng về tài năng và đạo đức |

**Hoạt động 2. Tìm hiểu về di tích đền và chùa Nguyên Phi Ỷ Lan (15p)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và hoc sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| - GV yêu cầu nhóm 3 giới thiệu về đền chùa Nguyên Phi Ỷ Lan.  - HS nhóm 3 giới thiệu.  *( 3/1115 xây dựng chùa “Linh Nhân Tư Phúc Tự”*  *- Đền đươc xây dựng từ thế kỉ XI theo lối cung đình thời Lý. Trong đó có nhiều hiện vật có giá trị lớn như: Đôi sư tử đá, thành bậc bằng đá, tượng thờ...*  *- Điện Sơn Trang... - -Tượng đài Hoàng Thái Hậu Ỷ Lan...)* - GV gọi học sinh khác nhận xét bổ sung  - GV chốt kiến thức.  - GV cho học sinh xem về hình ảnh đền chùa “Linh Nhân Tư Phúc Tự”-Bà Tấm xây dựng theo lối cung đình Lý  - GV chiếu những hình ảnh đặc sắc:  + Sư tử bằng đá  + Tượng Bà ở trong chùa  + Hình ảnh Rồng chầu trước cửa đền  + Hình ảnh Thủy Đình  +GV giới thiệu về đôi sư tử đá và tượng đài Hoàng Thái Hậu. ***( slice 6- slide15)***  GV**: Quần thể di tích này có ý nghĩa như thế nào?**  - Học sinh trình bày  - Gv chốt | **2. Di tích đền và chùa Nguyên Phi Ỷ Lan.**  - 3/1115 xây dựng chùa “Linh Nhân Tư Phúc Tự”.  - Đền đươc xây dựng từ thế kỉ XI theo lối cung đình thời Lý.  - Điện Sơn Trang.  - Tượng đài Hoàng Thái Hậu.  Công trình nghệ thuật kiến trúc đặc sắc và là địa điểm di tích lịch sử văn hóa tưởng nhớ tới một danh nhân có công với đất nước. |

**Hoạt động 3. Tìm hiểu về những hoạt động tưởng nhớ công ơn Nguyên Phi Ỷ Lan. ( 10p)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và hoc sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| - GV: **Vậy chúng ta phải làm gì để đền đáp công ơn của Bà?**  - HS trình bày.  - GV chốt.  - Chiếu: Hình ảnh lễ hội đền Nguyên Phi Ỷ Lan***. ( slide 16)***  Hình ảnh các vị lãnh đạo đến thăm đền. ***(slide 17)***  Những hoạt động của học sinh góp phần giữ gìn khung cảnh xanh, sạch, đẹp của khu di tích. ***( slide 18)*** | **3. Những hoạt động tưởng nhớ công ơn Nguyên Phi Ỷ Lan.**  - Tổ chức lễ hội hàng năm  - Tham gia vào việc bảo vệ tu tạo và giữ gìn di tích lịch sử đền Nguyên Phi Ỷ Lan.  - Học tập tốt xây dựng quê hương đất nước giàu mạnh |

**3. Củng cố và luyện tập ( 4p)**

**-**GV nhắc lại KTCB của bài. Nhấn mạnh vị trí, vai trò của khu di tích.

- Yêu cầu học sinh đóng vai hướng dẫn viên du lịch giới thiệu về di tích Đền Nguyên Phi Ỷ Lan.

**4. Hướng dẫn hoạt động tiếp theo : (1p)**

Tìm hiểu và sưu tầm về các di tích lịch sử trên địa bàn xã Dương Xá

1. **Rút kinh nghiệm**

……………………………………………………………………………………

# 21. LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG XÃ KIM SƠN

# HUYỆN GIA LÂM –TP HÀ NỘI

# PHẦN I. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ XÃ KIM SƠN –

# HUYỆN GIA LÂM – TP HÀ NỘI

Xã Kim Sơn nằm ở phía Đông Nam của Thủ đô Hà Nội, cách trung tâm Huyện Gia Lâm 7 km về phía Đông; phía Đông và Đông Nam giáp với xã Xuân Lâm, Liễu Khê và xã Liễu Ngạn của huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh; phía Nam và Tây Nam giáp xã Dương Quang; phía Tây giáp xã Phú Thị; phía Bắc giáp xã Phù Đổng; phía Bắc và Đông Bắc, bên bờ Bắc sông Đuống, Kim Sơn trước kia còn có một phần đất hơn 100 mẫu liền ruộng với xã Trung Mầu. Hiện nay Kim Sơn gồm 8 thôn và 1 tổ dân phố (Kim Sơn, Linh Quy Bắc, Linh Quy Đông, Giao Tất A, Giao Tất B, Cừ Keo, Cây Đề, Ngổ Ba, Phố Keo Đường 181). Diện tích toàn xã là 631,83ha; dân số là 13.683 người (Theo số liệu thống kê tháng 11/2018).

Kim Sơn là vùng đất ngàn năm văn hiến với nhiều di sản văn hóa. Lịch sử hình thành, phát triển của Xã Kim Sơn gắn liền với các phong trào đấu tranh cách mạng kiên cường, bất khuất. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân xã Kim Sơn phát huy tinh thần đoàn kết, yêu nước, truyền thống đấu tranh kiên cường bất khuất, vượt qua mọi khó khăn thử thách, một lòng tin theo Đảng và cùng cả nước viết lên những trang sử hào hùng trong sự nghiệp đấu tranh giành chính quyền, kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Những thành quả cách mạng đạt được mãi là niềm tự hào của các thế hệ cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Kim Sơn.

**PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ DI TÍCH LỊCH SỬ ĐỀN, CHÙA KEO -**

**XÃ KIM SƠN – HUYỆN GIA LÂM – TP HÀ NỘI**

1. **Giới thiệu về di tích**

****

1. **Vị trí địa lý**

Chùa mang tên chữ là “Báo ân trùng nghiêm tự”. Chùa còn có tên nôm từ xa xưa là chùa Keo (mang tên nôn của làng từ ngày thành lập), đó là tên của làng với ý nghĩa 2 thôn gắn bó keo sơn (Thôn Giao Tất- Giao Tự).

Chùa Keo hiện nằm trên đất của thôn Giao Tự (tức làng Chè) song là ngôi chùa cổ của cả 2 thôn: Chè và Keo (tức là Giao Tự và Giao Tất) thờ cúng. Sở dĩ như vậy là vì làng Keo xưa cổ có tên tự là Cổ Giao thuộc huyện Long Biên, quận Giao chỉ. Từ làng cổ Giao này đã có sự phân chia 2 làng Giao Tất và Giao Tự. Ở thời Lê di tích vẫn thuộc xã Giao Tự, huyện Gia Lâm, phủ Thuận an, Xứ Kinh Bắc. Sang thời Nguyễn, xã Kim Sơn thuộc tổng Bắc Ninh, đến cuối thế kỉ XIX Kim Sơn thuộc tổng Kim Sơn, huyện Gia lâm. Sau cách mạng tháng 8-1945 đổi là xã Quyết Thắng và sau đổi thành Xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm cho tới ngày nay.

Chùa Keo nằm về phía Đông , cách thủ Đô Hà Nội chừng 20 km. Từ trung tâm Hồ Gươm theo đường quốc lộ 1A, qua cầu Chương Dương hay cầu Long biên đến cầu Chui rẽ tay phải theo quốc lộ 5 đén cây số 16 (thuộc địa phận Xã Phú thị, Gia Lâm) rẽ tay trái, đi qua các thôn Phú Thị, Trân Tảo, đi lên con đường 181 (nối với huyện Thuận Thành của Hà Bắc) theo con đường này về phía đông chừng 3km, đây là địa phận xã Kim Sơn. Chùa Keo ở gần chợ Keo, phía tay trái sát đường 181

Đền Keo (Nghè Keo) nằm ở phía tay phải đường quốc lộ 181, lối rẽ từ quốc lộ 181 vào chợ Keo. Từ quốc lộ 181 vào đền Keo khoảng 100 m

1. **Nguồn gốc**

Chùa Keo trong hệ thống 4 ngôi chùa cổ vào lợi lớn: Pháp Vân, Pháp vũ, Pháp lôi, Pháp điệnlà 4 ngôi chùa quí hiếm trong trung tâm phất giáo nước ta.

Chùa Keo thờ Bà Keo- Pháp Vân: Truyền thuyết kể rằng ngày xưa khi ở Luy Lâu đã tạc xong 4 pho tượng Phất là Pháp vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp điện, nhưng còn việc tô tượng (sơn tượng) là chưa xong. Nhiều thợ sơn ở các nơi đến nhận việc nhưng đều không hoàm thành được công việc vì khi quét sơn lên tượng thì sơn cứ chảy trượt đi. Cho đến một hôm có hiệp thợ sơn làng Keo vào xin nhận việc tô tượng. Hiệp thợ này làm việc tận tụy, khéo léo nên chẳng bao lâu công việc đã hoàn thành. Dân làng Luy Lâu vui mừng, khen ngợi hiệp thợ sơn lang Keo và làm lễ khánh thành rồi rước phật vào trong chùa thờ. Hiệp thợ sơn thấy có một khúc gỗ dâu nằm ở sân chùa hỏi thì được biết đó là khúc gỗ tạo 4 pho tượng còn thừa. Hiệp thợ làng Keo năm nỉ xin khúc gỗ đó và dân làng Luy Lâu cũng thuận tình cho. Khi đó 4 tráng đinh ở Luy Lâu xin khiêng thử nhưng không nổi, thật lạ khúc gỗ đó hai người thợ ở làng Keo đã khiêng lên rất nhẹ nhàng và cứ thế chạy một mạch về đến làng mình. Các già lão và dân làng ra xem, thấy chuyện lạ họ rất vui mừng và đồng lòng đem khúc gỗ ấy tạo ra một pho tượng. Pho tượng được tạc xong thì thấy rất giống pho tượng Pháp Vân ở chùa Dâu xong chỉ thấp và bé hơn một chút. Các già làng Keo vào Luy Lâu xin đặt tên cho pho tượng. Cho rằng bà là em út của 4 bà trong tứ đại Phật Pháp ở đất Luy Lâu, song bà lại được tạc ở làng Keo, nên từ đó chùa lập thờ bà mang tên là chùa Keo.

Nghè Keo (còn gọi là Đền Keo) là tên gọi theo tên nôm của Làng. Theo thần phả: Nghè Keo được xây dựng để thờ Thành Hoàng làng là Tướng quân Đào Phúc và vợ là Tiên Anh công chúa. Đào Phúc sinh ra và lớn lên trên quê mẹ - Làng Keo, bố là Đào Bột người gốc xứ Thanh, là ông đồ nổi tiếng có nhiều trò giỏi, đỗ đạt cao nên đã được vua Lý phong làm Bộ Trưởng đạo Sơn Nam. Đào Phúc có công lớn trong việc đánh tan quân xâm lược nhà Tống và quân Chiêm Thành ở phía nam. Vị thần thứ hai được thờ ở Nghè Keo là ngài Đỗ Công, tên tự là Như Triều, thụy là Mẫn Đạt, người làng Giao Tất, ông đã làm tới chức Thiếu Bảo quận công, Thượng tướng quân- một trọng thần của triều đình, là người đã bỏ ra nhiều công sức để xây dựng Chùa và Nghè của làng. Vị thần thứ ba được thờ ở Nghè Keo là Tổ của nghề hát ca trù. Đó là hai ông bà Đinh Dự và Mãn Đường Hoa. Tương truyền khi còn sống, ông bà Đinh Dự đã chọn làng Keo làm nơi truyền nghề. Nhờ đó nghề hát ca Trù ở vùng này rất phát triển. Đặc biệt là thời kỳ trước cách mạng Tháng Tám, nhiều đào nương nổi tiếng xinh đẹp, hát hay ở đất Kinh kỳ đều là người làng Giao Tất. Lễ hội hàng năm (ngày 6/4 âm lịch) ngoài nghi thức tế lễ rước phật, nhân dân các nơi lập phường mở hội hát ca trù tưởng nhớ công ơn của tổ nghề hát ca trù ở vùng này.

Lễ hội truyền thống làng Keo cũng gắn liền ngôi Chùa mang tên chữ "Báo Ân Trùng Nghiêm Tự" hay còn có tên nôm là Chùa Keo. Đó là tên của Làng với ý nghĩa 2 thôn (Giao Tất, Giao Tự) gắn bó keo sơn. Đây là ngôi chùa cổ nằm trong vùng đất mà Phật giáo sớm du nhập vào nước ta. Chùa Keo có niên đại khoảng một nghìn năm, là điểm sáng của lịch sử Phật Giáo Việt Nam và nằm trong hệ thống thờ Tứ Pháp là Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi và Pháp Điện.Chùa Keo được xây dựng để thờ Bà Keo- tức Pháp Vân- một trong tứ pháp trong hệ thống thờ tự của Việt Nam.

1. **Kiến trúc**

Như rất nhiều đình chùa khác ở nước ta, chùa Keo là một kiến trúc hoàn chỉnh trong một khuôn viên rộng lớn. Phía trước cửa vào là một cầu đá. Qua cầu đá đến một tam quan xây 3 của lớn với 2 tầng 8 mái cong, 2 bên tam quan là 2 bia trụ to trên có mái che. Qua quá trình lịch sử, qua nhiều năm kháng chiến chống Pháp mà toàn bộ phần mô tả không còn. Hiện nay kiến trúc của di tích hiện có là cổng vào, sân, thượng điện, Tam bảo, nhà mẫu, nhà tổ và khu vường tháp mộ sư. Những di vật quý hiếm của chùa gồm: 6 tấm bia đá với nên đại chính ở đầu thời Lê. Nội dung bia và bài minh khắc đã ghi rất kỹ về cảnh đẹp xưa của chùa cúng như sinh hoạt giao lưu văn hóa ; Chuông đồng được đúc năm cảnh Thịnh 2(1794); 8 đạo sác phongtrong đó có sắc phong cho bà Keo (Pháp Vân); gần 50 pho tượng trong đó có nhiều tượng quý hiếm được tác ở đầu thời Lê và đầu thể kỉ XIX.

**2. Ý nghĩa trong đời sống của nhân dân địa phương:**

Chùa Keo được xây dựng cách đây có tới gần 1 thiên niên kỷ. Chùa đã nổi lên là một điểm sáng của lịch sử Phật giáo Việt Nam. Tồn tại cho tới ngày nay ngôi chùa đã có một bề dày lịch sử đáng kể, một khối lượng kiến trúc, nghệ thuật vô cùng phong phú đa dạng. Đạo phật đến với nước Việt từ rất sớm xong dấu vết của ngôi chùa như tìm thấy từ thời dân tộc ta mới giành được độc lập. Chùa Keo được dựng nên với mục đích cao cả của đạo phật là từ bi, bác ái, khuyên thiện, trừ ác. Chùa gắn liền với cảnh sắc quê hương, với con người Giao tất, Giao Tự là nơi giáo dục con người hướng tới cái tốt đẹp trong cuộc sống. Chùa như một trung tâm đoàn kết cư dân trong vùng là nơi bảo lưu các giao lưu văn hóa, góp phần khơi dậy lòng yêu quê hương đất nước. Có thể nói chùa Keo là một ngôi chùa cổ của Hà Nội, còn lưu giữ được những hiện vật minh chứng cho giá trị cổ kính đó là những bia đá Hoằng Đinh 16, cột hương đá Chính Hòa 16, chuông đồng thời Tây Sơn… Đây là một quả chuông rất hiếm và quý, ghi nhận về một thời kì lịch sử có nhiều biến động của dân tộc ta. Ở nhiều địa phương khác, những quả chuông, những bia đá thời Tây Sơn thường bị đục hoặc thất lạc. Song ở đây, quả chuông đã được bảo vệ một cách chu đáo để đến nay cho chúng ta chiêm ngưỡng một sản phẩm độc đáo của nghệ thuật đúc đồng của cha ông ta xưa kia… Những sắc phong là những tiêu bản đặc biệt quí hiếm thu hút nhiều nghiên cứu quan tâm đến kho tàng văn hóa nghệ thuật của cha ông. Đặc biệt hệ thống tượng trên ở chùa còn lại khá nhiều, khá đầy đủ với những pho tượng cổ như bộ tam thế, Quan âm Nam Hải, bà Keo, cùng những pho tượng được bổ sung ở những giai đoạn của thế kỷ 19 như Di lặc, Adi đà, Tứ Thiên Vương… đã nâng giá trị của ngôi chùa lên rất nhiều.

Cảnh chùa rộng rãi, thoáng đãng, cây cố xum xuê… chùa nằm trên tuyến đường quốc lộ nên đã thu hút nhiều khách hành hương trên tuyến đường đến đất phật tổ. (Luy lâu)

Trong nhiều giai đoạn lịch sử khác nhau, chùa Keo đã là nơi chứng kiến những biến cố lịch sử của cả dân tộc nói chung và những sự kiện lịch sử của làng Keo nói riêng. Vào những ngày tổng khởi nghĩa, chùa Keo là nơi tập hợp quần chúng, tiêu trừ Việt gian, là nơi ở của đợn vị “Vệ quốc đoàn” để tiêu diệt địch. Những năm 1952- 1953 Thực dân Pháp đi càn quét khủng bố, cướp đi nhiều di vật quí của chùa. Năm 1954 chùa Keo được chọn là địa điểm họp của ủy ban kháng chiến khu Nam Đuống về kế hoạch chỉ đạo, vận động nhân dân trong vùng đấu tranh chống thực dân Pháp. Trong kháng chiến chống Mỹ, chùa Keo là nơi che chở cho nhiều cơ quan nhà nước đến sơ tán .

Với những giá trị hiện còn lưu giữ được, Nghè và Chùa Keo thuộc kiến trúc tôn giáo và đã được Bộ Văn hóa &Thông tin xếp hạng công nhận là di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật từ năm 1993

**PHẦN III. GIÁO ÁN DẠY HỌC**

**DI TÍCH LỊCH SỬ ĐỀN, CHÙA KEO- XÃ KIM SƠN –**

**HUYỆN GIA LÂM – TP HÀ NỘI**

**I- Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức:** Học sinh hiểu được

* Nguồn gốc chùa Keo, tại sao thờ Bà Keo
* Cấu trúc và những nét đặc sắc của chùa Keo.
* Biết được công lao của những nhân vật được thờ tại nghè Keo

**2. Kỹ năng**

Rèn cho học sinh kỹ năng thuyết trình, phân tích, đánh giá.

**3. Thái độ**

Bồi dưỡng cho học sinh lòng tự hào về truyền thống quê hương và trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với quê hương, đất nước; tinh thần đoàn kết gắn bó của 2 thôn Giao tất và Giao Tự

**II. Chuẩn bị**

1. **Giáo viên:** Tranh ảnh băng hình về di tích lịch sử chùa Keo.

Máy tính, máy chiếu

1. **Học sinh:** Tư liệu sưu tầm về di tích lịch sử chùa Keo.

**III. Tiến trình bài học**

**1. Ổn định tổ chức**

**2. Bài mới:**

GVgiới thiệu: Kim Sơn là vùng đất ngàn năm văn hiến với nhiều di sản văn hóa. Lịch sử hình thành, phát triển của Kim Sơn gắn liền với các phong trào đấu tranh cách mạng kiên cường, bất khuất..

**Hoạt động 1.** Tìm hiểu về di tích lịch sử chùa Keo (17’)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và hoc sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV giới thiệu qua về xã Kim Sơn  (Slide 2- Bản đồ hành chính)  *GV giới thiệu để học sinh hiểu về tên gọi của chùa Keo( chiếu Slide 3- chùa Keo)*  *Yêu cầu 4 nhóm lên trình bày phần chuẩn bị (Chiếu Slide 4- yêu cầu BT của các nhóm)*  *- Nhóm 1: Giới thiệu về vị trí chùa Keo (Thuyết trình )*  *GV đặt 1 số câu hỏi để làm rõ các nội dung*  *? Tại sao ngôi chùa đặt trên đất của làng Giao tự nhưng lại là ngôi chùa chung của 2 thôn?*  - HS: nhận xét, bổ sung.  - GV giải thích, chốt kiến thức trên máy  - Gv mở rộng để HS hiểu về địa giới của 2 làng (Nguồn tư liệu)  *-Nhóm 2: Giới thiệu về nguồn gốc chùa Keo (Tại sao ngôi chùa thờ bà Keo) (Thuyết trình )*  *GV yêu cầu các nhóm khác bổ sung*  GV giải thích, mở rộng (chiếu Slide 5-ảnh tượng Bà Keo), chốt kiến thức:  *-Nhóm 3: Giới thiệu về kiến trúc của ngôi chùa (Thuyết trình có minh họa bằng hình ảnh )*  *GV yêu cầu các nhóm khác bổ sung*  *GV mở rộng: cho HS xem các hình ảnh về kiến trúc; các di vật (Chiếu slide 6-10)*  *GV chốt các kiến thức cơ bản* | **1. Di tích lịch sử chùa Keo**  **a. Tên gọi:** Chùa mang tên chữ là “Báo ân trùng nghiêm tự”. Chùa còn có tên nôm từ xa xưa là chùa Keo => 2 thôn gắn bó keo sơn (Thôn Giao Tất- Giao Tự).  **a. Vị trí địa lý**  Chùa Keo hiện nằm trên đất của thôn Giao Tự (tức làng Chè) song là ngôi chùa cổ của cả 2 thôn: Chè và Keo (tức là Giao Tự và Giao Tất) thờ cúng  **b. Nguồn gốc:**  **-** Ra đời cùng vớisự xuất hiện của trung tâm Phật giáo Luy Lâu (có niên đại khoảng 1000 năm)  - Thờ Bà Keo- Pháp Vân- một trong tứ pháp trong hệ thống thờ tự của Việt Nam  - Mục đích: Hướng con người theo đạo Phật từ bi, bác ái, khuyến thiện, trừ ác.  **c. Kiến trúc**  - Cổng vào, sân, thượng điện, Tam bảo, nhà mẫu, nhà tổ và khu vường tháp mộ sư.  - Di vật quý hiếm: 6 tấm bia đá với nên đại chính ở đầu thời Lê; Chuông đồng được đúc năm cảnh Thịnh 2(1794); 8 đạo sác phongtrong đó có sắc phong cho bà Keo (Pháp Vân); gần 50 pho tượng trong đó có nhiều tượng quý hiếm được tác ở đầu thời Lê và đầu thể kỉ XIX. |

**Hoạt động 2. Tìm hiểu về di tích nghè Keo (còn gọi là Đền Keo) (8’)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và hoc sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| *Nhóm 4: Giới thiệu về nghè Keo (Đền Keo)*  Các nhóm bổ sung  GV chiếu hình ảnh nghè Keo **(slide 11)**, chốt kiến thức **(slide 12)** | **2. Di tích nghè Keo.**  - Thờ Thành Hoàng làng là Tướng quân Đào Phúc và vợ là Tiên Anh công chúa.  - Thờ Đỗ Công, người làng Giao Tất, ông đã làm tới chức Thiếu Bảo quận công, Thượng tướng quân.  - Thờ hai ông bà Đinh Dự và Mãn Đường Hoa-Tổ của nghề hát ca trù.  => Được xếp hạng di tích quốc gia vào năm 1993 |

**Hoạt động 3. Tìm hiểu về ý nghĩa của di tích trong đời sống của nhân dân địa phương:( (12)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và hoc sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| ? Người dân thường đi lễ chùa vào khi nào? Cầu mong điều gì?  GV chốt các kiến thức cơ bản **(slide 13)**  ? Em hãy kể những đóng góp của di tích chùa Keo với lịch sử dân tộc  - GV chốt các kiến thức cơ bản **(slide 14)**  - GV: dẫn, chuyển mục c.  - GV: **Vậy chúng ta phải làm gì để đền đáp công ơn của những người có công?**  - HS trình bày.  - GV chốt.  - Chiếu: Hình ảnh lễ hội nghè Keo, chùa Keo***.* (slide 15)**  - Những hoạt động của học sinh góp phần giữ gìn khung cảnh xanh, sạch, đẹp của khu di tích. | **2. Ý nghĩa của di tích trong đời sống của nhân dân địa phương.**  **a. Giá trị văn hóa:**  - Hướng con người là từ bi, bác ái, khuyên thiện, trừ ác.  - Chùa gắn liền với cảnh sắc quê hương, với con người Giao tất, Giao Tự  - Chùa như một trung tâm đoàn kết cư dân trong vùng .  - Trước cách mạng Tháng Tám chùa là trường dạy học cho con em trong xã  **b. Giá trị lịch sử:**  - Vào những ngày tổng khởi nghĩa, chùa Keo là nơi tập hợp quần chúng, tiêu trừ Việt gian, là nơi ở của đợn vị “Vệ quốc đoàn” để tiêu diệt địch.  - 1945- 1946: Chùa Keo Là nơi ẩn nấp, nuôi dưỡng những đồng chí lãnh đạo CM  - 1954 chùa Keo được chọn là địa điểm họp của ủy ban kháng chiến khu Nam Đuống về kế hoạch chỉ đạo, vận động nhân dân trong vùng đấu tranh chống thực dân Pháp.  - Trong kháng chiến chống Mỹ, chùa Keo là nơi che chở cho nhiều cơ quan nhà nước đến sơ tán .  **c. Những hoạt động văn hóa của nhân dân tại di tích chùa Keo, nghè Keo**  - Tổ chức lễ hội hàng năm  - Tham gia vào việc bảo vệ tu tạo và giữ gìn di tích lịch sử  - Học tập tốt xây dựng quê hương đất nước giàu mạnh |

**3. Củng cố và luyện tập (8’)**

**-** GV nhắc lại KTCB của bài. Nhấn mạnh vị trí, vai trò của khu di tích.

- Yêu cầu học sinh đóng vai hướng dẫn viên du lịch giới thiệu về di tích nghè Keo, chùa Keo

**4. Hướng dẫn học :**

Tìm hiểu và sưu tầm về các di tích lịch sử trên địa bàn xã Kim Sơn

**RÚT KINH NGHIỆM**

…………………………………………………………………………………….

…………………………………………………………………………………….

…………………………………………………………………………………….

# 22. LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG XÃ LỆ CHI

# HUYỆN GIA LÂM – TP HÀ NỘI

# PHẦN I. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ XÃ LỆ CHI –

# HUYỆN GIA LÂM – TP HÀ NỘI

Xã Lệ Chi nằm ở bờ Nam sông Đuống, cửa ngõ phía Đông Nam, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Phía Tây Bắc giáp với xã Kim Sơn; phía Nam và Đông Nam giáp xã Xuân Lâm, Chí Quả, Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh; phía Tây Bắc giáp xã Trung Mầu, phía Bắc giáp xã Tri Phương, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Xã Lệ Chi hiện nay vốn là một vùng đất cổ, thuộc bộ Vũ Ninh thời Việt Cổ, vốn là một vùng thuộc đất Kinh Bắc xưa.

Lệ Chi thuộc tổng Cổ Biện, huyện Gia Lâm, phân phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Năm 1912, Lệ Chi thuộc tổng Cổ Giang, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh. Sau năm 1947 thực dân Pháp chiếm đóng lập đồn bốt (Bốt Tiếu) khu Cổ Giang chia làm 2 xã (dưới sự chỉ đạo của khu Cổ Giang): Xã Hưng Thành gồm các thôn Sen Hồ, Kim Hồ, Cổ Giang và Gia Lâm. Xã Trung Hà gồm 2 thôn Chi Nam và Chi Đông. Đầu năm 1948, hai xã Hưng Thành và Trung Hà lại sát nhập làm một, đổi tên là xã Toàn Thắng. Tháng 2-1965, xã Toàn Thắng được đổi tên thành xã Lệ Chi thuộc huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Hiện nay xã Lệ Chi có 6 thôn gồm Chi Đông, Chi Nam, Gia Lâm, Cổ Giang, Sen Hồ, Kim Hồ và 1 Tổ dân phố Toàn Thắng. Dân số trên 12003 nghìn người, 3197 hộ. Diện tích tự nhiên 810ha, đất canh tác 425ha.

Hiện nay nhân dân xã Lệ Chi đã và đang đẩy mạnh phát triển sản xuất sau dồn điền đổi thửa, chuyển dịch cây giống cây trồng vật nuôi theo mô hình kinh tế trang trại, an ninh chính trị, trật tự trị an ổn định, thu nhập bình quân đầu người năm sau cao hơn năm trước. Văn hóa, văn nghệ - TDTT được duy trì và ngày càng phát triển.

# PHẦN II. TÌM HIỂU VỀ ĐÌNH - CHÙA THÔN GIA LÂM, XÃ LỆ CHI - HUYỆN GIA LÂM – TP HÀ NỘI

1. **Giới thiệu về di tích.**
2. **Vị trí địa lý:**

Ngôi đình xưa quay hướng Đông, xung quanh đình có đường rước mỗi khi làng mở hội. Trước đình có hai cây gạo cổ thụ, bên trái là ao đình, bên phải là văn chỉ. Cạnh văn chỉ là giếng cổ hình tròn mà dấu tích còn đến ngày nay là những chân đá tảng lớn.

Ngôi chùa được xây dựng trên vị trí đắc địa đầu làng nằm ở phía Tây thôn Gia Lâm - xã Lệ Chi, ngôi chùa nhìn ra hướng Nam. Diện tích 1,5 ha

1. **Nguồn gốc:**

Đình Gia Lâm, thờ Đặng Cư Sỹ người có công với dân với nước. Bản thần tích bằng đá tại thôn Gia Lâm đề niên hiệu Hồng Phúc thứ nhất (1572) đã cho biết rất rõ về thanh thế sự nghiệp của vị thần hoàng là Đặng Cư Sỹ. Ngài đời đời được các triều vua ban phong mỹ tự và chỉ thị cho dân thờ cúng bởi những công lao của ngài đối với dân, đặc biệt là dân thôn Gia Lâm. Đặng Cư Sỹ đã có công giáo hóa dân, mở trường dạy học thời bình, đánh giặc giữ yên bờ cõi thời loạn. Khi ngài mất vẫn hiển linh phò vua Trần, vua Lê đánh giặc, giúp nước. Bởi vậy các triều đại đều phong ngài làm Thượng đẳng thần.

Chùa Gia Lâm có tên chữ là *“Diên Phúc tự’’* còn được gọi là chùa dưới để phân biệt với chùa trên *“Khánh Lâm tự’’*. Di tích đình Gia Lâm - chùa Diên Phúc là trung tâm sinh hoạt văn hóa cộng đồng, nơi hướng con người đến cái thiện, tránh xa điều ác. Cụm di tích đã được Bộ Văn hóa và Thông tin ra quyết định xếp hạng năm 1994.

**c. Kiến trúc:**

Về kiến trúc, đình được dựng theo kiểu chữ nhị gồm đình Thượng, đình Hạ đều năm gian, hai dĩ. Đình Thượng nối với hậu cung ba gian, mái đình có đao cong trang trí hình phượng. Đây là một ngôi đình cổ bảo lưu được những nét đẹp kiến trúc xây dựng đình, chùa của cha ông xưa.

Hiện nay, đình chỉ còn phần hậu cung mới được tu tạo. Đình Gia Lâm còn lưu giữ được những hiện vật và đồ thờ tự rất quý hiếm so với các di tích khác quanh vùng. Các ngày hội của đình Gia lâm gồm: Ngày 10 tháng giêng lễ khai hạ; ngày 11 tháng 2 ngày sinh Đức Thánh Mẫu hội ba ngày rước ở nghè về đình, đình về nghè; ngày 10 tháng 3 đại hội mừng công, mở hội 10 ngày, bánh dày, mía, ăn mặc như ngày xưa, 22 người phù giá; ngày 19 tháng 3 rước lên chùa Xuân Quan lễ đại thỉnh pháp thỉnh phật, hát cửa đình; ngày 10 tháng 8, ngày hóa, tế lễ, gói bánh chưng đường mật.

Theo lời kể của dân làng trước đây chùa Diên Phúc tự có quy mô khang trang, rộng rãi. Sau tam quan là hai dãy nhà năm gian đối diện nhau qua một sân lát gạch Bát Tràng. Chùa chính còn tương đối nguyên vẹn.

Chùa chính được dựng theo kiểu chữ đinh, ba gian hai dĩ, hậu cung hai gian có kết cấu kiểu vì chồng rường làm theo lối cổ. Phần trạm khắc trang trí trên kiến trúc tập trung vào các bức cốn ở gian giữa và phần nối giữa chùa chính và hậu cung. Những nét chạm hoa văn hình hoa lá cách điệu. Hậu cung là một nếp nhà hai gian là nơi tọa lạc của các vị Phật và Thập Điện Diêm Vương. Chùa Thiên Phúc hiện nay còn bảo lưu những di vật văn hóa quý giá như chuông *“Diên Phúc Tự chung’’* đúc ngày tốt tháng 2 niện hiệu Minh mệnh (1863), do Nhiên học Lê Văn Trác viết chữ. Bia *“Hậu phật bi ký’’* dựng ngày 01 tháng 8, niên hiệu Khải Định 5 (1920), 5 pho tượng gỗ và nhiều đồ thờ có giá chị như bát nhang cổ, độc bình cổ, mâm đồng...

1. ***Ý nghĩa trong đời sống của nhân dân địa phương:***

Thành hoàng làng vị thần được mọi người dân trong làng tôn kính. Vị thần này được thờ trong đình làng với hy vọng về cuộc sống an lành, mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt.

Thành hoàng làng được coi là phúc thần của người dân, tín ngưỡng thờ thành hoàng làng ở từng địa phương ngày càng bám rễ sâu trong tiềm thức mỗi người dân Việt nói chung và nhân dân thôn Gia Lâm nói riêng.

Đình làng Gia Lâm thờ Thành hoàng làng ngài có tên Đặng Cư Sỹ người có công với dân với nước. Trong tư tưởng mỗi người dân thôn Gia Lâm - Thành hoàng làng có khả năng làm cho mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, giúp cho người dân có cuộc sống an khang thịnh vượng và luôn may mắn. Chính vì vậy ngôi đình làng thờ vị Thành hoàng làng trở thành biểu tượng tâm linh được tôn sùng, là chỗ dựa tinh thần vững chắc với bất kỳ người con nào của làng, từ những em học sinh, đến những sinh viên các trường trung cấp, cao đẳng, đại học, hay những người con xa xứ đều có niềm tin vô bờ khi đứng trước ngôi đình hay trong những ngày lễ hội. Họ trở về với làng quê, đi lễ đình, nghè đều mang theo một niềm tin tưởng vào thế lực siêu nhân, niềm tin vào sức mạnh của Thành hoàng làng. Niềm tin đó là việc ban phúc, độ trì cho những người hiền lành lương thiện. Trừng phạt những kẻ độc ác, gây hại cho người khác. Hay mỗi khi ai đó có việc oan ức đều tìm đến đình làng với ước muốn được chứng giám giải oan. Chính bởi những điều đó mà việc thờ Thành hoành làng ở đình thôn Gia Lâm luôn mang giá trị tích cực, nó giúp cho người dân trong thôn cảm thấy tinh thần thoải mái, vui vẻ, yêu hơn quê hương làng xóm và đát nước mình. Lễ hội ngày mùng 10 tháng 3 hàng năm của làng là lễ hội tưởng nhớ, biết ơn công đức của ngài. Điều này cũng góp phần gìn giữ và lưu truyền đạo lý tốt đẹp qua bao nhiêu thế hệ. Gắn với Thành hoàng làng - lễ hội mùng 10 tháng 3 là một hoạt động văn hóa truyền thống mang đậm bản sắc địa phương thôn Gia Lâm.

Từ bao đời nay với những người con làng Gia Lâm ngôi chùa Diên Phúc tự đã in sâu vào trong tâm thức họ bởi chùa là nơi tĩnh lặng, linh thiêng, nơi mọi người đến nương nhờ đưc phật để tìm chút bình an trong cuộc sống cầu xin hạnh phúc cho gia đình. Khi đời sống xã hội ngày càng được nâng cao, cuộc sống càng hiện đại thì giường như những người con của làng lại hướng tâm hồn mình vào gần hơn với phật, gần hơn với cửa chùa. Chùa làng Gia Lâm là nơi thờ tự của đạo phật, nó giữ một vị trí đáng kể trong đời sống tín ngưỡng người dân trong làng. Các vị thánh, thần được thờ ở chùa có thể là nhiên thần, nhân thần và có ban thờ mẫu. Đặc biệt ban thờ hậu, người dân đưa vong lên chùa khiến một số lượng lớn người bình dân được thờ cúng trong chùa, đưa người dân xích lại gần hơn đời sống thường nhật. Trong tháng lễ Vu Lan ngôi chùa làng Gia Lâm luôn tấp lập, nhà nhà đốt vàng mã cúng tổ tiên đồng thời làm phúc cúng các vong hồn cô quả. Điều này đã ăn sâu trong tâm thức mỗi người giúp cho người dân tĩnh tâm yên lòng với những người đã khuất. Ngày rằm mùng một họ lên chùa với mong muốn cầu bình an, cầu phúc khi hành lễ, các nghi lễ mà người dân trong thôn thường làm vào các dịp như dâng sớ cầu an, cúng sao giải hạn, đội bát nhang, cắt giải tiền duyên. Các nghi lễ này tùy theo tính chất được thực hiện trước ban thờ phật hoặc ban thờ mẫu. Có nhiều nguyên nhân, song có một nguyên nhân chính đó là sự xuất phát từ nhu cầu tâm linh của mỗi người dân trong làng, điều này cũng như một số ngôi chùa ở các địa phương khác. Việc làm này mang nhiều ý nghĩa trả hiếu cho ông bà, cha mẹ, thể hiện tình cảm trách nhiệm với quê hương, tỏ lòng thành kính với đức phật. Hiện nay người dân thôn Gia Lâm hầu như lên chùa quanh năm như dịp đầu năm, lễ hội, những ngày lễ chính của phật đản, ngày rằm và mùng một, lượng người đến chùa tăng lên nhiều dù họ đang sống trong xã hội phát triển mạnh. Phải chăng ngôi chùa trong tâm thức mỗi người dân làng Gia Lâm nói riêng là nơi bình yên nhất bởi ở đó họ tự nguyện khấn cầu trước phật sức khỏe, công danh, tài lộc đó là ước mong tự nhiên mà họ gửi gắm tin tưởng chốn linh thiêng.

Những giá trị truyền thống tốt đẹp của vùng đất Lệ Chi được hun đúc qua chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, được bồi đắp qua các thế hệ, tạo thành sức mạnh tinh thần to lớn để người dân nơi đây vượt qua những khó khăn, thử thách, xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp. Trong thời kì cách mạng mới, Đảng bộ và nhân dân xã Lệ Chi cùng nhau đoàn kết vượt qua mọi khó khăn, viết tiếp những trang sử mới, góp phần làm rạng rỡ quê hương, xây dựng Lệ Chi ngày càng vững mạnh, giàu đẹp.

**PHẦN III. GIÁO ÁN DẠY HỌC**

**TÌM HIỂU VỀ ĐÌNH - CHÙA THÔN GIA LÂM, XÃ LỆ CHI – HUYỆN GIA LÂM – TP HÀ NỘI**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Khái quát về đình - chùa thôn Gia Lâm.

- Quy hoạch đình chùa.

- Hiểu biết về các di tích lịch sử tiêu biểu của xã Lệ Chi.

**2. Kĩ năng:**

Bồi dưỡng kĩ năng quan sát, nhận xét về một sự kiện lịch sử, biết quan sát và nhận biết.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục cho H/S lòng yêu mến và tự hào về truyền thống ngàn năm của Lệ Chi, tình cảm chân trọng và biết ơn các thế hệ cha ông, những người đã đóng góp mồ hôi xương máu, công sức và của cải làm nên những trang sử vẻ vang của Lệ Chi nói riêng và Hà Nội nói chung.

- Giáo dục ý thức trách nhiệm, động viên khuyến khích H/S có hành động đúng đắn, biết tôn trọng và bảo vệ những di tích lịch sử của xã Lệ Chi mến yêu.

**II. Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên:**

- Tài liệu lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã Lệ Chi.

- Tranh ảnh về đình - chùa, lễ hội thôn Gia Lâm.

**2. Học sinh:**

- Tìm hiểu về đình - chùa thôn Gia Lâm.

- Sưu tầm tranh ảnh về đình - chùa và lễ hội thôn Gia Lâm.

**III. Tiến trình dạy học:**

**1.Ổn định tổ chức**

**2. Bài mới: (1’)**

Gv giới thiệu bài mới

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV và HS | ****Kiến thức cần đạt**** |
| Hoạt động 1: Tìm hiểu về ngôi đình thôn Gia Lâm (20’) | |
| **(?) Qua tìm hiểu em hay cho biết đình Gia Lâm thờ ai?** **- Hs trả lời.****(?) Em hãy nêu những công lao của ông đối với dân, với nước?****- Hs trả lời.****- GV: Khi ngài mất vẫn hiển linh phò vua Trần, vua Lê đánh giặc, giúp nước.****(?) Đình được xây dựng như thế nào?** **- H/S dựa vào bài thuyết minh miêu tả.** **- GV: Đây là ngôi đình cổ bảo lưu được những nét đẹp, kiến trúc xây dựng đình, chùa của cha ông xưa.Hiện nay đình chỉ còn phần hậu cung mới được tu tạo. Đình còn lưu giữ được những hiện vật và đồ thờ tự rất quý hiếm so với các di tích khác quanh vùng.** **- GV: Giới thiệu tranh ảnh đình Gia Lâm.****- H/S quan sát tranh ảnh.** **(?) Lễ hội của đình Gia Lâm được tổ chức vào những ngày nào?** **- Hs trả lời.****- GV: Giới thiệu tranh ảnh lễ hội đình Gia Lâm.****- H/S quan sát tranh ảnh.** | ****I- Đình Gia Lâm:********1-Đình thờ:******Đặng Cư Sỹ người có công với dân, với nước.** ****2- Công lao:******- Giáo hóa dân.****- Mở trường dạy học thời bình.****- Đánh giặc giữ yên bờ cõi thời loạn.****+ Các triều đại đều phong ngài thượng đẳng thần.******3- Quy hoạch đình:******- Quay về hướng đông theo kiểu chữ nhị.****- Gồm đình thương, đình hạ đều năm gian, hai dĩ.****- Mái đình có đao cong trang trí hình phượng.******4- Các ngày lễ hội:******- Ngày 10 tháng giêng: lễ khai hạ.****- 11/2: Ngày sinh đức thánh mẫu, hội 3 ngày.****- 10/3: Đại hội mừng công.****- 19/3: Lễ đại thỉnh pháp, thỉnh phật.****- 10/8: Ngày hóa tế lễ.** |
| Hoạt động 2: Tìm hiểu về ngôi Chùa thôn Gia Lâm (17’) | |
| **(?) Em hãy cho biết tên gọi của chùa Gia Lâm?** **- Hs trả lời.****- Gv bổ xung: Theo lời truyền kể của dân làng trước đây chùa Diên Phúc có quy mô khang trang, rộng rãi. Sau tam quan là hai dãy nhà năm gian đối diện nhau qua một sân lát gạch Bát Tràng. Chùa chính còn tương đối nguyên vẹn.** **(?) Chùa chính được xây dựng như thế nào?** **- Hs dựa vào bài thuyết minh mô tả.** **- Gv cho Hs quan sát tranh ảnh về kiến trúc của chùa.** **- Hs quan sát tranh ảnh.****(?) Chùa Diên Phúc hiện nay còn được bảo lưu những di vật văn hóa nào?** **- Hs trả lời.****- Gv bổ xung: Được đúc vào ngày tốt tháng 2, niên hiệu Minh Mệnh (1836), do nhiên học Lê Văn Trác viết chữ.****- Gv bổ xung: Bia được xây dựng ngày 01/8, niên hiệu Khải Định 5 (1920).** **- Gv: như bát nhang cổ, độc bình cổ, mâm đòng...****- Gv cho Hs quan sát tranh ảnh các di vật văn hóa của chùa.** **- Hs quan sát tranh ảnh.****- Gv kết luận: Di tích đình Gia Lâm - chùa Diên Phúc là trung tâm sinh hoạt văn hóa cộng đồng, nơi hướng con người đến cái thiện, tránh xa điều ác.** | ****II- Chùa Gia Lâm:********1-Tên gọi:**** **Tên chữ là “ Diên Phúc Tự” còn được gọi là chùa Dưới để phân biệt với chùa trên “ Khánh Lâm Tự”.******2- Quy hoạch chùa:******- Dựng theo kiểu chữ đinh, ba gian hai dĩ.****- Hậu cung hai gian có kết cấu kiểu vì chồng rường làm theo lối cổ.** **- Phần chạm khắc trang trí tập trung vào các bức cốn ở gian giữa và phần nối giữa chùa chính và hậu cung.****- Nét chạm hoa văn hình hoa lá cách điệu.****- Hậu cung là một nếp nhà hai gian nơi tọa lạc của các vị phật và Thập Điện Diêm Vương.******3- Di vật văn hóa:******- Quả chuông “ Diên Phúc Tự Chung’’.****- Bia “ Hậu phật bi kí”.****- 5 pho tượng gỗ và nhiều đồ thờ có giá trị.****\* Cụm di tích đình – chùa Gia Lâm được Bộ văn hóa và thông tin ra quyết định xếp hạng di tích lịch sử năm 1994.** |

**3. Củng cố: (6’)**

**Chúng ta đã được tìm hiểu về đình – chùa thôn Gia Lâm. Nếu như có khách thập phương đến thăm vãn cảnh chùa, thì em sẽ giới thiệu gì với khách về đình – chùa của quê hương mình.**

**4. Hướng dẫn các hoạt động tiếp theo: (1’)**

**- Về nhà học bài. Tìm hiểu thêm về đình – chùa của các thôn khác.**

**-** Chuẩn bị bài sau.

**5. Rút kinh nghiệm:**

…………………………………………………………………………………….

…………………………………………………………………………………….

…………………………………………………………………………………….

…………………………………………………………………………………….

# 23. LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG XÃ PHÚ THỊ

# HUYỆN GIA LÂM – TP HÀ NỘI

# PHẦN I. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ XÃ PHÚ THỊ - HUYỆN GIA LÂM – TP. HÀ NỘI

Xã Phú Thị nằm ở bờ Nam sông Đuống. Phía Đông tiếp giáp với xã Kim Sơn; phía Tây là Quốc lộ 5; phía Bắc tiếp giáp với sông Đuống; phía Nam là xã Dương Xá. Xã Phú Thị hiện nay có diện tích 476 ha với trên 7000 dân. Trên địa bàn xã Phú thị có 2 tuyến giao thông huyết mạch liên tỉnh đi qua đó là đường 179 và đường 181. Các thôn của xã Phú Thị xuất hiện từ rất lâu đời. Qua nghiên cứu các thần phả ở các thôn thì thôn Tô Khê có từ đời Hùng Vương. Thôn Trân Tảo có từ thế kỷ thứ VI. Thôn Phú Thị và Hàn Lạc có từ trước thời Đinh. Đại Bản là thôn mới nhất cũng có từ thế kỷ 18. Lịch sử và nét đẹp của quê hương Phú Thị mang bản sắc của 2 dòng văn hóa Kinh Bắc và Thăng long. Cũng như nhiều làng xã của Việt Nam, 5 thôn của xã Phú Thị đều có hệ thống kiến trúc Đình làng thờ thần Hoàng làng và có chùa thờ Phật, tạo thành một quần thể Trong đó Đình làng Tô Khê; Đình, chùa thôn Phú Thị; Đình thôn Trân Tảo; Đình thôn Hàn Lạc đã được các cấp có thẩm quyền công nhận là di tích lịch sử và kiến trúc văn hóa, nghệ thuật.

Phú Thụy là quê hương của nhiều danh nhân lỗi lạc như: Hoàng Thái Hậu Ỷ Lan, 14 tiến sỹ nho học được lưu danh tại văn bia Quốc Tử Giám (Có Nhất môn tam Tiến sỹ. Đồng triều tứ thượng thư- tức là một nhà ba người đỗ tiến sỹ. Trong triều bốn thượng thư cùng làng ) và là quê hương của danh nhân Cao Bá Quát- người nổi tiếng về tài văn thơ và là thủ lĩnh của cuộc khởi nghĩa Mỹ Lương chống lại triều đình nhà Nguyễn.

# PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ LỊCH SỬ DANH NHÂN CAO BÁ QUÁT

# XÃ PHÚ THỊ - HUYỆN GIA LÂM – TP. HÀ NỘI

**1. Tiểu sử**

Cao Bá Quát sinh năm Kỷ Tỵ 1809, và mất năm Ất Mão 1855, tự là Chu Thần, hiệu là Cúc Đường và Mẫn Hiên, người làng Phú Thị, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh (ngày nay thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội), thân phụ là Cao Bá Tham, một nhà nho không đỗ đạt nhưng có tiếng khắp vùng. Ông muốn các con của mình sau này sẽ là những bậc hiền thần, nên đã lấy tên của hai học sĩ đời Chu cũng là hai anh em sinh đôi để đặt tên cho hai người con sinh đôi của mình là Cao Bá Đạt và Cao Bá Quát. Về sau này, người anh trai sinh đôi của Cao Bá Quát là Cao Bá Đạt đỗ cử nhân, làm tri huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, làm việc thanh liêm, mẫn cán, được dân chúng kính mến. Còn Cao Bá Quát, ngay từ ngày nhỏ đã nổi tiếng thông minh, học giỏi có tài văn chương xuất chúng. Năm 1821, khi đó ông mới 13 tuổi thi khảo hạch ở trường thi tỉnh Bắc Ninh nhưng không đỗ. Đến năm 1831 ông thi hương đỗ Á Nguyên nhưng khi duyệt xếp ông xuống hạng cuối cùng trong số 20 người đỗ Cử nhân. Sau đó trong chín năm, ba năm một lần vào kinh đô Huế dự thi Hội, Cao Bá Quát lần nào cũng hỏng. Năm 1841, ông được làm quan tỉnh Bắc Ninh và được tiến cử lên triều đình làm Hành tẩu ở bộ Lễ. Ông được cử làm sơ khảo trường thi Thừa Thiên vào Tháng 8 (âm lịch) năm đó. Thấy một số bài thi hay nhưng có chỗ phạm trường quy, ông cùng đồng sự là Phan Nhạ lấy son hoà muội đèn chữa giúp 24 quyển. Việc này bị phát giác, ông bị bắt giam vào ngục suốt thời gian dài. Sau khi được thả ông tham gia vao khởi nghĩa Mỹ Lương chống lại triều đình và bị phát giác rồi hi sinh.



**2. Những đóng góp của Cao Bá Quát**

**a.Về sự nghiệp chính trị**

Năm Tân Mão 1831, lúc đó Cao Bá Quát 22 tuổi, thi Hương đậu Á nguyên, nhưng khi Bộ duyệt lại, không biết do lỗi gì bị đánh tụt xuống cử nhân đội bảng, và hai lần đi thi hội đều bị đánh hỏng, từ đó Cao Bá Quát buồn không đi thi cử nữa mà đi ngao du non nước.

Đến năm Tân Sửu 1841, dưới thời Vua Thiệu Trị, quan đầu tỉnh Bắc Ninh biết tài của Cao Bá Quát, đề cử ông với triều đình, ông được triệu vào kinh sung chức Hành tẩu Bộ Lễ. Tháng 8 năm đó, ông được cử làm sơ khảo trường thi Hương ở Thừa Thiên, ông và bạn đồng sự là Phan Nhạ thấy bài của một số sỹ tử rất tốt mà vô ý bị phạm húy, bèn bàn với bạn lấy bút son hòa muội đèn chữa hộ, nhằm cứu vớt người tài, nhưng sự việc bị phát giác, ông và đồng sự bị bắt giam, và bị khép vào tội chết. Sau đó Cao Bá Quát được chính vua Thiệu Trị giảm cho tội chết và ông chỉ bị kết án ba năm tù và đầy đi Đà Nẵng.

Năm Giáp Thìn 1844, khi đó sứ bộ là Đào Trí Phú sang Tân Ba Gia (Indonesia) công cán, Cao Bá Quát được tha, cho đi theo sứ bộ để lập công chuộc tội. Xong việc trở về, Cao Bá Quát được phục chức cũ, rồi thăng làm chủ sự.

Năm 1847 (năm đầu đời vua Tự Đức), Cao Bá Quát lại được triệu vào kinh đô Phú Xuân (Huế), làm ở Viện hàn lâm. Ông được giao việc sưu tầm, sắp xếp thơ văn cho vua Tự Đức dùng, thời gian này Cao Bá Quát giao lưu với nhiều quan lại yêu thích thơ văn như Nguyễn Văn Siêu, Nguyễn Hàm Ninh, Đinh Nhật Thân v.v… Ngoài ra Cao Bá Quát cũng tham dự một số hoạt động văn hóa cung đình do vua Tự Đức chủ trì, trong thời gian này có khá nhiều giai thoại về Cao Bá Quát với vua Tự Đức và các quan chức trong triều, trong đó Cao Bá Quát được mô tả như là đem tài thơ văn để châm biếm những năng lực kém cỏi của một số đồng liêu, có người cho rằng, chính sự căm tức của một số quan lại, là lý do để các quan trong triều đẩy Cao bá Quát đi xa.

Năm Tân Hợi 1851, Cao Bá Quát phải rời kinh đô đi nhận chức Giáo thụ ở phủ Quốc Oai (ngày nay thuộc  huyện Quốc Oai, Hà Nội). Ở đây Cao Bá Quát lại phải chịu đựng sự hách dịch của Tổng đốc Sơn Tây là Nguyễn Bá Nghi, sau đó  Cao Bá Quát từ chức Giáo thụ trở về quê, sự việc trên diễn ra vào năm 1853, trong năm đó ở miền Bắc có nạn dịch châu chấu, mất mùa, đói kém, dân tình miền Bắc khổ cực, quan lại triều đình còn ra sức bóc lột nhân dân. Quá bất bình với triều đình, Cao Bá Quát bí mật tập hợp lực lượng chuẩn bị khởi nghĩa ở Hà Nội, nhưng việc bị bại lộ, ông bị triều đình truy nã. Lúc bấy giờ một dòng dõi của nhà Lê là Lê Duy Cự khởi binh chống lại triều đình, Cao Bá Quát liền đi theo Lê Duy Cự và làm quân sư cho Lê Duy Cự và tự mình xưng là Quốc sư. Khi tế cờ ra quân, chính Cao Bá Quát đã viết lá cờ đại hai câu: Bình Dương, Bồ Bản vô Nghiêu, Thuấn, Mục Dã, Minh Điều Hữu Vũ Thang” nghĩa là: “Đất Bình Dương đều có vua Nghiêu, vua Thuấn, nên đất Mục Dã và Minh Điều phải có những người chống lại như vua Vũ, vua Thang”. Nghĩa quân đánh chiếm được một số phủ huyện như Ứng Hòa, Thanh Oai, nhưng sau một số trận thua ở làng Đồng Dương (ngày nay là Thanh Oai Hà Nội) và làng Quyển Sơn (ngày nay thuộc Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, Cao Bá Quát cho đánh phủ Quốc Oai rồi, rồi rút sang vùng Vĩnh Tường đóng căn cứ ở Mỹ Lương. Triều đình đem quân ra đàn áp, trong một trận chiến đấu, Cao Bá Quát bị tên bắn trúng và chết trong đám loạn quân. Vua Tự Đức hạ lệnh chém đầu Cao Bá Quát, và bêu đầu ở khắp mọi nơi ở các tỉnh phía Bắc để làm gương răn đe kẻ khác, rồi bổ ra ném xuống sông. Vua Tự Đức còn hạ lệnh giết sạch cả nhà Cao Bá Quát, và chu di tam tộc.

Cao Bá Quát mất khi đó mới 45 tuổi, cái chết và cuộc đời của Cao Bá Quát lúc bấy giờ có tiếng vang lớn trong cả nước, nhất là ở miền Bắc, cái chết của Cao Bá Quát đã để lại niềm thương tiếc cho nhân dân thời bấy giờ và cho đến tận ngày hôm nay.

**b. Về sự nghiệp văn chương**

Cao Bá Quát là nhà thơ xuất sắc của Việt Nam thế kỷ XIX. Ngay từ nhỏ, Cao Bá Quát đã có giọng văn hùng hồn, ý tứ mạnh mẽ, thể hiện ý chí của người tài hoa. Lưu truyền rằng Cao Bá Quát thường nói: Trong thiên hạ có bốn bồ chữ, mình tôi chiếm hai bồ, anh tôi và bạn tôi, Nguyễn Văn Siêu, chiếm một bồ, còn bồ thứ tư chia cho mọi kẻ khác. Khi theo học ở trường Bắc Ninh, danh tiếng của Cao Bá Quát đã lừng lẫy khắp vùng. Nhà thơ Cao Bá Quát đã để lại cho đời nhiều bộ sách như Chu thần thi tập, Mẫn Hiên thi loại, Cúc Đường thi thảo thơ văn của ông dù viết bằng chữ Hán hay chữ Quốc âm đều có giá trị về nghệ thuật. Những bài ca phú của Cao Bá Quát cũng rất xuất sắc, đặc biệt là bài phú “Tài tử đa tình”, chỉ riêng một bài này thôi, cũng đủ nêu cao tên tuổi của Cao Bá Quát với nền văn học nước ta. Các tác phẩm văn học của Cao Bá Quát sau này được sưu tầm và khắc in là Cao Chu Thần văn tập, có giá trị văn chương, học thuật cao của tiến trình lịch sử văn học cận đại Việt Nam. Ông ca ngợi các anh hùng dân tộc: Phù Đổng Thiên vương, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi; trân trọng các nhà nho như Chu Văn An, Nguyễn Trãi. Ông cũng rất quan tâm đến phận của người lao động lầm than. Đặc biệt, một số bài chứng tỏ ông có tầm nhìn xa rộng, khác với những nhà nho, nhà thơ đương thời. Ông phàn nàn về lối học tứ chương “nhai văn nhá chữ”, ông cảm thấy cái nguy cơ xâm lược của bọn thực dân phương Tây (như trong bài Hồng mao hỏa thuyền ca). Nổi bật lên là một niềm ưu ái lo đời, khắc khoải vì không có cách gì làm cho thiên hạ thái bình:

“Thái bình vô nhất lược,  
 Lộc lộc sĩ vi nho”  
(Không có khó gì cho thiên hạ thái bình,  
Thẹn mình là anh nhà nho kém cỏi).

Đến ngày nay những tác phẩm của Cao Bá Quát vẫn sống mãi trong lòng người đọc. Những cố gắng sưu tầm sau này đã thu thập được trên một nghìn bài thơ, phú bằng chữ Hán và chữ Nôm của ông. Thư viện Khoa học Xã hội Việt Nam hiện có trên 12 tập mang tên Cao Chu Thần thi tập, Mẫn hiên thi loại, Cúc Đường thi thảo… Nhiều bài thơ chữ Hán của ông được nhiều thế hệ thuộc lòng. Và các sáng tác đó đã chứng tỏ Cao Bá Quát là một nhà thơ có bản lĩnh.

|  |  |
| --- | --- |
| **PHẦN III. GIÁO ÁN DẠY HỌC**  **DANH NHÂN** **CAO BÁ QUÁT**  **I. Mục tiêu bài học**  **1. Kiến thức:** **:**  Học sinh nắm đượcThân thế và sự nghiệp của danh nhân Cao Bá Quát.  **2. Kĩ năng:** Học sinh biết phân tích đánh giá một số sự kiện lịch sử, nhân vật lích sử  **3. Thái độ:** Học sinh biết trân trọng những giá trị lịch sử, có ý thức bảo vệ, giữ gìn quần thể khu di tích, khu tưởng niệm danh nhân Cao Bá Quát tại địa phương.  **II. Chuẩn bị**  - GV: Máy chiếu đa năng, giáo án, sách giáo viên, tư liệu về Cao Bá Quát.  - HS: Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh về Cao Bá Quát.  **III. Tiến trình bài học:**  ***1.Ổn định lớp : (1 phút)***  ***2. Bài mới : (1phút)*** | |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Hoạt động 1. Tìm hiểu thân thế của danh nhân Cao Bá Quát (15 phút)** | |
| \* Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu thân thế danh nhân Cao Bá Quát  - Em hãy quan sát những hình ảnh sau và cho biết tư liệu sau nói về ngôi làng nào?  ***- Slide 2: Máy chiếu hình ảnh Làng Sủi và một đoạn tư liệu nói về nơi sinh của Cao Bá Quát.***  - Hs xác định và trả lời  ***-*** Giáo viên chốt ngoài những nhân vật mà đã nêu ở trên em hãy kể thêm tên những nhân vật nổi tiếng từ ngôi làng này?  - Hs trao đổi nhóm theo bàn và kể trong 2 phút  ***-*** Giáo viên chốt: trong những người mà học sinh kể giáo viên nhấn mạnh đến Cao Bá Quát.  -  ***Slide3: Máy chiếu hình ảnh Cao Bá Quát***  - Giáo viên :Em biết gì về thân thế của Cao Bá Quát ?  - HS nêu những hiểu biết của mình  - Giáo viên chốt  - Giáo viên giải thích các tên gọi của Cao Bá Quát  - Em biết gì về Làng Phú Thụy ( Kẻ Sủi)?  - Giáo viên giảng về kẻ Sủi là một làng khoa bảng  Giáo viên ghi bảng chuyển ý  ***- Slide 4: Máy chiếu hình ảnh về Kẻ Sủi***  ***-*** Giáo viên chuyển ý | **1. Thân thế**  - Cao Bá Quát là người làng Phú Thị, huyện [Gia Lâm](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gia_L%C3%A2m), tỉnh [Bắc Ninh](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%AFc_Ninh); nay thuộc xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, TP [Hà Nội](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_N%E1%BB%99i).  - Đây là một làng khoa bảng xưa của nước ta |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu về sự nghiệp Cao Bá Quát 20 phút** | |
| ***-*** Em biết gì về cuộc khởi nghĩa của Cao Bá Quát?  - Hs trả lời  - HS nêu những câu chuyện đã sưu tập được về sự nghiệp Cao Bá Quát .  - Giáo viên kể chuyện thuở nhỏ của Cao Bá Quát  ***- Slide 5: Máy chiếu Cao Bá Quát nổi tiếng là thần đồng***  - Giáo viên tiếp tục năm [Tân Mão](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%A2n_M%C3%A3o) ([1831](https://vi.wikipedia.org/wiki/1831)) đời vua [Minh Mạng](https://vi.wikipedia.org/wiki/Minh_M%E1%BA%A1ng), ông [thi Hương](https://vi.wikipedia.org/wiki/Thi_H%C6%B0%C6%A1ng) đỗ Á Nguyên tại trường thi [Hà Nội](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_N%E1%BB%99i), nhưng đến khi duyệt quyển, bị [Bộ Lễ](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BB%99_L%E1%BB%85) kiếm cớ xếp xuống cuối bảng  xếp ông xuống hạng cuối cùng trong số 20 người đỗ [cử nhân](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C6%B0%C6%A1ng_c%E1%BB%91ng).  Năm [Nhâm Thìn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A2m_Th%C3%ACn) ([1832](https://vi.wikipedia.org/wiki/1832)), Cao Bá Quát vào [kinh đô Huế](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%E1%BB%91_%C4%91%C3%B4_Hu%E1%BA%BF) dự [thi Hội](https://vi.wikipedia.org/wiki/Thi_H%E1%BB%99i) nhưng không đỗ. Sau đó, ông vào kinh dự thi mấy lần nữa, nhưng lần nào cũng hỏng.  ***- Slide 6: Máy chiếu Cao Bá Quát chăm chỉ học tập***  ***-*** Giáo viên thuyết minh sự nghiệp của Cao Bá Quát từ năm 1841  ***- Slide 7: Máy chiếu Cao Bá Quát Làm giám khảo trường thi***  ***-*** Giáo viên thuyết giảng sự kiệnCao Bá Quát dùng muội đền chữa bài thi cho thí sinh phạm húy.  - ***Slide 8: Máy chiếu Cao Bá Quát bị bắt giam***  - Giáo viên thuyết giảng việc Cao Bá Quát bị bắt và được thả từ năm 1843 đến năm 1847  - HS lắng nghe  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu về cuộc khởi nghĩa chống nhà Nguyễn từ 1850  - Hs tìm hiểu  - Giáo viên chốt kiến thức và chuyển ý  - Em đã được học bài thơ nào của Cao Bá Quát?  - Hs trả lời  - Em biết gì về nhà thơ Cao Bá Quát?  - Hs trả lời  -Giáo viên kể chuyện hoàn cảnh sáng tác thơ văn của Cao Bá Quát và đọc một vài câu thơ tiêu biểu cho hs nghe  Gông dài!  Gông dài!  Mày biết ta chăng?  Ta chẳng có gì đáng hợp với mày cà!  Mày biết thế nào được ai phải ai trái!  Mày chẳng qua chỉ là cái máy làm nhục người đời mà thôi...:   * ***- Slide 9,10: Máy chiếu hình ảnh những tập thơ văn của Cao Bá Quát và tìm hiểu khái khoát nội dung 1 bài thơ mà đã chuẩn bị trước.***   - Em hãy nêu nhận xét của mình về nội dung bài thơ và đưa ra ý kiến của mình về nhà thơ danh nhân Cao Bá Quát?   * Hs nhận xét và đưa ra ý kiến * - Giáo viên chốt ý   - Giáo viên hướng dẫn Hs tìm hiểu nghệ thuật thơ văn Cao Bá Quát   * Em hãy nêu nhận xét của mình nghệ thuật thơ văn Cao Bá Quát?   - Hs nhận xét  - Giáo viên chốt ý thuyết giảng  - Giáo viên cho học sinh đóng tiểu phẩm “ Người trói người” cho cả lớp xem.  - Học sinh đóng vai trải nghiệm  ***-*** Giáo viên khái quát lại về Cao Bá Quát chuyển ý ***(*** ngày nay Cao Bá Quát là một danh nhân đất Việt được nhân dân mến phục tôn kính).  ***- Slide 11,12: Máy chiếu hình ảnh nơi thờ Cao Bá Quát.***  - Với vai trò là thế hệ học sinh tại chính quê hương của Cao Bá Quát em có suy nghĩ gì?  - Học sinh trình bày suy nghĩ.  ***-*** Theo em những việc làm để thể hiện lòng tôn kính của chúng ta đối với danh nhân Cao Bá Quát?  - Học sinh trả lời theo nhóm 2 người.  -  ***Slide 13,14: Giáo viên đưa máy chiếu hình ảnh học sinh chăm sóc công trình tưởng niệm.***  - Học sinh theo dõi | **2*.* Sự nghiệp**  ***a. Sự nghiệp chính trị***  - Ông là người học rộng tài cao, cương trực từng giữ chức vụ quan trọng trong triều.  - Từng tham gia lãnh đạo khởi nghĩa chống lại nhà Nguyễn.  ***b. Sự nghiệp văn chương***  - Cao Bá Quát là một nhà thơ lớn rất có bản lĩnh, đầy ý chí  - Cao Bá Quát là một nhà thơ trữ tình với một bút pháp đặc sắc |

**3. Củng cố: 5 phút**

- Giáo viên khái quát lại về thân thế và sự nghiệp của Cao Bá Quát.

- Học sinh trình bày lại kiến thúc bằng sơ đồ tư duy.

**4. Hướng dẫn các hoạt động tiếp theo**: **3 phút**

- Về nhà :Sưu tầm thêm các câu chuyện, giai thoại về Cao Bá Quát

- Chuẩn bị tiết học lịch sử địa phương tiếp theo.

**RÚT KINH NGHIỆM**

…………………………………………………………………………………….

…………………………………………………………………………………….

…………………………………………………………………………………….